

ĐỨC BAHÁ'U'LLAH



**THÁNH KINH THIÊN
LIÊN NHẤT**

KITAB-I-AQDAS



HỘI ĐỒNG TINH THẦN TÔN GIÁO BAHÁ'I VIỆT NAM
www.bahai.org.vn

MỤC LỤC

LỜI TỰA	2
LỜI GIỚI THIỆU	4
LỜI MÔ TẢ THÁNH KINH KITAB-I-AQDAS DO ĐỨC SHOGHI EFFENDI VIẾT. 11	
LỜI THÁNH KINH KITAB-I-AQDAS.....	14
MỘT SỐ VĂN BẢN DO ĐỨC BAHÁ'U'LLAH MẶC KHẢI BỔ SUNG VÀO KITAB-I-AQDAS	51
KINH BẢN ISHRAQAT ISHRAQ THỨ TÁM.....	52
BẢN KINH CẦU NGUYỆN BẮT BUỘC DÀI NHẤT	52
BẢN KINH CẦU NGUYỆN BẮT BUỘC DÀI TRUNG BÌNH	56
BẢN KINH CẦU NGUYỆN BẮT BUỘC NGẮN NHẤT	57
KINH CẦU CHO NGƯỜI QUA ĐỜI.....	57
VẤN VÀ ĐÁP	58
KHÁI YẾU VÀ PHÁP ĐIỂN	77
I. VIỆC CHỈ ĐỊNH ĐỨC ABDUL-BAHA LÀM ĐĂNG KẾ VỊ ĐỨC BAHÁ'U'LLAH VÀ ĐĂNG GIẢI THÍCH CÁC GIÁO LÝ CỦA NGÀI.	77
II. DỰ LIỆU VỀ CƠ CẤU ĐỨC GIÁO HỘ	77
III. CƠ CẤU TÒA CÔNG LÝ	77
IV. CÁC LUẬT, LỆNH VÀ KHUYẾN CÁO:.....	77
A. CẦU NGUYỆN	77
B. CHAY GIỚI.....	79
C. CÁC LUẬT VỀ TÌNH TRẠNG CÁ NHÂN:.....	80
D. CÁC LUẬT, LỆNH VÀ KHUYẾN CÁO LINH TINH:	84
V. CÁC CHỈ GIÁO, KHIÊN TRÁCH VÀ CẢNH CÁO ĐẶC BIỆT	88
VI. CÁC VẤN ĐỀ LINH TINH	88
CHÚ THÍCH	90
CÁC CHÚ THÍCH BẰNG CHỮ KHÁC	142
DANH TỪ CHUYÊN MÔN.....	143

LỜI TỰA

Năm 1953, Ngài Shoghi Effendi, Đức Giáo hộ Chánh Đạo Baha'i, đã đưa vào Kế hoạch Mười Năm một mục tiêu là biên soạn quyển Khái yếu và Pháp điển Thánh Kinh Kitab-i-Aqdas là bước mở đầu chính yếu cho việc phiên dịch Bộ Thánh Kinh này. Chính Ngài thực hiện việc lập điển chế, nhưng đã không kịp hoàn thành khi Ngài qua đời năm 1957. Việc làm này được tiếp tục dựa trên công trình của Ngài, và tập Khái yếu đã được phát hành năm 1973. Ấn bản ấy gồm có, ngoài phần Khái yếu và Pháp điển với các chú thích, phần sưu tập các đoạn trích trong Thánh kinh Kitab-i-Aqdas đã được Đức Shoghi Effendi dịch thuật và phổ biến trong nhiều sách khác nhau. Quyển Khái yếu và Pháp điển, và quyển Vấn và Đáp hợp thành phần phụ đính của Thánh Kinh Aqdas. Năm 1986, Tòa Công lý Quốc tế quyết định rằng đã đến lúc việc biên soạn bản dịch tiếng Anh toàn bộ Bộ Thánh kinh Thiên liêng Nhất vừa khả thi vừa cần thiết, và đặt mục tiêu hoàn thành trong Kế hoạch Sáu Năm 1986 -1992. Việc ấn hành bản tiếng Anh sẽ được nối tiếp bởi các bản dịch trong các ngôn ngữ khác.

Do nhận thức rằng Thánh kinh Kitab-i-Aqdas, nguyên là Thánh thư, nên phải được trình bày dưới dạng có thể đọc cho dễ và gây cảm ứng, không nặng với những chú thích và số chỉ dẫn như thường thấy trong các văn bản bác học. Tuy nhiên, để giúp người đọc theo được mạch văn và sự chuyển đề tài, ở đây đã có thêm sự phân đoạn sự phân đoạn này không thông dụng trong các tác phẩm văn chương Á Rập và những đoạn này đã được đánh số để dễ tra cứu và xếp thứ tự, cũng như để có sự đồng nhất tham khảo trong tất cả các ngôn ngữ mà tác phẩm này được ấn hành.

Tiếp sau nguyên bản Aqdas là phần sưu tập ngắn từ các Thánh thư của Đức Baha'u'llah bổ sung cho Thánh kinh Thiên liêng Nhất, và bản dịch phần Vấn và Đáp phổ biến ở đây lần đầu tiên.

Đức Shoghi Effendi đã nêu lên rằng bản dịch tiếng Anh của Thánh kinh Aqdas cần được “chú thích thật phong phú”. Chủ trương soạn lời chú thích ở đây tập trung vào những điểm có vẻ tối nghĩa đối với các độc giả không nói tiếng Á Rập, hoặc vì một số lý do khác cần làm sáng tỏ hoặc để cung cấp thông tin căn bản. Các chú thích không có mục đích bình giải sâu rộng về bản văn ngoài những yêu cầu căn bản này.

Các chú thích, đặt tiếp theo sau phần Khái yếu và Pháp điển, được đánh số theo thứ tự. Mỗi chú thích đều có câu trích từ đoạn văn liên hệ, và có ghi con số đoạn văn trong đó có điểm cần chú thích. Điều này sẽ làm dễ dàng việc tra cứu giữa đoạn văn và các chú thích, vừa giúp cho người đọc khi xem chú thích khỏi phải lật lại bản văn. Hy vọng rằng cách này sẽ đáp ứng nhu cầu của bạn đọc có căn bản và sở thích rất khác nhau.

Phần mục lục hướng dẫn tra cứu mọi đề tài trong sách.

Ý nghĩa và tính chất của Thánh kinh Kitab-i-Aqdas và phạm vi các đề tài trong Kinh này đã được Đức Giáo hộ mô tả cụ thể trong quyển lịch sử thế kỷ đầu của Chánh

Đạo Baha'i nhan đề "GOD PASSES BY" (Thượng Đế đi qua). Để giúp ích cho bạn đọc, các đoạn trích này được xếp trong phần tiếp theo ngay sau lời giới thiệu. Sách Khái yếu và Pháp điển được in lại trong Bộ Thánh Kinh được coi như là một sự trợ giúp khác để ta có cái nhìn bao quát về Bộ Thánh Kinh.

LỜI GIỚI THIỆU

Năm nay, năm thứ 149 Kỷ nguyên Baha'i, đánh dấu kỷ niệm Đệ bách Chu niên Thánh lễ Thăng thiên của Đức Baha'u'llah, Đấng mang Mặc khải toàn cầu của Thượng Đế với sứ mạng đưa nhân loại tới tuổi trưởng thành tập thể. Rằng dịp này sẽ được tưởng niệm bởi cộng đồng các tín đồ tiêu biểu cho mọi thành phần của nhân loại, đã được thiết lập khắp nơi trên địa cầu trong thời gian một thế kỷ rưỡi, là dấu hiệu về sức mạnh thống nhất được phóng ra do sự xuất hiện của Đức Baha'u'llah. Một bằng chứng khác về sự hoạt động của các sức mạnh này có thể thấy rõ ở mức độ mà nhân quan Đức Baha'u'llah đã hình dung tình trạng hiện hành của loài người trên nhiều phương diện. Đây là lúc cần kíp để ấn hành bản dịch chính thức đầu tiên bằng tiếng Anh quyển Mâu Kinh trong Mặc khải của Ngài, "Thánh kinh Thiêng liêng Nhất" của Ngài, quyển Thánh kinh trong đó Ngài thiết định Luật của Thượng Đế cho một kỳ Cứu độ sẽ kéo dài không dưới một ngàn năm.

Trong hơn một trăm bộ Thánh thư của Đức Baha'u'llah, thì Kitab-i-Aqdas có tầm quan trọng độc nhất. "Xây mới toàn thể thế giới" là lời công bố và sự thử thách của Sứ điệp Ngài, và Kitab-i-Aqdas là Hiến chương của nền văn minh thế giới mai sau mà Đức Baha'u'llah đã đến để lập nên. Các điều khoản trong Thánh kinh này hoàn toàn được đặt trên nền tảng do các tôn giáo xưa thiết lập, bởi vì chính Ngài đã phán: "Đây là nền Chánh Đạo bất biến của Thượng Đế, trường tồn trong quá khứ, trường tồn trong tương lai". Trong Mặc khải này các quan niệm của quá khứ được nâng lên một trình độ thức ngộ mới, và các luật xã hội được thay đổi thích hợp với thời đại đang rực sáng, tất cả được thiết định để đưa nhân loại tiến vào một nền văn minh thế giới mà sự huy hoàng hiện nay ít ai tưởng tượng nổi.

Trong sự xác định giá trị các tôn giáo xưa, Thánh kinh Kitab-i-Aqdas nhắc lại những chân lý vĩnh cửu mà tất cả các Đấng Sứ giả Thiêng liêng xưa đã phát biểu: sự nhất thể của Thượng Đế, tình yêu đối với kẻ láng giềng, và mục đích đạo đức của cuộc sống trần thế. Đồng thời Thánh kinh này cũng loại bỏ những lề luật tôn giáo cũ nay biến thành chướng ngại cho sự hình thành nền thống nhất thế giới và sự xây dựng lại xã hội loài người.

Luật của Thượng Đế cho kỳ Cứu độ này nhằm đáp ứng nhu cầu của toàn thể gia đình loài người. Có những luật trong Kitab-i-Aqdas chủ yếu qui vào các thành viên thuộc một thành phần nhất định của nhân loại và những người ấy có thể hiểu ngay, nhưng đối với dân chúng thuộc nền văn hóa khác thì có vẻ tối nghĩa khi họ đọc lần đầu. Chẳng hạn như luật cấm xưng tội trước con người, thì người gốc Thiên Chúa giáo hiểu được, nhưng những người khác có thể thấy bối rối. Nhiều luật liên hệ tới các kỳ Cứu độ trước, đặc biệt tới hai kỳ gần đây nhất, của Đức Muhammad và Đức Bab biểu hiện trong Kinh Quran và Kinh Bayan. Tuy vậy, dù một số phán lệnh của Thánh kinh Aqdas có sự ám chỉ tập trung như thế, nó cũng có ngụ ý chung. Thông qua Luật của Ngài, Đức Baha'u'llah lần hồi khai lộ ý nghĩa của những trình độ mới về tri thức và hành vi mà các dân tộc trên thế giới được kêu gọi phải vươn tới. Ngài đặt những chỉ dụ của Ngài trong một khung bình giải tâm linh, giữ mãi trong tâm trí người đọc cái nguyên lý rằng các luật này, bất kể thuộc vấn đề gì, đều phục vụ mục đích đa diện là đem lại sự an tĩnh cho xã hội loài người, nêu cao tiêu chuẩn nhân phẩm, mở rộng phạm vi thức ngộ của con người, và tâm linh hóa đời sống của mỗi người và mọi người. Từ đầu đến cuối, đây là mối liên hệ của linh hồn cá nhân với Thượng Đế, và sự thành đạt vận mệnh tâm linh đó là mục đích cao nhất của luật tôn giáo.

Chính Đức Baha'u'llah đã phán: “Đừng tưởng rằng Chúng Ta đã mặc khải cho các người một bộ luật suông. Song hơn hẳn thế, Chúng Ta khai niêm Bình Tuyền từ với những ngón tay quyền năng và uy lực”. Thánh kinh về Luật pháp Ngài là “lý chứng thuyết phục nhất đối với mọi người, và là bằng cứ về Đấng Đại Từ bi đối với tất cả những người ở trên trời và tất cả những người ở trên trái đất.”

Sự dắt dẫn vào vũ trụ tâm linh do Kitab-i-Aqdas khải lộ sẽ không đạt mục đích nếu Thánh kinh này không giúp cho người đọc làm quen với các cơ cấu minh giải và lập quy mà Đức Baha'u'llah đã liên kết bền vững với hệ thống luật đã được mặc khải. Vai trò độc đáo mà các Thánh thư của Đức Baha'u'llah cả chính Thánh kinh Kitab-i-Aqdas trao cho trưởng nam của Ngài, Đức Abdul-Baha, được đặt làm nền móng của sự hướng dẫn này. Nhân vật duy nhất này đồng thời là Đấng Gương mẫu về mẫu mực đời sống do Phụ thân Ngài truyền dạy, là Đấng Giải thích thẩm quyền được thiêng liêng cảm ứng về các Giáo lý của Đức Baha'u'llah, là Trung tâm và là Cốt lõi của Giao ước mà Đấng Sáng lập Mặc khải Baha'i thiết lập với tất cả những ai nhận biết Ngài. Hai mươi chín năm thuộc Thánh triều của Đức Abdul-Baha đã phú cho thế giới Baha'i một khối rực rỡ lời bình giải mở ra biết bao triển vọng thức ngộ mục đích của Phụ thân Ngài.

Trong Chúc thư và Giao ước của Ngài, Đức Abdul-Baha đã ban chiếc áo Giáo hộ Chánh Đạo và chức vụ Giải thích không sai lầm các giáo lý của Chánh Đạo cho cháu đích tôn của Ngài là Đức Shoghi Effendi, xác định thẩm quyền và bảo đảm về sự hướng dẫn thiêng liêng mà Đức Baha'u'llah đã ấn định cho Tòa Công lý Quốc tế về tất cả những vấn đề “đã không mặc khải rõ ràng trong Thánh kinh”. Tòa Giáo hộ và Tòa Công lý Quốc tế, theo lời Đức Shoghi Effendi, có thể được coi như những người “Kế vị Song hành” của Đức Baha'u'llah và Đức Abdul-Baha. Hai Tòa này là những Cơ cấu Quản trị Tối cao được thiết lập và dự liệu trong Kitab-i-Aqdas và được Đức Abdul-Baha khai triển rất công phu trong Chúc thư của Ngài.

Suốt ba mươi sáu năm dưới thánh triều của Ngài, Đức Shoghi Effendi đã dựng lên cấu trúc các Hội đồng Tinh thần Địa phương tức các Tòa Công lý được nêu trong Kitab-i-Aqdas, hiện ở trong giai đoạn thai nhi và với sự hợp tác của các Hội đồng này, làm nảy sinh sự thực thi có hệ thống Kế hoạch Thiêng liêng mà Đức Abdul-Baha đã đưa ra để quảng bá Chánh Đạo trên khắp thế giới.

Trên nền tảng cấu trúc quản trị vững mạnh này, Ngài cũng đã làm khởi động tiến trình chuẩn bị chính yếu cho cuộc bầu cử Tòa Công lý Quốc tế. Cơ quan này, thành hình năm 1963, được bầu bằng phiếu kín theo đa số do tín đồ Baha'i trưởng thành trên khắp thế giới thực hiện trong một cuộc bầu cử ba giai đoạn. Lời mặc khải của Đức Baha'u'llah, cùng với những lời giải thích và khai triển của Trung tâm Giao ước và Đức Giáo hộ Chánh Đạo, hợp thành những điều khoản tham chiếu bắt buộc của Tòa Công lý Quốc tế và là nền tảng của Tòa.

Còn về chính các giáo luật, sự nghiên cứu chín chắn cho thấy nó chi phối ba lãnh vực: mối liên hệ của cá nhân với Thượng Đế, những vấn đề vật chất và tâm linh trực tiếp đem lại lợi ích cho cá nhân, mối liên hệ giữa cá nhân với nhau, và giữa cá nhân với xã hội. Nó có thể được xếp theo những đề mục như sau: cầu nguyện và giữ chay, luật về tình trạng

cá nhân chi phối việc hôn nhân, ly dị và thừa kế; một loạt các luật, lệnh và điều cấm khác, cùng với các khuyến cáo khác; và sự loại bỏ một số luật và lệnh cụ thể của các kỳ Cứu độ trước. Một đặc điểm nổi bật là tính ngắn gọn của luật. Các luật này hợp thành hạt nhân của một phạm vi luật pháp rộng lớn sẽ diễn ra trong các thế kỷ sắp tới. Việc triển khai luật sẽ được thực hiện bởi Tòa Công lý Quốc tế dưới thẩm quyền được chính Đức Baha'u'llah ban cho. Đức Abdul-Baha đã minh giải nguyên lý này trong một Kinh bản của Ngài:

“Những vấn đề có tầm quan trọng chính yếu hợp thành nền tảng Luật pháp của Thượng Đế đã được ghi rõ trong Thánh kinh, nhưng các luật phụ thuộc thì giao cho Tòa Công lý Quốc tế. Sự minh triết trong điểm này là các thời đại không bao giờ giống như nhau, vì thay đổi là tính chất cần thiết và là đặc tính tất yếu của thế giới này, của thời gian và không gian. Bởi vậy Tòa Công lý Quốc tế sẽ có hành động xứng hợp...

Tóm lại, sự minh triết ở đây là trao quyền làm luật xã hội cho Tòa Công lý Quốc tế. Trong Hồi giáo cũng vậy, không phải mọi phán lệnh đều được mặc khải rõ ràng; trái lại không tới một phần mười của một phần mười được đưa vào Chính kinh; dù mọi vấn đề có tầm quan trọng chính yếu đã được nhắc tới rõ ràng, hẳn vẫn còn hàng ngàn luật khác chưa được qui định. Các luật này đã được các tu sĩ vào thời đại sau soạn thảo dựa trên quyền lực pháp lý Hồi giáo, và cá nhân các tu sĩ đã có những suy luận mâu thuẫn với các phán lệnh mặc khải nguyên thủy. Tất cả các luật này đã được áp dụng. Ngày nay quá trình suy diễn này là quyền của cơ cấu Tòa Công lý Quốc tế, những diễn giải và kết luận của các cá nhân học thức không có thẩm quyền trừ phi những điều ấy được Tòa Công lý Quốc tế chuẩn nhận. Sự khác nhau rõ ràng là thế này, rằng từ các kết luận và các điều chuẩn nhận của cơ cấu Tòa Công lý Quốc tế mà các ủy viên được công cử và được nhận biết bởi cộng đồng Baha'i toàn thế giới, thì không làm nảy sinh sự bất đồng; trong khi đó các kết luận của cá nhân các tu sĩ và các nhà thông thái chắc chắn sẽ dẫn tới sự bất đồng, tạo nên sự phân phái, chia rẽ và tan rã. Sự đồng nhất của Thánh ngôn sẽ tiêu hoại, sự thống nhất của Chánh Đạo sẽ biến mất, và Tòa nhà Chánh Đạo của Thượng Đế sẽ lung lay”.

Dù Tòa Công lý Quốc tế được cho phép chính xác là thay đổi hoặc thu hồi sự lập quy của Tòa khi các điều kiện xã hội thay đổi, như thế là đã đem đến cho luật Baha'i yếu tố quan trọng về sự uyển chuyển, Tòa không được Hủy bỏ hoặc thay đổi bất cứ điều luật nào đã được thiết định rõ trong Thánh kinh.

Cái xã hội, mà một số luật Aqdas được phác thảo cho, sẽ lần hồi thành hình, và Đức Baha'u'llah đã dự liệu việc áp dụng tiệm tiến luật Baha'i:

“Hẳn nhiên, luật của Thượng Đế giống như đại dương, và con cái loài người giống như cá, giá như loài người biết điều ấy. Tuy nhiên, khi áp dụng luật, ta phải tế nhị và khôn ngoan... Vì phần lớn loài người còn yếu đuối và rời xa mục đích của Thượng Đế, bởi vậy ta phải khéo léo và thận trọng trong mọi hoàn cảnh, để cho không xảy điều gì có thể gây lộn xộn và chia rẽ hoặc khơi dậy điều tiếng nơi kẻ vô tâm. Quả thực, lòng từ ái của Ngài lớn hơn cả vũ trụ và thiên ân Ngài trùm khắp mọi người sống trên trái đất. Ta phải dắt dẫn nhân loại đến đại dương thức ngộ thực sự trong tinh thần yêu thương và khoan dung. Chính Thánh kinh Kitab-i-Aqdas làm chứng hùng hồn về sự quan phòng đầy yêu thương của Thượng Đế.”

Nguyên lý chi phối sự áp dụng tiệm tiến này được nêu ra trong bức thư viết theo lệnh Đức Shoghi Effendi gửi một Hội đồng Tinh thần Quốc gia năm 1935:

“Các luật do Đức Baha’u’llah mặc khải trong Kinh Aqdas, mỗi khi được áp dụng và không trực tiếp xung đột với Dân luật trong xứ, tuyệt đối có tính bắt buộc đối với tất cả tín đồ hoặc cơ cấu Baha’i dù ở phương Đông hoặc phương Tây. Một số... luật phải được tất cả các tín đồ coi là áp dụng phổ biến và thiết yếu ngay bây giờ. Các luật khác được lập nên dự trữ cho tình trạng xã hội sẽ hiện lên từ những điều kiện hỗn loạn đang thịnh hành ngày nay... Điều gì không lập nên trong Aqdas, cùng với những vấn đề chi tiết và có tầm quan trọng thứ yếu xuất hiện khi áp dụng những luật đã được thiết định bởi Đức Baha’u’llah, sẽ được Tòa Công lý Quốc tế ban hành. Cơ quan này có thể bổ sung nhưng không bao giờ được Hủy bỏ hoặc sửa đổi tí gì những điều đã được Đức Baha’u’llah thiết định. Cả Đức Giáo hộ cũng không có quyền gì làm giảm hiệu lực bắt buộc hoặc xóa bỏ các điều khoản của một Thánh kinh Căn bản và Thiêng liêng như thế.”

Số luật bắt buộc đối với người Baha’i không tăng thêm do việc ấn hành bản dịch này. Đến lúc thích hợp, cộng đồng Baha’i sẽ được thông báo áp dụng thêm những luật bắt buộc nào đối với tín đồ, và mọi sự hướng dẫn hoặc lập quy bổ sung cần thiết cho việc áp dụng sẽ được cung cấp.

Nhìn chung, các luật trong Kitab-i-Aqdas đã được nêu lên một cách súc tích. Một ví dụ về tính súc tích này có thể thấy trong sự kiện là nhiều luật được diễn đạt như là áp dụng cho đàn ông, nhưng theo các tác phẩm của Đức Giáo hộ ta thấy rõ ràng, khi nào Đức Baha’u’llah ban bố một điều luật liên quan giữa người nam và người nữ, thì điều ấy được áp dụng mutatis mutandis (với sự thay đổi chi tiết cần thiết) giữa đàn bà và đàn ông trừ khi văn cảnh cho thấy là không được. Chẳng hạn như lời kinh Aqdas cấm người đàn ông kết hôn với vợ kế của cha mình (tức với mẹ kế) và Đức Giáo hộ đã chỉ ra rằng, người đàn bà cũng bị cấm kết hôn với cha kế. Sự hiểu biết này về các ngụ ý của luật có hiệu quả sâu rộng trong ánh sáng của nguyên lý Baha’i căn bản về sự bình đẳng nam nữ, và phải luôn luôn nhớ khi nghiên cứu Thánh kinh. Chuyện người nam và người nữ khác nhau trong một số đặc tính và chức năng là sự kiện không thể tránh trong thiên nhiên và khiến họ có thể bổ túc cho nhau trong một số lãnh vực của đời sống xã hội; nhưng đây là điều có ý nghĩa khi Đức Abdul-Baha phán rằng trong kỳ Cứu độ này “sự bình đẳng nam nữ đã được công bố một cách đầy đủ và minh bạch, ngoại trừ một số trường hợp không đáng kể”.

Mối liên hệ mật thiết giữa Kitab-i-Aqdas và các Thánh kinh của những kỳ Cứu độ trước cũng đã được nhắc đến. Đặc biệt mật thiết là với Kinh Bayan, Thánh kinh về Luật pháp do Đức Bab mặc khải. Điều này được minh giải trong mấy đoạn trích sau đây từ những bức thư viết theo lệnh Đức Giáo hộ:

“Đức Shoghi Effendi nghĩ rằng sự thống nhất của Mặc khải Baha’i như một tổng thể hoàn chỉnh bao gồm cả Chánh Đạo của Đức Bab là điều cần nhấn mạnh... Chánh Đạo của Đức Bab không thể tách rời khỏi Chánh Đạo của Đức Baha’u’llah. Dù các giáo lý của Kinh Bayan đã được bãi bỏ và được thay thế bằng luật Aqdas, nhưng bởi sự kiện đức Bab tự nhận là Đấng Tiên phong của Đức Baha’u’llah, chúng ta nên xem Tôn giáo của Ngài

với Tôn giáo của Đức Baha'u'llah như hợp thành một thực thể duy nhất, Tôn giáo trước mở đường cho sự xuất hiện của Tôn giáo sau.”

“Đức Bab công bố rằng luật của Ngài là tạm thời và tùy thuộc nơi sự chấp nhận của Đấng Biểu hiện sau. Đó là lý do tại sao Thánh kinh Aqdas của Đức Baha'u'llah chuẩn nhận một số luật trong Kinh Bayan, sửa đổi một số khác và bãi bỏ nhiều điều.”

Giống như Kinh Bayan được Đức Bab mặc khải vào khoảng giữa Thánh triều của Ngài, Đức Baha'u'llah đã mặc khải Thánh kinh Kitab-i-Aqdas năm 1873, khoảng 20 năm sau khi Ngài nhận điềm báo về Mặc khải của Ngài trong hầm giam Siyah-Chal ở Tihran. Trong một Kinh bản của Ngài, Ngài chỉ ra rằng ngay cả sau khi mặc khải Thánh kinh Aqdas, Ngài vẫn còn giữ Kinh ấy lại ít lâu trước khi gửi cho các đạo hữu ở Iran. Về sau chính Đức Shoghi Effendi đã thuật lại:

“Đức Baha'u'llah thiết lập, trong Thánh kinh Kitab-i-Aqdas, những Luật căn bản của Chánh Đạo Ngài, và khi Sứ mệnh Ngài sắp kết thúc, Ngài còn công bố tiếp theo một số những phán lệnh và nguyên lý cốt lõi của Chánh Đạo Ngài, bằng việc tái xác định những chân lý Ngài đã công bố từ trước, bằng sự triển khai và minh giải một số luật Ngài đã thiết định, bằng sự mặc khải tiếp những lời tiên tri và cảnh cáo, và bằng việc thiết lập những giới răn phụ để bổ sung cho những điều khoản trong Thánh kinh Thiêng liêng Nhất của ngài. Những điều này được ghi lại trong vô số Kinh bản, mà Ngài tiếp tục mặc khải cho đến những ngày cuối trong cuộc đời trần thế của Ngài...”

Trong số các tác phẩm ấy có quyển Questions and Answers (VẤN và ĐÁP), một tuyển tập được thực hiện bởi Zaynul-Muqarrabin, người sao chép giỏi nhất các Thánh thư của Đức Baha'u'llah. Sách chứa đựng những câu trả lời, do Đức Baha'u'llah mặc khải nhân những câu hỏi của nhiều tín đồ, hợp thành phần phụ đính quý giá cho Thánh kinh Kitab-i-Aqdas. Năm 1978, những Kinh bản giá trị nhất thuộc loại này đã được phổ biến bằng tiếng Anh, trong một tuyển tập nhan đề “Tablets of Baha'u'llah revealed after the Kitab-i-Aqdas” (Những Kinh bản của Đức Baha'u'llah được mặc khải sau Kitab-i-Aqdas).

Mấy năm sau khi mặc khải Thánh kinh Kitab-i-Aqdas, Đức Baha'u'llah cho gửi các bản thảo đến các đạo hữu Baha'i ở Iran, và vào năm 1308 A.H (1890 - 1891), lúc gần cuối đời, Ngài đã thu xếp việc ấn hành ở Bombay bản Thánh kinh gốc bằng tiếng Á Rập.

Cũng cần nói một đôi điều về văn phong trong đó Thánh kinh Kitab-i-Aqdas được chuyển sang tiếng Anh. Đức Baha'u'llah có biệt tài sử dụng tiếng Á Rập, thích sử dụng nó trong các Kinh bản và các Thánh thư khác khi sự chính xác về ý nghĩa đặc biệt xứng hợp để trình bày nguyên lý căn bản. Tuy nhiên, ngoài việc chọn ngôn ngữ, văn phong được sử dụng còn có tính chất cao cả và xúc động, vô cùng thuyết phục, đặc biệt đối với những người quen với truyền thống văn chương vĩ đại nơi Bộ Thánh kinh này ra đời. Khi đàm trách công tác dịch thuật, Đức Shoghi Effendi đối diện với sự thử thách là tìm thể văn tiếng Anh không những truyền đạt trung thực sự chính xác ý nghĩa của Thánh kinh, nhưng còn khơi lên nơi độc giả tinh thần tôn nghiêm suy tưởng, đó là nét nổi bật của sự đáp ứng với chính văn. Hình thức diễn đạt mà Ngài chọn, gọi lại văn phong được dùng bởi các dịch giả Kinh thánh hồi thế kỷ thứ 17, nắm bắt được cách thức cao cả trong tiếng Á Rập của Đức Baha'u'llah, đồng thời vẫn giữ được sự liên hệ với độc giả đương thời. Hơn nữa, các bản

dịch của Ngài đều rực sáng bởi sự thức ngộ nhờ linh ứng độc đáo về nội dung và ý nghĩa của các bản gốc.

Dù tiếng Ả Rập và tiếng Anh là hai ngôn ngữ có từ vựng phong phú và cách diễn đạt đa dạng, hình thức của cả hai khác nhau rất xa. Tiếng Ả Rập của Thánh kinh Kitab-i-Aqdas nổi bật với tính cô đọng cao độ và cách diễn đạt súc tích. Đặc điểm của thể văn này là nếu nghĩa rộng đã hiển nhiên thì không cần phải giải rõ. Đây là vấn đề khó khăn đối với độc giả mà gốc văn hóa, tôn giáo và văn chương hoàn toàn khác với gốc tiếng Ả Rập. Một đoạn văn trong sáng trong tiếng Ả Rập có thể thành tối nghĩa trong tiếng Anh nếu dịch theo nghĩa đen. Bởi vậy cần phải thêm vào tiếng Anh những đoạn mà yếu tố câu Ả Rập trong bản gốc vốn có ý nghĩa trong sáng. Đồng thời, điều quan trọng là phải tránh suy đoán để không đi tới chỗ thêm thắt không chính đáng vào bản gốc hoặc hạn chế ý nghĩa của nó.

Một mặt, giữ cho được sự cân bằng đúng mức giữa cái đẹp và sự trong sáng trong cách diễn đạt, mặt khác giữ được tính văn học, đó là vấn đề lớn mà các dịch giả phải nắm vững, bởi vậy đã có sự xem xét lại nhiều lần trong khi dịch thuật một số đoạn. Một vấn đề lớn khác là phạm vi ý nghĩa pháp lý của một số thuật ngữ Ả Rập khác với những thuật ngữ tương tự trong tiếng Anh.

Rõ ràng là Thánh kinh đòi hỏi một sự thận trọng và trung thực đặc biệt trong dịch thuật. Điều này có tầm quan trọng tối cao khi dịch Thánh kinh về Luật pháp, mà điều thiết yếu là không khiến độc giả hiểu lầm hoặc bị cuốn vào vòng tranh cãi vô bổ. Đúng như đã tiên liệu, việc dịch thuật Thánh kinh Thiêng liêng Nhất là một công việc cực kỳ khó khăn, đòi hỏi phải hội ý với các chuyên gia ở nhiều nước. Vì khoảng một phần ba Bộ Thánh kinh đã được Đức Shoghi Effendi phiên dịch, điều cần thiết là phải cố gắng giữ được ba đặc điểm khi dịch thuật các đoạn còn lại: Sự chính xác trong ý nghĩa, vẻ đẹp của tiếng Anh, và sự phù hợp với văn phong của Đức Shoghi Effendi.

Hiện chúng ta lấy làm hài lòng rằng bản dịch đã đạt tới điểm tiêu biểu cho một sự chuyển ngữ chấp nhận được so với bản gốc. Tuy nhiên, chắc chắn nó sẽ khơi lên những câu hỏi và những đề nghị làm cho nội dung Bộ Thánh kinh sáng tỏ hơn. Chúng tôi biết ơn sâu xa đối với công lao chuyên cần và tỉ mỉ của ủy viên các ủy ban mà chúng tôi đã giao trọng trách biên soạn và duyệt lại bản dịch Thánh kinh Aqdas và thực hiện phân chú thích. Chúng tôi tin tưởng rằng bản dịch chính thức đầu tiên bằng tiếng Anh này của Thánh kinh Kitab-i-Aqdas sẽ giúp người đọc nhận được phần nào vẻ huy hoàng của bộ Mẫu kinh trong Mặc khải Baha'i.

Thế giới chúng ta đã bước vào chặng tăm tối nhất của thời đại đổi thay tận gốc rễ vượt hẳn những thời kỳ lịch sử náo động nhất. Tất cả các dân tộc, không phân biệt chủng tộc, quốc gia, hay tôn giáo, đang được thách thức để nhượng hết mọi sự trung thành nhỏ bé và mọi đặc tính có giới hạn cho sự thống nhất thành công dân của tổ quốc hành tinh duy nhất. Đức Baha'u'llah phán: “Hạnh phúc, hòa bình và nền an ninh của nhân loại sẽ không đạt thành, trừ phi và trừ khi nền thống nhất nhân loại được thiết lập vững chắc”. Cầu mong việc ấn hành bản dịch Thánh kinh Kitab-i-Aqdas này tạo nên một sức đẩy mới cho việc thực hiện linh kiến hoàn vũ này, mở ra viễn tượng hồi sinh cho cả thế giới.

TÒA CÔNG LÝ QUỐC TẾ

LỜI MÔ TẢ THÁNH KINH KITAB-I-AQDAS DO ĐỨC SHOGHI EFFENDI VIẾT

Trích trong sách GOD PASSES BY

(Thượng Đế đi qua), Lịch sử một trăm năm đầu của Tôn giáo Baha'í.



Dù độc đáo và vĩ đại, tuyên ngôn này chỉ là phần mở đầu cho một Mặc khải uy lực hơn về năng lực sáng tạo của Đấng Giáo tổ đó là sự ban hành Thánh kinh Kitab-i-Aqdas, một hành động được coi như có ý nghĩa nhất trong Thánh triều của Ngài. Gián tiếp được đề cập đến trong Kinh Kitab-i-Iqan (Kinh Xác tín), là kho tàng chính của Luật pháp mà tiên tri Ê-sai đã nghĩ tới, và tác giả sách Khải huyền đã mô tả như là “trời mới” và “đất mới”, là “Căn lều của Thượng Đế”, là “Thành phố Thánh”, là “Cô dâu”, là “Tân Jerusalem do Thượng Đế ban xuống”, bộ “Thánh kinh Thiêng liêng Nhất” này mà các điều khoản trong đó không thể bị vi phạm trong thời gian dưới một ngàn năm, mà hệ thống nêu rõ trong đó sẽ bao trùm khắp hành tinh này, có thể được coi như sự chiếu tỏa rực rỡ nhất của thần thức Đức Baha'u'llah, là Bộ Thánh kinh chính yếu của Chánh Đạo Ngài, và là Hiến chương của Ngài cho việc thiết lập một nền Trật tự Thế giới Mới.

Được mặc khải không bao lâu sau khi Đức Baha'u'llah được chuyển tới ngôi nhà của Udi Khammar (năm 1873) vào lúc mà Ngài còn bị vây phủ bởi các tai ương, nó dày vò Ngài do hành động của những kẻ thù nghịch Ngài và của những kẻ tuyên xưng là môn đồ Ngài, bộ Thánh kinh này của Ngài, cái Kho tàng này của Ngài, chứa đựng những bảo ngọc vô giá của Mặc khải Ngài, cùng với cơ cấu quản trị và nhiệm vụ giao phó cho Đấng Kế vị do Tác giả Thánh kinh này chỉ định, là một bộ Thánh kinh độc đáo và bất khả ti trong số các Thánh kinh của Thế giới. Vì, không giống như Cựu ước và các Thánh thư trước nữa, trong đó không có phán lệnh thực sự do chính miệng Đấng Tiên tri thốt ra; không giống như các sách Phúc âm, trong đó chỉ một số ít lời được gán là của Chúa Jesus, không đưa ra sự hướng dẫn rõ ràng liên quan đến việc quản trị các công vụ của Chánh Đạo trong tương lai; không giống như Kinh Quran, dù rất rõ ràng trong phần luật và lệnh do chính Đấng Tiên tri của Thượng Đế thiết lập, đã không nói gì về vấn đề tối quan trọng là sự kế vị, Thánh kinh Kitab-i-Aqdas được mặc khải từ đầu đến cuối do chính bàn tay của Đấng Sáng lập Chánh Đạo, không những dành cho hậu thế những luật và lệnh căn bản để làm nền tảng cho Nền Trật tự Thế giới sau này của Ngài, mà còn thiết đặt, bên cạnh nhiệm vụ thông giải dành cho Đấng Kế vị của Ngài, những Cơ cấu cần thiết nhờ đó mà hiệu lực và sự thống nhất của Chánh Đạo Ngài được bảo tồn.

Trong Hiến chương này của Nền Văn minh Thế giới mai sau, Đấng Giáo tổ đồng thời cũng là Đấng Phán xét, Đấng Ban bố Luật pháp, Đấng Hợp nhất, Đấng Cứu chuộc nhân loại thông báo cho các vua trên trái đất việc ban hành “Luật Tối đại”; cho biết họ là Vua chư hầu của Ngài; công bố chính Ngài là “Vua của các Vua”; phủ nhận chủ tâm đặt tay lên vương quốc của họ, dành cho Ngài quyền “nắm lấy và sở hữu tâm hồn con người”; nhắc nhở các nhà lãnh đạo tôn giáo trên thế giới không nên ước lượng giá trị “Thánh kinh

của Thượng Đế” theo các tiêu chuẩn hiện hành giữa họ; và xác định rằng chính Thánh kinh này là “cái Cân không sai lệch” được thiết lập giữa loài người. Trong đó Ngài chính thức cho lập cơ cấu “Toà Công lý”, định nghĩa các chức năng của Tòa, xác định nguồn thu nhập, và gọi các ủy viên của Tòa là “Người của Công lý”, là “Đại diện của Thượng Đế”, là “Người Thụ ủy của Đấng Đại Từ bi”; nhắc tới Trung tâm Giao ước sau này, và trao cho Đấng ấy quyền giải thích Thánh kinh của Ngài; báo trước việc thành lập cơ cấu Tòa Giáo hộ; làm chứng về ảnh hưởng đảo lộn của nền Trật tự Thế giới của Ngài; công bố giáo thuyết về “Tính Vô nhiệm Tối Đại” của Đấng Biểu hiện của Thượng Đế; xác nhận rằng tính vô nhiệm này là quyền cố hữu và đặc biệt của riêng Đấng Giáo tổ; và loại trừ khả năng xuất hiện của một Đấng Giáo tổ khác trước thời gian ít nhất là một ngàn năm.

Hơn nữa, trong Thánh kinh này, Ngài ấn định Kinh Cầu nguyện Bắt buộc; chỉ định lúc và thời kỳ Chay giới; cấm cầu nguyện theo nghi thức tập thể ngoại trừ cầu kinh qui tịch; xác định điểm Qiblih; lập định chế Huququllah (Quyền của Thượng Đế); lập luật thừa kế, an bài cơ cấu Mashriqul-Adhkar; thiết lập Lễ 19 Ngày, các Thánh lễ Baha’i và các Đư nhật; xóa bỏ chế độ tu sĩ; cấm chế độ nô lệ, tu khổ hạnh, khát thực, tu trong tu viện, hành xác, dùng Tòa giảng và hôn tay; ấn định chế độ nhất phu nhất thê; lên án sự tàn bạo đối với loài vật, sự nhân rồi và sự lừa dối, sự nói hành và vu khống; khiển trách sự ly dị; cấm cờ bạc, cấm dùng nha phiến, rượu và các thức uống gây say khác; định rõ hình phạt đối với tội sát nhân, đốt nhà, ngoại tình và trộm cắp; nhấn mạnh tầm quan trọng của hôn nhân và qui định những điều kiện thiết yếu cho nó; nêu rõ bốn phạm theo đuổi việc kinh doanh hoặc hành nghề nào khác, nêu cao việc hành nghề lên hàng thờ phượng; nhấn mạnh sự cần thiết cung cấp phương tiện cho việc giáo dục thiếu nhi; đặt cho mỗi người nhiệm vụ viết chúc thư và nghiêm ngặt tuân tòng nhà cầm quyền.

Ngoài những điều khoản này, Đức Baha’u’llah còn khuyên các tín đồ của Ngài giao tiếp với tín đồ tất cả các tôn giáo, trong tinh thân hữu hòa hợp và không kỳ thị; nhắc các tín đồ lưu ý tránh cuồng tín, chia rẽ, kiêu ngạo, tranh chấp và bất hoà; căn dặn các tín đồ về sự sạch sẽ không tì vết, sự trung thực nghiêm túc, sự tinh khiết tốt cùng, sự ngay thật, lòng hiếu khách, lòng trung thành, đức lịch thiệp, sự bền gan, sự công bằng và vô tư; khuyên bảo các tín đồ hãy trở nên “như những ngón tay trong một bàn tay và như những chi thể trong một thân thể”; kêu gọi các tín đồ đứng lên và phụng sự Chánh Đạo Ngài; và cam đoan với các tín đồ về sự phò trợ chắc chắn của Ngài. Ngoài ra, Ngài còn nhấn mạnh tính bất ổn của công việc thuộc về loài người; tuyên bố rằng tự do thực sự là sự tuân tòng của con người đối với phán lệnh của Ngài; lưu ý các tín đồ không nên lơ là trong việc thực hiện các quy chế của Ngài; qui định nhiệm vụ song hành không thể tách rời là nhận biết “Đấng Hùng đông Mặc khải của Thượng Đế” và tuân giữ mọi phán lệnh do Ngài mặc khải; và Ngài xác nhận, không nhiệm vụ nào được chứng giám nêu thiếu nhiệm vụ kia.

Những lời kêu gọi đầy ý nghĩa gửi đến Tổng thống các nước Cộng hòa Mỹ châu khuyên nắm lấy cơ hội trong Ngày của Thượng Đế và vận động cho chính nghĩa công bằng; huấn thị gửi đến đại biểu các Quốc hội trên khắp thế giới, thúc giục chấp dụng một thứ tiếng nói và chữ viết chung; những lời cảnh cáo của Ngài gửi đến William I người chiến thắng Napoleon III; lời quở trách Ngài gửi đến Francis Joseph, Hoàng Đế Áo quốc; lời nhắc nhở của Ngài tới “tiếng khóc than của Bá linh” trong lời tán thán của Ngài gửi tới “đôi bờ sông Rhine”; lời lên án của Ngài đối với “ngôi báu của bạo quyền” dựng lên ở Constantinople, và lời tiên báo của Ngài về sự tàn lụi của “vê huy hoàng bên ngoài” và những tai ương sẽ đổ xuống nhân dân đế quốc này; lời khuyến khích và an ủi Ngài gửi đến

thành phố quê hương Ngài, cam đoan với thành phố ấy rằng Thượng Đế đã chọn nó để nó trở thành “nguồn vui của cả nhân loại”; lời tiên tri của Ngài rằng “tiếng nói của các anh hùng ở Khurasan” sẽ được cất lên để tôn vinh Chúa họ; lời xác nhận của Ngài rằng những người “được phú bẩm lòng dũng cảm hùng mạnh” sẽ được nâng lên ở Kirman để họ nhắc đến Ngài; và sau hết, lời đoan chắc hùng vĩ của Ngài với người em hung ác đã tạo cho Ngài bao phiền muộn, rằng Đấng Thượng Đế “hằng bao dung và đại từ bi” sẽ tha thứ cho ông ấy về các điều bất nghĩa của ông nếu ông biết ăn năn tất cả những điều này càng làm phong phú nội dung Bộ Thánh kinh mà Đấng Giáo tổ mệnh danh là “nguồn chân phúc”, là “cái Cây không sai lệch” là “Đường Thẳng” và là “người thức tỉnh nhân loại”.

Ngoài phần luật và lệnh gồm thành đề tài chính của Thánh kinh này, Đức Baha'u'llah còn đặc biệt nêu rõ rằng đây là “sinh khí truyền cho vạn vật”, là “thành trì kiên cố nhất”, là “trái” trên “Cây” của Ngài, là “phương tiện tối cao để duy trì nền Trật tự Thế giới và sự an toàn của các dân tộc”, là “những ngọn đèn trí tuệ và đức quan phòng của Ngài”, là “hương thơm ngọt ngào của y trang Ngài”, là “chìa khoá” mở cửa “bao dung” mà Ngài dành cho tạo vật của Ngài. Ngài chứng nhận rằng “Bộ Thánh kinh này là Thiên đàng mà Chúng Ta đã trang trí bằng những ngôi sao các phán lệnh và các điều răn của Chúng Ta”. Hơn nữa, Ngài còn phán: “Phúc thay cho người sẽ đọc Kinh này, và suy ngẫm các câu thánh thi được ban xuống trong Bộ Thánh Kinh bởi Thượng Đế, Đấng Chúa Uy lực, Đấng Toàn năng. Này, hỡi loài người! Hãy giữ lấy Thánh kinh bằng bàn tay từng phúc... Nhân danh sinh mệnh Ta! Thánh kinh này đã được chuyên xuống với một cách thể khiến tâm trí loài người phải bàng hoàng. Quả thực, đây là bảo chứng quan trọng nhất của Ta dành cho mọi người và là chứng cớ của Đấng Đại Khoan dung đối với mọi người ở trên trời và mọi người trên trần thế.” Và Ngài tiếp: “Phúc thay cho cái khẩu thiệt được thưởng thức vị ngọt của Thánh kinh, phúc thay cho con mắt tinh anh nhận ra các trân bảo mà Thánh kinh này tàng chứa, và phúc thay cho tâm hồn thông tuệ hiểu được những ẩn dụ và những bí nhiệm của Thánh kinh. Nhờ ơn Thượng Đế! Điều mặc khải trong đó thật là hùng vĩ, và sự khải lộ những ẩn dụ khó hiểu của Thánh kinh vĩ đại đến nỗi cơ năng phát ngôn phải chấn động khi cố gắng biện giải”. Và sau hết, Ngài viết: “Bộ Thánh kinh Kitab-i-Aqdas đã được mặc khải theo cách thể diệu kỳ đến nỗi Thánh kinh này hấp dẫn và bao gồm tất cả các Chánh giáo thiên định. Phước cho những ai đọc Thánh kinh này! Phước cho những ai hiểu được Thánh kinh! Phước cho những ai suy ngẫm về Thánh kinh! Phước cho những ai ngẫm ngợi về ý nghĩa Thánh kinh! Phạm vi của Thánh kinh rộng lớn đến nỗi nó ảnh hưởng tới mọi người, trước khi người ta nhận biết nó. Không bao lâu nữa, quyền năng thiên thượng của Thánh kinh, ảnh hưởng sâu rộng của nó và sự vĩ đại của uy lực nó sẽ hiển hiện trên khắp thế gian”.

LỜI THÁNH KINH KITAB-I-AQDAS

NHÂN DANH NGÀI LÀ ĐẮNG CAI QUẢN TỐI CAO TRÊN TẤT CẢ NHỮNG AI ĐÃ HIỆN HỮU VÀ TẤT CẢ NHỮNG AI SẼ HIỆN HỮU

1. Nhiệm vụ đầu tiên mà Đấng Thượng Đế đã đề ra cho tôi con Ngài là tin nhận Đấng Hùng đông Mặc khải của Ngài và là Nguồn mạch luật pháp của Ngài, là Đấng thay mặt Thượng Đế Tối cao trong Vương quốc Chánh Đạo của Ngài, cũng như ở trong thế giới tạo vật. Ai hoàn thành nhiệm vụ này tức đã đạt tới mọi điều tốt đẹp, và ai xa rời nhiệm vụ này tức là đã lạc đạo mặc dù người ấy là tác giả của mọi hành động chính trực. Còn về phần tất cả những ai đã đạt tới cương vị cao cả nhất này, tới tột đỉnh sự vinh quang thiên thượng này, họ phải tuân giữ mọi phán lệnh của Ngài là Đấng Khát khao của thế giới. Các nhiệm vụ song hành này không thể tách rời nhau. Không thể chấp nhận sự thành đạt nhiệm vụ này mà để thiếu sót nhiệm vụ kia được. Đó là điều được chỉ dụ bởi Ngài là Đấng Cội nguồn của sự Cảm ứng Thiêng liêng.
2. Những người được Thượng Đế ban cho linh giác sẽ nhận biết dễ dàng rằng các nguyên lý do Thượng Đế thiết lập là phương tiện cao cả nhất để duy trì nền trật tự trên thế giới và sự an ninh của các dân tộc. Kẻ nào rời xa các nguyên lý này, kẻ ấy tất thuộc vào hàng những kẻ hạ tiện và điên khùng. Quả thật, Chúng Ta hạ chỉ cho các người phải khước từ sự sai khiến của những dục vọng xấu xa và những khát khao đòi truy, và các người không được phép vượt ra khỏi những giới hạn mà Ngòi bút của Đấng Tối cao đã ấn định, vì đây chính là sinh khí được ban cho mọi loài thọ tạo. Các đại dương Trí tuệ Thiêng liêng và Ngôn từ Thiên Thượng đã dâng cao dưới làn gió hơi thở của Đấng Khoan dung Hoàn toàn. Hãy mau uống cho no đầy, hỡi những người thông tuệ! Những kẻ vi phạm Giao ước của Thượng Đế do phá bỏ những giới răn của Ngài và xa rời các giới răn đó, là những kẻ làm lạc nghiêm trọng trước mắt Thượng Đế, Đấng Toàn hữu, Đấng Tối cao.
3. Hỡi các dân tộc trên thế giới! Hãy biết chắc rằng những phán lệnh của Ta là những ngọn đèn phò trợ yêu thương của Ta dành cho tôi con Ta, và là những chìa khóa khoan thứ của Ta dành cho chúng sinh. Nó đã được ban xuống từ cõi trời Ý chí của Chúa các người, Đấng Chúa của Mặc khải. Bất cứ ai ném được vị ngọt của những lời đã chú ý được thốt ra từ môi Đấng Khoan thứ Hoàn toàn, người ấy sẽ vứt sạch tất cả những kho tàng thuộc quyền sở hữu của mình trên mặt đất, dù chỉ để xác minh chân lý mỗi một giới răn của Ngài đang chiếu rọi trên bầu trời Rạng đông của sự chăm sóc đầy ân đức và lòng yêu thương đầy hiền dịu của Ngài.

4. Hãy biết rằng: Từ luật pháp của Ta, người đời có thể hít thở hương thơm ngọt ngào của y trang Ta,¹ và nhờ sự trợ lực của luật pháp đó, những ngọn cờ Thắng lợi sẽ được cắm ở những đỉnh cao chói vót nhất. Từ cõi trời vinh quang toàn năng của Ta, ngọn Lưỡi uy lực của Ta đã truyền đến tạo vật những Thánh ngôn sau đây: “Hãy tuân giữ các phán lệnh của Ta vì tình yêu về mỹ lệ của Ta”. Kẻ yêu thương cảm thấy hạnh phúc biết bao khi được hít thở hương thơm thiêng liêng của Đấng Kính yêu Nhất qua các Thánh ngôn này, vốn chứa đầy hương thơm của Thiên ân mà không lưỡi nào tả nổi. Nhân danh sinh mệnh Ta! Ai đã uống được thứ rượu tuyền công bằng nơi bàn tay ơn phước dồi dào của Ta, người đó sẽ châu hầu quanh các phán lệnh của Ta đang chiếu sáng trên bầu trời Rạng đông của tạo vật Ta.

5. Đừng tưởng rằng Chúng Ta đã mặc khải cho các ngươi một bộ luật suông. Song hơn hẳn thế, Chúng Ta đã khai niêm binh Tuyền tửu bằng những ngón tay quyền năng và uy lực.² Đây là bảo chứng về điều mà ngọn Bút Mặc khải đã tiết lộ. Hỡi những người có tâm thức, hãy suy ngẫm về điều này!.

6. Chúng Ta đã truyền lệnh cho các ngươi đọc Kinh Cầu nguyện Bất buộc³, gồm chín rakah⁴, để dâng lên Thượng Đế, Đấng Mặc khải các Thánh thi, vào buổi trưa, buổi sáng và buổi tối⁵. Chúng Ta đã ân miễn cho các ngươi rất nhiều kinh cầu nguyện⁶, như một phán lệnh trong Thánh kinh của Thượng Đế. Quả thật, Ngài là Đấng An bài, Đấng Toàn năng, Đấng Vô ngại. Khi các ngươi muốn thực hiện việc cầu nguyện này, các ngươi hãy hướng về Triều đường Hiện diện Chí tôn của Ta, tức Chón Thiêng liêng này mà Thượng Đế đã chọn làm Trung tâm quanh đó Quần hội Thiên thượng đang qui tụ, và là nơi Ngài đã qui định làm Điểm Thờ phượng cho cư dân các Thành thị Vĩnh cửu⁷, và là Nguồn Phán lệnh đối với tất cả những ai ở trên trời và ở dưới đất; và khi Mặt trời Chân lý và Phát ngôn sẽ lặn, các ngươi hãy hướng mặt về Địa điểm mà Chúng Ta chỉ định cho các ngươi⁸. Quả thật, Ngài là Đấng Toàn năng, Đấng Toàn tri.

7. Mọi sự hiện hữu đều hình thành bởi chỉ dụ xác quyết của Ngài. Mỗi khi luật pháp của Ta xuất hiện giống như mặt trời trên bầu trời phát ngôn của Ta, luật pháp ấy phải được mọi người tuân giữ một cách trung tín, dù cho chỉ dụ của Ta thuộc loại có thể làm sụp đổ bầu trời của mọi tôn giáo, Ngài làm bất cứ điều gì Ngài muốn. Ngài quyết định, và không ai được chất vấn sự lựa chọn của Ngài. Bất cứ điều gì mà Ngài, là Đấng Kính yêu, truyền phán, quả thực đều đáng kính yêu. Ngài là Đấng Chúa của vạn vật làm chứng cho Ta về điều này. Bất cứ ai hít thở được hương thơm của Đấng Khoan dung Hoàn toàn, và nhận biết Nguồn cội của sự phát ngôn này, đều sẽ hân hoan mở to mắt đón nhận giáo mác của kẻ thù nghịch để có thể xác minh chân lý về luật pháp của Thượng Đế giữa loài người. Phúc thay cho ai biết hướng về đó, và hiểu được ý nghĩa chỉ dụ chung thẩm của Ngài.

8. Chúng Ta đã nêu chi tiết về sự cầu nguyện bất buộc trong một Kinh bản khác⁹. Phúc thay cho ai tuân giữ điều đã được truyền phán bởi Ngài, là Đấng Cai

¹ Các số nhỏ ở trên các chữ là số của câu chú thích có liên quan ví dụ số 1 là xem câu 1 của phần Chú thích ...

quản toàn thể nhân loại. Trong Kinh Cầu nguyện cho Người qui tịch¹⁰, sáu đoạn kinh riêng biệt đã được ban xuống bởi Thượng Đế, Đấng Mặc khải các Thánh thi¹¹. Người nào có khả năng để đọc, hãy đọc thuộc lòng những điều đã được mặc khải trước khi đọc những đoạn này; còn đối với người không có khả năng, Thượng Đế đã miễn cho người ấy điều đòi hỏi này. Quả thật, Ngài là Đấng Hùng mạnh, Đấng Tha thứ.

9. Lông thú, không làm mất hiệu lực sự cầu nguyện của các người, và tinh thần không bị cản trở bởi bất cứ vật gì khác, như là xương cốt và các thứ tương tự. Các người được tự do mặc áo da thú thuộc các giống như chồn, hải ly, sóc và các động vật khác¹²; việc cấm sử dụng loại da này không xuất phát từ Kinh Quran, nhưng từ chỗ hiểu sai của các tu sĩ. Quả thực, Ngài là Đấng Toàn vinh, Đấng Toàn tri.
10. Chúng Ta đã truyền phán cho các người cầu nguyện và giữ Chay giới khi tới tuổi trưởng thành¹³; điều này do Thượng Đế truyền phán, Ngài là Chúa của các người và là Chúa của tổ tiên các người. Đối với giới răn này, Ngài đã miễn cho những người suy yếu vì bệnh tật hoặc vì tuổi tác¹⁴, như là một ơn phước của Thánh nhân Ngài, và Ngài là Đấng Khoan dung, Đấng Đại lượng. Thượng Đế đã cho phép các người quỳ lạy trên bất cứ mặt bằng nào sạch sẽ, vì về mặt này Chúng Ta đã Hủy bỏ sự hạn chế được thiết định trong Thánh kinh¹⁵; hẳn nhiên là Thượng Đế có sự hiểu biết về điều mà các người không biết. Người nào không tìm được nước để tẩy rửa, hãy đọc năm lần những tiếng “Nhân danh Thượng Đế, Đấng Linh khiết Nhất, Đấng Linh khiết Nhất”, rồi tiếp tục cầu nguyện¹⁶. Đó là phán lệnh của Đấng Chúa tất cả các thế giới. Trong những vùng có ngày dài và đêm dài, thì thời gian cầu nguyện được định theo đồng hồ và các dụng cụ tính giờ khác¹⁷. Quả thực, Ngài là Đấng Minh giải, Đấng Toàn trí.
11. Chúng Ta đã bỏ quy định về việc đòi hỏi các người phải đọc Kinh cầu nguyện về các Dấu hiệu¹⁸. Trước sự xuất hiện của các biến cố tự nhiên khủng khiếp, các người hãy nhớ tới sức mạnh và sự uy nghi của Chúa các người, Ngài là Đấng thấy hết và nghe hết, và hãy tụng: “Quyền ngự trị thuộc về Thượng Đế, Đấng Chúa của các giới hữu hình và vô hình, Đấng Chúa của tạo vật”.
12. Đã có lệnh truyền rằng mỗi người trong các người phải thực hiện riêng việc cầu kinh bắt buộc. Ngoại trừ Kinh Cầu nguyện cho Người qui tịch, việc cầu kinh theo nghi thức tập thể đã bị bãi bỏ¹⁹. Quả thật, Ngài là Đấng An bài, Đấng Toàn trí.
13. Thượng Đế đã miễn cho phụ nữ đang có kinh nguyệt việc cầu nguyện bắt buộc và giữ chay²⁰. Thay vào đó sau khi thực hiện việc tẩy rửa, những phụ nữ ấy dâng lời ca ngợi Thượng Đế, bằng cách đọc câu kinh: “Vinh quang thay Thượng Đế, Đấng Chúa của sự Huy hoàng và Mỹ lệ”, chín mươi lăm lần mỗi ngày từ trưa hôm trước đến trưa hôm sau. Đó là điều đã được chỉ dụ trong Thánh kinh, ước gì các người là những người thấu hiểu.
14. Khi du lịch, nếu các người dừng lại và nghỉ ngơi ở nơi an toàn nào đó, các người người nam cũng như người nữ hãy thực hiện việc lễ lạy một lần cho một bản

kinh Cầu nguyện Bất buộc mà các người chưa đọc được lúc đi đường²¹, và trong khi lễ lạy hãy đọc: “Vinh quang thay Thượng Đế, Đấng Chúa Đại hùng và Uy nghiêm, Gia ân và Sinh phúc”. Ai không làm được điều này thì chỉ cần đọc: “Vinh quang thay Thượng Đế”; đối với Ngài chừng ấy chắc chắn cũng đủ. Quả thật, Ngài là Đấng Thượng Đế Tự túc, Đấng Hằng hữu, Đấng Tha thứ, Đấng Từ bi. Sau khi hoàn thành việc lễ lạy, các người người nam cũng như người nữ hãy ngồi chéo chân²², và lặp lại 18 lần câu: “Vinh quang thay Thượng Đế, Đấng Chúa các Vương quốc ở trên trời và dưới đất”. Như thế, Đấng Chúa đã chỉ rõ những con đường tiến tới Chân lý và sự Hướng dẫn, những con đường dẫn tới một con đường, đó là Chánh Đạo này. Hãy tạ ơn Thượng Đế về đặc ân lớn lao nhất này; hãy dâng lời ca ngợi lên Ngài về hồng ân này đã bao trùm các cõi trời và cõi đất; hãy tán dương Ngài về thiên phúc này vốn đã bao trùm tất cả vạn vật.

15. Hãy nhớ: Thượng Đế đã biến tình yêu huyền nhiệm của Ta thành chìa khóa Kho báu²³; ước gì các người nhận thức được điều đó! Nếu không có chìa khóa ấy, thì Kho báu ấy sẽ còn phong kín đời đời; ước gì các người tin được điều đó! Hãy nhớ: Đây là Nguồn Mực khai, là nơi Xuất hiện của Đấng Vinh quang mà hào quang soi sáng các chân trời của thế giới. Ước gì các người hiểu được điều này! Quả thực, đây là Chỉ dụ thiên định qua đó mọi chỉ dụ hằng có hiệu lực khác được thiết lập.
16. Hồi Ngòi bút của Đấng Tối thượng²⁴! Hãy phán: Hồi nhân dân thế giới! Chúng Ta đã truyền cho các người phải giữ một thời kỳ Chay giới ngắn ngủi²⁵, và đã chỉ định vào cuối kỳ chay ấy cái tết Naw-Ruz làm Thánh lễ.²⁶ Như thế Mặt trời Phát ngôn đã chiếu rọi trên chân trời Thánh kinh như đã chỉ dụ bởi Ngài là Đấng Chúa của sự khởi thủy và sự chung cuộc. Hãy đặt những ngày dư của các tháng trước tháng chay.²⁷ Chúng Ta đã truyền phán rằng, giữa tất cả những ngày và đêm phải có những biểu hiện của mẫu tự Ha,²⁸ và như thế những ngày đó không bị ràng buộc bởi những giới hạn của năm và tháng. Điều đáng làm đối với con dân của Đấng Baha trong suốt những ngày này là tạo ra niềm vui thực sự cho nhau, cho họ hàng và trên hết là cho người nghèo khổ và thiếu thốn, ca ngợi và tôn vinh Đấng Chúa của mình với niềm vui và sự phấn chấn, hát lời chúc tụng và tán dương Danh Ngài; và khi chấm dứt các dư nhật các ngày để tặng quà trước mùa tiết chế²⁹ các con dân hãy bắt đầu giữ Chay. Đó là điều được truyền phán bởi Ngài là Đấng Chúa của toàn thể nhân loại. Người du lịch, kẻ ốm đau, những người mang thai hoặc cho con bú, đều không phải giữ Chay giới;³⁰ họ được Thượng Đế đặc miễn như là dấu hiệu hồng ân của Ngài.³¹ Quả thực, Ngài là Đấng Toàn năng, Đấng Đại Khoan dung.
17. Đây là những phán lệnh của Thượng Đế đã được ban xuống trong các Thánh kinh và Kinh bản của Ngài bởi Ngòi bút Tối cao của Ngài. Hãy bám chắc vào những qui chế và những phán lệnh của Ngài, và chớ nên giống với những kẻ ham đuổi theo mộng tưởng hão huyền và tưởng tượng vô bổ, đã bám vào những tiêu chuẩn do họ tự định, và vứt bỏ những tiêu chuẩn do Thượng Đế đề ra. Hãy nhịn hẳn thức ăn và thức uống từ lúc mặt trời mọc cho đến lúc mặt trời lặn,³² và hãy lưu ý kéo dục vọng sẽ tước đoạt của các người điều ân phúc này vốn đã được ấn định trong Thánh kinh.
18. Đã có lệnh truyền rằng mọi người tín đồ của Thượng Đế, Đấng Chúa của sự Phán xét, mỗi ngày, phải rửa tay rồi rửa mặt, ngồi xuống và hướng về Thượng Đế,

nhắc lại “Allah-u-Abha” chín mươi lăm lần.³³ Đó là chỉ dụ của Đấng Tạo dựng các Cõi trời, bằng sự uy nghi và quyền năng, khi Ngài tự an vị trên ngôi các Danh của Ngài. Các người cũng thực hiện sự tẩy rửa như thế để đọc Kinh Cầu nguyện Bất buộc;³⁴ đây là phán lệnh của Thượng Đế, Đấng Bất Khả ti, Đấng Vô ngại.

19. Các người đã được cảm phạm vào tội sát nhân³⁵ hoặc ngoại tình,³⁶ hoặc vương vào tội nói hành hoặc vu khống;³⁷ như thế các người hãy lánh xa những gì đã được cấm trong các Thánh kinh và các Kinh bản thiêng liêng.
20. Chúng Ta đã chia quyền thừa kế cho bảy hạng người³⁸: với con cái, Chúng Ta phân bố cho 9 phần gồm 540 cổ phần; với người vợ là 8 phần gồm 480 cổ phần; với người cha là 7 phần gồm 420 cổ phần; với người mẹ là 6 phần gồm 360 cổ phần; với anh em trai là 5 phần gồm 300 cổ phần; với chị em gái là 4 phần³⁹ gồm 240 cổ phần; với các thầy giáo⁴⁰ là 3 phần gồm 180 cổ phần. Đó là phán lệnh của Đấng Tiên phong của Ta, Đấng đã tôn vinh Danh Ta lúc ban đêm và lúc rạng sáng. Khi Chúng Ta nghe tiếng gào khóc của trẻ em chưa sanh, Chúng Ta đã tăng gấp đôi phần của con cái và giảm bớt phần của những người kia.⁴¹ Quả thật, Ngài có quyền năng làm bất cứ điều gì Ngài muốn, và Ngài hành động tùy sở thích của Ngài là do uy lực tối thượng của Ngài.
21. Nếu người quá cố không có con cái, phần của con cái sẽ được chuyển cho Tòa Công lý,⁴² để các vị Thụ ủy của Đấng Đại từ bi chi dụng cho các cô nhi quả phụ và cho bất cứ việc gì có ích cho nhân loại, để mọi người dâng lời tạ ơn Đấng Chúa, Đấng Đại lượng, Đấng Tha thứ.
22. Nếu người quá cố có con cái, nhưng không có những hạng người thừa kế khác⁴³ như đã nêu trong Thánh kinh, con cái sẽ nhận hai phần ba di sản và một phần ba di sản còn lại chuyển cho Tòa Công lý. Đó là phán lệnh đã được ban cho, trong sự trang nghiêm và vinh quang, bởi Ngài là Đấng Toàn hữu, Đấng Tối cao.
23. Nếu người quá cố không để lại những người thừa kế như đã nêu, nhưng có cháu trai cháu gái ruột thịt, dù thuộc phía các anh em hay các chị em, thì hai phần ba di sản được chia cho các cháu này; hoặc, nếu không có các cháu này, thì chia cho bác chú cô bên cha hoặc cậu dì bên mẹ người quá cố, và sau những người ấy thì đến các con trai con gái của những người bà con này. Một phần ba di sản còn lại, trong bất cứ trường hợp nào, đều chuyển cho Tòa Công lý. Đó là điều được thiết định trong Thánh kinh bởi Ngài là Đấng Cai quản mọi người.
24. Nếu người quá cố không để lại người thừa kế nào trong số những người được nêu bởi Ngôi bút Đấng Tối cao, thì toàn bộ sản nghiệp của người ấy được chuyển đến Tòa Công lý nêu trên để được chi dụng vào những việc do Thượng Đế quy định. Quả thực, Ngài là Đấng An bài, Đấng Toàn năng.

25. Chúng Ta đã quy định nhà ở và y phục riêng của người quá cố được chuyển cho con trai chứ không phải cho con gái hoặc những người thừa kế khác.⁴⁴ Quả thực, Ngài là Đấng Hào hiệp, Đấng Đại Từ bi.
26. Nếu con trai người quá cố đã qua đời vào lúc sinh thời của người cha và có để lại con cái, thì các cháu ấy sẽ thừa hưởng phần của cha mình,⁴⁵ như đã được quy định trong Thánh kinh của Thượng Đế. Các người hãy chia phần cho các cháu này với sự công bằng hoàn toàn. Như thế sóng Đại dương Phát ngôn đã trào dâng và tung lên những hạt ngọc luật pháp được phán truyền bởi Đấng Chúa của toàn thể nhân loại.
27. Nếu người quá cố để lại con cái vị thành niên, thì phần thừa kế của những người này phải được ủy thác cho một cá nhân đáng tin cậy,⁴⁶ hoặc cho một công ty, để công ty này đầu tư vào việc kinh doanh và thương mại giúp các cháu cho đến lúc các cháu đến tuổi thành niên. Người thụ thác được hưởng một phần lợi thích đáng do người ấy đã làm nảy sinh.
28. Việc phân chia gia sản chỉ được thực hiện sau khi đã trả khoản Huququallah, đã thanh toán các món nợ, đã trả xong các chi phí tang lễ và mai táng,⁴⁷ và điều qui định này khiến cho người quá cố có thể được đưa đến nơi an nghỉ với phẩm giá và danh dự. Đó là điều đã được truyền phán bởi Ngài là Đấng Chúa của sự khởi thủy và chung cuộc.
29. Hãy nhớ: Đây là tri thức huyền nhiệm sẽ không bao giờ thay đổi, vì nó khởi sự với con số chín,⁴⁸ biểu tượng cho thấy dấu hiệu của Thánh Danh tuyệt đối cao cả và bất khả xâm phạm, huyền nhiệm và hiển nhiên. Còn về điều Chúng Ta qui định cho con cái, đây là một ơn phước Thượng Đế ban cho các cháu, để các cháu biết tạ ơn Đấng Chúa, Đấng Yêu thương, Đấng Tha thứ. Quả thực, đây là Luật pháp của Thượng Đế, chớ vi phạm các Luật ấy theo sự thúc giục của dục vọng ích kỷ và thấp kém nơi các người. Các người hãy tuân giữ những điều được thiết định bởi Ngài là Đấng Xuất phát điểm của sự Phát ngôn. Những người chân thành trong các tôn giáo Ngài sẽ xem các phán lệnh do Thượng Đế ban ra là Nước sự Sống đối với tín đồ của mọi tôn giáo, là Ngọn đèn minh triết và quan phòng ưu ái đối với tất cả cư dân của cõi đất và cõi trời.
30. Đấng Chúa đã truyền phán rằng tại mỗi thành phố phải thành lập một Tòa Công lý,⁴⁹ nơi đó qui tụ các ủy viên ở con số Baha,⁵⁰ và khi cần con số phải tăng lên cũng không sao. Họ sẽ tự coi như mình bước vào Triều đường sự hiện diện của Thượng Đế, Đấng Cao cả, Đấng Tối thượng và được thấy Ngài là Đấng Vô hình. Họ phải trở nên những người mà Đấng Khoan dung ủy thác giữa loài người,⁵¹ và tự coi mình như những vị giáo hộ được Thượng Đế chỉ định để chăm sóc mọi người trên thế gian. Họ bắt buộc phải hội ý với nhau,⁵² và vì Thượng Đế, họ phải chăm sóc cho quyền lợi của các tôn giáo Ngài như thể cho quyền lợi của chính họ, họ phải lựa chọn điều gì chính đáng và hợp lẽ. Thượng Đế, Chúa của các người đã truyền dạy các người như thế. Hãy lưu ý kéo các người lại bỏ qua điều đã được Mặc khải rõ ràng

trong Kinh bản của Ngài. Hãy kính sợ Thượng Đế, hỏi các người là những kẻ có trí tuệ.

31. Hỡi nhân dân thế giới! Các người hãy xây lên các Đền thờ ở khắp các nước,⁵³ nhân danh Ngài là Đấng Chúa của tất cả các tôn giáo. Hãy xây dựng những Đền thờ ấy hoàn hảo tối đa trong thế giới sinh tồn, và tô điểm Đền thờ bằng những thú thích hợp chứ không phải bằng ảnh tượng và hình nộm. Rồi, trong các Đền thờ ấy các người hãy dâng lời chúc tụng Chúa của các người, Đấng Đại Từ bi, với sự trong sáng và vui tươi. Quả thực, nhờ sự tưởng nhớ tới Ngài mà con mắt được vui tươi và trái tim đầy ắp ánh sáng.
32. Đấng Chúa đã truyền lệnh rằng những ai trong các người có khả năng sẽ phải hành hương về Ngôi nhà thiêng liêng,⁵⁴ và điều này Ngài đã đặc miễn cho phụ nữ như là một thiên ân của Ngài.⁵⁵ Quả thực, Ngài là Đấng Đại Từ bi, Đấng Đại Khoan dung.
33. Hỡi con dân của Đấng Baha! Mỗi người trong các người phải gắn bó với một việc làm⁵⁶ như là một nghề chuyên môn, một ngành kinh doanh hoặc một việc làm tương tự như thế. Chúng Ta đã nêu cao sự gắn bó của các người trong công việc như thế lên hàng thờ phượng Đấng Thượng Đế chân chính duy nhất. Hỡi dân chúng, hãy suy ngẫm về hồng ân và thiên phúc của Chúa các người, và dâng lên Ngài lời cảm tạ ban tối và lúc bình minh. Đừng hoang phí những giờ của các người trong sự nhàn rỗi và lười biếng, nhưng các người hãy bận bịu với những gì đem lại lợi ích cho các người và cho người khác. Đó là điều được chỉ dụ trong Kinh bản này mà từ chân trời của nó đã chiếu rọi vàng thái dương minh triết và phát ngôn. Những người đáng khinh nhất dưới mắt Thượng Đế là những kẻ ngồi không và ăn xin. Hãy giữ chắc lấy sợi dây phương tiện và đặt sự trông cậy của các người nơi Thượng Đế, Đấng Ban cho mọi phương tiện.
34. Lệ hôn tay bị cấm chỉ trong Thánh kinh.⁵⁷ Lệ này bị cấm đoán bởi Thượng Đế, Đấng Chúa của vinh quang và phán lệnh. Không ai được phép tìm sự tha tội nơi một linh hồn khác;⁵⁸ hãy để sự ăn năn diễn ra giữa các người và Thượng Đế. Quả thực, Ngài là Đấng Tha thứ, Đấng Từ bi, Đấng Độ lượng, Đấng Tha tội cho những kẻ ăn năn.
35. Hỡi các người là những tội tớ của Đấng Khoan dung! Hãy đứng lên phụng sự Chánh Đạo của Thượng Đế đến mức độ mà những âu lo và phiền muộn tạo nên bởi những kẻ không tin nơi Đấng Hùng đồng các Dấu hiệu của Thượng Đế sẽ không thể gây khổ cho các người. Ngay khi sự Hứa hẹn hoàn tất và Đấng Hứa hẹn xuất hiện, sự bất đồng vẫn diễn ra giữa các chủng tộc trên địa cầu và mỗi dân tộc vẫn theo đuổi những ảo vọng và mộng tưởng hão huyền của riêng họ.
36. Giữa công chúng có kẻ ngồi ở chỗ để giày dép gần cửa, mà lòng thì thèm khát địa vị danh dự.⁵⁹ Hãy nghĩ xem: Người là kẻ có cung cách ra sao, mà lại muốn làm ra vẻ khác đi, hỡi người là kẻ vô tâm và vô dụng? Và giữa công chúng có kẻ tự

cho là mình có tri thức nội tại,⁶⁰ và còn có tri thức sâu xa hơn ẩn chứa trong tri thức này. Nay: Người đã nói ngoa! Nguyện bởi Thượng Đế! Điều người sở đắc chỉ là vỏ trấu, Chúng Ta vớt cho người như xương được vớt cho chó. Nhân danh sự công nghĩa của Đấng Thượng Đế Chân chính Duy nhất! Nếu có kẻ nào rửa chân cho cả loài người và nếu kẻ ấy thờ Thượng Đế ở trong rừng, trong thung lũng, trong núi, trên đồi cao và trên những thượng đỉnh chót vót, tới nỗi không còn tảng đá hoặc cây xanh nào, không còn một hòn đất nào mà không làm chứng về sự thờ phượng của kẻ ấy tuy nhiên, nếu nơi hấn không tỏa ra hương thơm sự hài lòng của Ta thì công quả của kẻ ấy không bao giờ được Thượng Đế chuẩn nhận. Đó là điều được chỉ dụ bởi Ngài là Đấng Chúa của mọi người. Biết bao người ần tu ở khắp miền tại Ấn Độ, đã tự khước từ những điều mà Thượng Đế đã chỉ dụ là hợp pháp, tự buộc mình sống kham khổ và hành xác,⁶¹ nhưng không được Thượng Đế, Đấng Mặc khải các Thánh thi, đoái tưởng đến. Đừng biến hành động của các người thành bầy rập để giết lấy vật mà các người thèm khát, mà tự để sây Đối tượng Tối cao mà mọi người đến gần Thượng Đế hằng ước ao. Nay: Nguồn sống thực sự của mọi hành động là sự hài lòng của Ta, và mọi sự đều tùy thuộc sự ưng chuẩn của Ta. Hãy đọc các Kinh bản để các người có thể biết những gì được tiên liệu trong các Thánh kinh của Thượng Đế, Đấng Toàn vinh, Đấng Hằng Yêu thương. Ai đạt tới tình yêu của Ta là đạt được quyền thừa hưởng ngôi báu bằng vàng, được ngồi trên ngai vàng đó để ngự trị mọi thế giới trong danh dự; kẻ đánh mất tình yêu ấy, dù hấn ngồi dưới đất, đất cũng lạnh nạn nơi Thượng Đế, Đấng Chúa của tất cả các Tôn giáo.

37. Kẻ nào đưa ra lời tuyên bố về một Mặc khải trực tiếp của Thượng Đế trước khi chấm dứt trọn một ngàn năm,⁶² kẻ ấy chắc chắn là một kẻ lừa bịp dối trá. Chúng Ta cầu nguyện Thượng Đế để Ngài gia ân giúp đỡ cho kẻ ấy rút lại và từ bỏ lời tuyên bố ấy. Nếu người ấy sám hối, chắc chắn Thượng Đế sẽ tha thứ cho y. Trái lại, nếu y vẫn bám lấy điều lầm lỗi, Thượng Đế ắt sẽ cử người đến đối phó với y một cách chẳng xót thương. Tất nhiên là hình phạt của Thượng Đế phải rất khủng khiếp! Kẻ nào giải thích đoạn kinh này khác với ý nghĩa hiển nhiên của nó, thì sẽ bị mất ơn của Linh Thượng Đế và mất sự khoan dung của Ngài vốn bao trùm tất cả tạo vật. Hãy sợ Thượng Đế và chớ đuổi theo những vọng tưởng hão huyền của các người. Tốt hơn hết là nên tuân theo phán lệnh của Chúa các người, Đấng Toàn năng, Đấng Toàn trí. Không bao lâu nữa sẽ có tiếng la ó nổi dậy ở khắp các nước. Hỡi con dân Ta, hãy xa lánh họ, chớ theo kẻ bất công và kẻ ác tâm. Đây là điều Chúng Ta đưa ra để nhắc trước cho các người khi Chúng Ta sống ở Iraq, rồi sau này ở Xứ Huyền bí và giờ đây ở Địa điểm Huy hoàng này.⁶³
38. Hỡi các dân tộc trên thế giới, đừng lo sợ khi vàng Thái dương của vẻ Mỹ lệ Ta lặn đi và khi thiên đàng đền thờ tạm của Ta không còn hiện rõ trước mắt các người. Hãy đứng lên truyền bá nền Chánh Đạo của Ta và nêu cao Thánh ngôn của Ta giữa loài người. Lúc nào Chúng Ta cũng ở cùng người và sẽ làm tăng sức mạnh cho các người bằng quyền lực của Chân lý. Quả thật, Chúng Ta là Toàn năng. Bất cứ ai nhận biết Ta đều sẽ đứng lên và phụng sự Ta với quyết tâm mạnh mẽ đến nỗi các quyền lực ở trên trời và dưới đất đều không thể làm cho người ấy xa rời mục đích được.
39. Các dân tộc trên thế giới đang say ngủ. Giá như họ được đánh thức, họ sẽ hăng hái đến nhanh với Thượng Đế, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí. Họ sẽ vứt bỏ mọi

thứ họ sở hữu, dù đó là tất cả kho tàng trên thế gian, để cho Đấng Chúa của họ nhớ đến họ và ban cho họ chỉ một tiếng. Đó là lời giáo huấn được ban cho các người bởi Đấng nắm giữ kiến thức về mọi điều bí ẩn, trong một Kinh bản mà mắt tạo vật không thể thấy và nó không được khai lộ cho bất cứ ai ngoại trừ chính Ngài, Đấng Phò trợ Toàn năng của tất cả các thế giới. Bị quá đắm mê trong cơn say của những dục vọng xấu xa đến nỗi họ không còn đủ sức nhận biết được Đấng Chúa của muôn loài, với giọng của Ngài vang lớn từ mọi phía “Không có ai khác ngoài Ta là Thượng Đế, Đấng Đại hùng, Đấng Toàn trí”.

40. Hãy nghe đây: Chớ vui mừng với những thứ các người đang có; đêm nay nó là của các người, ngày mai nó sẽ thuộc về người khác. Chính Ngài là Đấng Toàn tri, Đấng Thông tuệ đã cảnh cáo các người như thế. Hãy nghe đây: Các người có thể cho rằng những gì các người đang có là bền vững, an toàn sao? Không đâu! Nhân danh Ta là Đấng Đại Từ bi, nếu các người biết suy xét công bằng, các người không nghĩ như vậy. Những ngày trong cuộc đời các người trôi qua thật nhanh như một hơi gió, tất cả các sự thịnh đạt và vinh quang của các người sẽ bị gom lại giống như sự thịnh đạt vinh quang của bao người đã đi qua trước các người. Hãy suy nghĩ, hồi dân chúng! Những ngày đã qua, những thế kỷ đã mất của các người đã trở thành cái gì? Sung sướng thay cho những ngày đã được dâng cho sự tưởng nhớ đến Thượng Đế, và phúc thay cho những giờ đã được dùng để ca ngợi Ngài là Đấng Toàn trí. Nhân danh sinh mạng Ta! Sự thịnh đạt của kẻ quyền uy, tài sản của kẻ giàu có, sự ngự trị của kẻ vô tín đều chẳng được lâu bền. Chỉ với một lời phán của Ngài, tất cả sẽ hủy diệt. Quả thực, Ngài là Đấng Toàn lực, Đấng Toàn mỹ, Đấng Toàn năng. Của cải trần gian con người đang sở hữu đem lại lợi ích gì? Điều sẽ thực sự đem lại lợi ích cho họ, họ đã hoàn toàn lãng quên. Không bao lâu nữa họ sẽ tỉnh thức và sẽ tự thấy bất lực không đạt được những điều vượt khỏi tầm tay họ trong những ngày của Chúa họ, Đấng Toàn năng, Đấng Toàn vinh. Giá họ biết được điều ấy, họ đã từ bỏ mọi thứ thuộc về họ, để tên họ được nhắc đến trước ngai của Ngài. Quả thực, họ đã bị liệt vào hàng những người chết.
41. Trong dân chúng, có kẻ mà sự học vấn đã làm y phát sinh lòng kiêu ngạo, bởi vậy y đã bị ngăn trở không nhận biết Danh Ta, Đấng Tự tôn; đó là kẻ, khi nghe tiếng dép bước theo mình, đã ưỡn ngực tự tôn,⁶⁴ hơn cả Nimrod.⁶⁵ Hãy nghe đây: Hỡi kẻ bị chối bỏ! Nơi ở của y hiện nay là chốn nào? Nguyên bởi Thượng Đế, đó là chốn hỏa ngục. Hãy nghe đây: Hỡi quần hội các tu sĩ! Các người há không nghe tiếng nói lanh lảnh của Ngòi bút Tối cao của Ta? Các người há không thấy Vàng Thái dương này đã chiếu rọi với hào quang rực rỡ trên Chân trời Toàn vinh? Các người còn tôn thờ bao lâu nữa những thân tượng theo dục vọng xấu xa của các người? Hãy vứt bỏ đi những mộng tưởng hão huyền của các người, và hãy hướng về Thượng Đế, Đấng Chúa Vinh hăng của các người.
42. Của dâng dành cho việc từ thiện thuộc về Thượng Đế, Đấng Mặc khải các Dấu hiệu. Không ai có quyền sử dụng của dâng này nếu không được phép của Ngài là Đấng Xuất phát điểm của Mặc khải. Sau Ngài, thẩm quyền này sẽ chuyển cho các Aghsan (Cảnh),⁶⁶ và sau các Cảnh (con cháu Ngài) thì tới Tòa Công lý nếu Tòa được thiết lập trên thế giới vào lúc ấy để những người ấy có thể dùng của dâng này vì lợi ích của những Nơi đã được tôn vinh trong Chánh Đạo này, và dùng vào bất cứ việc gì mà Ngài là Đấng Thượng Đế của sức mạnh và quyền năng đã đề ra cho họ. Bằng

không, những của dâng sẽ chuyển cho con dân của Đấng Baha⁶⁷ là những người không nói nếu không được phép Ngài, và chỉ đoán xét đúng với những gì Thượng Đế đã truyền phán trong Kinh bản này quả thực, họ là những kiện tướng thắng lợi ở giữa trời và đất để họ có thể chi dụng những của dâng ấy theo cách thức đã được ấn định trong Thánh kinh của Thượng Đế, Đấng Hùng mạnh, Đấng Từ bi.

43. Chớ rên siết trong những giờ thử thách của các ngươi, cũng đừng vui mừng trong cảnh ấy; các ngươi hãy tìm lấy con đường Trung dung, đó là sự tưởng nhớ đến Ta trong những cảnh phiền muộn của các ngươi, và suy ngẫm về những điều có thể xảy ra cho các ngươi trong tương lai. Ngài là Đấng Toàn tri, Ngài là Đấng quan tâm đã dạy các ngươi như thế.
44. Chớ cạo trọc đầu các ngươi;⁶⁸ Thượng Đế đã dùng tóc tô điểm đầu các ngươi, và ở đây còn có những dấu hiệu từ Đấng Chúa của tạo vật ban cho những ai biết suy ngẫm về những điều kiện của thiên nhiên. Quả thực, Ngài là Đấng Thượng Đế của sức mạnh và trí khôn. Tuy nhiên, để tóc dài quá giới hạn của tai⁶⁹ là không tề chỉnh. Đó là điều mà Ngài là Đấng Chúa tất cả các thế giới đã chỉ dụ.
45. Ấn lưu đày và cầm tù được ấn định cho kẻ trộm,⁷⁰ và khi vi phạm lần thứ ba, thì các ngươi hãy ghi dấu lên trán hấn để, bị nhận diện như thế, hấn không còn được nhìn nhận trong các thành phố của Thượng Đế và trong các nước của Ngài.⁷¹ Hãy cẩn trọng, kẻo vì lòng nhân hậu, các ngươi quên thực hiện những qui chế về tôn giáo của Thượng Đế; hãy làm điều mà Ngài là Đấng Yêu thương và Khoan dung đã truyền phán cho các ngươi. Chúng Ta dạy dỗ các ngươi bằng ngọn roi trí khôn và luật pháp, giống như người cha giáo dục con, và điều này không vì mục đích nào khác ngoài sự che chở cho chính các ngươi và nâng cao địa vị của các ngươi. Nhân danh sinh mệnh Ta, ước gì các ngươi khám phá được điều Chúng Ta mong muốn cho các ngươi khi Mặc khải các luật thánh của Chúng Ta, các ngươi sẽ dâng hiến chính linh hồn các ngươi cho nền Chánh Đạo tối cao, hùng mạnh và thiêng liêng này.
46. Bất cứ ai cũng được tự do dùng bình tách bằng bạc và bằng vàng theo ý muốn.⁷² Hãy lưu ý, khi ăn, các ngươi đừng nhúng tay vào thức ăn đựng trong chén và đĩa.⁷³ Các ngươi hãy chấp nhận những tập tục thích hợp nhất cho sự tao nhã.⁷⁴ Quả thực, Ngài muốn thấy nơi các ngươi những cung cách của các cư dân nơi Thiên đàng trong Vương quốc hùng mạnh và tối cao của Ngài. Hãy giữ chắc lấy sự tao nhã trong mọi trường hợp, để cho mắt các ngươi khỏi phải thấy điều gì ghê tởm đối với chính các ngươi và đối với các cư dân nơi Thiên đàng. Nếu ai rời xa điều này thì hành động của y vào lúc ấy sẽ thành vô ích; tuy nhiên, nếu kẻ ấy có lý do chính đáng, Thượng Đế sẽ tha thứ cho y. Quả thực, Ngài là Đấng Độ lượng, Đấng Đại Từ bi.
47. Ngài là Xuất phát điểm của Chánh Đạo Thượng Đế, là Đấng không có người đồng sự trong on Vô nhiễm Tối đại.⁷⁵ Trong thế giới tạo vật, Ngài chính là Đấng Biểu hiện của câu “Ngài làm bất cứ điều gì Ngài muốn”. Thượng Đế đã tự dành cho Ngài điều đặc trưng này, và không cho phép ai được chia sẻ một địa vị cao cả và siêu việt như thế. Đây là Chi dụ của Thượng Đế, đã được phong kín cho đến nay trong màn che huyền nhiệm không xuyên thủng của Ngài. Chúng Ta đã tiết lộ điều

ấy trong Mặc khải này, và như thế là Chúng Ta đã xé các màn che cho những ai không nhận biết được điều mà Thánh kinh của Thượng Đế đã nêu lên, và những ai đứng vào hàng ngũ kẻ vô tâm.

48. Mọi người cha đều được lệnh là phải dạy dỗ con trai cũng như con gái trong nghệ thuật đọc và viết⁷⁶ và tất cả những điều đã được đề ra trong Kinh bản thiêng liêng. Kẻ nào không thi hành lệnh truyền dành cho y, thì những người Thụ ủy phải nhận của y những phương tiện cần thiết để giáo dục con cái y, nếu y giàu có, bằng không thì việc giáo dục sẽ do Tòa Công lý đảm trách. Quả thực, Chúng Ta đã khiến Tòa Công lý trở thành nơi nương náu của người nghèo nàn và người thiếu thốn. Ai nuôi dạy con mình hoặc con người khác, thì coi như là đã dạy dỗ con của Ta; người ấy sẽ nhận được sự vinh quang của Ta, sự từ ái của Ta, sự khoan dung của Ta vốn bao trùm thế giới.
49. Thượng Đế đã quy định phạt tiền đối với mọi người ngoại tình nam cũng như nữ, phải trả cho Tòa Công lý:⁷⁷ chín mithqal vàng, sẽ tăng lên gấp đôi nếu họ tái phạm.⁷⁸ Đó là hình phạt mà Ngài là Đấng Chúa các Danh dành cho họ trong đời này; và Ngài đã an bài cho họ cực hình nhục nhã trong đời sau. Bất cứ ai nếu phạm tội, người ấy phải ăn năn và trở về với Đấng Chúa mình. Quả thực, Ngài ban sự tha thứ cho bất cứ ai Ngài muốn, và không ai được phép chất vấn về điều Ngài muốn an bài. Quả thực, Ngài là Đấng Hằng Tha thứ, Đấng Toàn năng, Đấng Đại Vinh hiển.
50. Hãy lưu ý kéo các người bị các màn vinh quang ngăn trở không cho tiếp nhận nguồn nước trong như pha lê từ Mạch sống này. Các người hãy cầm chắc chén nước giải thoát vào buổi bình minh này trong Danh Ngài là Đấng làm cho ngày bùng sáng, và hãy uống thỏa thích trong sự ngợi ca Ngài là Đấng Toàn vinh, Đấng Bất Khả ti.
51. Chúng Ta đã khiến việc nghe nhạc và ca hát của các người thành hợp pháp.⁷⁹ Tuy nhiên, hãy lưu ý kéo sự nghe nhạc và ca hát khiến các người vượt quá những giới hạn của sự đứng đắn và phẩm giá. Niềm vui của các người hãy là niềm vui này sinh từ Tối Đại Danh của Ta, một Danh đem lại sự hoan lạc cho tâm hồn, và làm đầy sự thông khoái cho trí óc tất cả những ai tiến đến gần Thượng Đế. Quả thực, Chúng Ta đã khiến âm nhạc thành cái thang cho linh hồn các người, một phương tiện giúp nâng linh hồn các người lên cõi thiên thượng; bởi vậy, đừng biến nó thành đôi cánh của tự ngã và dục vọng. Quả thực, Chúng Ta không muốn thấy các người rơi vào hàng ngũ kẻ điên khùng.
52. Chúng Ta đã chỉ dụ rằng một phần ba mọi khoản tiền phạt sẽ được chuyển đến Tòa Công lý, và Chúng Ta khuyên các người trong Tòa ấy tôn trọng công lý thuần túy, để họ có thể chỉ dưng những gì tích lũy được vào mục đích đã được định cho họ bởi Ngài là Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí. Hỡi các người là những Người của Công lý!⁸⁰ Trong thế giới của Thượng Đế, các người hãy trở thành những người chẵn đôi với đàn chiên của Ngài và hãy bảo vệ đàn chiên ấy khỏi lũ sói ưa cắn xé thường xuất hiện dưới lớp ngụy trang, như thể các người canh giữ chính con cái các người vậy. Đấng Cố vấn, Đấng Trung nghĩa đã dạy các người như thế.

53. Nếu sự dị biệt xảy ra giữa các người về bất cứ vấn đề gì, hãy nêu vấn đề ấy lên trước Thượng Đế trong khi vàng Thái dương còn soi rọi trên chân trời của chốn Thiên đàng này, và khi vàng Thái dương lặn đi, các người hãy nêu vấn đề trước bất cứ ai do Ngài phái xuống. Quả thực, điều này đầy đủ cho các dân tộc trên thế giới. Hãy nghe đây: Hỡi dân chúng, đừng để tâm hồn các người xao xuyến khi vinh quang của Thánh nhân Ta vắng bóng và Đại dương Phát ngôn của Ta thình lạng. Trong sự hiện diện của Ta giữa các người ắt có điều minh triết, trong sự vắng bóng của Ta cũng có điều minh triết khác vốn huyền bí đối với tất cả trừ Thượng Đế, Đấng Bất Khả tử, Đấng Toàn tri. Quả thực, Chúng Ta chăm nom các người từ cõi vinh quang của Chúng Ta và sẽ giúp đỡ bất cứ ai đứng lên vì sự thắng lợi của Chánh Đạo Ta bằng các đạo quân của Quân hội thiên thượng và đoàn Thiên thần sùng ái của Chúng Ta.
54. Hỡi các dân tộc trên thế gian! Thượng Đế, Đấng Chân lý Vĩnh cửu làm chứng cho Ta rằng những dòng nước mát xuôi thuận đã tuôn ra từ những khe đá qua sự dịu ngọt của các Thánh ngôn phát ra do Thượng Đế của các người, Đấng vô ngại; còn các người vẫn cứ ngủ mê. Hãy vứt bỏ những gì các người đang có và nương theo đôi cánh giải thoát, hãy vượt lên khỏi tất cả các vật thọ tạo. Đấng Chúa của vạn vật đã dạy các người như thế và sự vận chuyển Ngòi bút của Ngài đã đổi mới hoàn toàn linh hồn nhân loại.
55. Các người có biết Đấng Chúa của các người, Đấng Toàn vinh đã kêu gọi các người từ mấy tầng cao không? Các người há nghĩ rằng các người đã nhận biết Ngòi bút mà Chúa của các người, Đấng Chúa của tất cả các Danh, đã truyền lệnh cho các người? Nhân danh sinh mệnh Ta, Ta bảo thật! Giá như các người biết được điều ấy, các người đã vứt bỏ cả thế giới, và bằng tất cả tâm hồn đã hối hả tìm đến sự hiện diện của Đấng Kính yêu. Tinh thần của các người được Thánh ngôn Ngài nâng cao đến mức vứt bỏ cả Đại vũ trụ thì thế giới nhỏ bé và phụ thuộc này còn đáng kể gì! Đó là những cơn mưa ân phúc của Ta tuôn đổ xuống từ thiên đàng từ ái của Ta, như là một dấu hiệu thiên ân của Ta, để cho các người có thể trở thành những người tri ân.
56. Những hình phạt vì gây thương tích hay đánh đập người khác là tùy ở mức trầm trọng của sự tổn thương; ở mỗi mức độ, Đấng Chúa của sự Phán xét đã qui định một khoản bồi thường nhất định.⁸¹ Quả thực, Ngài là Đấng An bài, Đấng Hùng mạnh, Đấng Chí tôn. Bởi ý chí của Chúng Ta, Chúng Ta sẽ nêu ra những khoản bồi thường này ở những mức độ công minh đây là lời hứa của Chúng Ta, và quả thực, Ngài là Đấng Giữ lời hứa, là Đấng Biết rõ mọi việc.
57. Quả vậy, các người phải cử hành lễ, mỗi tháng một lần,⁸² dù chỉ phục vụ bằng nước lã; vì Thượng Đế đã muốn kết hợp các con tim lại với nhau, bằng cả phương tiện thế gian và phương tiện thiên đàng.
58. Hãy thận trọng kẻo những khát khao xác thịt và xu hướng đòi trụ tạo nên sự chia rẽ giữa các người. Các người hãy trở nên như những ngón tay trong một bàn

tay, như các chi thể của một thân thể. Ngòi bút Mặc Khải đã khuyến cáo các người như thế, mong các người là những kẻ biết tin tưởng.

59. Hãy suy nghiệm về đức khoan dung của Thượng Đế và về các ân huệ của Ngài. Ngài truyền phán cho các người điều gì làm lợi cho các người, dù chính Ngài không cần gì nơi tất cả các tạo vật. Những việc làm xấu xa của các người không bao giờ có thể đi hại cho Chúng Ta, và những việc làm tốt đẹp của các người cũng chẳng đem lại lợi lộc gì cho Chúng Ta. Chúng Ta truyền dạy các người hoàn toàn vì ý muốn của Thượng Đế. Mọi người có kiên thức và linh giác sẽ làm chứng cho điều này.
60. Nếu các người dùng thú hay chim mồi để đi săn, hãy xưng Danh của Thượng Đế khi các người cho chúng đuổi theo con mồi; bấy giờ các người nhận con mồi nào chúng săn được đều hợp pháp, kể cả con mồi đã chết.⁸³ Quả thực, Ngài là Đấng Toàn tri, Đấng Toàn giác. Tuy nhiên, hãy lưu ý, các người chớ đi săn thái quá.⁸⁴ Trong mọi việc, các người hãy đi theo con đường công bằng và vô tư. Ngài là Đấng Xuất phát điểm của Mặc Khải đã truyền lệnh cho các người như thế, ước gì các người có thể thấu hiểu.
61. Thượng Đế đã truyền dạy các người hãy biểu lộ đức từ ái đối với thân tộc của Ta, nhưng Ngài không ban cho họ quyền gì đối với tài sản của người khác.⁸⁵ Quả thực, Ngài là Đấng Tự túc, vượt trên mọi nhu cầu của tạo vật Ngài.
62. Nếu kẻ nào chủ tâm dùng lửa thiêu hủy một cái nhà, thì các người cũng phải đốt kẻ ấy; nếu kẻ nào tự ý đoạt mạng sống của một người khác, thì các người cũng phải xử tử kẻ ấy.⁸⁶ Các người hãy giữ vững các phán lệnh của Thượng Đế bằng tất cả sức mạnh và uy quyền của các người, và hãy từ bỏ những nẻo đường của kẻ ngu dốt. Nếu các người kết án tù chung thân kẻ đốt nhà và kẻ sát nhân, điều đó được cho phép theo các điều khoản của Thánh kinh.⁸⁷ Quả thực, Ngài có quyền năng an bài bất cứ điều gì Ngài muốn.
63. Thượng Đế đã thiết định việc hôn nhân cho các người.⁸⁸ Hãy lưu ý kẻo các người kết hôn quá hai vợ. Ai tự bằng lòng với chỉ một người bạn đời trong các nữ tỳ của Thượng Đế, thì cả chàng và nàng sẽ sống trong cảnh an nhàn,⁸⁹ và người nào nhận sự phục vụ của một tớ gái thì phải giữ mình đứng đắn.⁹⁰ Đó là phán lệnh, đúng với sự thực và lẽ công bình, đã được ghi chú bởi Ngòi bút Mặc Khải. Hỡi dân chúng, hãy bước vào vòng hôn nhân để các người có thể tạo nên kẻ sẽ ca ngợi Ta giữa các tôi tớ của Ta. Đây là phán lệnh Ta truyền cho các người; hãy giữ chắc lấy nó như là một ơn phò trợ đối với các người.⁹¹
64. Hỡi nhân dân thế giới! Chớ nghe theo sự thôi thúc của tự ngã, vì nó chắc chắn dẫn đến sự đồi bại và thú tính; mà nên nghe theo Ngài là Đấng Sở hữu tất cả các vật thọ tạo, Đấng truyền dạy các người hãy tỏ lòng sùng kính và biểu hiện lòng kính sợ Thượng Đế. Quả thực, Ngài độc lập đối với tất cả tạo vật của Ngài. Hãy lưu ý kẻo các người tạo nên mối bất hòa trong nước sau khi nó đã được an định. Kẻ nào hành

động như thế thì không thuộc về Chúng Ta, và Chúng Ta từ bỏ hẳn. Đó là phán lệnh được biểu hiện từ Thiên đàng Mặc khải bằng quyền lực của Chân Lý.

65. Đã có sự thiết định trong Kinh Bayan rằng việc hôn nhân tùy thuộc sự ưng thuận của đôi bên. Do muốn thiết lập tình yêu, sự thống nhất và hòa hợp giữa các tột tở của Chúng Ta, khi ý muốn của đôi trai gái được tỏ bày, Chúng Ta đã quy định việc hôn nhân phải tùy thuộc sự cho phép của hai bên cha mẹ,⁹² để cho giữa họ không xảy ra sự thù nghịch và ác ý. Trong quy định này, Chúng Ta còn có những chủ đích khác nữa. Điều răn của Chúng Ta đã an bài như thế.
66. Không cuộc hôn nhân nào được kết ước mà không trả khoản sính lễ,⁹³ là khoản được ấn định cho cư dân đô thị là mười chín mithqal vàng ròng, và cho cư dân thôn xã cũng số lượng như thế bằng bạc.⁹⁴ Ai muốn tăng số này, thì cấm vượt quá chín mươi lăm mithqal. Phán lệnh đã được viết như thế trong sự trang nghiêm và uy quyền. Tuy nhiên, nếu người con trai bằng lòng với khoản tiền trả thấp nhất, thì tốt nhất là theo như quy định trong Thánh kinh.⁹⁵ Quả thực, Thượng Đế ban sự giàu có cho bất cứ ai Ngài muốn, bằng cả phương tiện trần tục và thiêng liêng, và quả thực, Ngài có quyền năng trên mọi sự.
67. Thượng Đế đã hạ chỉ rằng, nếu kẻ tột tở nào của Ngài dự tính đi du lịch, thì phải xác định cho người vợ biết rõ khi nào mình trở về nhà.⁹⁶ Nếu người ấy trở về đúng thời gian đã hứa, người ấy đã tuân theo phán lệnh của Chúa mình và được Ngài bút thiên mệnh của Ngài ghi tên trong số những người công nghĩa; trái lại, nếu vì lý do chính đáng khiến trễ hạn, người ấy phải thông báo cho vợ biết và phải hết sức cố gắng trở về với vợ. Nếu hai trường hợp này không xảy ra, người vợ phải chờ trong thời gian chín tháng, sau đó không có điều gì ngăn cản người vợ lấy chồng khác;⁹⁷ nhưng nếu người vợ chờ lâu hơn, thì quả thực, Thượng Đế yêu thương những người đàn bà và đàn ông biểu lộ lòng kiên nhẫn. Các người hãy tuân tòng các điều răn của Ta và chớ nghe theo kẻ dữ, là những kẻ bị kể là tội nhân trong Kinh bản Thiêng liêng của Thượng Đế. Nếu trong thời gian chờ đợi, người vợ nhận được tin chồng, thì nàng nên chọn lối cư xử xứng đáng.⁹⁸ Quả thực, Ngài muốn rằng các tột trai và tở gái của Ngài sống bình an với nhau; hãy lưu ý kéo các người làm điều gì gây ra sự đối đầu quyết liệt giữa các người. Như thế chỉ dụ đã được ấn định và lời hứa sẽ được thực hiện. Tuy nhiên, nếu người vợ nhận được tin là người chồng đã chết hoặc bị giết, và nếu tin này được xác nhận bằng báo cáo thông thường, hoặc bằng sự làm chứng của hai người đứng đắn,⁹⁹ thì nàng nên ở vậy một mình; rồi, sau khi mãn số tháng đã định, nàng được tự do lựa chọn hướng hành động. Đó là mệnh lệnh của Ngài là Đấng Uy quyền và Hùng mạnh khi truyền lệnh.
68. Nếu có sự oán giận hoặc ác cảm xảy ra giữa chồng và vợ, người chồng không được ly dị vợ mà phải giữ sự kiên nhẫn suốt thời gian một năm trọn,¹⁰⁰ để may ra hương thơm tình cảm có thể hồi phục giữa hai người. Nếu hết thời gian này, mà tình yêu của họ không phục hồi, thì họ được phép ly dị. Quả thực, đức minh triết của Thượng Đế bao trùm vạn vật. Trong một Kinh bản được Ngài bút phán lệnh của Ngài ghi chép, Đấng Chúa đã cấm lối hành động cũ khi người ly dị một người đàn bà tới ba lần.¹⁰¹ Ngài làm điều này như một ân huệ về phía Ngài, để các người có thể được kể trong số những người biết tạ ơn. Người chồng đã ly dị vợ, mỗi tháng

trôi qua, có thể tái kết hôn với nàng, khi có tình cảm và sự ưng thuận với nhau, miễn là nàng chưa lấy chồng khác. Nếu nàng đã kết hôn, và do cuộc hôn nhân mới ấy, sự ly dị đã khẳng định và vấn đề đã kết thúc, trừ khi rõ ràng là hoàn cảnh của nàng thay đổi.¹⁰² Chỉ dụ đã được ghi như thế một cách uy nghiêm trong Kinh bản vinh quang này bởi Ngài là chốn Bình minh của Đấng Mỹ lệ.

69. Nếu người vợ theo chồng trên đường du lịch, và sự bất đồng xảy ra giữa họ trong cuộc hành trình, người chồng phải cung cấp chi phí cho vợ trọn một năm, rồi hoặc cho nàng trở về nơi đã ra đi, hoặc phó thác nàng cho một người đáng tin cậy để đưa nàng về nhà cùng với những thứ cần thiết cho chuyến đi của nàng. Quả thực, Chúa người truyền phán điều Ngài thích, bởi quyền ngự trị của Ngài bao trùm các dân tộc trên trái đất.
70. Nếu một phụ nữ bị ly dị do hậu quả của hành động thất tín có bằng chứng, nàng sẽ không nhận được tiền cấp dưỡng trong thời gian chờ đợi. Như thế Mặt trời phán lệnh của Chúng Ta đã chiếu rọi huy hoàng trên bầu trời công lý. Quả thực, Đấng Chúa yêu sự sum vầy và hòa hợp, và ghét sự phân cách và ly dị. Hỡi dân chúng, các ngươi hãy sống với nhau trong sự trong sáng và niềm vui. Nhân danh sinh mệnh Ta! Mọi sự trên thế gian đều sẽ qua đi, trong khi chỉ các hành vi lương hảo là trường tồn; chính Đấng Thượng Đế làm chứng cho các chân lý trong các ngôn từ của Ta. Hỡi các tôi tớ của Ta, hãy dàn xếp những dị biệt của các ngươi, rồi các ngươi hãy lưu ý tới lời khuyên của Ngòi bút Vinh quang của Chúng Ta và chớ nghe theo những kẻ kiêu ngạo và lầm lạc.
71. Hãy lưu ý kẻ thế giới này căm đố các ngươi như nó đã căm đố bao người đi qua trước các ngươi! Hãy tuân theo các quy chế và phán lệnh của Chúa các ngươi, và các ngươi hãy bước đi trên con Đường này vốn trải ra trước các ngươi trong sự công nghĩa và chân lý. Những người lánh xa sự bất công và lầm lạc, những người giữ đức hạnh, trước mắt Đấng Thượng Đế chân chính duy nhất, là những người tinh tuyền nhất giữa chúng sinh của Ngài; tên của họ được Quàn hội trong các thế giới Thiên thượng biểu dương, và được ca ngợi bởi những người sống trong Đền tạm được dựng lên nhân danh Thượng Đế.
72. Các ngươi bị cấm buôn nô lệ, bất kể là nam hay nữ. Một người là tôi tớ không được mua một tôi tớ khác của Thượng Đế, và điều này đã bị cấm trong Kinh bản Thiêng liêng của Ngài. Bởi lượng từ bi của Ngài, phán lệnh này đã được ghi bởi Ngòi bút công lý của Ngài. Không ai được tự tôn mình lên cao hơn người khác; tất cả đều là nô lệ trước Đấng Chúa, và tất cả đều chứng minh chân lý rằng không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Quả thực, Ngài là Đấng Toàn trí, mà sự khôn sáng bao trùm vạn vật.
73. Các ngươi hãy tự trang sức bằng chiếc áo hành vi lương hảo. Người có những hành vi đạt được sự hài lòng của Thượng Đế thì chắc chắn thuộc vào hàng con dân Đấng Baha và được nhắc nhớ trước ngòi của Ngài. Các ngươi hãy giúp Đấng Chúa của tất cả tạo vật bằng những việc công nghĩa, cũng như bằng sự khôn sáng và lời nói nữa. Hẳn nhiên, các ngươi được phán dạy như thế trong phần lớn các Kinh bản

bởi Ngài là Đấng Đại Từ bi. Quả thực, Ngài biết điều gì Ta truyền phán. Đừng ai tranh dành với người khác, và đừng linh hồn nào giết linh hồn khác; quả thực, đây là điều cấm các người trong một quyền Thánh kinh được cất dấu nơi Điện thờ Vinh quang. Lạ này! Các người há lại giết kẻ mà Thượng Đế đã làm sinh động, kẻ mà Ngài đã ban cho tinh thần bằng hơi thở của Ngài? Như thế, sự vấp phạm của các người thật trầm trọng trước ngôi báu của Ngài! Hãy sợ Thượng Đế và đừng vung bàn tay bất công và áp bức để hủy diệt những gì chính Ngài đã dựng lên; trái lại, các người hãy đi trên đường của Thượng Đế, Đấng Chân thực. Ngay khi các đạo quân tri thức chân chính xuất hiện, mang theo những linh kỳ của sự phát ngôn Thiên liêng, thì các bộ lạc trong các tôn giáo đều tháo chạy, chỉ trừ những người muốn uống nơi dòng nước sự sống đời đời trong một Thiên đàng được tạo nên bởi hơi thở của Đấng Toàn vinh.

74. Bởi lượng từ bi của Ngài đối với chúng sinh, Đấng Thượng Đế đã chỉ dụ rằng tinh dịch không phải là bất khiết.¹⁰³ Hãy dâng lên Ngài lời tạ ơn, với niềm vui và sự trong sáng, và chớ đi theo những kẻ cách xa chốn Hùng đông của sự gần gũi Ngài. Trong mọi hoàn cảnh, các người hãy đứng lên phụng sự Chánh Đạo, vì Thượng Đế chắc chắn sẽ giúp các người bằng sức mạnh quyền ngự trị của Ngài hằng bao trùm các thế giới. Các người hãy bám vào sợi dây thanh lịch¹⁰⁴ một cách nghiêm nhặt đến nỗi không một vết bẩn nào xuất hiện trên y trang các người. Đó là mệnh lệnh của Ngài là Đấng vượt khỏi mọi sự luyến lọc. Ai không theo được tiêu chuẩn này vì có lý do chính đáng thì không bị trách phạt. Quả thực, Thượng Đế là Đấng Tha thứ, Đấng Từ bi. Các người hãy rửa mọi vật vấy bẩn bằng nước không trải qua sự thay đổi nào bằng một trong ba cách;¹⁰⁵ hãy lưu ý đừng dùng nước đã đổi thay do phơi ra trước không khí hoặc trước một nhân tố nào khác. Các người hãy là tinh hoa của sự sạch sẽ giữa loài người. Quả thực, đây là điều mà Đấng Chúa của các người, Đấng Bất khả ti, Đấng Toàn trí, ước muốn cho các người.
75. Còn một hồng ân khác nơi sự hiện diện của Thượng Đế, là Ngài đã xóa bỏ quan niệm về “sự bất khiết” đối với một số vật và người đã bị xem là không trong sạch.¹⁰⁶ Hẳn nhiên, Ngài là Đấng Hằng Tha thứ, Đấng Đại Khoan dung. Quả thực, vạn vật đều đắm mình trong đại dương thanh tẩy, kể từ ngày đầu tiên Thánh lễ Ridvan ấy,¹⁰⁷ khi Chúng Ta ban rải trên toàn thể tạo vật vẻ huy hoàng của các Danh tuyệt hảo nhất của Chúng Ta và các Đặc tính cao cả nhất của Chúng Ta. Quả thực, đây là dấu hiệu quan phòng ưu ái của Ta, vốn bao trùm tất cả các thế giới. Các người hãy hòa mình với tín đồ tất cả các tôn giáo, và các người hãy tuyên ngôn Chánh Đạo của Chúa các người, Đấng Đại từ bi; đây là vương miện của các hành vi, nếu các người là những kẻ thông hiểu.
76. Thượng Đế đòi hỏi các người phải giữ sự sạch sẽ tuyệt đối, tới mức độ là phải rửa sạch những gì bám bụi, chớ đừng nói là đất dính cứng và sự nhờn tương tự. Hãy sợ Ngài, và hãy trở nên người trong sạch. Nếu áo người nào dơ rõ ràng, thì lời cầu nguyện của người đó sẽ không lên tới Thượng Đế, và Quân hội Thiên thượng sẽ khước từ y. Hãy sử dụng nước hoa hồng và hương thơm tinh khiết; quả thực, đây là điều Thượng Đế hằng yêu thích kể từ lúc đầu không có khởi thủy, để cho từ các người có thể thoát ra cái mà Đấng Chúa của các người, Đấng Bất khả ti, Đấng Toàn trí, ưa thích.

77. Thượng Đế đã miễn trừ cho các ngươi phán lệnh đã ghi trong Kinh Bayan¹⁰⁸ liên quan tới việc hủy bỏ các sách.¹⁰⁹ Chúng Ta đã cho phép các ngươi đọc những khoa học có lợi cho các ngươi, chứ không phải những thứ kết thúc bằng sự tranh chấp vô bổ;¹¹⁰ điều này thật tốt đẹp cho các ngươi, nếu các ngươi là những người thấu hiểu.
78. Hỡi các vua trên trái đất! Ngài là Đấng Chúa tối cao của vạn vật đã đến. Vương quốc là của Thượng Đế, Đấng Phò trợ toàn năng, Đấng Tự tồn. Chớ thờ phượng ai ngoài Thượng Đế, và với tâm hồn trong sáng, hãy ngược mặt về phía Chúa của các ngươi, Đấng Chúa của tất cả các danh. Đây là một Mặc khải mà bất cứ thứ gì các ngươi đang có đều không thể sánh được, ước gì các ngươi biết rõ.
79. Chúng Ta thấy các ngươi mừng vui trong những thứ mà các ngươi tích tụ cho kẻ khác, và tự cô lập các ngươi bên ngoài những Thế giới mà chỉ các Kinh bản bí nhiệm của Ta mới biết rõ. Những kho tàng mà các ngươi tạo dựng đã lôi kéo các ngươi rời xa mục tiêu cao cả của các ngươi. Ước chi các ngươi biết rằng điều đó không xứng đáng với các ngươi. Hãy tẩy sạch tâm hồn các ngươi khỏi tất cả những bợn nhơ thế tục, và hãy mau bước vào Vương quốc của Chúa các ngươi, Đấng Sáng tạo đất và trời, Đấng làm cho thế giới rung chuyển và tất cả các dân tộc khóc than, chỉ trừ những kẻ đã từ bỏ mọi sự và bầu chặt vào những điều đã được truyền phán trong Kinh bản Huyền nhiệm.
80. Đây là Ngày mà Đấng hội thoại cùng Thượng Đế,¹¹¹ đã đạt tới ánh sáng Đấng Cố cựu của các Thời đại, và uống cạn những dòng nước hội ngộ thanh khiết trong chiếc Tách này vốn đã khiến các đại dương dâng đầy. Hãy nghe đây: Nguyên bởi Đấng Thượng Đế Chân chính Duy nhất! Vùng Sinai¹¹² đang bao quanh Đấng Bình minh Mặc khải, trong khi từ các đỉnh cao của Vương quốc Ta nghe Giọng nói của Thánh linh Thượng Đế¹¹³ tuyên bố: “Hãy trở nên sinh động hội những kẻ kiêu ngạo trên thế gian, và hãy mau đến với Ngài”. Trong Ngày này, núi Carmel đã hồi hả đạt tới triều đường của Ngài với lòng háo hức thờ phượng, trong khi đó từ giữa lòng vùng Zion,¹¹⁴ lại vang lên tiếng gọi: “Lời hứa hẹn đã hoàn tất. Điều hằng được công bố trong Thánh kinh của Thượng Đế, Đấng Cao cả Nhất, Đấng Toàn năng, Đấng Kính yêu nhất, đã được biểu hiện”.
81. Hỡi các vua trên trái đất! Luật Tối đại đã được mặc khải ở Địa điểm này, trong khung cảnh huy hoàng thiên thượng này. Mọi điều bí nhiệm đã được đem ra ánh sáng bởi Ý chí của Đấng Truyền lệnh Tối cao, Đấng đã khai minh Giò Cuối cùng, Đấng đã khiến Mặt trăng bị chẻ ra, và khiến các chi dụ bất thối chuyển được minh giải.
82. Hỡi các vua trên trái đất, các ngươi chỉ là vua chư hầu! Ngài là Đấng Vua của các Vua đã xuất hiện, phục sức bằng hào quang diễm ảo nhất của Ngài, và đang kêu gọi các ngươi đến với Ngài, Đấng Cứu khổ Cứu nạn, Đấng Tự tồn. Hãy lưu ý kéo thối kiêu ngạo ngăn trở các ngươi trong việc nhận biết Nguồn cội của Mặc khải, kéo các sự vật của thế giới này trở thành bức màn ngăn cách giữa các ngươi và Ngài, là Đấng Sáng tạo thiên đàng. Hãy đứng lên và phụng sự Ngài là Đấng Khát khao

của tất cả các quốc gia, Đấng tạo nên các ngươi chỉ bằng một lời phán của Ngài, và truyền rằng các ngươi phải là biểu tượng quyền ngự trị của Ngài trong mọi thời đại.

83. Nhân danh sự công chính của Thượng Đế! Chúng Ta không hề có ý muốn đặt tay lên vương quốc của các ngươi. Sứ mệnh của Chúng Ta là nắm giữ và sở hữu tâm hồn loài người. Đòi mất Đấng Baha đang nhìn vào những tâm hồn đó. Vương quốc của các Danh minh chứng cho điều này, phải chỉ các ngươi hiểu được như thế. Ai theo Chúa của mình, người ấy sẽ từ bỏ thế giới và mọi thứ ở trong đó; như thế sự thoát tục của Đấng đạt tới cương vị cao cả ấy còn lớn lao hơn biết bao. Hãy rời bỏ cung điện của các ngươi; hãy mau tìm cách bước vào Vương quốc của Ngài. Tất nhiên điều này có lợi cho các ngươi trong thế giới này cũng như trong thế giới sau. Đấng Chúa của thế giới thiên thượng chúng nhận cho điều này, phải chỉ các ngươi hiểu được như thế.
84. Nguồn ơn phước lớn lao biết bao đang chờ đợi vị vua nào sẽ đứng lên giúp Chánh Đạo của Ta trong Vương quốc của Ta, là người sẽ dứt bỏ hết mọi sự ngoài Ta! Một vị vua như thế sẽ được kể vào hàng những người đồng hành trên Thuyền Crimson (Đỏ thắm),¹¹⁵ chiếc Thuyền mà Thượng Đế đã chuẩn bị cho con dân Đấng Baha. Tất cả phải tôn vinh vị vua ấy, phải quý trọng cương vị người và giúp người mở cửa các thành phố bằng những chiếc chìa khóa của Danh Ta, Đấng Phò trợ Toàn năng của tất cả những ai sinh sống trong các vương quốc hữu hình và vô hình. Một vị vua như thế chính là con mắt của nhân loại, chính là vật trang sức lóng lánh trên vàng trán của tạo vật, chính là nguồn ơn phước của cả thế giới. Hỡi con dân Đấng Baha, hãy dâng hiến bản thể, hoặc hơn nữa, chính mạng sống của các ngươi để giúp vị vua ấy.
85. Hỡi Hoàng Đế Áo quốc! Ngài là Đấng Bình minh Ánh sáng của Thượng Đế đã sống tại lao tù Akka khi mà ngươi thu xếp để viếng thăm Aqsa Mosque.¹¹⁶ Ngươi đã đi qua nơi Ngài ở mà không tìm hiểu gì về Ngài, là Đấng đã khiến cho mọi nhà được tôn vinh và mọi cửa cổng cao được mở rộng. Quả thực, Chúng Ta đã biến địa điểm ấy thành một nơi cả thế giới phải hướng về, để mọi người có thể tưởng nhớ Ta, trong khi đó ngươi lại từ bỏ Ngài là Đối tượng của sự tưởng nhớ này, khi Ngài xuất hiện cùng với Vương quốc của Thượng Đế, Đấng Chúa của ngươi và Đấng Chúa của tất cả các thế giới. Chúng Ta vẫn luôn luôn ở cùng ngươi và thấy ngươi bám chắc vào Cành mà không chú ý tới Rễ. Quả thực, Chúa của ngươi làm chứng cho điều Ta phán. Chúng Ta phiền muộn khi thấy ngươi xoay quanh Danh của Chúng Ta mà không biết tới chính Chúng Ta dù Chúng Ta vẫn hằng ở trước mặt ngươi. Ngươi hãy mở mắt để có thể nhận thấy Linh ảnh vinh quang này và nhận biết Ngài là Đấng mà ngươi van nài ngày cũng như đêm, và chú mục vào nguồn Ánh sáng đang chiếu rọi nơi Chân trời rực sáng này.
86. Nay! Hỡi Vua Bá linh!¹¹⁷ Hãy lắng nghe Giọng nói gọi lên từ Ngôi đền biểu hiện này: “quả thực, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ta, Đấng Vĩnh Cửu, Đấng Vô song, Đấng Cố Cự của các Thời đại”. Hãy thận trọng kéo sự kiêu ngạo ngăn ngươi nhận biết Đấng Bình minh của Mặt Khải Thiêng liêng, kéo thú vui trần tục, như một bức màn, ngăn che ngươi với Đấng Chúa của Ngôi cao ở trên trời và dưới đất. Đó là điều mà Ngòi bút của Đấng Tối cao khuyên dạy ngươi. Quả thực, Ngài là

Đấng Đại Từ bi, Đấng Toàn phúc. Người còn nhớ chăng kẻ^a mà uy quyền vượt hẳn uy quyền của người, mà cương vị cao trỗi hơn cương vị của người?¹¹⁸ Kẻ ấy nay đâu? Và những thứ thuộc về kẻ ấy bây giờ ở đâu? Hãy lưu ý, chớ để mình rơi vào hàng ngũ những kẻ ngủ mê. Kẻ ấy đã vứt bỏ Kinh bản của Thượng Đế khi Chúng Ta cho y biết những điều mà các đạo quân của bạo quyền đã làm cho Chúng Ta đau khổ. Bởi vậy, sự bất hạnh đã vây phủ y khắp mọi phía và y rơi xuống bùn như với sự thua thiệt lớn lao. Hỡi Đức Vua, hãy suy ngẫm kỹ về kẻ ấy và về những kẻ, giống như người, đã chinh phục bao nhiêu thành phố và cai trị bao nhiêu người. Đấng Đại Khoan dung đã kéo họ từ các cung điện xuống các huyết mộ. Hãy lưu ý, hãy làm những kẻ biết suy nghĩ.

87. Chúng Ta không xin gì ở các người cả. Quả thực, nhân danh Thượng Đế, Chúng Ta chỉ khuyến cáo các người, và sẽ tiếp tục kiên nhẫn như đã từng kiên nhẫn trước những điều do tay các người đã dành cho Chúng Ta, hỡi quần hội các vua.

88. Hỡi các Nhà cầm quyền ở Mỹ châu và các vị Tổng thống của những nền Cộng hòa nơi đó, các người hãy lắng nghe những điều mà chim Bò câu đang hót líu lo trên Cành cây Bất diệt: “Không có Thượng Đế nào khác ngoài Ta, Đấng Vĩnh cửu, Đấng Khoan dung, Đấng Toàn Phúc”. Các người hãy trang sức vàng trân công quyền bằng công lý và sự kính sợ Thượng Đế, và trang sức cái đầu công quyền bằng mào miện sự tưởng nhớ đến Chúa của các người, Đấng Sáng tạo các cõi trời. Đó là điều mà Đấng Bình minh của các Danh đã khuyên nhủ các người theo sự truyền phán của Ngài, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí. Đấng Hứa hẹn đã xuất hiện trong Cương vị vinh quang này, nhờ đó mà vạn vật hữu tướng và vô tướng đều mừng vui. Các người hãy tiếp nhận quả phúc trong Ngày của Thượng Đế. Quả thực, được gặp Ngài là điều tốt đẹp cho người hơn bất cứ điều gì khác dưới bóng mặt trời, phải chi các người hiểu được điều ấy. Hỡi tập thể các nhà cầm quyền! Hãy lắng nghe điều được thốt nên từ Đấng Bình minh Vĩnh đại: “Quả thực, không có Đấng Thượng Đế nào khác ngoài Ta, Đấng Chúa của Ngôn từ, Đấng Toàn tri”. Các người hãy nâng đỡ những người kiệt quệ bằng bàn tay công lý, và đập tan kẻ áp bức đã trở nên hung thịnh, bằng ngọn roi các giới răn của Chúa các người, Đấng An bài, Đấng Toàn trí.

89. Hỡi nhân dân ở Constantinople!¹¹⁹ Lại thay, Chúng Ta nghe giữa các người tiếng rúc báo họa của chim cú. Có phải cái say dục vọng đã tóm lấy các người, hay là các người đang đắm chìm trong sự vô tâm? Hỡi Địa điểm nằm trên bờ hai biển cả!¹²⁰ Quả thực, ngôi bạo quyền đã được thiết đặt trên người và lửa hận thù đã được nhen lên trong lòng người, tới mức mà Quần hội nơi Thượng giới và các vị tề tựu quanh Ngôi Cao cả đã phải rên siết khóc than. Chúng Ta nhận thấy ở trong người những kẻ điên khùng đang ngự trị trên những người khôn ngoan, và bóng tối đang hờm hĩnh đối nghịch cùng ánh sáng. Quả nhiên, nơi người đang đầy sự kiêu căng lộ liễu. Sự huy hoàng bề ngoài của người có thể làm cho người hãnh diện được sao? Nhân danh Ngài là Đấng Chúa của loài người! Sự huy hoàng ấy sẽ tàn rụi nhanh, và những trang thiếu nữ cùng các quả phụ và tất cả những chủng tộc đang sống trong người đều sẽ khóc than. Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí báo cho người hay như thế.

90. Hồi đôi bờ sông Rhine!¹²¹ Chúng Ta thấy người mang đầy những vết máu, vì chung những lưỡi kiếm trách phạt đã được tuốt ra để chống người; và một vận mạng khác đang được dành cho người. Chúng Ta đã nghe tiếng khóc than của Bá linh dù hiện nay nó đang ở trong cảnh vinh quang rạng rỡ.
91. Hồi vùng đất (tên là) Ta,^b ¹²² đừng để điều gì làm cho người phải rên siết, vì Thượng Đế đã chọn người để làm nguồn mạch hoan lạc cho toàn thể nhân loại. Nếu Ngài muốn, Ngài sẽ ban phước cho ngài vàng người bằng một nhân vật sẽ cai trị theo công lý, người sẽ gom lại đàn chiên của Thượng Đế mà lũ sói đã làm phân tán. Một nhà cai trị như thế sẽ hướng mặt về và sẽ ban phát nhiều ân huệ cho con dân Đấng Baha với niềm vui và sự hải lòng. Tất nhiên, dưới mắt Thượng Đế, nhà cai trị ấy được coi như châu ngọc giữa loài người. Người sẽ được tiếp nhận đời đời vinh quang của Thượng Đế và vinh quang của tất cả các vị an trú trong vương quốc mặc khải của Ngài.
92. Hãy hân hoan với niềm vui lớn lao, vì Thượng Đế đã biến người thành “Bình minh ánh sáng của Ngài”, bởi lẽ nơi người đã giáng sinh Đấng Biểu Hiện Vinh quang của Ngài.¹²³ Hãy vui mừng vì danh này đã được ban cho người danh mà qua đó vàng Thái dương ân phúc tỏa ánh huy hoàng, nhờ vậy cả bầu trời và trái đất được soi sáng.
93. Không bao lâu nữa tình trạng các sự việc nơi người sẽ thay đổi, và dây cương uy quyền sẽ rơi vào tay dân chúng. Quả thực, Chúa của người là Đấng Toàn tri. Uy quyền của Ngài bao trùm vạn vật. Hãy vững tin nơi phúc ân ưu ái của Chúa người. Mắt từ ái của Ngài mãi mãi vẫn hướng về người. Đã gần đến ngày mà sự biến động của người sẽ đổi thành sự an bình và tĩnh lặng. Đó là điều đã được truyền phán trong thánh kinh kỳ diệu.
94. Hồi vùng đất (tên là) Kha!^c ¹²⁴ Từ nơi người Chúng Ta nghe giọng nói của các bậc anh hùng cất lên để tôn vinh Chúa người, Đấng Toàn hữu, Đấng Chí tôn. Phúc cho cái ngày khi mà linh kỳ của các Danh thiêng liêng sẽ được dương cao trong thế giới tạo vật nhân Danh Ta, Đấng Toàn vinh. Vào ngày ấy, những người trung tín sẽ mừng vui trong sự thành công của Thượng Đế, và những kẻ vô tín sẽ khóc than.
95. Không ai được tranh cãi với những người nắm quyền lãnh đạo dân chúng; hãy nhường cho họ cái gì thuộc về họ, và hướng sự chú ý của các người tới tâm hồn của con người.
96. Hồi Đại dương Hùng vĩ Nhất! Hãy tung lên cho các nước những gì mà Người được phú cho bởi Ngài là Đấng Chúa Vĩnh cửu, và hãy trang sức vàng trún của tất cả các cư dân trên trái đất bằng lớp áo luật pháp của Ngài, nhờ đó tất cả các tâm hồn sẽ mừng vui và tất cả các con mắt đều rực sáng.
97. Nếu một người có một trăm mithqal vàng, thì mười chín mithqal của số vàng đó thuộc về Thượng Đế và phải dâng lên Ngài,¹²⁵ Đấng Sáng tạo trời và đất. Hồi dân chúng, hãy lưu ý kẻo các người tự đánh mất ơn phước to lớn này. Chúng Ta

thiết định Luật này cho các ngươi, dù rằng Chúng Ta hoàn toàn độc lập đối với các ngươi và đối với mọi người ở các cõi trời và cõi đất; bên trong phán lệnh này ẩn chứa những điều khôn ngoan và những lợi ích vượt khỏi sự hiểu biết của bất cứ ai ngoại trừ Thượng Đế, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn giác. Thực tế, bằng phán lệnh này, Thượng Đế muốn thanh tẩy những gì các ngươi sở hữu và giúp các ngươi đạt tới gần những cương vị mà không ai có thể hiểu thấu, ngoại trừ những người được Thượng Đế cho hiểu. Quả thực, Ngài là Đấng Đại lượng, Đấng Ban ân, Đấng Từ bi. Hỡi dân chúng! Đừng hành động bất tín trong vấn đề Quyền của Thượng Đế, và đừng quên thi hành điều đó ngoại trừ Ngài cho phép. Đó là điều Ngài phán trong những Kinh bản thiêng liêng và trong Thánh kinh cao cả này. Ai cư xử bất tín với Thượng Đế, thì sẽ gặp phải điều bất công; nhưng ai hành động đúng với phán lệnh của Thượng Đế, thì sẽ nhận được thiên phúc từ thiên đàng từ bi của Chúa mình, Đấng Ban cho, Đấng Từ bi, Đấng Đại lượng, Đấng Cổ cựu của các Thời đại. Quả thực, Ngài muốn cho các ngươi những điều hiện nay vượt khỏi tầm hiểu biết của các ngươi, nhưng các ngươi sẽ hiểu biết những điều ấy, sau đời sống phù du này, khi linh hồn các ngươi tung bay lên cõi trời, và những ràng buộc của thú vui vật chất được thu lại. Đấng Sở hữu Kinh bản Bảo tồn này đã cảnh cáo các ngươi như thế.

98. Nhiều thư thỉnh cầu của các tín đồ đã đến trước Ngôi của Chúng Ta, liên quan đến luật pháp của Thượng Đế, Đấng Chúa của giới hữu tướng và vô tướng, Đấng Chúa của tất cả các thế giới. Do đó, Chúng Ta đã mặc khải Kinh bản Thiêng liêng này và tô điểm cho nó bằng chiếc áo Luật pháp của Ngài để dân chúng có thể tuân giữ các điều răn của Chúa mình.¹²⁶ Nhiều năm trước, những lời thỉnh cầu tương tự cũng đã được gửi đến Chúng Ta, nhưng bởi đức minh triết của Chúng Ta, Chúng Ta đã kiềm giữ Ngôi bút của Chúng Ta cho đến những ngày gần đây, một số các đạo hữu lại gửi thư đến, và vì vậy Chúng Ta đã đáp ứng bằng điều sẽ làm sinh động trái tim nhân loại, nhờ sức mạnh của chân lý.
99. Nay: Hỡi những người lãnh đạo tôn giáo! Không nên ước lượng giá trị Thánh kinh của Thượng Đế bằng những tiêu chuẩn và khoa học hiện phổ biến giữa các ngươi, bởi vì bộ Thánh kinh chính nó là cái Cân không sai lầm đã được thiết lập giữa loài người. Tất cả những gì mà các dân tộc, các chủng loại trên mặt đất này có được, sẽ được cân lường bằng cái Cân hoàn hảo nhất này, và cân lường của nó phải được xác nghiệm bằng chính tiêu chuẩn của nó, ước gì các ngươi hiểu được điều này.
100. Mắt từ ái của Ta đón đau khóc lóc cho các ngươi, vì các ngươi đã thất bại không nhận biết được Ngài là Đấng mà các ngươi chờ mong ngày cũng như đêm, chiều cũng như mai. Hỡi dân chúng, với vẻ mặt trắng như tuyết và với tâm hồn trong sáng, hãy tiến tới Vùng đỏ thắm¹²⁷ được chúc phúc, nơi mà Sadratul Muntaha¹²⁸ đang cất tiếng gọi: “Quả thực, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ta, Đấng Phù trợ Toàn năng, Đấng Tự tồn!”.
101. Hỡi các ngươi là những người lãnh đạo tôn giáo! Ai trong các ngươi có thể theo kịp Ta về thần thức và nội giác? Có kẻ nào dám tuyên xưng là đồng đẳng với Ta trong sự phát ngôn và sự thông tuệ? Chắc chắn là không. Nhân danh Chúa của Ta, Đấng Khoan thứ Hoàn toàn! Mọi sự trên thế gian đều sẽ qua đi; còn đây là Thánh nhan của Chúa ngươi, Đấng Toàn năng, Đấng Kính yêu.

102. Hỡi dân chúng, Chúng Ta đã phán rằng mục đích cuối cùng và cao cả nhất của mọi sự học là nhận biết Đấng làm Đối tượng của tất cả kiến thức; và tiếc thay, các người đã để cho sự học của các người trở thành bức màn ngăn cách các người với Ngài là Đấng Bình minh của Nguồn Ánh sáng này, qua Ngài mọi sự bí nhiệm đã được khai lộ. Phải chỉ các người khám phá được, nguồn xuất phát về huy hoàng của sự phát ngôn này, các người sẽ từ bỏ mọi dân tộc trên thế giới và mọi vật họ sở đắc, để tiến đến gần Trung tâm Vinh quang đặc phúc nhất này.
103. Hãy biết rằng: Quả thực, đây là thiên đàng, nơi tàng trữ bộ Mẫu Kinh,¹²⁹ ước gì các người thông hiểu điều này. Chính Ngài là Đấng khiến cho Đá phải gào thét, và khiến cho Bụi gai phải cất tiếng trên Ngọn núi đứng sừng nơi Thánh địa và tuyên ngôn rằng: “Vương quốc thuộc về Thượng Đế, Đấng Chúa Tối cao của mọi người, Đấng Uy lực Hoàn toàn, Đấng Từ ái”.
104. Chúng Ta không hề bước vào một trường học nào và không hề đọc một bài luận thuyết nào của các người. Hãy lắng tai nghe những ngôn từ của Đấng Bất học này khi Ngài kêu gọi các người trở về cùng Thượng Đế, Đấng Vĩnh cửu. Điều này ích lợi cho các người còn hơn tất cả các kho tàng trên thế gian, ước gì các người hiểu được điều này.
105. Kẻ nào diễn giải những điều đã được truyền xuống từ thiên đàng Mặc khai và làm thay đổi ý nghĩa hiển nhiên của những điều đó,¹³⁰ kẻ ấy chắc chắn bị liệt vào hàng những kẻ xuyên tạc Thánh ngôn Cao cả của Thượng Đế và vào hàng những kẻ hư mất được đề cập trong bộ Thánh kinh Trong sáng.
106. Các người được dạy là hãy cắt móng tay, hãy tắm mỗi tuần trong nước ngập cả thân thể, và hãy tự tẩy sạch bằng bất cứ thứ gì trước đây các người đã dùng. Hãy lưu tâm kéo các người quên tuân giữ những điều được truyền phán cho các người bởi Ngài là Đấng Bất Khả tử, Đấng Từ bi. Các người hãy ngâm mình trong nước sạch; các người không được phép tắm trong nước đã dùng rồi. Các người hãy lưu ý đừng đến các hồ tắm công cộng kiểu Ba Tư;¹³¹ kẻ nào đến những hồ tắm công cộng ấy sẽ ngửi thấy mùi hôi thối khi bước vào nơi đó. Hỡi dân chúng, hãy xa lánh những nơi ấy và chớ nên giống với những kẻ chấp nhận sự dễ tiện ấy một cách nhục nhã. Sự thực, các hồ ấy chứa sự hôi thối và mầm bệnh, mong rằng các người biết nhận thức. Các người cũng phải xa lánh những hồ tắm hôi hám trong sân những nhà Ba Tư,¹³² các người phải là những người thanh khiết và thoát tục. Quả thực, Chúng Ta muốn thấy các người như là những biểu hiện của thiên đàng trên trái đất, để từ các người tỏa ra hương thơm làm vui thỏa tâm hồn của những người được Thượng Đế sùng ái. Nếu người tắm, thay vì ngâm mình trong nước, tự tẩy rửa bằng cách xối nước lên người, điều đó cũng tốt, và người ấy không phải ngâm mình trong nước nữa. Quả thực, Đấng Chúa, do lòng từ bi nơi sự hiện diện của Ngài, đã khiến cuộc sống thành dễ dàng hơn cho các người để các người có thể trở thành những người thực sự tri ân.

107. Các người bị cấm kết hôn với vợ của cha các người.¹³³ Chính vì sự xấu hổ Chúng Ta rút ngắn lời dạy thuộc đề tài về lũ con trai¹³⁴ này. Hỡi các dân tộc trên thế giới, các người hãy sợ Đấng Khoan dung! Chớ phạm vào điều cấm đối với các người trong Kinh bản Thiêng liêng của Chúng Ta và chớ trở nên những kẻ lơ đãng lang thang trong chốn hoang dã của dục vọng.
108. Không ai được phép đọc lầm nhảm những câu thánh thi trước cái nhìn của công chúng khi đang đi giữa phố phường hay giữa chợ;¹³⁵ trái lại, nếu ai muốn tôn vinh Đấng Chúa, điều thích hợp là nên làm điều đó ở những nơi được xây lên cho mục đích đó, hoặc ở tại nhà riêng. Điều này càng cần giữ với lòng chân thành và thánh thiện. Như thế Mặt trời phán lệnh của Chúng Ta đã chiếu rọi trên chân trời phát ngôn của Chúng Ta. Bởi vậy, thật phúc cho những ai tuân theo lời dạy của Chúng Ta.
109. Mọi người đều phải viết chúc thư.¹³⁶ Người di mệnh nên tô điểm trên đầu tờ chúc thư bằng Tội Đại Danh,¹³⁷ làm chứng cho sự Duy nhất của Thượng Đế trong Đấng Bình minh Mặc khải của Ngài, và nếu người ấy muốn có thể nêu lên điều gì đáng ca ngợi, để cho chúc thư được chứng giám trong các vương quốc Mặc khải và của tạo vật, và được bảo tàng nơi Chúa, Đấng Phù trợ Tối cao, Đấng Thành tín.
110. Tất cả các Thánh lễ đều đạt tới tột đỉnh trong hai Lễ hội Lớn Nhất và trong hai Lễ hội khác rơi vào những ngày kép¹³⁸ - Lễ hội Lớn Nhất đầu tiên là những ngày mà Đấng Đại Khoan dung chiếu rọi trên toàn thể tạo vật ánh hào quang huy hoàng của các Danh ưu việt nhất của Ngài và các Đặc tính cao cả nhất của Ngài, và Lễ hội Lớn Nhất tiếp theo là Ngày Chúng Ta đề bạt Đấng công bố cho nhân loại tin mừng về Danh này, nhờ đó người chết được hồi sinh và tất cả những người ở các cõi trời và cõi đất đều được gom lại. Đó là điều đã được truyền phán bởi Ngài là Đấng An bài, Đấng Toàn tri.
111. Hạnh phúc thay cho người bước vào ngày thứ nhất tháng Baha,¹³⁹ ngày mà Thượng Đế đã dành cho Thánh Danh này. Và thật phúc cho người làm chứng về những ơn phước Thượng Đế ban cho mình vào ngày này; quả thực, đó là một trong những người bày tỏ lòng tạ ơn Thượng Đế bằng những hành động tượng trưng cho sự sung mãn của Đấng Chúa vốn bao trùm tất cả các thế giới. Nay, quả thực, ngày này đứng đầu tất cả các tháng và là nguồn cội các tháng, là ngày mà hơi thở sự sống thổi qua mọi vật thọ tạo. Ôn phước thật to lớn thuộc về người đón mừng ngày này với lòng trong sáng và niềm vui. Quả thực, Chúng Ta làm chứng rằng người ấy đứng vào hàng những người hạnh phúc.
112. Hãy nhớ: Hẳn nhiên, Lễ hội Lớn Nhất là Vua của các Lễ hội.¹⁴⁰ Hỡi dân chúng, các người hãy nhớ tới ơn phước mà Thượng Đế đã ban cho các người. Các người đang đắm chìm trong giấc ngủ, và kỳ diệu thay, Ngài đã đánh thức các người bằng làn gió hồi sinh của Mặc khải Ngài, và khiến các người được biết con Đường ngay thẳng và hiển nhiên của Ngài.
113. Những lúc đau yếu, các người hãy tìm đến các thầy thuốc giỏi; Chúng Ta không gạt bỏ việc dùng những phương tiện vật chất, trái lại Chúng Ta đã xác nhận

qua Ngòi bút này điều mà Thượng Đế đã dùng làm Nơi khai minh nền Chánh Đạo vinh quang và sáng chói của Ngài.

114. Trước đây Thượng Đế đã ấn định cho mỗi tín đồ cái bổn phận dâng lên trước ngòi của Chúng Ta những vật phẩm vô giá thuộc tài sản của họ. Như dấu hiệu ân huệ từ bi của Chúng Ta, nay Chúng Ta miễn cho các tín đồ cái bổn phận này.¹⁴¹ Quả thực, Ngài là Đấng Tối Đại lượng, Đấng Đại Từ bi.
115. Phúc thay cho người nào, vào lúc rạng đông,¹⁴² tập trung tư tưởng nơi Thượng Đế, chú tâm tưởng nhớ tới Ngài và nài xin sự tha thứ của Ngài, hướng bước chân về Mashriqul-Adhkar (chón Hùng đông Thờ phượng), và bước vào nơi ấy, ngồi thỉnh lặng để nghe những câu thánh thi của Thượng Đế, Đấng Tối thượng, Đấng Hùng mạnh, Đấng Đại Vinh hiển. Hãy nhớ: Mashriqul-Adhkar là mỗi tòa và mọi tòa kiến trúc được xây lên ở các thành phố và các làng mạc để cử hành sự chúc tụng Ta. Đó là tên được đặt cho nó trước ngòi vinh quang, mong các người là những người thấu hiểu.
116. Những ai đọc các câu thánh thi của Đấng Đại Khoan dung bằng giọng du dương nhất sẽ nhận thức được trong các câu thánh thi ấy điều mà quyền uy của cõi trời và cõi đất không bao giờ so sánh được. Từ các câu thánh thi ấy họ sẽ hít thở được hương thơm thiêng liêng thuộc các thế giới của Ta các thế giới mà ngày nay không ai nhận biết ngoài những người được phú bẩm linh nhân nhờ Mặc khai cao cả và tuyệt đẹp này. Hãy nhớ: Những câu thánh thi này thu hút tâm hồn của những người tinh khiết đến các thế giới tâm linh ấy mà Ta không thể diễn tả bằng lời hoặc gợi ý bằng ẩn dụ. Phúc thay cho những người biết nghe.
117. Hỡi con dân của Ta, hãy giúp đỡ những tôi tớ ưu tú của Ta là những người đã đứng lên để nhắc đến Ta ở giữa chúng sinh và tán dương Thánh ngôn của Ta trong thế giới của Ta. Quả thực, đây là những ngôi sao trên bầu trời quan phòng ưu ái của Ta và là những ngọn đèn hướng dẫn của Ta đối với toàn thể nhân loại. Nhưng những kẻ có lời nói nghịch với những điều đã được ban xuống trong các Kinh bản của Ta thì không thuộc về Ta. Hãy thận trọng kéo các người nghe theo những kẻ mạo xưng bất kính. Các Kinh bản này đã được điểm tô bằng dấu ấn của Ngài là Đấng làm cho buổi bình minh xuất hiện, là Đấng cất cao giọng nói của Ngài ở giữa các cõi trời và cõi đất.¹⁴³ Hãy nắm lấy tay lái Vững chắc và nắm lấy sợi Dây Chánh Đạo hùng mạnh và bất hoại của Ta.
118. Bất cứ ai ước muốn đều được Đấng Chúa cho phép học nhiều thứ tiếng khác nhau trên thế giới để có thể truyền đạt Sứ điệp của Chánh Đạo Thượng Đế đến khắp phương Đông cũng như phương Tây, và để có thể nhắc đến Ngài ở giữa các dân tộc và chủng loại trên thế giới đến nỗi khiến cho mọi tâm hồn được hồi sinh và mọi đốt xương tàn được trở nên sống động.
119. Con người, vốn được phú bẩm trí khôn, không được phép dùng thứ gì khiến trí khôn bị hủy hoại.¹⁴⁴ Trái lại, con người phải xử sự theo cách xứng đáng với cương vị làm người, chứ không phải theo tội ác của mọi linh hồn vô tâm và dao động.
120. Hãy trang sức đầu các người bằng những vòng hoa thành tín và trung nghĩa, tâm hồn các người bằng ý thức kính sợ Thượng Đế, lưỡi các người bằng sự trung thực hoàn toàn, thân thể các người bằng y trang của sự lịch thiệp. Đây quả là những thứ trang sức thích hợp dành cho vàng trán của con người, giá như các người biết suy ngẫm. Hỡi các cư dân của đấng Baha, các người hãy bầu vùi vào sợi dây phụng

sự Thượng Đế, Đấng Chân thực, để nhờ đó cương vị của các người được biểu hiện, tên của các người được ghi chép và lưu giữ, thứ bậc của các người được nâng cao, và ký ức về các người được tôn vinh trong Kinh bản Lưu chiếu. Hãy lưu ý kéo những người của thế gian ngăn trở các người vươn tới cương vị cao cả và vinh quang này. Đó là điều Chúng Ta đã khuyến giáo các người trong nhiều Thư của Chúng Ta, và giờ đây trong Kinh bản Thiêng liêng này của Chúng Ta, trên đó đang chiếu rọi Vàng Thái dương Luật pháp của Chúa, Đấng Thượng Đế của các người, Đấng Uy lực, Đấng Toàn trí.

121. Khi đại dương hiện diện của Ta rút xuống và Thánh kinh của Mặc khải Ta hoàn tất, các người hãy hướng mặt về Đấng đã được Thượng Đế chỉ định, Đấng đâm cành từ Rễ Xưa.¹⁴⁵
122. Hãy nhận xét về sự nông cạn của trí óc con người. Họ đòi hỏi những điều làm tổn hại cho họ và vứt bỏ những điều lợi ích. Quả thực, họ là những kẻ quá làm lạc. Chúng Ta thấy một số người thêm khát tự do và lấy làm kiêu hãnh về điều đó. Họ là những kẻ đang ở dưới hồ sâu của sự dốt nát.
123. Cuối cùng, tự do ắt đưa tới sự dấy loạn mà ngọn lửa của nó không gì dập tắt được. Ngài là Đấng Đại trí, Đấng Toàn trí đã cảnh cáo các người như thế. Các người phải biết rằng hiện thân của tự do và biểu tượng của nó là thú vật. Điều thích hợp với loài người là sự tùng phục những hạn chế, nó che chở cho con người khỏi rơi vào cảnh dốt nát, và giúp con người thoát khỏi sự tổn thương do kẻ ác gian gây ra. Sự tự do khiến con người vượt khỏi những giới hạn của sự thích đáng và làm giảm sút phẩm cách nơi cương vị con người. Nó hạ con người xuống mức thấp nhất của sự đòi truy và sự hung ác.
124. Hãy xem loài người như một bầy chiên cần một người chăn chiên để che chở cho họ. Quả thực, đây là chân lý, chân lý vững chắc. Chúng Ta công nhận tự do trong một số trường hợp và bác bỏ nó trong một số trường hợp khác. Quả thực, Chúng Ta là Đấng Toàn trí.
125. Hãy biết rằng: Tự do thật sự chỉ có trong sự tùng phục của con người đối với các điều răn của Ta, đó là điều các người ít biết đến. Giá như loài người tuân theo những điều Chúng Ta ban xuống cho họ từ Thiên đàng Mặc khải, chắc chắn họ đã đạt tới sự tự do hoàn toàn. Hạnh phúc thay cho người nào nhận thức được Mục đích của Thượng Đế nơi bất cứ điều gì Ngài đã mặc khải từ Thiên đàng Ý chí của Ngài vốn bao trùm tất cả tạo vật. Hãy biết rằng: Sự tự do có lợi cho các người không thể tìm thấy ở bất cứ đâu ngoại trừ nơi sự phụng sự triệt để Đấng Thượng Đế, Đấng Chân lý Vĩnh cửu. Bất cứ ai đã nếm được vị ngọt của nó đều sẽ từ chối trao đổi nó để lấy quyền ngự trị cả bầu trời trái đất.
126. Trong kinh Bayan các người đã bị cấm nêu câu hỏi lên Chúng Ta.¹⁴⁶ Nay Đấng Chúa đã giải tỏa điều cấm ấy cho các người, để các người có thể tự do hỏi điều gì các người cần hỏi, nhưng không phải là những câu hỏi vô bổ như những người thời trước vẫn thường bám vào. Hãy sợ Thượng Đế, và các người hãy là những người chính trực! Các người hãy hỏi những điều lợi ích cho các người trong Chánh Đạo của Thượng Đế và trong quyền ngự trị của Ngài, vì những cánh cửa từ bị hiện dụ của Ngài hằng mở ra trước tất cả những người sinh sống ở trên trời và dưới đất.

127. Số tháng trong một năm, được ấn định trong Thánh kinh của Thượng Đế là mười chín.¹⁴⁷ Trong những tháng này, tháng thứ nhất được tô điểm bằng Danh này là Danh che phủ tất cả tạo vật.¹⁴⁸
128. Đấng Thượng Đế truyền phán rằng người chết phải được an táng trong hòm¹⁴⁹ bằng thủy tinh, bằng đá cứng, bèn, hoặc bằng gỗ tốt và chắc, và trên ngón tay nên đeo nhẫn có khắc chữ. Quả thực, Ngài là Đấng An bài Tối cao, Đấng biết rõ mọi sự.
129. Lời ghi trên nhẫn cho đàn ông như sau: “Mọi sự ở trên các cõi trời, ở dưới đất, và bất cứ cái gì ở giữa hai nơi ấy, đều thuộc về Thượng Đế, và quả thực Ngài biết rõ mọi sự”. Và cho đàn bà như sau: “Quyền ngự trị các cõi trời, cõi đất, và bất cứ cái gì ở giữa hai nơi ấy, đều thuộc về Thượng Đế, và quả thực Ngài có quyền năng trên mọi sự”. Đây là những câu thánh thi đã được mặc khải trước kia, nhưng kỳ diệu thay, Đấng Điềm của Kinh Bayan¹⁵⁰ đã công bố như sau:” Lạy Đấng Kính yêu Nhất của các thế giới! Thay vì các câu thánh thi ấy, xin Ngài mặc khải những Thánh ngôn sẽ tỏa hương thơm ân huệ từ bi của Ngài cho toàn thể nhân loại. Chúng con đã công bố cùng mọi người rằng chỉ một từ của Ngài cũng vượt hơn hẳn tất cả những gì được ban xuống trong Kinh Bayan. Hẳn nhiên, Ngài có quyền năng làm điều Ngài muốn. Xin Ngài đừng khước từ những tội tớ Ngài những ơn phước tràn trề trong đại dương bác ái của Ngài. Quả thực, Ngài là Đấng Từ bi vô hạn”. Thế đấy, Chúng Ta đã nghe lời kêu cầu của Đấng ấy và giờ đây Chúng Ta làm thỏa mãn điều mong muốn của Đấng ấy. Quả thực, Ngài là Đấng Kính yêu Nhất, Đấng Đáp ứng những lời nguyện cầu. Nếu câu thánh thi sau đây được Thượng Đế ban xuống vào lúc ấy, được khắc trên nhẫn mai táng của cả người nam và người nữ thì tốt hơn cho những linh hồn ấy, hẳn nhiên, Chúng Ta là Đấng An bài Tối cao: “Con đến từ Thượng Đế và trở về cùng Ngài, dứt bỏ mọi sự ngoài Ngài, bám chặt vào Danh Ngài, Đấng Khoan dung, Đấng Từ bi”. Đấng Chúa có quyền biệt riêng bất cứ người nào Ngài muốn để nhận phúc ân nơi sự hiện diện của Ngài. Hẳn nhiên, Ngài là Đấng Thượng Đế hùng mạnh và uy quyền.
130. Hơn nữa, Đấng Thượng Đế đã hạ chỉ rằng người chết phải được liệm trong năm tấm lụa hoặc vải.¹⁵¹ Đối với người có phương tiện eo hẹp thì liệm một tấm vải hoặc lụa cũng đủ. Đó là điều đã được an bài bởi Ngài là Đấng Toàn tri, Đấng Toàn giác. Xác người chết bị cấm chỡ ra xa thành phố quá một tiếng đồng hồ,¹⁵² tốt hơn là nên chôn xác ở một nơi gần thành phố, một cách trang nghiêm và trong sáng.
131. Thượng Đế đã xóa bỏ những hạn chế về du lịch được ấn định trong Kinh Bayan.¹⁵³ Quả thực, Ngài là Đấng Vô ngại; Ngài hành động tùy thích và an bài bất cứ điều gì Ngài muốn.
132. Hỡi các dân tộc trên thế giới! Hãy lắng tai nghe tiếng gọi của Ngài là Đấng Chúa các Danh, Đấng Tuyên ngôn cùng các người từ nơi ở của Ngài trong Lao tù Lớn Nhất:” Quả thực, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ta, Đấng Uy quyền, Đấng Hùng mạnh, Đấng Thông ngự, Đấng Chí tôn, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí”. Quả thực, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng Cai quản Toàn năng của các thế giới. Nếu Ngài muốn, thì chỉ bằng một tiếng phát ra từ sự hiện diện của Ngài, cũng đủ sai khiến toàn thể nhân loại. Hãy lưu ý kéo các người chần chờ trong việc chấp nhận Chánh Đạo này nên Chánh Đạo mà Quần hội thiên thượng và cư dân trong các Thành thị của các Danh đều báỉ phục. Hãy sợ Thượng Đế, và đừng trở thành những kẻ bị màn ngăn che mắt. Các người hãy đốt đi các màn che bằng lừa

tình yêu của Ta, và hãy xua tan sương mù vọng tưởng bằng uy lực của Danh này, là Danh nhờ đó Chúng Ta thống ngự toàn thể tạo vật.

133. Hãy dựng lên và tôn vinh hai Tòa nhà trong Chốn Thiêng liêng Song lập và những thắng tích khác trong đó ngôi của Chúa các người, Đấng Đại Từ bi, đã được thiết lập.¹⁵⁴ Đấng Chúa của mọi con tim thức ngộ đã truyền lệnh cho các người như thế.
134. Hãy lưu ý kéo những lo toan và bận bịu về thế gian này ngăn trở các người tuân giữ điều đã được ấn định cho các người bởi Ngài là Đấng Hùng mạnh, Đấng Thành tín. Các người hãy là biểu tượng của sự kiên định giữa nhân loại đến mức các người không bị ngăn cách với Thượng Đế bởi sự hoài nghi của những kẻ không tin Ngài khi Ngài tự biểu hiện với quyền ngự trị hùng mạnh. Hãy lưu ý kéo các người bị ngăn trở bởi bất cứ điều gì không được ghi trong Thánh kinh, khiến các người không nghe được Ngài, là Thánh kinh Hằng Sống,¹⁵⁵ Đấng Tuyên ngôn Chân lý: “Quả thực, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ta, Đấng Ưu việt Nhất, Đấng Đại Vinh hiển”. Các người hãy nhìn bằng con mắt công bình đối với Ngài là Đấng giáng lâm từ trên thiên đàng ý chí và quyền năng Thiêng liêng và chớ trở thành những kẻ hành động bất công.
135. Các người hãy nhớ lại những lời này đã thoát ra từ Ngòi bút của Ngài là Đấng Tiên phong của Ta,¹⁵⁶ để tôn vinh Mặc khải này, và hãy xem xét những điều mà tay kẻ áp bức đã làm suốt những ngày của Ta. Họ thực sự bị kẻ trong số những kẻ hư mất. Ngài phán: “Nếu các người muốn đạt tới sự hiện diện của Đấng mà Chúng Ta sẽ làm biểu hiện, thì các người hãy nài xin Thượng Đế, do ân đức của Ngài, chuẩn thuận rằng Đấng ấy có thể ngự trên gối nệm của các người, vì chính hành động đó sẽ ban cho các người danh dự tột đỉnh và vô song. Nếu Đấng ấy uống một tách nước trong nhà các người, thì điều này sẽ tạo ảnh hưởng cho các người lớn hơn là các người tặng cho mọi linh hồn, không, cho mọi vật thọ tạo thứ nước cho chính sự sống của nó. Hãy biết điều này, hỡi các người là tôi tớ của Ta!”.
136. Đó là những lời mà Đấng Tiên phong của Ta đã dùng để tôn vinh Bản thể Ta, phải chỉ các người thấu hiểu. Bất cứ ai suy ngẫm về những câu thánh thi này và khám phá được những châu ngọc ẩn tàng trong đó, bởi sự công chính của Thượng Đế, đều sẽ nhận thức được hương thơm của Đấng Đại khoan dung tỏa ra từ hương Nhà tù này, và bằng tất cả tâm hồn sẽ hồi hả đến với Ngài với lòng khát khao mạnh mẽ đến nỗi các đạo binh của cõi đất và cõi trời đều không ngăn trở được. Hãy nhớ: Đây là một Mặc khải qui tụ mọi bằng cứ và chứng tích. Như thế Mặc khải đã được ban xuống bởi Chúa người, Đấng Thượng Đế Bác ái, giá mà các người biết phán đoán đúng đắn. Hãy nhớ: Đây chính là linh hồn của tất cả các Thánh kinh đã được hà hơi vào Ngòi bút của Đấng Tối thượng khiến mọi vật thọ tạo đều sừng sốt, chỉ trừ những người được làm vui thỏa bởi làn gió từ ái êm ả của Ta, và bởi hương thơm ơn phước ngọt ngào của Ta vốn thấm nhuần toàn thể tạo vật.
137. Hỡi con dân của Kinh Bayan! Các người hãy sợ Đấng Đại Khoan dung và hãy ngẫm xem điều Ngài đã Mặc khải trong một đoạn kinh khác. Ngài phán: “Hẳn nhiên, Qiblich (điểm thờ phượng) chính là Đấng mà Thượng Đế sẽ cho biểu hiện; mỗi khi Ngài di chuyển, Điểm ấy di chuyển theo, cho đến khi Ngài yên nghỉ”.¹⁵⁷ Đấng An bài Tối cao đã ấn định như thế khi Ngài muốn nhắc đến Đấng Mỹ lệ Tối đại này. Hỡi dân chúng, hãy suy ngẫm về điều này, và chớ trở nên những kẻ lạc lối trong hoang mạc lầm lỗi. Nếu các người chối bỏ Ngài theo sự sai khiến của vọng

tướng vô bổ của các người, thì đâu là Qiblich để các người hướng về, hội tập đoàn những kẻ vô tâm? Các người hãy ngẫm ngợi câu thánh thi này, và hãy phán đoán công bình trước Thượng Đế, để may ra các người còn nhìn được những châu ngọc huyền nhiệm từ đại dương dâng lên trong Danh Ta, Đấng Toàn Vinh, Đấng Tối thượng.

138. Trong Ngày này, không một ai nên bám chắc vào cái gì ngoài điều đã được biểu hiện trong Mặc khải này. Đó là chỉ dụ của Thượng Đế, trước kia và sau này một chỉ dụ đã điếm tô cho Thánh kinh của các Đấng Sứ giả xưa. Đó là lời khuyên của Đấng Chúa, trước kia và sau này một lời khuyên đã làm đẹp lời tựa của quyền Thánh kinh về sự Sống, ước gì các người nhận thức được điều này. Đó là điều răn của Đấng Chúa, trước kia và sau này; hãy lưu ý kéo các người lại chọn lấy phần của kẻ thiên cận và hèn hạ. Trong Ngày này không có cái gì ích lợi cho các người ngoài Thượng Đế, cũng không có nơi ân náu nào để lẩn tránh ngoài Thượng Đế, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí. Bất cứ ai biết Ta đều đã biết Mục đích của mọi khát vọng, và bất cứ ai hướng về Ta đều đã hướng về Đối tượng của mọi sự thờ phượng. Đó là điều đã được nêu trong Thánh kinh, và đó là điều đã được Thượng Đế, Đấng Chúa của tất cả các thế giới truyền phán. Chỉ đọc một câu thánh thi trong Mặc khải của Ta còn tốt hơn là đọc các Thánh kinh của cả những thế hệ xa xưa và sau này. Đây là lời phán của Đấng Đại Từ bi ước gì các người có tai để nghe! Hãy nhớ: Đây là tinh hoa của tri thức, giá mà các người hiểu thấu.

139. Giờ đây hãy xem xét điều đã được mặc khải trong một đoạn kinh khác, để may ra các người có thể từ bỏ quan niệm riêng của các người và hướng mặt về Thượng Đế, Đấng Chúa của sinh tồn. Đấng ấy (Đức Bab) đã phán: “Kết hôn với một người không phải tín đồ theo trong kinh Bayan là bất hợp pháp. Nếu chỉ một bên trong cuộc hôn nhân chấp nhận Chánh Đạo, thì tài sản của người này là bất hợp pháp đối với người kia,¹⁵⁸ cho đến khi người này chấp nhận đức tin. Tuy nhiên, luật này chỉ có hiệu lực sau sự tôn vinh Chánh Đạo của Đấng mà Chúng Ta sẽ cho biểu hiện trong chân lý, hoặc của Chánh Đạo đã được làm biểu hiện trong công lý. Trong lúc này, các người được tự do đi vào hôn nhân theo ý muốn của các người, để nhờ phương tiện này các người có thể tôn vinh Chánh Đạo của Thượng Đế”. Chim Họa mi đã hát khúc ca ngọt ngào trên cành cây thiên thượng như thế, trong sự ngợi ca Đấng Chúa, Đấng Đại Từ bi, phúc thay cho những ai biết nghe.

140. Hỡi dân chúng của Kinh Bayan! Nhân danh Chúa của các người, Đấng Thượng Đế Khoan dung, Ta kêu gọi các người dùng con mắt công bình nhìn vào lời phán này vốn được ban xuống qua quyền năng chân lý, và đừng trở nên những kẻ thấy bằng chứng về Thượng Đế nhưng lại vứt bỏ và phủ nhận. Quả thực, họ là những kẻ chắc chắn sẽ bị hủy diệt. Trong câu thánh thi này, Đấng Điếm của Kinh Bayan¹⁵⁹ đã rõ ràng tôn vinh Chánh Đạo của Ta trước Chánh Đạo của Ngài; mọi người có tâm trí thức ngộ và công bình đều sẽ làm chứng cho điều này. Như các người có thể chứng kiến rõ ràng trong Ngày này, nền Chánh Đạo đã được tôn vinh tới mức không ai có thể phủ nhận, ngoại trừ những kẻ mà mắt đã say sưa trong cuộc sống trần tục này và là những kẻ mà hình phạt nhục nhã đang đợi chờ trong đời sống sau.

141. Nay: Nhân danh sự công chính của Thượng Đế! Quả thực, Ta là Đấng Kính yêu Nhất của Đấng ấy (Đức Bab); và ngay lúc này Ngài nghe những câu thánh thi này được ban xuống từ Thiên đàng Mặc khải và khóc thảm vì những việc làm sai quấy các người đã phạm trong những ngày này. Hãy sợ Thượng Đế, và đừng kết thân với kẻ gây hấn. Nay: Hỡi dân chúng, nếu các người quyết không tin Ngài (Đức

Baha'u'llah), thì ít nhất cũng hãy tự chế đừng đứng lên chống Ngài. Nguyên có Thượng Đế! Các Đạo quân cuồng bạo đang liên kết chống Ngài cũng đã quá đủ!

142. Quả thực, Đấng ấy (Đức Bab) đã mặc khải một số luật để cho, trong Kỳ Cứu độ này, Ngôi bút của Đấng Tối thượng có thể khỏi cần chuyển động vì mục đích nào khác ngoài sự tôn vinh Cương vị thiên thượng của Ngài và về Mỹ lệ huy hoàng nhất của Ngài. Tuy nhiên, vì Chúng Ta muốn chứng minh đức từ ái của Chúng Ta đối với các người, nên bằng quyền lực của chân lý, Chúng Ta đã thiết lập các luật này thật sáng tỏ và làm dịu nhẹ điều Chúng Ta muốn các người tuân giữ. Quả thực, Ngài là Đấng Hào phóng, Đấng Độ lượng.
143. Trước đây Đấng ấy (Đức Bab) đã báo cho các người điều sẽ được truyền phán bởi Đấng Bình minh của sự Minh triết Thiên thượng này. Đấng ấy phán, và Ngài đã nói sự thật: “Ngài (Đức Baha'u'llah) là Đấng sẽ công bố trong mọi hoàn cảnh: ‘Quả thực, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ta,¹⁶⁰ Đấng Duy nhất, Đấng Bất khả ti, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn giác’”. Đây là cương vị mà Thượng Đế đã ban riêng cho Mặc khải cao cả, độc đáo và kỳ diệu này. Đây là dấu hiệu ân huệ dồi dào của Ngài, nếu các người là những người thấu hiểu và là biểu hiện chỉ dụ bất khả kháng của Ngài. Đây là Tối Đại Danh của Ngài, là Thánh ngôn Cao cả Nhất của Ngài, và là Bình minh các Tước hiệu Ưu việt Nhất của Ngài, nếu các người hiểu được. Hơn nữa, qua Ngài mọi Nguồn mạch, mọi Điểm Xuất phát của sự Hướng dẫn Thiêng liêng được biểu hiện. Hỡi dân chúng, hãy suy ngẫm về điều đã được ban xuống trong chân lý; hãy suy ngẫm về điều ấy, và chớ trở thành những kẻ quá phạm.
144. Hãy giao tiếp với tất cả các tôn giáo với tình thân ái và hòa hợp để họ có thể hít thở nơi các người hương thơm ngọt ngào của Thượng Đế. Hãy thận trọng kéo ngọn lửa dốt nát và điên khùng thiêu hủy các người giữa loài người. Mọi sự xuất phát từ Thượng Đế và rồi trở về cùng Ngài. Ngài là nguồn cội của vạn vật và vạn vật sẽ đạt tới cứu cánh ở trong Ngài.
145. Hãy lưu ý đừng vào một nhà nào mà không có chủ ở nhà, trừ khi chủ nhà cho phép. Các người hãy giữ mình trang nghiêm trong mọi hoàn cảnh và chớ nên giống với những kẻ lảm lặc.
146. Các người có bốn phận phải thanh tẩy các phương tiện mưu sinh và những của cải khác bằng cách trả khoảng Zakat (thuế từ thiện).¹⁶¹ Đó là điều đã được truyền phán trong Kinh bản cao cả này bởi Ngài là Đấng Mặc khải các thánh thi. Nếu ý chí và mục đích của Thượng Đế cho phép, ít lâu nữa, Chúng Ta sẽ đưa ra biện pháp thực hiện. Quả thực, Ngài diễn giải bất cứ điều gì Ngài muốn theo tri thức của chính Ngài, và quả thực, Ngài là Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí.
147. Ăn xin là bất hợp pháp, và việc bố thí cho người ăn xin cũng bị cấm.¹⁶² Mọi người đều phải tự kiếm sống, và đối với người không có khả năng tự kiếm sống, thì những Đại diện của Thượng Đế và những người giàu có phải cung cấp xứng đáng cho họ. Các người hãy tuân giữ các qui chế và phán lệnh của Thượng Đế; đứng ra, phải bảo vệ nó như bảo vệ chính tròng mắt của các người, và chớ trở nên những kẻ chịu sự hư mất trầm trọng.

148. Trong Thánh kinh của Thượng Đế, các người bị cấm dính dấp vào việc bắt hòa và xung đột, đánh đập người khác, hoặc phạm phải những hành động tương tự khiến các tâm hồn và linh hồn có thể đau buồn. Ngài là Đấng Chúa của toàn thể nhân loại trước kia đã qui định khoản phạt mười chín mithqal vàng đối với ai tạo sự buồn phiền cho người khác;¹⁶³ tuy nhiên, trong kỳ Cứu độ này, Ngài đã hủy điều ấy, và khuyên các người hãy giữ sự chính trực và sùng kính. Đó là điều răn Ngài đã ban cho các người trong Kinh bản rực rỡ này. Chớ ước cho ai điều gì mà các người không ước cho chính mình, hãy sợ Thượng Đế, và chớ trở thành những kẻ kiêu ngạo. tất cả các người đều được tạo ra bằng nước, và các người sẽ trở về với cát bụi. Hãy nghĩ tới chung cuộc đang chờ các người, và chớ đi vào đường của kẻ áp bức. Hãy lắng nghe những câu thánh thi của Thượng Đế mà Ngài là Cây Liên Hoa Thiêng liêng¹⁶⁴ đã đọc lên cho các người. Các thánh thi đó chắc chắn là cái Cẩn không sai lầm, lập nên bởi Thượng Đế, Đấng Chúa của đời này và đời sau. Các thánh thi đó giúp con người cất cánh bay đến với Đấng Bình minh Mặc khải, và tâm hồn của mọi tín đồ chân chính được tiếp đầy ánh sáng. Đó là những luật do Thượng Đế truyền cho các người, đó là những điều răn Ngài ấn định cho các người trong Kinh bản Thiêng liêng của Ngài; hãy tuân theo những điều ấy với niềm vui và sự mừng rỡ, bởi vì đây là điều tốt nhất cho các người, giá mà các người rõ biết.
149. Mỗi sáng và chiều hãy đọc thuộc lòng các Thánh ngôn của Thượng Đế.¹⁶⁵ Ai không đọc Thánh ngôn là không trung thành với Giao ước của Thượng Đế, và trong Ngày này, ai rời xa điều này là đã hiển nhiên rời xa Thượng Đế tự bao đời. Các người hãy sợ Thượng Đế, hồi tất cả các tội tở của Ta. Các người chớ kiêu ngạo về việc đọc nhiều câu thánh thi hoặc về ngày đêm làm được nhiều việc sùng đạo; vì nếu người nào chỉ đọc một câu thánh thi với niềm vui tươi và sự trong sáng thì tốt cho người ấy hơn là đọc một cách mệt mỏi tất cả các Thánh kinh của Thượng Đế, Đấng Cứu nạn, Đấng Tự tôn. Các người hãy đọc các thánh thi ở mức độ không khiến các người thành quá chán nản, mệt mỏi. Đừng đặt lên linh hồn các người điều gì khiến nó thấy nhàm chán và nặng nề, nhưng là điều gì khiến nó được nhẹ nhàng, nâng cao, để các người có thể nương theo đôi cánh các thánh thi bay đến chốn Hùng đông các dấu hiệu hiển nhiên của Ngài; điều này sẽ đưa các người về gần Thượng Đế, giá mà các người thấu hiểu.
150. Hãy dạy con cái các người những câu thánh thi mặc khải từ thiên đàng uy nghi và quyền lực, để cho các cháu dùng giọng du dương nhất ca ngâm các Kinh bản của Đấng Đại Từ bi nơi điện thờ trong các Mashriqul-Adhkar. Bất cứ ai được nâng lên bởi niềm hoan lạc nảy sinh trong sự thờ phượng vì Danh Ta, Đấng Đại Từ bi, đều sẽ đọc các thánh thi của Thượng Đế bằng cách có thể chiếm lĩnh con tim của những người đắm chìm trong giấc ngủ. Phúc thay cho ai uống cạn ly Rượu Huyền nhiệm của đời sống vĩnh cửu từ lời phán của Đấng Chúa Từ bi vì Danh Ta một Danh bởi đó các núi non chắt ngát và uy nghi đều bị san thành bình địa.
151. Các người được dạy là phải đổi mới các trang bị trong nhà sau mỗi đợt mười chín năm;¹⁶⁶ đó là điều được truyền phán bởi Ngài là Đấng Toàn tri và Toàn giác. Quả thực, Ngài ước muốn sự mỹ hảo cho chính các người và cho cả những gì các người sở hữu; chớ bỏ qua sự sợ Thượng Đế và chớ nên giống với những kẻ lơ đãng. Người nào nhận thấy mình không đủ phương tiện để thực hiện mục đích này, người

ấy đã được Thượng Đế tha thứ, bởi Ngài là Đấng Hằng Khoan dung, Đấng Đại Từ bi.

152. Các ngươi hãy rửa chân¹⁶⁷ mỗi ngày một lần vào mùa hè, và ba ngày một lần vào mùa đông.
153. Nếu có người nào nổi giận đối với các ngươi, hãy đáp lại bằng sự dịu dàng; nếu có ai trách mắng các ngươi, hãy tự chế đừng trách mắng lại, nhưng cứ để mặc người ấy và hãy đặt sự trông cậy nơi Thượng Đế, Đấng Bảo ứng Toàn năng, Đấng Chúa quyền uy và công bằng.
154. Các ngươi bị cấm dùng tòa giảng. Ai muốn đọc cho các ngươi nghe những câu thánh thi của Chúa mình, kẻ ấy hãy ngồi xuống chiếc ghế đặt trên bục,¹⁶⁸ để có thể nhắc tới Đấng Thượng Đế, Chúa mình và Chúa của cả loài người. Điều làm Thượng Đế hài lòng là các ngươi nên ngồi trên các chiếc ghế hoặc băng dài như dấu hiệu danh dự vì tình yêu của các ngươi đối với Ngài và đối với Đấng Biểu hiện Chánh Đạo huy hoàng và vinh quang của Ngài.
155. Các ngươi bị cấm cờ bạc¹⁶⁹ và dùng thuốc phiện. Hỡi dân chúng, hãy tránh xa hai thứ ấy, và chớ làm những kẻ quá phạm. Hãy lưu ý đừng dùng những chất tạo nên sự uể oải và mê mết¹⁷⁰ trong đền thờ thân xác và gây hại cho cơ thể. Quả thực, Chúng Ta chỉ ước muốn điều gì làm lợi cho các ngươi, và tất cả các vật thọ tạo đều làm chứng về điều này, nếu các ngươi có tai thì hãy nghe.
156. Mỗi khi các ngươi được mời dự tiệc hoặc bất cứ lễ hội gì, hãy đáp ứng với niềm vui và sự mừng rỡ, và ai làm tròn lời hứa thì khỏi bị quở trách. Đây là Ngày mà các chỉ dụ minh triết của Thượng Đế đã được minh giải.
157. Hãy nhìn cho rõ, “mâu nhiệm về cuộc Đảo lộn To lớn trong Dấu hiệu của Đấng Tối thượng”¹⁷¹ nay đã thành hiển hiện. Phúc thay cho ai được Thượng Đế giúp cho nhận biết con số “Sáu” được nâng lên nhờ đấng “Alif Chính trực”¹⁷² này; quả thực, người ấy thuộc vào hàng những người có đức tin chân chính. Biết bao người bề ngoài đầy sùng kính đã lánh xa, và biết bao người lầm lạc đã về gần, tôn xưng: “Tất cả những lời ca tụng xin dâng lên Ngài, lạy Ngài là Đấng Khát khao của các thế giới!” Quả thật, chính bàn tay của Thượng Đế ban điều gì Ngài muốn cho bất cứ người nào Ngài muốn, và rút lại điều gì Ngài muốn nơi bất cứ người nào Ngài muốn. Ngài biết những bí mật sâu kín trong các cõi lòng và ý nghĩa che dấu trong cái nháy mắt của kẻ diều cọt. Biết bao người là hiện thân của sự vô tâm đã đến với Chúng Ta bằng tâm hồn thanh khiết và được Chúng Ta đặt lên chỗ ngồi thuộc sự ưng chuẩn của Chúng Ta; và biết bao người tiêu biểu cho sự khôn sáng mà Chúng Ta đã ném vào lửa với tất cả sự công bằng. Quả thực, Chúng Ta là Đấng Duy nhất nắm quyền phán xét. Ngài là Đấng Biểu hiện của câu “Thượng Đế làm bất cứ điều gì Ngài muốn”, và ngự ở trên ngôi “Ngài an bài bất cứ điều gì Ngài chọn”

158. Thật phước cho người nào khám phá được hương thơm ý nghĩa nội tại nơi những dấu vết của Ngôi bút này mà sự hoạt động đã làm cho những làn gió của Thượng Đế thổi qua toàn thể tạo vật, mà sự đứng yên của Ngôi bút cũng chính là tinh hoa của sự an tĩnh xuất hiện trong cõi sinh tồn. Vinh quang thay Đấng Đại Từ bi, Đấng Mặc khải thiên ân vô giá. Hãy nhớ: Vì Ngài gánh chịu sự bất công, nên sự công bằng xuất hiện trên trái đất, và vì Ngài chấp nhận sự tủ nhục, nên sự trang nghiêm của Thượng Đế chiếu sáng giữa nhân loại.
159. Các người bị cầm mang vũ khí trừ khi rất cần thiết¹⁷³ và các người được phép mặc tơ lụa.¹⁷⁴ Như một ân huệ của Ngài, Đấng Chúa đã cất đi cho các người những hạn chế áp dụng trước kia trong cách ăn mặc và tia râu.¹⁷⁵ Quả thật, Ngài là Đấng An bài, Đấng Toàn tri. Trong cách cư xử của các người không được có điều gì khiến những trí óc lành mạnh và chính trực không tán thành, và đừng biến mình thành đồ chơi của kẻ ngu dốt. Thật phước cho người nào tự trang điểm bằng chiếc áo hạnh kiểm đứng đắn và tính cách cao quý. Chắc chắn là Ngài nhìn nhận những ai giúp cho Đấng Chúa của mình bằng những hành vi nổi bật và cao cả.
160. Các người hãy vận động cho sự phát triển những thành phố của Thượng Đế và những đất nước của Ngài, và tôn vinh Ngài ở những nơi ấy bằng giọng tươi vui của những người được Ngài sủng ái. Quả thật, tâm hồn con người được mở mang nhờ uy lực của lưỡi, còn nhà cửa và đô thị thì được dựng lên nhờ bàn tay và các phương tiện khác. Chúng Ta đã ấn định cho mỗi mục đích đều có một phương tiện để hoàn thành; các người hãy biết vận dụng điều ấy, và đặt trọn niềm tin và sự trông cậy nơi Thượng Đế, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí.
161. Phúc thay cho người nào nhận biết đức tin của mình nơi Thượng Đế và nơi các dấu hiệu của Ngài, và hiểu biết rằng “Ngài không bị chất vấn về các hành động của Ngài”. Thượng Đế đã khiến sự hiểu biết như thể thành vật tô điểm của mọi tín ngưỡng và chính là nền tảng của tín ngưỡng. Sự chấp nhận mọi hành vi thiện ích tùy thuộc nơi nền tảng đó. Mắt các người hãy dán chặt vào đó, để cho lời xì xào của kẻ phản nghịch không thể khiến các người vấp ngã.
162. Nếu Ngài truyền phán là hợp pháp điều gì từ xa xưa đã bị cấm đoán, và ngăn cấm điều gì mà mọi thời đại đã coi là hợp pháp, thì không một ai được quyền chất vấn thẩm quyền của Ngài. Kẻ nào còn do dự, dù trong khoảnh khắc thật ngắn ngủi, cũng sẽ bị coi như kẻ phạm tội.
163. Kẻ nào không nhận biết sự thật căn bản và cao cả này, và không đạt được cương vị tôn quý nhất này, thì những ngọn gió hoài nghi sẽ làm cho y xao xuyên, và những lời lẽ của kẻ bất nghĩa sẽ khiến linh hồn y xao lãng. Người nào nhận biết nguyên lý này sẽ được ban cho sự vững tâm hoàn hảo nhất. Tất cả danh dự dành cho cương vị toàn vinh này mà mọi Kinh bản tôn quý đều nhắc nhở tới. Đó là giáo lý mà Đấng Thượng Đế đã ban cho các người, giáo lý sẽ giải thoát các người khỏi mọi sự hoài nghi và bối rối, và sẽ giúp các người đạt tới sự giải thoát trong cả đời này và đời sau. Quả thực, Ngài là Đấng Hằng Tha thứ, Đấng Đại Từ bi. Ngài chính là Đấng

đã phải xuống các Đấng Sứ giả và ban cho các Thánh kinh để công bố “Không có Đấng nào khác ngoài Ta là Thượng Đế, Đấng Toàn năng, Đấng Toàn trí”.

164. Hỡi vùng đất tên là Kaf và Ra!^{d.176} Quả thực, Chúng Ta thấy người ở trong trạng thái làm buồn lòng Thượng Đế, và thấy từ người nảy sinh điều mà không ai hiểu được ngoại trừ Thượng Đế, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn giác; và Chúng Ta thấy điều xuất phát từ nơi người một cách kín đáo những xú uế.¹⁷⁷ Tri thức về mọi sự ở trong Ta đã được ghi trong Kinh bản trong sáng. Chớ phiền muộn về điều xảy đến cho người. Không bao lâu nữa Thượng Đế sẽ đẩy lên trong người những người được phú bẩm lòng quả cảm hùng mạnh, là những người sẽ tôn vinh Danh Ta một cách kiên định đến nỗi họ không bị ngăn trở bởi ác ý của các tu sĩ, hoặc bị kéo lui bởi lời bóng gió của những kẻ gieo rắc hoài nghi. Họ sẽ nhìn thấy Thượng Đế bằng chính mắt họ, và họ đem lại sự thắng lợi cho Ngài bằng chính mạng sống của họ. Quả thực, đây là những người kiên định.
165. Hỡi quần hội các bậc tu hành! Khi những vần thi của Ta được ban xuống và những biểu hiện rõ ràng của Ta được mặc khải, Chúng Ta thấy các người đang ở sau những bức màn. Quả thực, đây là một điều lạ lùng. Các người tự hào về Danh Ta, nhưng các người không nhận biết Ta vào thời điểm Đấng Chúa của các người, Đấng Đại Từ bi, xuất hiện giữa các người với cả bằng có và sự chứng minh. Chúng Ta đã xé bỏ những bức màn ấy. Hãy lưu ý kẻ các người lại bị che khuất bởi một bức màn khác. Hãy gỡ bỏ những xiềng xích của sự tưởng tượng hảo huyền, nhân danh Đấng Chúa của loài người, và đừng tiếp tục làm những kẻ lừa dối. Khi các người hướng về Thượng Đế và chấp nhận Chánh Đạo của Ngài, chớ tạo nên sự rối loạn trong Đạo, và đừng xét đoán Thánh kinh của Thượng Đế bằng những dục vọng ích kỷ của các người. Quả thực, đây là lời dạy của Thượng Đế từ ngàn xưa và cả ngàn sau, những tuyên dân và những chứng nhân của Thượng Đế, đứng vậy, mỗi người và mọi người trong Chúng Ta long trọng làm chứng cho điều này.
166. Các người hãy nhớ lại có vị shaykh tên là Muhammad Hasan,¹⁷⁸ được kể vào hàng những tu sĩ có học thức nhất đương thời. Khi Đấng Chân chính được biểu hiện, thì vị shaykh này, cùng với các bạn đồng sự khác của ông ta, chối bỏ Ngài, trong khi một người sáng lúa mì và lúa mạch¹⁷⁹ đã tin nhận Ngài và hướng mặt về Đấng Chúa. Dù vị ấy ngày và đêm bận rộn ghi chép những gì mà ông ta nhìn nhận là luật và lệnh của Thượng Đế, thế mà khi Đấng ấy là Đấng Vô ngại xuất hiện thì không một chữ nào giúp ích cho ông ta, bằng không ông ta đã không từ bỏ Khuôn mặt đã soi sáng các khuôn mặt của những người được Thượng Đế sủng ái. Giá như các người tin nơi Thượng Đế khi Ngài tự khải hiện, thì dân chúng đã không từ bỏ Ngài, và các người hẳn đã không phải chứng kiến những điều xảy ra cho Chúng Ta ngày nay. Hãy kính sợ Thượng Đế, và đừng làm những kẻ khinh xuất.
167. Hãy lưu ý kẻ có danh nào cản trở các người đến với Ngài là Đấng Sở hữu tất cả các danh, hoặc có ngôn từ nào khiến các người rời xa sự Tưởng nhớ tới Thượng Đế, tới Đấng Nguồn cội sự Khôn sáng này giữa các người. Hỡi quần hội các tu sĩ, hãy hướng về Thượng Đế và cầu xin ơn phù trợ của Ngài, và các người chớ tự biến mình thành màn ngăn giữa Ta và chúng sinh của Ta. Đấng Chúa của các người đã khuyên các người như thế, và truyền lệnh cho các người là hãy công bằng, để cho

sự nghiệp của các người khỏi hóa thành hư không và chính các người lại quên đi lời hứa của mình. Liệu có ai chối bỏ được nền Chánh Đạo này để bênh vực chân lý của một chính nghĩa nào khác khắp trong tạo vật? Nhân danh Ngài là Đấng tạo hình cả vũ trụ, không ai làm được điều đó! Dân chúng đang bị liệm kín trong tấm màn dày đặc. Hãy nhớ: Nhờ nền Chánh Đạo này mà mặt trời chúng có mọc lên, và ngôi sao băng chứng tỏ ánh sáng lên tất cả những ai sống trên trái đất. Hỡi những người có tuệ giác, hãy sợ Thượng Đế, và chớ trở thành những kẻ không tin Ta. Hãy lưu ý kéo danh xưng “Đấng Tiên tri” ngăn trở các người trước Lời Công bố Tối đại này,¹⁸⁰ hoặc sự nhắc nhở tới “Quyền Đại diện” ngăn trở các người đến với quyền tối thượng của Ngài là Đấng Đại diện của Thượng Đế¹⁸¹ hằng che chở cho tất cả các thế giới. Mọi danh đều được tạo nên bởi Ngôi Lời của Ngài, và mọi chính nghĩa đều tùy thuộc Chánh Đạo kỳ diệu, hùng mạnh và toàn thắng của Ngài. Hãy nhớ: Đây là Ngày của Thượng Đế, là Ngày không có cái gì được nhắc đến ngoại trừ chính Bản thể Ngài, Đấng Phò trợ Toàn năng của tất cả các thế giới. Đây là nền Chánh Đạo làm rung động tất cả những thần tượng và những điều mê tín của các người.

168. Quả thực, Chúng Ta thấy giữa các người có người cầm lấy Thánh kinh của Thượng Đế và rút ra từ đó những bằng chứng và lý lẽ để chống lại Chúa của y, cũng giống như tín đồ của mọi tôn giáo khác tìm những lý lẽ trong Thánh kinh của họ để chối bỏ Ngài là Đấng Cứu nạn, Đấng Tự tồn. Hãy nhớ: Thượng Đế, Đấng Chân chính, làm chứng cho Ta rằng các Thánh thư trên thế giới hoặc tất cả các sách và các văn phẩm hiện có, trong Ngày này, không chứng minh được điều gì cho các người nếu không có Thánh kinh Sống này, là Đấng công bố giữa lòng tạo vật rằng: “Quả thực, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ta, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn trí”.
169. Hỡi quần hội các bậc tu hành! Hãy lưu ý đừng để các người trở thành nguyên do của sự xung đột trong xứ, như các người đã là nguyên do của sự chống đối Chánh Đạo vào những ngày Đạo mới xuất hiện. Hãy tập hợp dân chúng quanh Ngôi Lời này, là Đấng đã khiến cho sỏi đá cũng phải cất cao giọng, rằng: “Vương quốc thuộc về Thượng Đế, là nơi xuất phát mọi dấu hiệu!” Bởi hồng ân của Ngài, Đấng Chúa của các người đã khuyên các người như thế; quả thực, Ngài là Đấng Hằng Tha thứ, Đấng Đại Khoan dung.
170. Các người hãy nhớ lại gã Karim,¹⁸² khi Chúng Ta kêu gọi y hướng về Thượng Đế, y đã ưỡn ngực kiêu ngạo như thế nào theo sự thúc giục của dục vọng riêng; dù vậy Chúng Ta cũng đã gửi đến y điều làm nguồn an ủi của mắt về bằng chứng trong thế giới sinh tồn và là sự ứng nghiệm chứng cứ của Thượng Đế đối với tất cả các cư dân của cõi trời và cõi đất. Như là một dấu hiệu về hồng ân của Ngài là Đấng Toàn hữu, Đấng Tối cao, Chúng Ta đã kêu gọi y chấp nhận Chân lý. Nhưng y đã khước từ mãi đến khi các thiên thần thịnh nộ tóm lấy y như là một hành động công bình của Thượng Đế. Quả thực, Chúng Ta làm chứng cho điều này.
171. Hãy xé bỏ các màn che như thế nào để cho những người trong Vương quốc cũng nghe tiếng xé ấy. Đây là phán lệnh của Thượng Đế trong những ngày đã qua và trong những ngày sắp tới. Phúc thay cho người nào biết tuân giữ những điều đã được ban truyền cho mình và khôn thay cho những kẻ hững hờ.

172. Quả thực, trong cõi trần tục này, Chúng Ta không có mục đích nào khác ngoài việc biểu hiện Thượng Đế và khải lộ quyền tối thượng của Ngài; Thượng Đế là Đấng làm chứng đầy đủ cho Ta. Quả thực, trong Vương quốc thiên thượng, Chúng Ta không có chủ tâm nào khác ngoài việc tán dương Chánh Đạo của Ngài và tôn vinh sự chúc tụng Ngài, Thượng Đế là Đấng Phò trợ đầy đủ cho Ta. Quả thực, trong chốn Ngự trị trên cao, Chúng Ta không có khát vọng nào khác ngoài việc ngợi ca Thượng Đế và những gì do Ngài ban xuống, Thượng Đế là Đấng Cứu giúp đầy đủ cho Ta.
173. Phúc thay cho các người, hỡi những người học thức trong Đấng Baha.¹⁸³ Nhờ ơn Đấng Chúa! Các người là những đọt sóng lớn trong Đại dương Uy lực Nhất, là những ngôi sao trên bầu trời Vinh quang, là những ngọn cờ chiến thắng tung bay giữa đất và trời. Các người là biểu hiện của lòng kiên định giữa loài người và là bình minh của Đấng Phát ngôn Thiên liêng đối với tất cả những ai sống trên thế gian. Phúc thay cho ai biết hướng về các người, và bất hạnh thay cho kẻ ương ngạnh. Trong ngày này, ai đã uống cạn ly Rượu Huyền nhiệm về sự sống đời đời từ bàn tay từ ái của Chúa, là Đấng Thượng Đế, Đấng Khoan dung, người ấy phải hoạt động tích cực như mạch máu sinh động trong cơ thể nhân loại, để nhờ đó mà từng đốt xương mục và toàn thể thế giới đều được hồi sinh.
174. Hỡi nhân dân thế giới! Khi chim Bò Câu Huyền nhiệm cất cánh bay khỏi Đền Tán dương và trở về mục tiêu xa xăm, nơi cư trú thâm nhiệm, các người hãy trình những điều khó hiểu trong Thánh kinh lên Ngài là Đấng đâm cành từ thân Cây đại hùng này.¹⁸⁴
175. Hỡi Ngòi bút của Đấng Tối Thượng! Người hãy chuyển động trên Kinh bản theo lệnh của Chúa Người, Đấng tạo dựng các Cõi trời, và nhắc đến thời điểm khi Ngài là Đấng Bình minh của sự Thống nhất Thiên thượng chú tâm hướng bước chân về ngôi Trường Nhất thể Thiên thượng;¹⁸⁵ để những người có tâm hồn trong sạch có thể thoáng thấy, dù nhỏ như lỗ kim, những huyền nhiệm của Chúa Người, Đấng Toàn năng, Đấng Toàn tri, ẩn mình sau những bức màn. Hãy nhớ: Chúng Ta hẳn đã bước chân vào ngôi Trường có sự giải thích và ý nghĩa nội tại trong khi mọi vật thọ tạo đều không hay biết. Chúng Ta thấy những Thánh ngôn được ban xuống bởi Ngài là Đấng Đại Từ Bi, và Chúng Ta tiếp nhận những câu thánh thi của Thượng Đế, Đấng Cứu nạn, Đấng Tự tồn mà Đấng ấy (Đức Bab) đã giới thiệu cho Chúng Ta,¹⁸⁶ và Chúng Ta lắng nghe điều mà Ngài long trọng xác nhận trong Kinh bản. Hẳn nhiên Chúng Ta đã thấy điều này. Và Chúng Ta đã chấp thuận ý muốn của Đấng ấy theo mệnh lệnh của Chúng Ta, vì quả thật Chúng Ta có quyền truyền lệnh.
176. Hỡi con dân của kinh Bayan!¹⁸⁷ Quả thật, Chúng Ta đã bước chân vào ngôi Trường của Thượng Đế trong khi các người còn ngủ mê; và Chúng Ta đã đọc Kinh bản trong khi các người say sưa giấc điệp. Nhờ ơn Đấng Thượng Đế Chân chính Duy nhất! Chúng Ta đã đọc Kinh bản ngay khi nó được mặc khải, trong khi các người không hay biết, và Chúng Ta đã đạt được tri thức toàn hảo của Thánh kinh khi các người chưa chào đời. Những thánh ngôn này là ở tầm vóc các người, chứ không phải ở tầm vóc Thượng Đế. Điều này làm chứng về những gì còn tàng ẩn trong tri thức của Ngài, nếu các người là những kẻ có nhận thức; và lưỡi của Đấng Toàn năng cũng làm chứng cho điều này, giá như các người là những người thấu

hiếu. Ta nguyện có Thượng Đế, nếu Chúng Ta vén màn bí mật, ắt các ngươi sẽ ngất xỉu.

177. Hãy lưu ý kéo các ngươi tranh cãi vô ích về Đấng Toàn năng và Chánh Đạo của Ngài, và hãy trông kìa! Ngài đã xuất hiện giữa các ngươi cùng với một Mặc khải lớn lao đến độ bao quát mọi sự, gồm cả quá khứ và tương lai. Nếu Chúng Ta phát biểu đề tài của Chúng Ta bằng ngôn ngữ của những người an cư trong Vương quốc, Chúng Ta sẽ phán: “Quả thật, Thượng Đế đã lập nên ngôi Trường ấy ngay khi Ngài tạo dựng đất và trời, và Chúng Ta đã vào trường trước khi các mẫu tự B (bi) và E (i) được ráp nối và dính chặt vào nhau”.¹⁸⁸ Đó là ngôn ngữ của các tôi tớ Chúng Ta trong Vương quốc của Chúng Ta; hãy suy ngẫm về điều mà lưỡi các cư dân trong Vương quốc Cao cả của Chúng Ta sẽ thốt ra, vì Chúng Ta đã dạy các tôi tớ ấy điều hiểu biết của Chúng Ta và mặc khải cho đàn con ấy điều ẩn tàng trong đức minh triết của Thượng Đế. Rồi hãy tưởng tượng điều mà ngôn Lưỡi Vĩ đại và Quyền năng đã thốt ra trong Thánh thất Toàn vinh của Ngài!
178. Đây không phải là một nền Chánh Đạo có thể biến thành đồ chơi theo sự tưởng tượng hảo huyền của các ngươi, nó cũng không phải là lãnh vực dành cho những kẻ khùng điên và yếu gan. Nguyện có Thượng Đế, đây là đấu trường tuệ giác và thoát tục, thức ngộ và thăng hoa, ở đó không ai có thể phóng mình trên chiến mã ngoại trừ những kỵ sĩ can trường của Đấng Từ bi, là những người đã dứt hết mọi ràng buộc với thế giới sinh tồn. Quả thật, đây là những người giúp Thượng Đế đạt thắng lợi trên trái đất, và là nơi phát sinh sức mạnh tối thượng của Ngài giữa nhân loại.
179. Hãy lưu ý đừng để điều gì được mặc khải trong Kinh Bayan có thể khiến các ngươi rời xa Thượng Đế của các ngươi, Đấng Đại Từ bi. Thượng Đế làm chứng cho Ta rằng Kinh Bayan được ban xuống không vì mục đích nào khác ngoài việc cử hành sự chúc tụng Ta, giá mà các ngươi hiểu biết! Người có tâm hồn trong sạch chỉ thấy trong Kinh ấy hương thơm tình yêu của Ta, chỉ thấy Danh Ta che chở cho tất cả những ai đã thấy và được thấy. Nay: Hỡi dân chúng, các ngươi hãy hướng về điều đã phát sinh từ ngòi Bút Tối cao của Ta. Nếu các Ngươi muốn hít thở hương thơm của Thượng Đế, thì đừng chống đối Ngài, cũng đừng khước từ phần của các ngươi trong ân huệ dồi dào của Ngài và trong thiên phúc đa dạng của Ngài. Đó là điều Chúa của các ngươi khuyên răn các ngươi; quả thật, Ngài là Đấng Khuyên thiện, Đấng Toàn tri.
180. Ai trong các ngươi không hiểu điều nào trong Thánh kinh Bayan, thì hãy hỏi Thượng Đế, là Chúa của các ngươi và là Chúa của tổ tiên các ngươi. Nếu Ngài muốn, Ngài sẽ giải thích cho các ngươi điều đã được mặc khải trong Kinh ấy, và khải lộ cho các ngươi những châu ngọc tri thức và sự khôn ngoan thiên thượng ẩn tàng trong đại dương thánh ngôn ấy. Quả thực, Ngài là Đấng Tối cao trên tất cả các danh; không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng Cứu nạn, Đấng Tự tồn.
181. Sự quân bình của thế giới đã đảo lộn qua ảnh hưởng chấn động của Nền Trật tự Thế giới Mới này,¹⁸⁹ nền Trật tự lớn lao nhất này. Sự sống khôn nếp của nhân

loại đã được cải cách triệt để qua tác dụng của Hệ thống kỳ diệu và độc đáo này mắt người đời chưa hề được chứng kiến một Hệ thống giống như thế.

182. Các ngươi hãy đắm mình trong đại dương ngôn từ của Ta, để khám phá những điều bí ẩn của nó, và tìm được tất cả những châu ngọc của sự khôn ngoan ẩn tàng dưới đáy sâu của nó. Hãy lưu ý để các ngươi khỏi do dự trong quyết tâm chấp nhận chân lý Chánh Đạo này một nền Chánh Đạo qua đó các tiềm năng uy lực của Thượng Đế đã được mặc khải và quyền uy của Ngài được thiết lập. Với gương mặt rực sáng niềm vui, các ngươi hãy mau hướng về Ngài. Đây là nền Chánh Đạo bất biến của Thượng Đế, trường tồn trong quá khứ, trường tồn trong tương lai. Ai chịu tìm kiếm thì sẽ gặp. Đối với kẻ không chịu tìm kiếm, họ phải biết rằng Thượng Đế là Đấng Tự tồn, ở trên mọi nhu cầu của chúng sinh Ngài.
183. Hãy nghe: Đây là cái Cân không sai lệch mà Bàn tay Thượng Đế đang nắm giữ, trong đó tất cả những kẻ sinh sống trên trời và tất cả những kẻ sinh sống dưới đất đang được cân lường, và số mệnh của họ đang được minh định, ước gì các ngươi là những kẻ tin tưởng và chấp nhận chân lý này. Hãy nghe: Đây là Chúng có Tội Đại, nhờ nó mà giá trị của mọi bằng chứng suốt các thời đại đã được xác định, giá mà các ngươi biết xác tín. Hãy nghe: Nhờ nó kẻ nghèo được làm cho giàu, kẻ học thức được soi sáng thêm, và những kẻ tìm kiếm được giúp đỡ để vươn lên tới sự hiện diện của Thượng Đế. Hãy lưu ý kéo các ngươi biến nó thành nguyên nhân của sự bất hòa với nhau. Hãy đặt đức tin cho thật vững chắc nơi Chánh Đạo của Chúa các ngươi, Đấng Đại hùng, Đấng Từ ái, như là ngọn núi không gì dời đổi được.
184. Nay hãy nghe: Hỡi nguồn gốc của trụy lạc!¹⁹⁰ Hãy bỏ đi sự đui mù cố ý của ngươi, và hãy nêu cao chân lý giữa loài người. Ta nguyện có Thượng Đế rằng Ta đã khóc cho ngươi khi thấy ngươi đuổi theo dục vọng ích kỷ và chối bỏ Ngài là Đấng tạo dựng nên ngươi và đưa ngươi vào cõi sinh tồn. Hãy nhớ lại đức bác ái dịu dàng của Chúa ngươi, và hãy nhớ Chúng Ta đã nuôi dưỡng ngươi ngày đêm như thế nào để phụng sự Chánh Đạo.¹⁹¹ Ngươi hãy sợ Thượng Đế và hãy trở thành người ăn năn thực sự. Dù cho người đời có mù mờ về cương vị của ngươi, có lý nào ngươi cũng tự cho phép mình mù mờ sao? Hãy run sợ trước Đấng Chúa của ngươi và hãy nhớ lại những ngày khi ngươi đứng trước ngai của Chúng Ta và đã chép những câu thánh thi mà Chúng Ta đọc cho ngươi những câu thánh thi được ban xuống từ Thượng Đế, Đấng Phù trợ Toàn năng, Đấng Chúa của sức mạnh và uy quyền. Hãy lưu ý kéo lừa tự mãn nơi ngươi ngăn ngươi đạt tới Triều đường Thánh thiện của Thượng Đế. Hãy hướng về Ngài, và đừng sợ cho hành động của ngươi. Quả thực, Ngài tha thứ cho bất cứ ai Ngài muốn như là một đặc ân của Ngài; không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng Hằng Tha thứ, Đấng Đại Từ bi. Chúng Ta khuyên bảo ngươi chỉ vì Thượng Đế. Nếu ngươi chấp nhận lời khuyên này, ngươi sẽ phải hành động vì lợi ích của ngươi; và nếu ngươi chối bỏ nó, quả thực, Chúa của ngươi không cần tới ngươi và tới tất cả những kẻ theo ngươi trong sự lầm lạc rõ ràng. Hãy trông! Thượng Đế đã tóm lấy kẻ dắt ngươi đi lạc đường.¹⁹² Hãy quay về với Thượng Đế, khiêm tốn, phục tùng và hạ mình; quả thực, Ngài sẽ xóa đi cho ngươi các tội lỗi của ngươi, vì Đấng Chúa của ngươi hân là Đấng Tha thứ, Đấng Hùng mạnh, Đấng Đại Từ bi.

185. Đây là lời khuyên giáo của Thượng Đế; người hãy lưu tâm! Đây là ân huệ của Thượng Đế; người hãy nhận lấy! Đây là Lời phán của Thượng Đế; người hãy thấu hiểu! Đây là Kho tàng của Thượng Đế; phải chi người có thể thức ngộ!
186. Đây là quyển Thánh kinh đã trở thành ngọn Đèn của Đấng Hằng hữu đối với thế giới, đã thành con Đường thẳng không lệch hướng của Ngài giữa các dân tộc trên trái đất. Hãy nghe: Đây là Bình minh Tri thức thiêng liêng, giá mà các người hiểu, và là nơi Xuất phát những điều răn của Thượng Đế, giá mà các người thức ngộ.
187. Dừng bắt con vật mang nặng quá sức nó. Quả thực, Chúng Ta đã cảm sự đối xử như thế bằng điều cấm nghiêm khắc nhất trong Thánh kinh. Các người hãy là hiện thân của sự công bình và chính trực giữa toàn thể tạo vật.
188. Nếu kẻ nào vô ý lấy đi mạng sống của người khác, kẻ ấy phải trả cho gia đình người chết một khoản bồi thường là một trăm mithqal vàng. Các người hãy tuân giữ điều được truyền phán cho các người trong Kinh bản này, và chớ làm những kẻ vượt quá giới hạn.
189. Hỡi các đại biểu quốc hội trên khắp thế giới! Hãy chọn một thứ tiếng nói duy nhất để dùng trên khắp trái đất, và các người cũng chọn một thứ chữ viết chung¹⁹³ như thế. Quả thực, Thượng Đế đã chỉ rõ điều làm lợi cho các người và giúp các người trở nên độc lập hoàn toàn. Quả thực, Ngài là Đấng Đại Từ bi, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn giác. Đây sẽ là nguyên nhân của sự thống nhất, giá mà các người thức ngộ, và là dụng cụ tốt nhất để quảng bá sự hòa hợp và nền Văn minh, ước gì các người thấu hiểu! Chúng Ta đã qui định hai dấu hiệu cho tuổi trưởng thành của cả loài người¹⁹⁴: Điều thứ nhất, là nền móng vững chắc nhất, mà Chúng Ta đã nêu trong các Kinh bản khác của Chúng Ta, trong khi điều thứ hai được mặc khải trong Thánh kinh kỳ diệu này.
190. Hút thuốc phiện là điều cấm đối với các người. Quả thực, Chúng Ta đã cấm thói tật này bằng điều cấm nghiêm khắc nhất trong Thánh kinh. Nếu kẻ nào dùng thuốc phiện, kẻ ấy không thuộc về Ta. Hãy sợ Thượng Đế, hỡi những người được ban cho sự thức ngộ!

MỘT SỐ VĂN BẢN DO ĐỨC BAHA'U'LLAH MẶC KHẢI BỔ SUNG VÀO KITAB-I-AQDAS

Một số những Kinh bản do Đức Baha'u'llah mặc khải sau Kitab-i-Aqdas có những đoạn bổ sung vào các điều khoản của Thánh kinh Thiêng liêng Nhất. Những Kinh bản quan trọng nhất đã được in trong quyển “**Những Kinh bản Đức Baha'u'llah mặc khải sau Kitab-i-Aqdas**”. Một đoạn trích từ Kinh bản Ishraqat (Sự huy hoàng) được đưa vào phần này. Nguyên văn ba Bản Kinh Cầu nguyện Bất buộc được nêu trong phần Văn Đáp và Kinh Cầu nguyện cho Người quy tịch nêu trong nội dung Thánh kinh cũng được in lại ở đây.

KINH BẢN ISHRAQAT ISHRAQ THỨ TÁM

Đoạn kinh này do Ngòi bút Vinh Quang viết ra, được kể là một phần trong Thánh kinh Thiêng liêng Nhất: Những người trong Tòa Công lý của Thượng Đế được giao trọng trách về các công việc của dân chúng. Sự thực, họ là những vị Thụ ủy của Thượng Đế giữa các tôi con Ngài và là nguồn mạch thẩm quyền trong các nước của Ngài.

Hỡi con dân của Thượng Đế! Người rèn luyện thế giới là Công lý, vì Công lý được chống đỡ bởi hai trụ cột, ân thưởng và trừng phạt. Hai trụ cột này là nguồn sự sống cho thế giới. Vì mỗi ngày sẽ có một vấn đề mới và mỗi vấn đề cần một giải pháp nhanh chóng, những việc ấy cần được nêu lên trước Tòa Công lý để các ủy viên của Tòa có thể hành động đúng với các nhu cầu và đòi hỏi của thời đại. Những người, vì có Thượng Đế, đứng lên phụng sự Chánh Đạo của Ngài, là những người nhận được sự cảm ứng thiêng liêng từ Vương quốc vô hình. Mọi người phải tuân tùng các vị ấy. Mọi vấn đề của Quốc gia phải trình lên Tòa Công lý, còn hành động thờ phượng thì phải được tuân thủ đúng với điều Thượng Đế đã mặc khải trong Thánh kinh của Ngài.

Hỡi con dân của Đấng Baha! Các nơi là nơi xuất hiện tình yêu của Thượng Đế và là bình minh đức từ ái của Ngài. Đừng làm ô uế lưỡi các nơi bằng lời nguyên rửa hoặc khinh khi một linh hồn nào, và giữ mắt các nơi đừng nhìn điều gì bất xứng. Hãy trao tặng những gì các nơi sở hữu. Nếu được nhận một cách thuận thảo, thì các nơi đã đạt mục đích; bằng không chớ phản kháng vô ích. Cứ để mặc linh hồn ấy, và hãy hướng về Chúa, Đấng Phò trợ, Đấng Tự tồn. Chớ trở thành nguyên nhân của sự phiền muộn, và càng không thể thành nguyên nhân của sự bất hòa và xung đột. Điều hy vọng thiết tha là các nơi có thể đạt được sự giáo dục chân chính dưới bóng cây ân phúc hiền dịu của Ngài và hành động phù hợp với điều Thượng Đế muốn. Tất cả các nơi là lá cùng một cây và là những giọt nước cùng một đại dương.

(Những Kinh bản Đức Baha 'u'llah mặc khải sau Kitab-i-Aqdas)

BẢN KINH CẦU NGUYỆN BẮT BUỘC DÀI NHẤT

ĐỌC MỘT LẦN TRONG VÒNG HAI MƯƠI BỐN GIỜ

(Ai muốn đọc Kinh này thì phải đứng thẳng và hướng về Thượng Đế, rồi vẫn không rời chỗ, nhìn sang phải sang trái, như thể tìm kiếm đức bác ái của Chúa mình, Đấng Đại Bác ái, Đấng Tự bi. Và bắt đầu đọc).

Lạy Ngài là Đấng Chúa của tất cả các danh, Đấng Sáng tạo các cõi trời! Bởi các Đấng là Đấng Hùng dũng Bản thể vô hình của Ngài, Đấng Đại Vinh quang, Đấng Tối cao, con khẩn cầu Ngài biến lời cầu nguyện của con thành ngọn lửa có thể thiêu hủy màn vô minh đã ngăn cách con với vẻ mỹ lệ của Ngài, và thành ánh sáng dắt dẫn con tới đại dương hiện diện của Ngài.

(Đưa hai tay lên trong dáng điệu khẩn cầu Thượng Đế – Ngài thật đầy ân phúc và vinh hiển – và đọc:)

Lạy Ngài là Đấng Khát khao của thế giới, Đấng Kính yêu của các nước! Ngài thấy con đang hướng về Ngài, dứt bỏ mọi ràng buộc với bất cứ ai không phải là Ngài, bầu vùi vào sợi dây thiêng liêng của Ngài mà sự vận chuyển có thể làm đảo lộn cả vạn vật. Lạy Chúa của con, con là tôi tớ Ngài. Ngài thấy con đứng đây, sẵn sàng làm theo ý chí và ý thích của Ngài, và con không ước ao gì khác ngoài sự hài lòng của Ngài. Bởi đại dương bác ái của Ngài, bởi vàng Thái dương ân phúc của Ngài, con cầu xin Ngài sử dụng kẻ tôi tớ Ngài như Ngài muốn, như Ngài thích. Nguyên bởi quyền năng Ngài hằng vượt xa mọi sự mô tả và tán tụng! Bất cứ điều gì Ngài mặc khải đều là sở thích của tâm hồn con, đều là khát vọng của linh hồn con. Lạy Thượng Đế, Thượng Đế của con! Xin đừng để ý đến ước vọng và hành động của con, nhưng xin để ý đến ý chí của Ngài vốn bao trùm các bầu trời và trái đất. Nguyên bởi Tội Đại Danh của Ngài, lạy Ngài là Đấng Chúa tất cả các nước! Con chỉ muốn điều Ngài muốn và chỉ yêu điều Ngài yêu.

(Quỳ gối, trán cúi xuống đất, và đọc:)

Ngài vô cùng cao cả vượt trên mọi sự mô tả ngoại trừ sự mô tả của chính Ngài, và vượt khỏi sự hiểu biết của bất cứ ai ngoài Ngài.

(Đứng dậy và đọc:)

Lạy Chúa của con, xin biến lời cầu nguyện của con thành nguồn nước sự sống khiến con có thể sống lâu như quyền tối thượng của Ngài và có thể suy tôn quyền ấy trong mỗi thế giới của Ngài.

(Lại đưa tay lên khẩn cầu và đọc:)

Lạy Ngài là Đấng mà sự xa cách làm tiêu hủy các tâm hồn và linh hồn, là Đấng mà lửa tình yêu làm nóng bỏng cả hoàn cầu! Bởi Thánh Danh Ngài đã chinh phục cả tạo vật, con xin Ngài đừng từ chối con điều gì thuộc về Ngài, lạy Ngài là Đấng cai quản mọi người. Lạy Chúa của con, Ngài thấy kẻ xa lạ này hồi hải tiến về thánh thất tối cao của mình, dưới bóng tàn cây uy nghi của Ngài, trong thánh điện bác ái của Ngài; kẻ tội lỗi này đang tìm kiếm đại dương tha thứ của Ngài; kẻ tín đồ hèn mọn này đang tiến tới cung điện vinh quang của Ngài; tạo vật nghèo nàn này đang tìm kiếm phương đông sản nghiệp của Ngài. Ngài có thẩm quyền truyền phán bất cứ điều gì Ngài muốn. Con làm chứng rằng các việc làm của Ngài đều đáng ca ngợi, các mệnh lệnh của Ngài đều đáng tuân tùng, và phán lệnh của Ngài không hề bị hạn chế.

(Đưa tay lên và đọc Thánh Danh ba lần ALLAH-O-ABHA. Tay đặt lên đầu gối, cúi mình trước Thượng Đế – Ngài thật đầy ân phúc và vinh hiển – và đọc:)

Lạy Thượng Đế của con, Ngài thấy đấy, trong khắp các chi thể, tinh thần con xúc động mạnh bởi khát vọng tôn thờ Ngài, bởi nhiệt tâm nhắc đến Danh Ngài và ca tụng Ngài; Ngài thấy tinh thần con xác tín đến mức nào điều mà ngọn Lưỡi phán lệnh của Ngài đã chứng nhận trong vương quốc thánh ngôn của Ngài và trên bầu trời tri thức của Ngài. Lạy Chúa của con, trong trạng thái tinh thần này, con tha thiết cầu xin Ngài tất cả những gì thuộc về Ngài để chứng minh sự nghèo nàn của con, xin tôn vinh đức từ ái và sự sung túc

của Ngài, để có thể thú nhận sự bất năng của con, làm tỏ rõ uy quyền và sức mạnh của Ngài.

(Đứng thẳng người, tay đưa lên hai lần theo cách khấn cầu, và đọc:)

Không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng Toàn năng, Đấng Đại Từ bi. Không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng An bài từ thủy đến chung. Lạy Thượng Đế, Thượng Đế của con, đức bao dung của Ngài làm con bạo dạn, lượng bác ái của Ngài làm con mạnh mẽ; tiếng gọi của Ngài thức tỉnh con, ân phúc của Ngài nâng con lên và dắt con đến với Ngài. Không nhờ thế, con đâu có ra gì, và làm sao con dám đứng ở ngưỡng cửa thành phố của sự gần gũi Ngài, hoặc ngược mặt lên trước ánh sáng chiếu rọi từ cõi trời ý chí Ngài? Lạy Chúa của con, Ngài thấy tạo vật khốn khổ này đang gõ cửa thiên phúc của Ngài, linh hồn phù du này đang tìm kiếm dòng sông trường sinh tuôn chảy từ bàn tay độ lượng của Ngài. Mãi mãi phán lệnh thuộc về Ngài, lạy Ngài là Đấng Chúa tất cả các danh, còn bốn phận của con là phải nhẫn nhục và phục tùng tức khắc ý chí Ngài, lạy Ngài là Đấng Sáng tạo các cõi trời.

(Đưa tay lên ba lần và đọc ba lần:)

Thượng Đế là Đấng Vĩ đại hơn mọi người vĩ đại.

(Quỳ xuống, trán áp mặt đất, và đọc:)

Ngài vô cùng cao cả đến nỗi lời chúc tụng của những kẻ gần Ngài không thể lên đến cõi trời hiện diện của Ngài, và những con chim tâm hồn của những người trung thành với Ngài cũng không thể bay tới ngưỡng cửa nơi ở của Ngài. Con xin làm chứng rằng Ngài cao cả hơn mọi phẩm hạnh và sự thánh thiện của Ngài vượt trên tất cả các danh. Không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng Tối cao, Đấng Toàn vinh.

(Hãy ngòì và đọc:)

Con xin làm chứng về điều mà tất cả vạn vật, và Quần hội thiên thượng, cư dân Thiên đàng tối cao, và bên trên nữa, từ Chân trời toàn vinh chính Ngọn Lưỡi Vĩ đại đều làm chứng rằng Ngài là Thượng Đế, rằng không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, và rằng Đấng được biểu hiện là Mẫu nhiệm tàng ẩn của Ngài, là Biểu tượng Trân bảo đã khiến các chữ B (bi) và E (i) được ráp nối và dính liền (Be). Con xin chứng nhận rằng chính Đấng mà danh được viết bởi Ngòi bút của Đấng Tối cao và đã được nhắc đến trong các Thánh kinh của Thượng Đế, là Đấng Chúa trên ngòì thiên thượng và trên thế gian.

(Đứng thẳng và đọc:)

Lạy Đấng Chúa của tất cả các sinh linh và là Đấng Sở hữu vạn vật hữu hình và vô hình! Chắc chắn Ngài thấy nước mắt con, Ngài nhận ra tiếng thở dài của con. Ngài nghe lời kêu than của con, tiếng rên siết của con và lời ta thán của tâm hồn con. Bởi quyền năng của Ngài! Các sự quá phạm của con đã ngăn con đến gần Ngài, và các tội lỗi của con đã khiến con cách xa ngưỡng cửa thánh thiện của Ngài. Lạy Chúa của con, tình yêu Ngài khiến con thành giàu có, sự xa cách Ngài khiến con kiệt quệ. Bởi dấu chân Ngài trong sa mạc này, và bởi những lời báo hiệu “Ta đây, Ta đây” do những người lựa chọn của Ngài thốt lên giữa cảnh mênh mông này, bởi hơi thở Mặc khải của Ngài, và bởi làn gió nhẹ của

Đấng Bình minh Biểu hiện của Ngài, con cầu xin Ngài ban cho con điều khiến con được phép chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Ngài và tuân giữ mọi điều chứa đựng trong Thánh kinh Ngài.

(Đọc ba lần Tối Đại Danh:)

ALLAH - O - ABHA

(Khom mình, tay đặt lên đầu gối, và đọc:)

Lạy Thượng Đế của con, con ca tụng Ngài vì Ngài đã giúp con nhớ đến Ngài, và con tán dương Ngài vì Ngài đã giúp con nhận biết Đấng Hùng đông các dấu hiệu Ngài, giúp con cúi lạy trước quyền tối thượng của Ngài, khiến con trở nên khiêm tốn trước Thần tính của Ngài và nhận biết điều được truyền phán bởi Ngọn lưỡi vĩ đại của Ngài.

(Đứng lên và đọc:)

Lạy Thượng Đế, Thượng Đế của con! Lưng con còng xuống bởi gánh nặng tội lỗi của con, và sự vô tâm của con đã khiến con hư mất. Khi con nghĩ đến những hành động xấu xa của con và lòng từ bi của Ngài, tim con nhũn ra và máu con sục sôi trong các huyết quản của con. Bởi Đấng Mỹ lệ của Ngài, lạy Ngài là Đấng Khát khao của thế giới! Con thẹn thùng khi ngược mặt nhìn Ngài, và xấu hổ khi đưa đôi tay khát khao lên cõi trời từ ái của Ngài. Lạy Thượng Đế của con, Ngài thấy nước mắt con đã ngăn trở con tưởng nhớ đến Ngài và nêu cao đức hạnh của Ngài, lạy Ngài là Đấng Chúa trên ngôi thiên thượng và trên thế gian! Bởi các dấu hiệu của Vương quốc Ngài, và bởi những huyền nhiệm thuộc Quyền Ngự trị của Ngài, con cầu xin Ngài đối xử với những người thân yêu của Ngài tùy theo đức từ ái của Ngài, lạy Ngài là Đấng Chúa của vạn vật, và tùy theo ân đức của Ngài, lạy Ngài là Đấng vua của cõi hữu hình và vô hình!

(Đọc Tối Đại danh ba lần:)

ALLAH - O - ABHA

(Quỳ xuống, trán áp đất và đọc:)

Lạy Thượng Đế của chúng con, Ngài thật đáng chúc tụng vì Ngài đã ban xuống cho chúng con điều khiến chúng con đến gần Ngài và ban cho chúng con những của cải như Ngài đã hứa trong các Thánh kinh và Thánh thư của Ngài. Lạy chúa của con, chúng con cầu xin Ngài che chở chúng con khỏi những đạo binh ảo tưởng điên khùng và những tưởng tượng hảo huyền. Quả thực, Ngài là Đấng Uy lực, Đấng Toàn tri.

(Ngước đầu lên, ngồi tại chỗ và đọc:)

Lạy Thượng Đế của con, con xin làm chứng cho những điều mà các Đấng tuyên chọn của Ngài đã làm chứng, và con nhận biết những điều đã được tiếp thụ bởi các cư dân của Thiên đàng tối cao, cũng như bởi những người đã châu hầu quanh Ngôi uy lực của Ngài. Các vương quốc của cõi đất và cõi trời đều thuộc về Ngài, lạy Ngài là Đấng Chúa các thế giới!

(CẦU NGUYỆN và SUY TƯỞNG của Đức Baha'u'llah, bài CL XXX III)

BẢN KINH CẦU NGUYỆN BẮT BUỘC DÀI TRUNG BÌNH

ĐỂ ĐỌC HÀNG NGÀY, VÀO BUỔI SÁNG, BUỔI TRƯA, VÀ BUỔI TỐI.

(Ai muốn cầu nguyện, hãy rửa tay, và trong khi rửa tay hãy đọc:)

Lạy Thượng Đế của con, xin ban sức mạnh cho bàn tay con để bàn tay đó có thể cầm Thánh kinh của Ngài với sự quyết tâm dũng mãnh đến nỗi tất cả những đạo quân trên thế giới đều bất lực đối với bàn tay đó. Xin che chở cho bàn tay đó khỏi cầm phải vật gì không xứng đáng. Quả thực, Ngài là Đấng Toàn lực, Đấng Toàn năng.

(và trong khi rửa mặt, hãy đọc:)

Lạy Chúa của con, con đã hướng mặt con về Ngài! Xin lấy ánh sáng thiên nhan của Ngài soi sáng mặt con và xin ngăn nó khỏi quay về bất cứ ai khác ngoài Ngài.

(Đứng thẳng, mặt hướng về Qiblih – Điểm Thờ phượng, tức Bahji, Akka – và đọc:)

Thượng Đế làm chứng cho con rằng ngoài Ngài không có ai khác là Thượng Đế. Các Vương quốc của Mặc Khải và của tạo vật đều thuộc về Ngài. Sự thực, Ngài đã khai sinh ra Đấng Hùng dũng Mặc Khải, Đấng giảng dạy trên núi Sinai, Đấng soi sáng Chân trời tối cao, Đấng biểu dương Cây Liên Hoa mà không tinh thần nào vượt qua được, Đấng truyền lời kêu gọi này đến tất cả những ai ở trên trời và ở trên trái đất: “Kìa hãy trông! Đấng Sở hữu tất cả vạn vật đã đến. Bầu trời và trái đất, vinh quang và quyền năng đều thuộc về Thượng Đế, Đấng Chúa tể của mọi người, Đấng Tôn sư trên ngôi thiên thượng và trên thế gian này!”

(Rồi khom mình xuống, hai bàn tay đặt lên đầu gối, và đọc:)

Ngài vô cùng cao cả, vượt lên trên sự tán tụng của con và sự tán tụng của bất cứ ai khác, vượt lên trên sự mô tả của con và sự mô tả của tất cả cư dân ở trên trời và trên trái đất!

(Đứng thẳng, hai bàn tay mở rộng, lòng bàn tay đưa lên ngang mặt và đọc:)

Lạy Thượng Đế của con, xin đừng làm thất vọng kẻ đã vươn đôi bàn tay khấn cầu, bầu vùi tà áo bác ái và ân phúc của Ngài, lạy Ngài là Đấng Bác ái Nhất trong tất cả những Đấng Bác ái.

(Rồi ngồi xuống và đọc:)

Con xin chứng nhận sự thống nhất và sự đơn nhất của Ngài. Con xin chứng nhận rằng Ngài là Thượng Đế và không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài. Sự thực, Ngài mặc khải Chánh Đạo của Ngài, Ngài thiết lập Giao ước mà Ngài đã hứa và mở rộng cửa thiên ân Ngài cho tất cả cư dân của cõi trời và cõi đất. Xin cho phước lành và sự bình an, sự giải

thoát và vinh quang được ban cho những kẻ thân yêu của Ngài, để cho những đổi thay và những biến chuyển của trần thế không cản trở nỗi họ quay mặt về với Ngài và cho những kẻ đã hy sinh tất cả với hy vọng đạt tới những điều thuộc về Ngài. Sự thực, Ngài là Đấng đòi đòi tha thứ, Đấng Thượng Đế hoàn toàn từ bi.

(Thay vì đọc bản kinh dài kể trên, có thể đọc lời sau đây:)

Thượng Đế chứng nhận rằng không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng Cứu nạn, Đấng Tự tồn.

(Hoặc có thể ngồi và đọc:)

Con xin làm chứng về sự thống nhất và sự đơn nhất của Ngài; con xin làm chứng rằng Ngài là Thượng Đế và không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài.

(CÁU NGUYỆN và SUY TƯỞNG của Đức Baha'u'llah, bài CLXXXII).

BẢN KINH CẦU NGUYỆN BẮT BUỘC NGẮN NHẤT

ĐỀ ĐỌC MỘT LẦN TRONG 24 GIỜ, VÀO BUỔI TRƯA

Lạy Thượng Đế của con, con xin chứng nhận rằng Ngài đã tạo nên con để nhận biết Ngài và tôn thờ Ngài. Con xin thú nhận ngay lúc này con thật là bất lực trước uy lực của Ngài, và nghèo nàn trước sự phong phú của Ngài.

Không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng Cứu nạn, Đấng Tự tồn.

(CÁU NGUYỆN và SUY TƯỞNG của Đức Baha'u'llah, bài CLXXXI).

KINH CẦU CHO NGƯỜI QUA ĐỜI

Lạy Thượng Đế của con! Đây là tôi tớ Ngài và là con của tôi tớ Ngài, đã đặt tin tưởng nơi Ngài và nơi các dấu hiệu của Ngài, đã hướng mặt về Ngài và hoàn toàn dứt bỏ mọi sự ngoài Ngài. Quả thực, Ngài là Đấng Bác ái Nhất trong những Đấng Bác ái.

Lạy Ngài là Đấng tha thứ tội lỗi của người đời và che giấu những khiếm khuyết của họ, và xin Ngài cũng đối xử với kẻ tôi tớ này tùy cõi trời ý chí của Ngài và đại dương ân phúc của Ngài. Xin cho người được đến nơi tiền đường bác ái thiên thượng của Ngài vốn có từ trước khi tạo thiên lập địa. Không có Thượng Đế nào khác ngoài Ngài, Đấng Hằng tha thứ, Đấng Đại lượng.

(Đọc sáu lần Tối Đại Danh:)

ALLAH-O-ABHA

(Rồi đọc tiếp các câu sau đây, mỗi câu mười chín lần:)

Quả thực, tất cả chúng con đều kính thờ Thượng Đế.

Quả thực, tất cả chúng con đều cúi lạy trước Thượng Đế.

Quả thực, tất cả chúng con đều dâng mình cho Thượng Đế.

Quả thực, tất cả chúng con đều dâng lời chúc tụng lên Thượng Đế.

Quả thực, tất cả chúng con đều tạ ơn Thượng Đế.

Quả thực, tất cả chúng con đều bền lòng trong Thượng Đế.

(Nếu người qua đời là người nữ thì hãy đọc: Đây là nữ tì của Ngài và là ái nữ của nữ tì Ngài....)

(CÁU NGUYỆN và SUY TƯỞNG của Đức Baha'u'llah, bài CLXVII).

VẤN VÀ ĐÁP

1. CÂU HỎI: Về Thánh lễ Trọng đại Nhất.

TRẢ LỜI: Thánh lễ Trọng đại Nhất khởi sự lúc xế chiều ngày thứ mười ba của tháng thứ hai trong năm theo Kinh Bayan. Cấm làm việc vào ngày thứ nhất, ngày thứ chín và ngày thứ mười hai của Thánh Lễ này.

2. CÂU HỎI: Về Thánh lễ Giáng sinh Kép.

TRẢ LỜI: Thánh lễ Giáng sinh Đấng Mỹ lệ Abha^e là vào giờ rạng đông ngày thứ hai tháng Muharram^f, ngày đầu của tháng này là Thánh Lễ Giáng sinh Đấng Tiên phong của Ngài. Dưới mắt Thượng Đế hai ngày này được kể là một ngày.

3. CÂU HỎI: Về các câu Thánh thi đọc trong Hôn lễ^g

TRẢ LỜI: Đối với người nam: “Quả thực, tất cả chúng con đều vâng phục ý chí của Thượng Đế”. Đối với người nữ: “Quả thực, tất cả chúng con đều vâng phục ý chí của Thượng Đế”.

4. CÂU HỎI: Nếu một người đi du lịch mà không nêu rõ thời gian trở về nói cách khác là không cho biết thời kỳ vắng nhà là bao lâu và sau đó không nghe tin gì về người ấy, và mọi vết tích về người ấy đều mất hẳn, thì vợ của người ấy phải cư xử ra sao?

TRẢ LỜI: Nếu người đó không định rõ thời gian vắng nhà dù biết rõ Thánh kinh Kitab-i-Aqdas có qui định về việc này, vợ người ấy phải đợi trọn một năm, sau đó người vợ được tự do hoặc giữ lối cư xử xứng đáng, hoặc tự chọn một người chồng khác. Tuy nhiên, nếu người chồng không biết về qui định này, thì người vợ nên giữ sự bền lòng cho đến khi Thượng Đế vui lòng cho bà biết tin tức về số phận người chồng. Cách cư xử xứng đáng nêu ra ở đây có nghĩa là giữ sự bền lòng.

5. CÂU HỎI: Về câu Thánh thi: “Khi Chúng Ta nghe tiếng gào khóc của trẻ em chưa sanh, Chúng ta đã tặng gấp đôi phần của con cái và giảm bớt phần của những người khác”.

TRẢ LỜI: Theo Thánh kinh của Thượng Đế, tài sản của người qua đời được chia làm 2520 cổ phần, số này là bội số chung thấp nhất của các số nhân cho 9, rồi số cổ phần này lại được chia thành 7 phần, mỗi phần được cấp phát cho một loại người thừa kế cụ thể, như được nêu trong Thánh kinh. Chẳng hạn như con cái được chia 9 nhóm 60 cổ phần, tức được tất cả 540 cổ phần. Ý nghĩa của lời phán “Chúng Ta đã tặng gấp đôi phần của con cái tức là con cái sẽ nhận 9 nhóm 60 cổ phần nữa, như thế các con được cả thảy 18 nhóm cổ phần. Số tặng mà các con được nhận là do cắt bớt phần của các hạng người thừa kế khác, cho nên, chẳng hạn như dù đã được mặc khải rằng người vợ được hưởng “tám phần gồm bốn trăm tám mươi cổ phần”, tức tương đương tám nhóm 60 cổ phần, nay do sự qui định mới, một nhóm rưỡi cổ phần, tức 90 cổ phần, đã được rút bớt từ phần của người vợ và phân phối lại cho con cái và cũng làm tương tự như thế trong trường hợp những người thừa kế khác. Kết quả là tổng số rút bớt tương đương với chín nhóm cổ phần chia thêm cho con cái.

6. **CÂU HỎI:** Người anh em, để đủ tư cách hưởng phần thừa kế, có cần thuộc cùng cha cùng mẹ với người qua đời, hay chỉ cần có chung một phụ mẫu là đủ?

TRẢ LỜI: Người anh em có cùng cha sẽ được nhận phần thừa kế theo mức qui định trong Thánh kinh; nhưng nếu có cùng mẹ, người ấy chỉ được nhận hai phần ba phần thừa kế, một phần ba còn lại chuyển cho Tòa Công lý. Qui định này cũng áp dụng đối với chị em gái.

7. **CÂU HỎI:** Trong các điều khoản về thừa kế đã có qui định rằng, nếu người qua đời không có con cái, thì phần của con cái chuyển cho Tòa Công lý. Trong trường hợp các hạng người thừa kế khác như cha, mẹ, anh em, chị em gái và thầy giáo cũng không còn, thì phần thừa kế của họ được chuyển cho Tòa Công lý, hay theo cách xử lý nào khác?

TRẢ LỜI: Câu thánh thi đã đầy đủ. Ngài phán, lời Ngài cao cả thay: “Nếu người qua đời không có con cái, thì phần của họ được chuyển cho Tòa Công lý” v.v... và “Nếu người qua đời có con cái, nhưng không có các hạng thừa kế khác đã nêu trong Thánh kinh, thì con cái sẽ nhận hai phần ba số thừa kế, một phần ba còn lại sẽ chuyển cho Tòa Công lý” v.v... Nói cách khác, trường hợp không có con cái, thì phần thừa kế của con cái chuyển cho Tòa Công lý; trường hợp có con cái nhưng không có các hạng người thừa kế khác, thì hai phần ba số thừa kế của họ chia cho con cái, một phần ba còn lại chuyển cho Tòa Công lý. Qui định này được áp dụng trong cả trường hợp chung và riêng, nghĩa là khi không có những người thừa kế thuộc các loại sau, thì hai phần ba phần thừa kế của họ chuyển cho con cái và một phần ba còn lại chuyển cho Tòa Công lý.

8. **CÂU HỎI:** Về số tài sản căn bản dựa vào đó để trả khoản Huququllah.

TRẢ LỜI: Số tài sản căn bản dựa vào đó để trả khoản Huquq là mười chín mithqal vàng. Nói cách khác là khi có được số tiền trị giá như thế thì phải trả khoản Huquq. Cũng thế, khoản Huquq phải trả khi giá trị, chứ không phải số lượng của các dạng tài sản khác đạt tới mức qui định. Khoản Huquq không phải trả quá một lần. Chẳng hạn, một người có được một ngàn mithqal vàng và đã trả khoản Huquq, thì về sau không phải trả trên khoản này nữa, nhưng chỉ trả trên khoản sinh lợi do thương mại, kinh doanh v.v... Khi số này tăng lên, nghĩa là số lợi nhuận mới nảy sinh, đạt tới mức ấn định, ta lại phải thực hiện điều Thượng Đế truyền phán. Chỉ khi nào vốn gốc chuyển quyền sở hữu thì mới phải trả khoản Huquq một lần nữa, giống như lần đầu. Đáng Điểm Tiên khởi đã phán truyền rằng khoản Huququllah phải trả dựa trên giá trị bất cứ cái gì ta có; tuy vậy, trong Kỳ Cứu độ Đại Hùng này, Chúng Ta đã ân miễn cho các thiết bị trong nhà, nghĩa là những thiết bị cần thiết, và cả nhà ở.

9. **CÂU HỎI:** Khoản nào là ưu tiên: Huququllah, nợ của người qua đời hay chi phí mai táng?

TRẢ LỜI: Chi phí mai táng là ưu tiên, rồi đến thanh toán nợ nần, rồi đến trả khoản Huququllah. Nếu tài sản của người qua đời xét thấy không đủ để trả hết các món nợ, thì phần gia sản còn lại của người ấy phải chia trả cho các món nợ theo tỉ lệ của các món nợ đó.

10. **CÂU HỎI:** Việc cạo đầu bị cấm trong Kitab-i-Aqdas nhưng được cho phép trong Suriy-i-Hajj.

TRẢ LỜI: Mọi người đều có bổn phận phải tuân theo Thánh kinh Kitab-i-Aqdas; bất cứ điều gì mặc khải trong đó đều là Luật của Thượng Đế đối với tôi con Ngài. Điều qui định cho người hành hương về Ngôi Nhà thiêng liêng phải cạo đầu đã được rút lại.

11. **CÂU HỎI:** Nếu việc giao hợp xảy ra giữa vợ chồng trong năm chờ ly dị, và sau đó họ vẫn nghịch nhau, vậy họ phải bắt đầu lại một năm chờ đợi, hay những ngày trước khi giao hợp có thể được tính tiếp cho đủ năm? Và khi phải ly dị, có cần phải tuân giữ một thời gian chờ đợi nữa?

TRẢ LỜI: Nếu tình cảm lại phục hồi giữa vợ chồng trong năm chờ ly dị, thì mối liên hệ hôn nhân có hiệu lực và điều được truyền phán trong Thánh kinh của Thượng Đế phải tuân giữ; nhưng một khi năm chờ đợi đã mãn và điều do Thượng Đế truyền phán đã thực hiện, thì không cần thời gian chờ đợi nào nữa. Sự giao hợp giữa vợ chồng trong năm chờ đợi ly dị là điều cấm, và kẻ nào phạm vào hành động này thì phải cầu xin Thượng Đế tha thứ, và khoản phạt phải nộp cho Tòa Công lý là mười chín mithqal vàng.

12. **CÂU HỎI:** Nếu sự lạnh nhạt xảy ra giữa vợ chồng sau khi đọc Kinh Hôn lễ và trả tiền sính lễ, thì có thể ly dị ngay khỏi cần chờ đợi một năm hay không?

TRẢ LỜI: Việc ly dị có thể thực hiện hợp pháp sau khi đọc Kinh Hôn lễ và trả tiền sính lễ, nhưng phải trước khi động phòng hoa chúc. Trong tình huống đó không cần giữ một năm chờ đợi, nhưng cũng không được phép đòi lại tiền sính lễ.

13. **CÂU HỎI:** Có phải sự ưng thuận của cha mẹ cả đôi bên là điều kiện cần thiết trong hôn nhân, hay chỉ cần sự ưng thuận của cha mẹ một bên là đủ? Luật này chỉ áp dụng với những người trinh bạch hay cho cả những người khác?

TRẢ LỜI: Việc hôn nhân đòi hỏi sự ưng thuận của cha mẹ cả hai bên hôn phối, và về điểm này không có sự phân biệt việc cô dâu là gái trinh hay không.

14. **CÂU HỎI:** Các tín đồ được đòi hỏi phải hướng mặt về Qiblich khi đọc Kinh Cầu nguyện Bất buộc; khi họ đọc những bài kinh và lễ nguyện khác thì họ hướng mặt về đâu?

TRẢ LỜI: Hướng mặt về Qiblich là điều đòi hỏi cố định khi đọc Kinh Cầu nguyện Bất buộc, nhưng đối với các bài kinh và lễ nguyện khác người tín đồ có thể làm theo điều mà Đấng Chúa từ bi đã mặc khải trong Kinh Quran: “Bất cứ các ngươi hướng về đâu, ở đó đều có Thánh nhan của Thượng Đế”.

15. **CÂU HỎI:** Về sự tưởng nhớ tới Thượng Đế ở trong Mashriqul-Adhkar “vào giờ rạng đông”.

TRẢ LỜI: Dù những từ “vào giờ rạng đông” được dùng trong Thánh kinh của Thượng Đế, nhưng Thượng Đế cũng chấp nhận giờ sớm nhất trong ngày, giữa rạng đông và mặt trời mọc hoặc cho đến hai giờ sau khi mặt trời mọc.

16. CÂU HỎI: Có phải phán lệnh rằng thi hải người quá cố nên đưa đi một quãng không xa quá một giờ hành trình là áp dụng cho cả phương tiện chuyên chở trên đất liền và trên biển?

TRẢ LỜI: Phán lệnh này áp dụng cho các quãng đường trên biển cũng như trên đất liền, dù đó là một giờ cho tàu thủy hay xe hỏa; chú ý là thời gian một giờ, bất kể phương tiện vận chuyển nào. Tuy nhiên việc chôn cất diễn ra càng sớm càng thích hợp và được chấp nhận.

17. CÂU HỎI: Phải theo thủ tục nào khi gặp của rơi?

TRẢ LỜI: Nếu của ấy nhặt được trong thành phố, thì sự nhặt ấy phải được thông báo ngay bởi người rao báo của thành phố. Nếu tìm được người chủ tài vật, của nhặt ấy phải trao ngay cho người ấy. Bằng không, người nhặt được của rơi phải đợi một năm, và nếu trong thời gian này người chủ tài vật xuất hiện, thì người nhặt nên nhận lại phí rao báo và trả tài vật cho chủ nó; chỉ khi nào một năm trôi qua mà không tìm được chủ tài vật, thì người nhặt mới được sở hữu món của rơi ấy. Nếu giá trị của rơi ít hơn hoặc bằng phí rao báo, người nhặt chỉ đợi một ngày từ lúc gặp của rơi; hết ngày ấy, nếu chủ tài vật không xuất hiện, người nhặt có thể sở hữu của rơi ấy; còn trường hợp của rơi nhặt được ở nơi không người ở, người nhặt nên đợi ba ngày; hết thời gian đó, nếu không biết được chủ tài vật là ai, người nhặt được phép sở hữu của rơi ấy.

18. CÂU HỎI: Về việc tẩy rửa: chẳng hạn như nếu một người đã tắm toàn thân, người đó có phải thực hiện sự tẩy rửa không?

TRẢ LỜI: Phán lệnh về sự tẩy rửa phải được tuân giữ trong bất cứ trường hợp nào.

19. CÂU HỎI: Nếu một người lập kế hoạch du lịch ra khỏi nước, nhưng vợ người ấy phản đối và việc tranh cãi đưa tới ly dị, và nếu người này chuẩn bị cuộc hành trình lâu cho tới một năm, thì thời gian chuẩn bị này có được xem như một năm chờ đợi hay không, hay là ngày đôi vợ chồng xa nhau mới là điểm khởi đầu của năm chờ đợi?

TRẢ LỜI: Điểm khởi đầu tính từ lúc đôi vợ chồng xa nhau, và vì vậy, nếu họ ly thân một năm trước khi người chồng lên đường, và nếu hương thơm tình cảm không phục hồi giữa vợ chồng, thì có thể thực hiện sự ly dị. Bằng không một năm phải được tính từ ngày chồng lên đường, và các điều kiện qui định trong Kitab-i-Aqdas phải được tuân hành.

20. CÂU HỎI: Về tuổi trưởng thành liên quan tới các nhiệm vụ tôn giáo.

TRẢ LỜI: Tuổi trưởng thành là mười lăm đối với người nam cũng như người nữ.

21. CÂU HỎI: Về câu thánh thi: “Khi du lịch, nếu các người dừng lại và nghỉ ngơi ở nơi an toàn nào đó, các người chỉ thực hiện... một lần lễ lạy thay cho mỗi Bài Kinh Cầu nguyện Bất buộc không thể đọc được ...”.

TRẢ LỜI: Việc lễ lạy này thay cho Kinh Cầu nguyện Bất buộc không thể đọc được trong khi du lịch và trong trường hợp bất an. Nếu vào giờ cầu nguyện, người du lịch tìm được nơi nghỉ ngơi an toàn, thì người ấy nên đọc Kinh

Cầu nguyện Bất buộc. Điều khoản này liên quan đến sự lễ lạy thay thế lúc ở nhà và cả khi đi du lịch.

22. CÂU HỎI: Về định nghĩa cuộc hành trình^h

TRẢ LỜI: Định nghĩa cuộc hành trình là dài chín tiếng đồng hồ. Nếu người du lịch dừng lại một nơi, dự tính sẽ ở lại đó không dưới một tháng theo qui định của Kinh Bayan, người đó phải giữ Chay giới; nhưng nếu dưới một tháng, thì được miễn giữ chay. Nếu trong thời gian Chay giới người du lịch đến một nơi và ở lại đó một tháng theo Kinh Bayan, thì người đó chỉ giữ chay sau đó ba ngày, và tiếp tục giữ cho tới dứt kỳ chay; nhưng nếu người đó trở về nhà, nơi đã thường trú từ trước, thì phải giữ chay ngay từ ngày đầu tiên sau khi về đến nơi.

23. CÂU HỎI: Về khoản phạt đối với người đàn ông ngoại tình và người đàn bà ngoại tình.

TRẢ LỜI: Phải trả chín mithqal vàng cho lần phạm tội thứ nhất, mười tám cho lần thứ hai, ba mươi sáu cho lần thứ ba, và vân vân, cứ mỗi lần kế tiếp thì phạt gấp đôi lần trước. Trọng lượng một mithqal là tương đương 19 nakhud theo như qui định trong Kinh Bayan.

24. CÂU HỎI: Về việc săn thú.

TRẢ LỜI: Ngài phán, Ngài cao cả thay: “Nếu có thể các người dùng dã thú hoặc chim mồi để đi săn” vân vân. Các phương tiện khác, như cung tên, súng, và dụng cụ tương tự dùng để săn, cũng được kể vào. Tuy nhiên, nếu các người dùng cạm bẫy, và con mồi đã chết trước khi các người đến nơi, thì việc dùng thịt con mồi ấy là bất hợp pháp.

25. CÂU HỎI: Về việc hành hương.

TRẢ LỜI: Ta có nghĩa vụ hành hương đến một trong hai Ngôi Nhà thiêng liêng; nhưng đến Ngôi Nhà nào là việc do người hành hương quyết định.

26. CÂU HỎI: Về sính lễ.

TRẢ LỜI: Về sính lễ được khuyên là nên bằng lòng với mức thấp nhất là mười chín mithqal bạc.

27. CÂU HỎI: Về câu thánh thi: “Tuy nhiên, nếu người vợ nhận được tin là người chồng đã chết”, vân vân.

TRẢ LỜI: Về việc đợi “mãn một số tháng đã định”, ý nói là thời gian chín tháng.

28. CÂU HỎI: Lại có lời hỏi về phần chia cho thầy giáo trong việc thừa kế.

TRẢ LỜI: Nếu thầy giáo đã qua đời, thì một phần ba số thừa kế của thầy được chuyển cho Tòa Công lý, và hai phần ba còn lại chuyển cho con cái người chủ gia tài, chứ không phải con cái của thầy.

29. CÂU HỎI: Lại có lời hỏi về việc hành hương.

TRẢ LỜI: Với việc hành hương về Ngôi Nhà thiêng liêng, có tính cách bắt buộc đối với đàn ông, là nhắm tới cả Thánh Thất Tối đại ở Baghdad và Thánh Thất của Điểm Tiên khởi ở Shiraz; hành hương về một trong hai Ngôi Nhà này là đủ. Như thế những người hành hương có thể hành hương về Ngôi Nhà nào gần nhất với nơi cư trú của mình.

30. CÂU HỎI: Về câu thánh thi: “Người nào nhận sự phục vụ của một tở gái thì phải giữ mình đứng đắn”.

TRẢ LỜI: Đây là sự phục vụ thuần túy như việc phục vụ của các tở trai, bất kể họ già hay trẻ, để lãnh lương; người tở gái có quyền tự do chọn chồng bất cứ lúc nào tùy thích, bởi vì đã có điều cấm là không ai được mua phụ nữ, và không người đàn ông nào được có hơn hai vợ.

31. CÂU HỎI: Về câu thánh thi: “Đấng Chúa đã cấm ... lối hành động cũ khi người ly dị một người đàn bà tới ba lần”.

TRẢ LỜI: Điều này nhắc tới luật xưa tạo điều kiện cho một người đàn ông khác kết hôn với một người đàn bà trước khi người ấy có thể tái kết hôn với chồng cũ; lối thực hành này đã bị cấm trong Kitab-i-Aqdas.

32. CÂU HỎI: Về việc phục hồi và bảo tồn hai ngôi Thánh thất ở Hai địa điểm Thiêng liêng, và các nơi Thánh khác ở đó ngôi báu đã được thiết lập.

TRẢ LỜI: Hai ngôi Thánh thất là ý nói tới Ngôi Nhà Vĩ đại Nhất và Ngôi Nhà của Điểm Tiên Khởi. Còn về các nơi Thánh khác, dân chúng ở các vùng có những thánh tích này có thể chọn bảo tồn từng ngôi nhà trong đó ngôi báu được thiết lập, hoặc chỉ chọn một trong các ngôi nhà đó.

33. CÂU HỎI: Lại có câu hỏi về sự thừa kế của người thầy.

TRẢ LỜI: Nếu người thầy không phải là con dân Đấng Baha, người đó không được hưởng quyền thừa kế. Nếu có nhiều thầy, thì khoản thừa kế được chia đều cho các vị ấy. Nếu thầy giáo đã qua đời, con cái của thầy không được hưởng phần thừa kế, nhưng hai phần ba khoản ấy được chia cho con cái người chủ di sản, và một phần ba còn lại chuyển cho Tòa Công lý.

34. CÂU HỎI: Về nhà ở được trao riêng cho con trai.

TRẢ LỜI: Nếu có nhiều nhà ở, thì ngôi nhà đẹp nhất và sang trọng nhất được tách riêng, các nhà còn lại được phân chia cho các hạng người thừa kế như bất cứ dạng tài sản nào khác. Bất cứ người thừa kế nào, thuộc bất cứ hạng người thừa kế nào, ở ngoài Chánh Đạo của Thượng Đế đều kể như không tồn tại và không được hưởng quyền thừa kế.

35. CÂU HỎI: Về Lễ Naw-Ruz.

TRẢ LỜI: Thánh Lễ Naw-Ruz rơi vào ngày mà mặt trời ở vào Cung Bạch dươngⁱ, dù rằng điều này diễn ra không quá một phút trước khi mặt trời lặn.

36. CÂU HỎI: Nếu ngày kỷ niệm Hai Thánh Lễ Giáng sinh hoặc ngày Tuyên ngôn của Đức Bab rơi vào thời gian giữ Chay, thì phải làm sao?

TRẢ LỜI: Nếu các lễ kỷ niệm Hai Ngày Giáng sinh hoặc ngày Tuyên ngôn của Đức Bab rơi vào tháng giữ chay, thì phán lệnh giữ chay sẽ không áp dụng vào ngày ấy.

37. CÂU HỎI: Trong các phán lệnh thiêng liêng chi phối việc thừa kế, nhà ở và quần áo của người qua đời được chia cho con trai. Điều khoản này chỉ áp dụng đối với tài sản của người cha, hay áp dụng cả với tài sản của người mẹ?

TRẢ LỜI: Quần áo đã dùng của người mẹ được chia đều cho các con gái, nhưng phần gia tài còn lại của người mẹ, kể cả tiền của, nữ trang, quần áo chưa dùng, phải được chia cho tất cả những người thừa kế như đã mặc khải trong Kitab-i-Aqdas. Tuy nhiên, nếu người qua đời không có con gái, thì toàn bộ tài sản của bà được chia cho những người đàn ông theo qui định trong Thánh kinh.

38. CÂU HỎI: Về việc ly dị, phải trải qua một năm chờ đợi: nếu một trong hai bên có ý muốn hòa giải, thì phải làm sao?

TRẢ LỜI: Theo phán lệnh đã được mặc khải trong Kitab-i-Aqdas, cả đôi bên phải thỏa thuận; nếu hai bên không đồng ý, thì không thể tái hợp được.

39. CÂU HỎI: Về sinh lễ, nếu chú rể không thể trả trọn số qui định, nhưng thay vào đó viết tờ hứa chính thức với cô dâu trong dịp hôn lễ, hàm ý rằng chàng sẽ tôn trọng điều này khi có khả năng thực hiện, có được không?

TRẢ LỜI: Phép nhìn nhận cách thực hành này được ban bố bởi Nguồn của Thẩm quyền.

40. CÂU HỎI: Nếu trong năm kiên nhẫn mà hương thơm tình cảm được phục hồi, rồi tiếp theo là sự đối nghịch, rồi đôi vợ chồng dao động giữa thiện cảm và ngăn cách suốt trong năm, và năm ấy kết thúc với sự ác cảm, họ có thể ly dị không?

TRẢ LỜI: Trong mỗi trường hợp khi ác cảm xảy ra, năm chờ đợi được tính từ ngày ấy, và một năm phải diễn ra liên tục.

41. CÂU HỎI: Nhà ở và quần áo của người quá cố được chuyển cho con trai chứ không phải con gái, cũng không phải cho những người thừa kế khác; nếu người quá cố không có con trai thì phải làm sao?

TRẢ LỜI: Ngài phán, Ngài cao cả thay: “Nếu người quá cố không để lại con trai thì phần của họ được chuyển cho Tòa Công lý...”. Theo câu thánh thi này, nhà ở và quần áo riêng của người quá cố được chuyển cho Tòa Công lý.

42. CÂU HỎI: Phán lệnh về Huququllah được mặc khải trong Kitab-i-Aqdas. Nhà ở với các thiết bị kèm theo và các trang bị cần thiết, được kể trong tài sản phải trả Huquq, hay có qui định nào khác?

TRẢ LỜI: Trong các luật mặc khải bằng tiếng Ba Tư, Chúng Ta đã truyền phán rằng trong Kỳ Cứu độ Tối đại này, nhà ở và các vật trang bị trong nhà đều được miễn thuế nghĩa là các trang bị cần thiết.

43. CÂU HỎI: Về lễ hỏi đối với một cô gái trước tuổi trưởng thành.

TRẢ LỜI: Nguồn Thẩm quyền đã công bố rằng sự thực hành này là phi pháp, và việc công bố cuộc hôn nhân trên 95 ngày trước lễ cưới cũng là bất hợp pháp.

44. CÂU HỎI: Chẳng hạn như một người có 100 tumans, trả khoản Huquq dựa trên số này, rồi làm ăn thua lỗ hết phân nửa, rồi nhờ tài kinh doanh, con số có trong tay được nâng lên tới mức qui định trả Huquq người ấy có phải trả khoản Huquq hay không?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp này, không phải trả khoản Huquq.

45. CÂU HỎI: Nếu sau khi trả khoản Huquq, số tiền 100 tumans này hoàn toàn mất đi, nhưng sau đó do hoạt động kinh doanh và thương mại thì thu lại được số tiền này, như thế có phải trả khoản Huquq lần thứ nhì hay không?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp này cũng vậy, không phải trả khoản Huquq.

46. CÂU HỎI: Về câu thánh thi: “Thượng Đế đã thiết định việc hôn nhân cho các người”, qui định này có tính cách bắt buộc hay không?

TRẢ LỜI: Không có tính cách bắt buộc.

47. CÂU HỎI: Giả sử một người đàn ông cưới một người đàn bà tin tưởng rằng người ấy còn đồng trinh và đã trả sính lễ cho nàng, nhưng rút lại thì có bằng chứng là nàng không phải là một trinh nữ, như thế các chi phí và sính lễ có phải hoàn trả hay không? Và nếu hôn nhân được thực hiện dựa trên sự trinh bạch, nếu điều kiện này bị thiếu thì cuộc hôn nhân có mất hiệu lực hay không?

TRẢ LỜI: Trong trường hợp như thế, các chi phí và sính lễ có thể được hoàn lại. Điều kiện không đáp ứng đã vô hiệu hóa cuộc hôn nhân dựa trên điều kiện đó. Tuy nhiên, dưới mắt Thượng Đế, sự che giấu và tha thứ vụ việc sẽ xứng đáng được ân hưởng dồi dào.

48. CÂU HỎI: Các người có bốn phận phải cử hành lễ... “Điều này có tính cách bắt buộc hay không?”

TRẢ LỜI: Không có tính cách bắt buộc.

49. **CÂU HỎI:** Về những hình phạt đối với tội ngoại tình, tà dâm, trộm cắp, và các mức độ của nó.
- TRẢ LỜI:** Việc xác định mức độ các hình phạt này tùy ở Tòa Công lý.
50. **CÂU HỎI:** Về sự chính đáng hay không của việc kết hôn trong thân tộc.
- TRẢ LỜI:** Các việc này cũng tùy ở các vị Thụ ủy của Tòa Công lý.
51. **CÂU HỎI:** Về việc tẩy rửa, đã được mặc khải là: “Người nào không tìm được nước để tẩy rửa, có thể đọc năm lần những tiếng ‘Nhân danh Thượng Đế, Đấng Linh khiết Nhất, Đấng Linh khiết Nhất’: người ta có được phép đọc câu thánh thi này vào những lúc quá rét, hay nếu tay hoặc mặt bị thương?”
- TRẢ LỜI:** Những lúc quá rét có thể dùng nước nóng. Nếu có vết thương trên tay hoặc trên mặt, hoặc có những lý do khác như bị bệnh hoặc đau đớn mà việc dùng nước sẽ có hại, ta có thể đọc câu kinh thay thế cho việc tẩy rửa.
52. **CÂU HỎI:** Việc đọc câu thánh thi được mặc khải để thay thế Kinh cầu các Dấu hiệu có tính cách bắt buộc hay không?
- TRẢ LỜI:** Không có tính cách bắt buộc.
53. **CÂU HỎI:** Về việc thừa kế, khi có anh em ruột và chị em ruột, thì anh em ghê và chị em ghê thuộc phía người mẹ có được chia phần không?
- TRẢ LỜI:** Họ không được chia phần.
54. **CÂU HỎI:** Ngài phán, cao cả thay lời phán của Ngài: “Nếu con trai người quá cố đã qua đời vào lúc sinh thời của người cha và có để lại con cái, thì các cháu ấy sẽ thừa hưởng phần của cha mình...”. Ta phải làm gì trong trường hợp con gái người quá cố đã qua đời, vào thời sinh tiền của người cha?
- TRẢ LỜI:** Phần thừa kế của người này sẽ được chia cho bảy hạng người thừa kế theo phán lệnh trong Thánh kinh.
55. **CÂU HỎI:** Nếu người qua đời là một phụ nữ, thì “phần thừa kế của người vợ” được cấp cho ai?
- TRẢ LỜI:** Phần thừa kế “của người vợ được cấp cho người chồng”.
56. **CÂU HỎI:** Về việc liệm xác người chết được qui định là gồm năm tấm vải: số năm ở đây là nói tới năm tấm vải được dùng như tục lệ xưa nay hay là nói tới năm lớp liệm, lớp này chồng lên lớp khác?
- TRẢ LỜI:** Chủ ý là nói tới việc dùng năm tấm vải.
57. **CÂU HỎI:** Về sự không giống nhau của một số câu thánh thi.

- TRẢ LỜI:** Nhiều Kinh bản đã được mặc khải và phổ biến không được kiểm tra và duyệt lại. Bởi vậy, theo lệnh, các câu ấy được đọc lại trước sự Hiện diện Thiên thiêng, và được ghi lại đúng qui ước văn phạm để ngăn ngừa sự kích bác của những kẻ chống đối Chánh Đạo. Một lý do khác của hành động này là bởi văn phong mới do Đấng Tiên phong khởi xướng, cầu cho mọi linh hồn ngoài Ngài được hiển dăng vì có Ngài, nổi bật trong sự phù hợp rộng rãi với những qui tắc văn phạm; vì vậy từ đó các thánh thi được mặc khải phần lớn phù hợp với thuật dụng ngữ hiện hành để dễ hiểu và diễn đạt chính xác.
- 58. CÂU HỎI:** Về câu thánh thi: “Khi du lịch, nếu các người dừng lại và nghỉ ngơi ở nơi an toàn nào đó, các người thực hiện ... chỉ một lần lễ lạy thay cho một Bản Kinh Cầu nguyện Bất buộc bị bỏ lỡ”: sự thay thế Kinh Cầu nguyện Bất buộc này là do tình huống bất ổn, hay là việc cầu nguyện bất buộc được ngưng hẳn trong khi du lịch và chỉ cần lễ lạy là đủ?
- TRẢ LỜI:** Nếu tới giờ cầu nguyện bất buộc, mà không có nơi yên ổn, thì khi đến nơi bình an ta phải thực hiện một lần lễ lạy thay cho một Bản Kinh Cầu nguyện Bất buộc bị bỏ lỡ, và sau lần lễ lạy cuối cùng, thì ngồi tréo chân và đọc câu kinh được qui định. Nếu có nơi an toàn, thì sự cầu nguyện bất buộc không thể bỏ qua trong khi du lịch.
- 59. CÂU HỎI:** Nếu sau khi người du lịch dừng lại và nghỉ ngơi rồi đến giờ cầu nguyện bất buộc, người ấy phải cầu nguyện hay chỉ cần lễ lạy?
- TRẢ LỜI:** Chỉ trừ tình huống bất ổn, không ai được phép bỏ đọc Kinh Cầu nguyện Bất buộc.
- 60. CÂU HỎI:** Nếu do những Kinh Cầu nguyện Bất buộc bị bỏ lỡ, đòi hỏi phải có một số lần lễ lạy, câu kinh thay thế có phải đọc sau mỗi lần lễ lạy hay không?
- TRẢ LỜI:** Chỉ cần đọc câu kinh sau lần lễ lạy cuối cùng là đủ. Câu kinh không cần lặp lại nhiều lần theo nhiều lần lễ lạy.
- 61. CÂU HỎI:** Nếu Kinh Cầu nguyện Bất buộc bị quên đọc lúc ở tại nhà, thì có cần đền bù bằng việc lễ lạy hay không?
- TRẢ LỜI:** Trong câu trả lời cho các câu hỏi trước có ghi là: “Qui định về việc lễ lạy đền bù này được áp dụng khi ở nhà cũng như khi du lịch”.
- 62. CÂU HỎI:** Nếu, vì mục đích nào khác, ta đã thực hiện sự tẩy rửa, rồi đến giờ đọc Kinh Cầu nguyện Bất buộc, việc tẩy rửa này đã đủ chưa, hay là ta phải tẩy rửa trở lại?
- TRẢ LỜI:** Việc tẩy rửa này là đủ, không cần phải tẩy rửa lại.
- 63. CÂU HỎI:** Trong Kitab-i-Aqdas, việc cầu nguyện bất buộc đã được qui định, gồm chín nghi thức, phải thực hiện buổi trưa, buổi sáng và buổi tối, nhưng Kinh bản về các bài Kinh Cầu nguyện Bất buộc j có vẻ khác với qui định này.

TRẢ LỜI: Điều được mặc khải trong Kitab-i-Aqdas liên quan đến một Bản Kinh Cầu nguyện Bất buộc khác. Mấy năm trước đây một số phán lệnh trong Kitab-i-Aqdas kể cả Bản Kinh Cầu nguyện Bất buộc ấy, bởi những nguyên do khôn sáng, đã được tách riêng và gửi đi xa cùng với các thánh thư thiêng liêng khác, nhằm mục đích bảo tồn và bảo vệ. Về sau ba Bản Kinh Cầu nguyện Bất buộc này đã được mặc khải.

64. CÂU HỎI: Trong việc xác định thì giờ, có được phép dựa vào các đồng hồ?

TRẢ LỜI: Được phép dựa vào các đồng hồ.

65. CÂU HỎI: Trong Kinh bản về các Kinh Cầu nguyện Bất buộc, ba bài Kinh đã được mặc khải; có cần phải đọc tất cả ba bài Kinh ấy không?

TRẢ LỜI: Chỉ cần đọc một trong ba bài Kinh này; đọc một bài là đầy đủ.

66. CÂU HỎI: Việc tẩy rửa để cầu nguyện buổi sáng có còn hiệu lực cho việc cầu nguyện buổi trưa không? Cũng thế, việc tẩy rửa buổi trưa có còn hiệu lực cho buổi tối không?

TRẢ LỜI: Việc tẩy rửa có liên hệ với Bài Kinh Cầu nguyện Bất buộc đã được đọc, và mỗi lần cầu nguyện lại cần phải có sự tẩy rửa.

67. CÂU HỎI: Về Bản Kinh Cầu nguyện Bất buộc dài nhất, có đòi hỏi phải đứng thẳng và “hướng về Thượng Đế”. Điều này có vẻ như nêu lên rằng không cần thiết phải hướng về Qiblih; có đúng vậy không?

TRẢ LỜI: Phải hướng về Qiblih.

68. CÂU HỎI: Về câu thánh thi: “Mỗi sáng và chiều hãy đọc các thánh ngôn của Thượng Đế”.

TRẢ LỜI: Ấy là đọc tất cả những gì được ban xuống từ cõi Trời Phát ngôn Thiêng liêng. Điều tiên quyết cao nhất là lòng nhiệt thành và yêu thích của các linh hồn thoát tục trong việc đọc Thánh ngôn của Thượng Đế. Đọc một câu, hoặc thậm chí một tiếng, trong tinh thần vui tươi và trong sáng, thì tốt hơn là đọc nhiều Thánh kinh.

69. CÂU HỎI: Một người, khi viết chúc thư, có được phép dành một phần tài sản của mình ngoài khoản trả Huququllah và các món nợ cho việc từ thiện, hay là người đó không được làm gì hơn ngoài việc phân định một khoản để chi phí mai táng, còn phần tài sản còn lại là để phân chia theo cách Thượng Đế qui định cho các hạng người thừa kế?

TRẢ LỜI: Mỗi người có trọn quyền đối với tài sản của mình. Nếu người ấy đủ khả năng trả khoản Huququllah và thanh toán nợ nần, thì tất cả những điều ghi trong chúc thư, và bất cứ điều tuyên bố hay ước nguyện gì trong đó, đều được chấp nhận. Quả thực, Thượng Đế đã cho phép người ấy sử dụng những gì Ngài đã ban cho theo bất cứ cách nào người ấy muốn.

70. **CÂU HỎI:** Việc dùng nhẫn tang chỉ dành riêng cho người thành niên, hay được dùng cả cho người vị thành niên?

TRẢ LỜI: Chỉ dùng cho người thành niên. Kinh Cầu nguyện cho Người qui tịch cũng chỉ dùng cho người thành niên.

71. **CÂU HỎI:** Nếu một người muốn giữ chay vào một dịp khác ngoài tháng Ala, điều đó có được phép hay không; và nếu người ấy đã nguyện hứa như vậy, thì điều này có giá trị không và có được chấp nhận không?

TRẢ LỜI: Phán lệnh về Chay giới như thế nào thì đã được mặc khải rồi. Tuy nhiên, nếu có người nào tự hứa dâng sự Chay giới lên Thượng Đế, để mong thành đạt điều ước muốn, hoặc để thực hiện một mục đích nào khác, thì từ đây trở đi điều này sẽ được chấp nhận. Tuy vậy, theo ý muốn của Thượng Đế, cao cả thay vinh quang của Ngài, các điều khẩn nguyện và hứa hẹn phải hướng về những mục đích ích lợi cho loài người.

72. **CÂU HỎI:** Lại có câu hỏi được nêu lên liên quan đến chỗ ở và y phục riêng: trong trường hợp không có con trai, các thứ này chuyển cho Tòa Công lý hay là được phân chia như các thứ tài sản khác?

TRẢ LỜI: Hai phần ba nhà ở và y phục riêng chuyển cho con gái, và một phần ba chuyển cho Tòa Công lý mà Thượng Đế đã tạo dựng làm kho tàng của loài người.

73. **CÂU HỎI:** Khi đã dứt một năm chờ đợi, nếu người chồng không thuận thực hiện việc ly dị, thì người vợ phải làm gì?

TRẢ LỜI: Khi thời kỳ chờ đợi chấm dứt thì việc ly dị có hiệu lực. Tuy nhiên, cần phải có các nhân chứng về lúc bắt đầu

74. **CÂU HỎI:** Về định nghĩa tuổi già.

TRẢ LỜI: Đối với người Á Rập nó có nghĩa là nấc cao nhất của tuổi già, nhưng đối với con dân Đấng Baha thì nó được kể từ tuổi bảy mươi.

75. **CÂU HỎI:** Về giới hạn của Chay giới đối với người đi bộ đường xa.

TRẢ LỜI: Giới hạn được định là hai giờ. Nếu vượt quá giới hạn này thì được miễn Chay giới.

76. **CÂU HỎI:** Về việc giữ chay của những người lao động nặng trong tháng Chay giới.

TRẢ LỜI: Những người ấy được miễn Chay giới; tuy nhiên để tỏ lòng tôn kính đối với luật của Thượng Đế và vì vị trí tôn quý của Chay giới, điều thích đáng và đáng khen nhất là nên ăn uống đạm bạc và riêng tư.

77. CÂU HỎI: Việc tẩy rửa để đọc Kinh Cầu nguyện Bắt buộc có được xem là đủ để đọc Thánh Danh chín mươi lăm lần không?

TRẢ LỜI: Không cần thiết phải tẩy rửa nữa.

78. CÂU HỎI: Về y phục và nữ trang mà người chồng đã mua cho vợ: các thứ này, sau khi người chồng chết, có phải đem chia cho các hạng thừa kế không, hay được xem là tài sản riêng của người vợ?

TRẢ LỜI: Ngoài những y phục đã dùng, bất cứ thứ gì, nữ trang hay cái gì khác, thuộc về người chồng, ngoại trừ thứ gì đã được chứng minh là vật tặng cho người vợ.

79. CÂU HỎI: Về tiêu chuẩn của sự đúng đắn khi chứng minh một điều gì dựa trên sự làm chứng của hai chứng nhân công bình.

TRẢ LỜI: Tiêu chuẩn về sự đúng đắn là danh tiếng tốt giữa công chúng. Sự làm chứng của tất cả tôi con của Thượng Đế, không phân biệt đức tin hay tín ngưỡng, đều được chấp nhận trước Ngai cao của Ngài.

80. CÂU HỎI: Nếu người qua đời không hoàn thành nghĩa vụ về Huququllah, hoặc thanh toán các món nợ khác, những khoản này phải được giải quyết do khẩu trừ theo tỉ lệ từ nhà ở, y phục riêng và các tài sản khác, hay là nhà và y phục riêng được tách riêng cho con trai, còn các khoản nợ thì được thanh toán dựa trên các tài sản khác? Và nếu các tài sản khác không đủ cho mục đích này, thì các khoản nợ sẽ được thanh toán như thế nào?

TRẢ LỜI: Các món nợ và các khoản Huququllah còn thiếu sẽ được thanh toán từ các tài sản còn lại, nhưng nếu các tài sản này không đủ cho mục đích này, thì số hụt đi sẽ được trả từ nhà ở và quần áo riêng.

81. CÂU HỎI: Bản Kinh Cầu nguyện Bắt buộc thứ ba nên đọc khi ngồi hay đứng?

TRẢ LỜI: Đứng trong tư thế khiêm cung thì tốt đẹp và thích hợp hơn.

82. CÂU HỎI: Về Bản Kinh Cầu nguyện Bắt buộc thứ nhất đã có sự truyền phán là: “ta nên đọc Kinh này lúc nào tự thấy mình ở trong trạng thái khiêm tốn và thèm muốn thờ phượng”: bài này chỉ đọc một lần trong hai mươi bốn giờ, hay là nên đọc nhiều lần hơn?

TRẢ LỜI: Một lần trong hai mươi bốn giờ là đủ; đây là điều đã được thốt ra bởi Ngọn lưôi Phán lệnh Thiên thượng.

83. CÂU HỎI: Về định nghĩa “sáng”, “trưa” và “tối”.

TRẢ LỜI: Những thời điểm này là lúc mặt trời mọc, giữa Ngọ và lúc mặt trời lặn. Thời gian cho phép để đọc Kinh cầu nguyện Bắt buộc là từ sáng đến trưa, từ trưa đến mặt trời lặn, và từ mặt trời lặn đến hai giờ sau đó. Thâm quyền nằm trong tay Thượng Đế, Đấng mang Hai Thánh Danh.

84. CÂU HỎI: Người tín đồ có được phép kết hôn với người không tín ngưỡng?

TRẢ LỜI: Trong hôn nhân sự cho và nhận đều được phép; đó là điều Đáng Chúa đã chỉ dụ khi Ngài bước lên ngôi thiên ân và thiên phúc.

85. CÂU HỎI: Về Kinh cầu nguyện cho người qua đời: nên đọc trước hay sau khi chôn? Và có cần hướng về Qiblich hay không?

TRẢ LỜI: Việc đọc Kinh này cần thực hiện trước khi chôn; và về điểm Qiblich: “Các người hướng về bất cứ nơi nào, ở đó đều có thánh nhan của Thượng Đế”
k

86. CÂU HỎI: Buổi trưa, đó là lúc đọc hai Bản Kinh Cầu nguyện Bắt buộc Kinh ngắn buổi trưa, và Kinh cầu nguyện để cầu nguyện sáng, trưa và tối trong trường hợp này phải tẩy rửa hai lần hay chỉ một lần là đủ?

TRẢ LỜI: Tẩy rửa thêm một lần nữa là không cần thiết.

87. CÂU HỎI: Về sinh lễ đối với dân nông thôn là bằng bạc: đó là theo ý muốn của cô dâu hay của chú rể, hay của cả hai? Trong trường hợp một người là dân nông thôn và một người là dân thành thị, thì phải làm sao?

TRẢ LỜI: Sinh lễ được xác định tùy nơi cư trú của chú rể; nếu chú rể là dân thành thị, thì sinh lễ là bằng vàng, và nếu chú rể là dân nông thôn, thì sinh lễ là bằng bạc.

88. CÂU HỎI: Lấy tiêu chuẩn nào để xác định một người là dân thành thị hay là dân nông thôn? Nếu một cư dân thành thị dời về nông thôn, hoặc một cư dân nông thôn dời về thành thị, dự tính định cư vĩnh viễn, thì áp dụng theo qui định nào? Nơi sinh có phải là yếu tố quyết định không?

TRẢ LỜI: Tiêu chuẩn là nơi thường trú, tùy nơi ấy thuộc vùng nào, cần tuân giữ chính đính điều qui định trong Thánh kinh.

89. CÂU HỎI: Trong các Kinh bản Thiêng liêng đã có mặc khải là khi một người có được tài sản tương đương mười chín mithqal vàng, người ấy phải trả khoản Quyền của Thượng Đế căn cứ trên số tài sản này. Xin được giải thích là phải đóng bao nhiêu dựa trên số mười chín này?

TRẢ LỜI: Phán lệnh của Thượng Đế đã định là mười chín phần trăm. Sự tính toán phải dựa trên căn bản này. Như thế có thể xác định số phải trả là bao nhiêu trên số mười chín này.

90. CÂU HỎI: Khi tài sản của một người vượt quá con số mười chín, thì phải đợi tăng một lần mười chín nữa mới trả khoản Huquq, hay là cứ trả trên bất cứ mức tăng nào?

TRẢ LỜI: Bất cứ khoản tăng nào vào số mười chín đều được miễn trả Huququallah cho đến khi đạt tới số mười chín khác.

91. CÂU HỎI: Về nước sạch, và mức nào được coi là nước dùng rồi.

TRẢ LỜI: Lượng nước nhỏ, chừng một tách hoặc vài ba tách, được coi là đã dùng rồi sau một lần rửa mặt và tay. Nhưng lượng nước một Kurr¹ hay hơn nữa vẫn không thay đổi sau một vài lần rửa mặt, thì không bị cấm dùng nếu nó không thay đổi một trong ba mặt^m, chẳng hạn như màu sắc nó thay đổi, trong trường hợp đó phải coi như nước đã dùng rồi.

92. CÂU HỎI: Trong một luận bản bằng tiếng Ba Tư về nhiều vấn đề, tuổi trưởng thành đã được định là mười lăm; như thế việc hôn nhân có phải đợi tới tuổi trưởng thành, hay là có thể được cho phép trước tuổi đó?

TRẢ LỜI: Vì sự ưng thuận của hai bên đã được đòi hỏi trong Thánh kinh của Thượng Đế, và vì trước tuổi trưởng thành thì không thể xác định là có sự ưng thuận hay không, bởi vậy việc hôn nhân phải tùy thuộc vào tuổi trưởng thành, và trước tuổi ấy thì không được phép.

93. CÂU HỎI: Về Chay giới và sự cầu nguyện bắt buộc đối với người bệnh.

TRẢ LỜI: Quả thực, ta phán rằng sự cầu nguyện bắt buộc và Chay giới chiếm một vị trí cao quý trước mắt Thượng Đế. Tuy nhiên, giá trị của nó chỉ thể hiện trong trạng thái khoẻ mạnh. Khi đau yếu, ta không được phép thực hiện các nghĩa vụ này; đó là phán lệnh của Đấng Chúa, vinh quang Ngài hằng cao cả đời đời. Phúc thay cho những người nam và những người nữ biết lưu tâm và tuân giữ các phán lệnh của Ngài. Tất cả lời ca ngợi xin dâng lên Thượng Đế, Đấng đã ban xuống các thánh thi và là Đấng mặc khải những bằng chứng không thể nghi ngờ !

94. CÂU HỎI: Về các đền thờ Hồi giáo, đền thờ Thiên Chúa giáo, đền thờ Baha'i.

TRẢ LỜI: Bất cứ tòa kiến trúc nào được xây dựng lên để tôn thờ Đấng Thượng Đế chân chính duy nhất, như các đền thờ Hồi giáo, đền thờ Thiên Chúa giáo, đền thờ Baha'i, không được dùng vào mục đích nào khác ngoài việc tưởng nhớ đến Danh Ngài. Đây là phán lệnh của Thượng Đế, kẻ nào vi phạm điều này ắt bị liệt vào hàng những kẻ phạm thánh. Người xây dựng không hề nhận sự thiệt hại nào, bởi người ấy đã hành động vì Thượng Đế, đã tiếp nhận và sẽ còn tiếp tục được nhận phần thưởng chính đáng của mình.

95. CÂU HỎI: Về sự chi định địa điểm kinh doanh, cần thiết để thực hiện công việc hoặc nghề nghiệp: các nơi này có phải trả khoản Huququallah, hay được kê vào loại trang thiết bị nhà ở.

TRẢ LỜI: Nó được kê theo qui định như các trang thiết bị về nhà ở.

96. CÂU HỎI: Về việc chuyển đổi tài sản ký thác sang tiền mặt hoặc các dạng tài sản khác, để tránh sự giảm giá hoặc mất mát.

TRẢ LỜI: Về câu hỏi được viết ra liên quan đến việc chuyển đổi tài sản ký thác để tránh sự giảm giá hoặc mất mát, sự chuyển đổi như thế được cho phép với điều kiện là khoản chuyển đổi có giá trị tương đương. Quả thực, Chúa các

người là Đấng Giải thích, Đấng Toàn tri, và quả thực, Ngài là Đấng An bài, Đấng Cố cựu của các thời đại.

97. CÂU HỎI: Về việc rửa chân vào mùa đông và mùa hè.

TRẢ LỜI: Cả hai trường hợp cũng y nhau; dùng nước ấm thì tốt hơn, nhưng dùng nước lạnh cũng không sao.

98. CÂU HỎI: Lại hỏi về ly dị.

TRẢ LỜI: Cao cả thay vinh quang của Thượng Đế, vì Ngài đã không khuyến khích việc ly dị, nên Ngài không mặc khải điều gì về vấn đề này. Tuy nhiên, từ khi bắt đầu ly thân cho đến khi chấm dứt một năm, phải thông báo cho hai người hoặc nhiều người hơn để làm nhân chứng; cuối cùng, nếu việc hòa giải bất thành, thì việc ly dị có hiệu lực. Điều này phải được ghi vào sổ đăng ký bởi quan chức tư pháp tôn giáo trong thành phố do các vị Thụ ủy Tòa Công lý chỉ định. Việc tuân hành thủ tục này là cần thiết để cho những người có tâm hồn thức ngộ khỏi buồn phiền.

99. CÂU HỎI: Về sự hội ý.

TRẢ LỜI: Nếu sự hội ý giữa nhóm người hội họp thứ nhất chấm dứt trong sự bất hòa, thì cần thêm vào người mới, sau đó những người ở con số Tối Đại Danh, hoặc ít hơn hoặc nhiều hơn, sẽ được chọn tình cờ. Kế đó, việc hội ý sẽ được thực hiện trở lại, và kết quả, bất cứ ra sao, sẽ được tuân theo. Tuy nhiên, nếu vẫn còn có sự bất đồng, thủ tục ấy cần được lặp lại một lần nữa, và quyết định của đa số sẽ thắng. Quả thực, tùy Ngài muốn, Ngài sẽ dắt dẫn bất cứ ai vào nẻo chính.

100. CÂU HỎI: Về sự thừa kế.

TRẢ LỜI: Về sự thừa kế mà Đấng Điểm Tiên khởi đã truyền phán cầu cho linh hồn của mọi người ngoài Ngài được hiển danh vì có Ngài rất là thích đáng. Những người thừa kế còn sống được nhận phần thừa kế dành cho họ, trong khi bản kê số còn lại phải trình lên Triều đường của Đấng Tối thượng. Nguồn thẩm quyền nằm trong tay Ngài; Ngài truyền phán theo ý thích của Ngài. Về điểm này, một điều luật đã được mặc khải ở vùng đất huyền bí,ⁿ tạm thời ân thưởng quyền thừa kế của những người thừa kế vắng mặt cho những người thừa kế còn sống cho đến khi Tòa Công lý được thành lập, khi chỉ dụ liên quan đến điểm này được công bố. Tuy nhiên, quyền thừa kế của những người di cư cùng một năm với Đấng Mỹ lệ Xưa, được ân thưởng cho những người thừa kế của họ, và đây là một ân huệ Thượng Đế ban cho họ.

101. CÂU HỎI: Về luật liên quan tới việc bắt gặp kho báu.

TRẢ LỜI: Nếu bắt gặp kho báu, một phần ba kho báu ấy thuộc quyền người tìm gặp, còn hai phần ba thì những người thuộc Tòa Công lý sử dụng vào việc lợi ích cho mọi người. Điều này sẽ thực hiện sau khi Tòa Công lý được thành

lập, và từ đây đến đó, khoản này được ký gửi nơi những người đáng tin cậy ở mỗi địa phương và mỗi xứ. Quả thực, Ngài là Đấng Cai quản, Đấng An bài, Đấng Toàn tri, Đấng Toàn giác.

102. CÂU HỎI: Về khoản Huquq trên bất động sản không đem lại lợi nhuận.

TRẢ LỜI: Phán lệnh của Thượng Đế rằng bất động sản không còn đem lại lợi nhuận, nghĩa là không lợi nhuận nào nảy sinh từ bất động sản đó, thì không phải trả khoản Huququllah. Quả thực, Ngài là Đấng Cai quản, Đấng Hào phóng.

103. CÂU HỎI: Về câu thánh thi: “Trong những vùng có ngày dài và đêm dài, thì thời gian cầu nguyện được tính theo đồng hồ...”.

TRẢ LỜI: Chủ ý nói về những lãnh thổ xa xôi. Tuy nhiên, trong những xứ này, chiều dài chỉ cách nhau mấy giờ, và vì vậy không áp dụng theo qui định này.

104. Con phụng sự cha Trong Kinh bản gửi cho Aba Badi, câu thánh thi này đã được mặc khải: “Quả thực, Chúng Ta đã thiết định rằng mọi người con phải phụng sự người cha”. Chúng Ta đã chỉ dụ phán lệnh này trong Thánh kinh.

105. Cha giáo dục con Và trong một Kinh bản khác, những lời cao cả này đã được mặc khải: Hỡi Muhammad! Đấng Cố cựu của các Thời đại đã hướng mặt về phía người, nhắc đến người, và khuyên con dân của Thượng Đế nên giáo dục con cái. Nếu người cha nào lãng quên phán lệnh trọng đại nhất này đã được thiết định trong Kitab-i-Aqdas bởi Ngòi bút của Đấng Vua Vĩnh cửu, kẻ ấy sẽ mất quyền làm cha, và bị kể là có tội đối với Thượng Đế. Phức thay cho người nào khắc ghi trong tâm hồn những lời răn dạy của Đấng Chúa và bám chắc lấy những lời ấy. Quả thực, Thượng Đế đòi hỏi tôi con Ngài điều gì giúp ích và có lợi cho họ, và giúp họ tiến tới gần Ngài. Ngài là Đấng An bài, Đấng Hằng hữu.

106. Cây phải sinh trái Ngài là Thượng Đế, cao cả thay Ngài là Đấng Chúa trang nghiêm và uy quyền! Tất cả các Đấng Tiên tri và các Đấng Tuyên chọn đều được thừa ủy bởi Đấng Thượng Đế Chân chính Duy nhất, rực rỡ thay vinh quang của Ngài, để nuôi dưỡng các cây nhân sinh bằng những dòng sinh thủy của sự chính trực và thức ngộ, để có thể làm xuất hiện điều mà Thượng Đế đã đặt để trong bản thể sâu xa nhất của họ. Như ta đã nhận biết, mỗi cây đều sinh một thứ trái nhất định, còn cây không sinh trái thì chỉ dùng để chụm lửa. Mục đích của các Đấng Giáo dục này, trong tất cả những điều các Ngài phán ra và dạy dỗ, là bảo tồn cương vị cao cả của con người. Phước cho ai bám chắc vào các phán lệnh của Thượng Đế trong Ngày của Ngài, và không rời xa Luật pháp căn bản và chân chính của Ngài. Những quả thích hợp nhất trên cây nhân sinh là sự chính trực và thánh thiện, sự trung tín và thành thật; nhưng trọng đại hơn hết, sau khi nhận biết sự duy nhất của Thượng Đế, Ngài thật vinh quang và đáng ca ngợi, là tôn trọng các quyền chính đáng của cha mẹ mình. Giáo lý này đã được nêu lên trong tất cả các Thánh kinh của Thượng Đế, và được tái khẳng định bởi Ngòi bút Tối cao. Hãy xem điều mà Đấng Chúa Từ bi đã mặc khải trong Kinh Quran, cao cả thay Thánh ngôn của Ngài: “Các người hãy thờ Thượng Đế, đừng xem

ai giống Ngài và đồng hàng với Ngài; và hãy biểu lộ lòng từ bi và bác ái đối với cha mẹ các người...”. Hãy xem lòng từ ái đối với cha mẹ đã được gắn liền như thế nào với sự nhận biết Đấng Thượng Đế chân chính duy nhất! Hạnh phúc thay cho những ai được phú bẩm sự thức ngộ và đức minh triết thực sự, những ai thấy và nhận biết, những ai đọc và hiểu, và những ai tuân giữ điều mà Thượng Đế đã mặc khải trong các Thánh kinh xưa, và trong Kinh bản kỳ diệu và vô song này.

107. Tuân theo Zakat kinh Quran Trong một Kinh bản, Ngài đã mặc khải, cao cả thay thánh ngôn của Ngài: Về vấn đề Zakat, Chúng Ta cũng đã chỉ dụ rằng các người nên theo những gì đã được mặc khải trong Kinh Quran.

KHÁI YẾU VÀ PHÁP ĐIỂN CÁC LUẬT VÀ LỆNH CỦA BỘ KINH KITAB-I-AQDAS.

I. VIỆC CHỈ ĐỊNH ĐỨC ABDUL-BAHA LÀM ĐÁNG KẾ VỊ ĐỨC BAHÁ'U'LLAH VÀ ĐÁNG GIẢI THÍCH CÁC GIÁO LÝ CỦA NGÀI.

- A. Các tín đồ được lệnh phải hướng về Ngài là “*Đáng đã được Thượng Đế chỉ định, Đáng đã đâm cành từ Rễ Xưa*”
- B. Các tín đồ được lệnh là phải trình những điều khó hiểu trong Kinh sách Baha’i lên Ngài là “*Đáng đâm cành từ Thân cây Đại hùng này*”

II. DỰ LIỆU VỀ CƠ CẤU ĐỨC GIÁO HỘ

III. CƠ CẤU TÒA CÔNG LÝ

- A. Chính thức truyền lệnh thành lập Tòa Công lý.
- B. Nhiệm vụ của Tòa được minh giải.
- C. Lợi tức của Tòa được ấn định.

IV. CÁC LUẬT, LỆNH VÀ KHUYẾN CÁO:

A. CẦU NGUYỆN

1. Cương vị cao cả của các Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc trong Mặc khải Baha’i.
2. Điểm Qiblih
 - a. Được Đức Bab cho là tương đồng với “*Đáng mà Thượng Đế sẽ biểu hiện*”
 - b. Sự chỉ định của Đức Bab được Đức Baha’u’llah xác nhận.
 - c. Đức Baha’u’llah truyền rằng nơi an nghỉ của Ngài là điểm Qiblih sau khi Ngài thăng thiên.
 - d. Việc hướng về điểm Qiblih có tính cách bắt buộc khi đọc các Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc.
3. Các Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc có tính cách bắt buộc đối với những người Nam và người Nữ ở tuổi trưởng thành được ấn định là từ 15.
4. Sự miễn đọc các bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc được chấp thuận đối với:
 - a. Những người đau yếu.

- b. Những người trên 70 tuổi.
- c. Những người đàn bà có kinh, với điều kiện là họ thực hiện tẩy rửa và lặp lại 95 lần mỗi ngày câu kinh mặc khải đặc biệt.

5. Các Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc phải đọc tụng trong phạm vi cá nhân.

6. Sự lựa chọn một trong ba Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc được chấp thuận.

7. Những tiếng “Sáng”, “Trưa” và “Tối” nêu ra trong việc đọc tụng các Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc, ý nói tới khoảng thời gian từ lúc mặt trời mọc tới trưa, giữa trưa đến lúc mặt trời lặn, và từ mặt trời lặn đến hai giờ sau đó.

8. Bản kinh Bắt buộc thứ nhất (dài) chỉ cần đọc một lần trong vòng hai mươi bốn giờ.

9. Bản kinh Bắt buộc thứ ba (ngắn) nên đọc khi đang đứng.

10. Sự tẩy rửa

- a. Sự tẩy rửa phải thực hiện trước khi đọc các Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc.
- b. Sự tẩy rửa phải thực hiện cho mỗi lần đọc một Bản kinh Bắt buộc.
- c. Khi đọc hai Bản kinh bắt buộc vào buổi trưa thì chỉ cần tẩy rửa một lần cũng đủ.
- d. Nếu không có nước hoặc việc dùng nước có hại cho mặt hoặc tay, thì có thể đọc năm lần câu kinh mặc khải đặc biệt để thế vào.
- e. Nếu gặp thời tiết quá lạnh, có thể dùng nước nóng.
- f. Nếu đã tẩy rửa vì những mục đích khác, thì việc tẩy rửa trước khi đọc kinh Cầu nguyện Bắt buộc khỏi phải lặp lại.
- g. Việc tẩy rửa là cần thiết dù cho trước đó có tắm hay không.

11. Xác định giờ cầu nguyện.

- a. Có thể căn cứ trên đồng hồ để ấn định giờ đọc các Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc.
- b. Tại những xứ ở cực bắc hay cực nam, nơi mà khoảng cách giữa ngày và đêm thay đổi một cách đáng kể, thì nên trông cậy vào các loại đồng hồ mà không cần phải lưu tâm tới lúc mặt trời mọc hoặc lúc mặt trời lặn.

12. Trong trường hợp nguy biến dù là đang du lịch hay không, mỗi Bản kinh Bắt buộc có thể được thay thế bằng sự qui lạy và đọc một câu kinh đặc biệt và tiếp theo đó là sự lặp lại mười tám lần một câu kinh đặc biệt khác.

13. Sự cầu nguyện theo nghi thức tập thể bị nghiêm cấm, trừ trường hợp Cầu nguyện cho Người qui tịch.
14. Bản kinh Cầu nguyện cho Người qui tịch được dự liệu là phải đọc trọn, ngoại trừ đối với người không thể đọc được, họ được phép lặp lại sáu đoạn đặc biệt trong bản kinh ấy.
15. Bản kinh Bắt buộc để lặp lại ba lần trong ba lần cầu nguyện mỗi ngày, buổi sáng, buổi trưa và buổi tối, đã được thay thế bằng ba Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc được mặc khải sau này.
16. Bản kinh các Dấu hiệu đã được hủy bỏ, và một câu kinh đã được mặc khải đặc biệt để thay thế. Tuy nhiên, việc đọc tụng câu kinh này không có tính cách cưỡng bách.
17. Lòng thú, đồ tang, hài cốt và các thứ cùng loại không làm cho việc cầu nguyện mất hiệu lực.

B. CHAY GIỚI

1. Cương vị cao cả của Chay giới trong Mặc khải Baha'i.
2. Thời kỳ Chay giới khởi sự lúc chấm dứt các Đur nhật và được kết thúc bằng Đại lễ Naw-Ruz.
3. Nhịn hết các thức ăn và thức uống từ lúc mặt trời mọc tới lúc mặt trời lặn, là điều bắt buộc phải theo.
4. Việc Chay giới có hiệu lực đối với người nam và người nữ ở vào tuổi trưởng thành, được ấn định là tuổi 15.
5. Sự miễn Chay giới được chấp thuận đối với:
 - A. Những người du lịch.
 - 1) Nếu cuộc hành trình dài trên 9 giờ.
 - 2) Nếu cuộc hành trình dài trên 2 giờ đối với người đi bộ.
 - 3) Nếu tạm ngưng cuộc hành trình trong thời gian dưới 19 ngày.
 - 4) Nếu tạm ngưng cuộc hành trình trong kỳ Chay giới và ở yên một nơi trong 19 ngày, thì chỉ được miễn Chay giới trong 3 ngày đầu kể từ khi mới đến.
 - 5) Nếu trở về nhà trong kỳ Chay giới thì phải giữ Chay giới từ ngày về đến nơi.

B. Những người đau yếu.

C. Những người trên 70 tuổi

D. Những người đàn bà mang nặng con nhỏ.

E. Những người đàn bà cho trẻ bú.

F. Những người đàn bà có kinh, với điều kiện là họ thực hiện sự tẩy rửa và lập lại 95 lần mỗi ngày câu kinh mặc khải đặc biệt.

G. Những người làm việc nặng, họ được khuyên là phải tỏ lòng tôn trọng luật đạo bằng cách thận trọng và hạn chế trong việc hưởng sự đặc miễn.

6. Sự phát nguyện Chay giới (Vào một tháng khác ngoài tháng Chay giới đã định) được chấp thuận. Tuy nhiên, những sự phát nguyện đem lại lợi ích cho Nhân loại được Thượng Đế quý chuộng hơn.

C. CÁC LUẬT VỀ TÌNH TRẠNG CÁ NHÂN:

1) Hôn nhân:

a. Hôn nhân rất được khuyến khích nhưng không bị cưỡng bách.

b. Sự đa thê bị cấm chỉ.

c. Hôn nhân được đặt trên điều kiện là đôi bên phải đạt tới tuổi trưởng thành, được ấn định là từ 15.

d. Hôn nhân được đặt điều kiện trên sự ưng thuận của đôi bên và của các bậc Cha Mẹ dù cho người Nữ có còn là trinh nữ hay không.

e. Cả đôi bên bắt buộc phải đọc một câu kinh mặc khải đặc biệt để tỏ rõ rằng họ bằng lòng với ý muốn của Thượng Đế.

f. Sự kết hôn với kẻ mẫu của đương sự bị cấm chỉ.

- g. Tất cả các vấn đề liên quan tới việc kết hôn với những người cùng thân tộc phải trình lên để xin ý kiến của Tòa Công lý.
- h. Sự kết hôn với người không phải là tín đồ được cho phép.
- i. Sự đính hôn:
1. Thời kỳ đính hôn không được kéo dài quá 95 ngày.
 2. Đính hôn với một cô gái trước khi cô ta tới tuổi trưởng thành là điều phi pháp.
- j. Sính lễ:
1. Hôn lễ được đặt điều kiện trên việc nạp một khoản sính lễ.
 2. Sính lễ được ấn định là 19 mithqals vàng ròng đối dân thành phố, và 19 mithqals bạc đối với dân làng, căn cứ trên trú sở của người chồng, chớ không phải của người vợ.
 3. Cấm nạp quá 95 mithqals.
 4. Tốt hơn hết là người đàn ông nên bằng lòng với việc nạp 19 mithqals bạc.
 5. Nếu sính lễ không thể nạp trọn, việc ký nạp một tờ hứa hẹn được chấp thuận.
- k. Nếu sau khi đọc câu kinh mặc khải đặc biệt và nạp sính lễ, một trong hai bên thấy không thích bên kia trước khi Hôn lễ hoàn tất, thì không cần thiết phải trải qua thời kỳ chờ đợi trước khi ly dị. Tuy nhiên, việc đòi lại sính lễ không được chấp thuận.
- l. Người chồng khi tính đi du lịch phải định cho người vợ biết rõ ngày về. Nếu vì một lý do chính đáng người chồng bị cản trở không thể về đúng lúc đã định, người ấy phải báo cho vợ hay và tìm cách trở về với vợ. Nếu người chồng không hoàn tất điều kiện kể trên, người vợ phải chờ 9 tháng rồi mới được tái giá, dù đáng ra bà ta nên chờ lâu hơn. Nếu người vợ được tin người chồng đã chết, hoặc bị giết, và nếu tin này được xác nhận bởi báo cáo thông thường hay bởi hai nhân chứng đáng tin cậy, thì bà ta có thể tái giá sau thời hạn 9 tháng.
- m. Nếu người chồng ra đi mà không báo cho người vợ biết ngày về, dù ông ấy có biết tới điều luật ghi trong Kitab-i-Aqdas, thì người vợ có thể tái giá sau khi đã chờ đợi trọn một năm. Nếu người chồng không biết gì về luật này, thì người vợ phải đợi cho đến khi nào nhận được tin chồng.
- n. Nếu sau khi nạp trọn sính lễ, người chồng khám phá rằng người vợ không phải là một trinh nữ, thì người này có thể đòi hoàn trả sính lễ và các chi phí liên hệ.
- o. Nếu hôn nhân đặt điều kiện trên sự trinh bạch thì việc đòi hoàn trả sính lễ và các chi phí liên hệ có thể đặt ra và cuộc hôn nhân có thể vô hiệu hóa. Tuy nhiên sự giấu êm nội vụ được coi là xứng đáng hơn dưới mắt Thượng Đế.

2) Ly dị:

- a. Sự ly dị bị kết án nặng nề.
- b. Nếu sự thù ghét hoặc oán hờn nảy nở nơi người chồng hoặc người vợ, sự ly dị được công nhận sau khi một năm tròn đã trôi qua. Lúc bắt đầu và lúc chấm dứt một năm chờ đợi phải được chứng thực bởi hai nhân chứng hay hơn nữa. Tờ ly dị phải được đăng ký bởi ủy viên tư pháp của Tòa Công lý. Sự giao hợp trong thời gian chờ đợi này bị cấm chỉ và ai vi phạm luật phải tự sám hối và phải nộp cho Tòa Công lý 19 mithqals vàng.
- c. Sau khi đã ly dị không cần có thời gian chờ đợi nào nữa.
- d. Người vợ bị ly dị do hậu quả sự không trung thành của bà ta thì bà không được hưởng khoản tiền chi tiêu trong thời kỳ chờ đợi.
- e. Sự tái hôn với người vợ mà mình đã ly dị được chấp thuận, miễn là bà ta chưa kết hôn với người khác. Nếu bà ta kết hôn, bà ta phải ly dị trước khi tái giá cùng người chồng cũ.
- f. Nếu thiện cảm nảy nở trong khoảng thời gian chờ đợi, thì sự ràng buộc hôn nhân có hiệu lực trở lại. Nếu sự hòa giải này lại dẫn đến thù nghịch và ý muốn ly dị được nêu ra thì một năm chờ đợi lại bắt đầu.
- g. Nếu sự bất đồng xảy đến giữa vợ chồng trong khi đang du lịch, người chồng - phải để cho người vợ trở về nhà, hoặc phó thác bà ta cho một người đáng tin cậy để người này hộ tống bà về nhà, phải trả tiền cuộc hành trình và khoản tiền chi tiêu trọn năm cho bà ta.
- h. Nếu như người vợ quyết ly dị cùng chồng hơn là du lịch sang một nước khác, thì năm chờ đợi phải tính kể từ khi họ xa nhau, tức khi người chồng sửa soạn ra đi hoặc khi người chồng khởi hành.
- i. Nay bãi bỏ Luật Hồi giáo liên quan đến việc tái kết hôn với người vợ mình ly dị.

3) Sự thừa kế: °

- a. Quyền thừa kế được dành cho các lớp người sau đây:
 1. Các con 1.080 trong số 2520 cổ phần
 2. Chồng hoặc vợ 390 “ 2520 “

3. Cha	330	“	2520	“
4. Mẹ	270	“	2520	“
5. Anh em trai	210	“	2520	“
6. Chị em gái	150	“	2520	“
7. Thầy	90	“	2520	“

b. Số cổ phần dành cho con cái do Đức Bab phân chia được Đức Baha'u'llah tăng gấp đôi, và một số cổ phần tương ứng được rút bớt của những người thừa kế khác.

c.

1) Trong trường hợp không có con, phần thừa hưởng các con phải được chuyển Tòa Công lý để chi dụng cho các cô nhi, quả phụ và cho bất cứ việc gì có ích cho Nhân loại.

2) Nếu con trai của người quá cố cũng đã chết và còn để lại con cái, thì những người cháu này được thừa hưởng phần của người cha. Nếu con gái của người quá cố cũng đã chết và còn có con cái, thì phần thừa hưởng của người nữ này sẽ được chia cho 7 hạng người được nêu ra trong bộ Thánh kinh Thiên liêng Nhất.

d. Nếu người quá cố có con cái nhưng không có một số hoặc toàn thể các hạng người thừa kế khác, thì hai phần ba gia tài thuộc về họ sẽ được chuyển cho các con và một phần ba chuyển cho Tòa Công lý.

e. Nếu trong các hạng người thừa kế không một ai hiện hữu thì hai phần ba gia tài sẽ được chia cho các cháu trai và cháu gái của người quá cố. Nếu các cháu cũng không hiện hữu, thì chính phần gia tài ấy sẽ chia cho các cô, dì, chú, bác, cậu. Nếu những người này không hiện hữu thì chia cho con trai con gái của họ. Trong mọi trường hợp, phần thứ ba còn lại đều chuyển cho Tòa Công lý.

f. Nếu người nào không có ai thừa kế cả, thì toàn thể gia tài chuyển cho Tòa Công lý.

g. Nhà ở và y phục của người cha quá cố được chuyển cho con trai chứ không phải con gái. Nếu có nhiều nhà ở thì ngôi nhà chính quan trọng nhất chuyển cho con trai. Các ngôi nhà khác cùng các vật tùy thuộc được chia cho những người thừa kế. Nếu không có con trai, thì hai phần ba của ngôi nhà chính cùng với y phục của người cha quá cố sẽ chuyển cho con gái và một phần ba chuyển cho Tòa Công lý. Trong trường hợp người mẹ tạ thế, các y phục riêng đã dùng sẽ chia đều cho các con gái. Y phục chưa mặc, các vật trang sức và gia tài phải chia những người thừa kế, kể cả y phục dùng rồi nếu bà không có con gái.

h. Nếu các con của người quá cố còn vị thành niên thì phần thừa hưởng của chúng có thể ký thác nơi một người đáng tin cậy hoặc nơi một công ty với mục đích đầu tư

cho tới khi chúng đến tuổi trưởng thành, một phần lợi tức thu thập được phải chia cho người thụ ủy.

- i. Gia tài không được phân chia cho tới sau khi trả xong khoản Huququllah (Quyền của Thượng Đế), các khoản nợ mà người quá cố đã ký kết và các chi phí của tang lễ và việc chôn cất
- j. Nếu là anh em trai có cùng một cha với người quá cố thì được hưởng trọn phần gia tài phân chia như trên. Nếu là anh em khác cha thì chỉ được hưởng hai phần ba, còn một phần ba thuộc Tòa Công lý. Luật này cũng áp dụng đối với chị em gái của người quá cố.
- k. Trong trường hợp có đồng đủ anh chị em ruột, các anh chị em cùng mẹ khác cha không được quyền thừa kế.
- l. Vị thầy không phải là Baha'i không được hưởng quyền thừa kế. Nếu có nhiều thầy thì phần gia tài dành cho thầy được chia đều.
- m. Những hạng người thừa kế không phải là Baha'i không được hưởng quyền thừa kế.
- n. Ngoài những y phục đã dùng của người vợ và các quà tặng nữ trang cùng các thứ khác được chứng minh là người chồng đã tặng riêng cho vợ, bất cứ món gì người chồng đã mua cho vợ đều được coi là tài sản của người chồng để phân chia cho các hạng người thừa kế.
- o. Mọi người đều tự do để lại di chúc về tài sản của mình theo sở thích riêng miễn là có ghi rõ các điều nhằm trả khoản Huququllah và trả các khoản nợ.

D. CÁC LUẬT, LỆNH VÀ KHUYẾN CÁO LINH TINH:

1) Các luật lệnh linh tinh:

- a. Sự hành hương.
- b. Khoản Huququ'llah.
- c. Dâng tặng.
- d. Đền thờ Mashriqu'l-Ahkar.
- e. Sự lâu dài của Chánh Đạo Baha'i.
- f. Các Thánh lễ Baha'i.
- g. Lễ 19 ngày.

- h. Năm Baha'i.
- i. Các dư nhật.
- j. Tuổi trưởng thành.
- k. Việc chôn cất người chết.
- l. Sự dẫn thân vào ngành thương mại hoặc một nghề nghiệp nào là điều có tính cách cưỡng bách và được nâng lên hàng thờ phượng.
- m. Sự tuân tùng chánh phủ.
- n. Sự giáo dục con cái.
- o. Việc lập di chúc.
- p. Thuế thập phân (Zakat).
- q. Sự lặp lại Tới Đại Danh 95 lần mỗi ngày.
- r. Việc săn thú.
- s. Sự đối xử với tội tở nữ.
- t. Việc tìm được của rơi.
- u. Quyền hạn đối với kho tàng tìm thấy được.
- v. Sự quản trị các vật ký thác.
- w. Việc giết người.
- x. Định nghĩa về nhân chứng đúng đắn.
- y. Các điều cấm:
 - 1) Giải thích Thánh kinh
 - 2) Buôn nô lệ
 - 3) Tu khổ hạnh
 - 4) Tu ở tu viện
 - 5) Hành khát
 - 6) Chế độ tu sĩ
 - 7) Dùng giảng tòa
 - 8) Lệ hôn bàn tay
 - 9) Xung tội
 - 10) Đa thê
 - 11) Thức uống có men say
 - 12) Nha phiến
 - 13) Cờ bạc
 - 14) Cố ý gây hỏa hoạn
 - 15) Gian dâm
 - 16) Sát nhân
 - 17) Trộm cắp

- 18) Đồng tính luyện ái
- 19) Cầu nguyện theo nghi thức tập thể, ngoài trường hợp cầu cho Người qui tịch.
- 20) Sự hung bạo với loài thú
- 21) Ở không và lười biếng
- 22) Nói hành
- 23) Vu khống
- 24) Mang vũ khí khi không cần thiết.
- 25) Dùng hồ tắm công cộng theo lối tắm của Ba Tư.
- 26) Vào nhà người khi chưa được phép của chủ nhà.
- 27) Đánh đập hoặc gây thương tích cho người.
- 28) Sự bất hòa và xung đột.
- 29) Lẫn nhẫm những Câu kinh Thiêng liêng ở ngoài đường.
- 30) Nhúng tay vào thức ăn.
- 31) Cạo trọc đầu.
- 32) Dưỡng tóc dài quá trái tai.

2) *Hủy bỏ các luật và lệnh đặc biệt trong các tôn giáo trước như:*

- a. Tiêu hủy sách vở
- b. Cấm mặc hàng lụa
- c. Cấm dùng đồ dùng bằng vàng và bạc
- d. Giới hạn sự du lịch
- e. Dâng lễ vật vô giá lên Đấng Sáng lập Tôn giáo
- f. Cấm hỏi Đấng Sáng lập Tôn giáo
- g. Cấm tái kết hôn với người vợ mình đã ly dị
- h. Trừng phạt những người gây buồn phiền cho xóm giềng
- i. Cấm âm nhạc
- j. Đặt những giới hạn về y phục và râu
- k. Sự bất khiết của một số đồ vật và người
 - l. Sự bất khiết của tinh dịch
- m. Sự bất khiết của một số đồ vật trong mục đích cúng lễ

3) *Các khuyến cáo linh tinh:*

- a. Giao tiếp với tín đồ của tất cả các Tôn giáo với tình thân hữu.
- b. Tôn kính cha mẹ
- c. Không ước cho người khác điều gì mình không muốn cho mình.

- d. Truyền giảng và phổ biến Chánh Đạo sau khi Đấng Sáng lập đã thăng thiên
- e. Giúp đỡ những người đứng lên quảng bá Chánh Đạo
- f. Không xa rời Kinh sách và không để những kẻ xa rời Kinh sách đưa mình tới chỗ sai lầm
- g. Tìm sự giải đáp trong Thánh kinh khi có điểm bất đồng với nhau.
- h. Say mê trong việc nghiên cứu giáo lý
 - i. Không nên theo đuổi những bịa đặt nhằm nhí và những tưởng tượng hào huyền của chính mình
 - j. Đọc những câu Thánh thi buổi sáng cũng như buổi chiều.
 - k. Ngâm đọc các Câu Thánh thi bằng âm điệu du dương.
 - l. Dạy con cái hát những câu Thánh thi trong Đền thờ Mashriqu'l Adhkar
- m. Nghiên cứu những nghệ thuật khoa học có lợi ích cho Nhân loại.
- n. Tham khảo ý kiến lẫn nhau
- o. Không được cầu thả trong khi thực hiện các quy chế của Thượng Đế
- p. Ăn năn tội lỗi mình trước Thượng Đế
- q. Tự phân biệt mình bằng những hành động tốt đẹp:
 - 1) Ngay thật.
 - 2) Thành tín.
 - 3) Trung nghĩa.
 - 4) Thẳng thắn và kính sợ Thượng Đế.
 - 5) Công bình và vô tư.
 - 6) Tề nhị và khôn ngoan .
 - 7) Lịch thiệp.
 - 8) Hiếu khách.
 - 9) Kiên nhẫn.
 - 10) Thoát tục .
 - 11) Tuyệt đối tùng phục ý chí Thượng Đế.
 - 12) Không gây điều ác .
 - 13) Không đạo đức giả.
 - 14) Không kiêu ngạo.
 - 15) Không cuồng tín.
 - 16) Không yêu bản thân mình hơn người láng giềng.
 - 17) Không chịu theo dục vọng.
 - 18) Không xích mích với người láng giềng.
 - 19) Không thở than trong nghịch cảnh.
 - 20) Không xích mích với người cầm quyền.

- 21) Không mất bình tĩnh.
- 22) Không nổi giận với người láng giềng.

- r. Đoàn kết chặt chẽ.
- s. Hỏi ý kiến lương y khi đau yếu.
- t. Đáp ứng những lời mời.
- u. Bày tỏ sự tử tế với thân tộc của Đấng Sáng lập Tôn giáo.
- v. Nghiên cứu các ngôn ngữ để phổ biến Chánh Đạo.
- w. Góp phần phát triển các thành phố và các xứ để nêu rõ sự Vinh quang của Chánh Đạo.
- x. Tái tạo và bảo tồn các di tích có liên hệ tới các Đấng Sáng lập Chánh Đạo.
- y. Trở thành tinh hoa của sự sạch sẽ.

- 1) Rửa chân.
- 2) Xức dầu thơm.
- 3) Tắm trong nước sạch.
- 4) Cắt móng tay, móng chân.
- 5) Rửa các vật dơ trong nước sạch.
- 6) Không để vết trên quần áo.
- 7) Đổi mới các vật dụng trong nhà.

V. CÁC CHỈ GIÁO, KHIÊN TRÁCH VÀ CẢNH CÁO ĐẶC BIỆT

Gởi cho:

- 1) Toàn thể Nhân loại.
- 2) Các Vua trên Thế giới.
- 3) Tập đoàn các Tu sĩ.
- 4) Những nhà cầm quyền Mỹ Châu và các Tổng thống của những nền Cộng hòa ở đó.
- 5) William Đệ nhất, Vua nước Pho.
- 6) Francis Joseph, Hoàng đế Áo quốc.
- 7) Dân chúng của Kinh Bayan.
- 8) Nghị sĩ các Quốc hội khắp Thế giới.

VI. CÁC VẤN ĐỀ LINH TINH

- 1) Tính cách Thiêng liêng của Mặc khải Baha'i.
- 2) Cương vị tôn quý của Tác giả Chánh Đạo.

- 3) Sự tối quan trọng của Bộ Kinh Kitab-i-Aqdas, “Bộ Thánh kinh Thiêng liêng Nhất”.
- 4) Chủ thuyết về sự “Vô nhiễm Tối đại”.
- 5) Nhiệm vụ song hành là nhận biết Đấng Biểu hiện và tuân giữ Luật pháp của Ngài, và tính cách bất khả phân của nhiệm vụ song hành này.
- 6) Cứu cánh của mọi sự học hỏi là nhận biết Ngài, Đấng làm đối tượng cho mọi kiến thức.
- 7) Ôn phúc của những kẻ nhận biết chân lý căn bản “*Ngài không bị chất vấn về việc làm của Ngài*”.
- 8) Ảnh hưởng cải tạo của “*Nền Trật tự Tối đại*”.
- 9) Sự tuyển chọn một ngôn ngữ độc nhất và sự chấp dụng một thứ chữ viết chung để mọi người trên mặt đất cùng sử dụng; Đây là một trong hai dấu hiệu về sự trưởng thành của Nhân loại.
- 10) Những lời tiên tri của Đức Bab về “*Đấng mà Thượng Đế sẽ biểu hiện*”.
- 11) Tiên báo về sự chống đối Chánh Đạo.
- 12) Sự tán dương vị vua sẽ chấp nhận Chánh Đạo và đứng lên phụng sự Chánh Đạo.
- 13) Tính cách bất ổn định trong các công việc của con người.
- 14) Ý nghĩa của tự do thực sự.
- 15) Giá trị của mọi hành động tùy thuộc nơi sự chấp nhận của Thượng Đế.
- 16) Tính cách quan trọng của tình yêu đối với Thượng Đế là động cơ để tuân tòng Luật pháp của Ngài.
- 17) Tầm quan trọng của việc sử dụng các phương tiện vật chất.
- 18) Sự tán dương những người học thức trong các con dân của Đấng Baha.
- 19) Đoan quyết tha thứ cho Mirza Yahya nếu y ăn năn.
- 20) Bản văn viết cho Tihran.
- 21) Bản văn viết cho Constantinople và dân chúng của thành phố này.
- 22) Bản văn viết cho “*Đôi bờ sông Rhine*”.
- 23) Sự kết án những kẻ tuyên bố dối trá về kiến thức bí truyền.
- 24) Sự kết án những kẻ đã để cho thói kiêu ngạo về học vấn của họ ngăn cách họ với Thượng Đế.
- 25) Những lời tiên tri liên quan đến Khurasan.
- 26) Những lời tiên tri liên quan đến Kirman.
- 27) Bài văn ám chỉ Shayk Ahmad-i-Ahsa’i.
- 28) Bài văn ám chỉ Người sáng Lúa mì.
- 29) Sự kết án Haji Muhammad - Karim khan.
- 30) Sự kết án Shaykh Muhammad Hasan.
- 31) Bài văn ám chỉ Napoleon Đệ Tam.
- 32) Bài văn ám chỉ Siyyid-i-Muhammad-i-Isfahani.
- 33) Đoan quyết giúp đỡ tất cả những ai đứng lên phụng sự Chánh Đạo.

CHÚ THÍCH

(theo các đoạn trong Thánh Kinh)

1. Hương thơm ngọt ngào của y trang ta (đoạn 4 - tức là đoạn 4 của Thánh kinh Aqdas)

Đây là sự ám chỉ về Joseph trong Kinh Quran và Cựu ước, trong đó áo của Joseph được anh em của người mang về cho phụ thân người là Jacob, giúp cho Jacob nhận ra người con lưu lạc từ lâu của mình. Mỹ ngữ “y trang ngát hương” thường được dùng trong Kinh sách Baha’i để nói tới sự nhận biết Đấng Biểu hiện của Thượng Đế và Mặc khải của Ngài.

Trong một Kinh bản của Ngài, Đức Baha’u’llah tự mô tả mình như là “*Ngài Joseph Thiêng Liêng*” đã bị những kẻ vô tâm đem “*đổi chác bằng cái giá rẻ mạt*”. Trong Kinh Qayyumul-Asma, Đức Bab nhận diện Đức Baha’u’llah như là “*Ngài Joseph thực sự*” và tiên báo những tai ương mà Ngài phải chịu đựng bởi tay người em bội phản (xem chú thích 190). Cũng giống như thế, Đức Shoghi Effendi đã nêu lên điểm tương tự giữa sự ganh tị căng thẳng mà tính ưu tú của Đức Abdul-Baha đã khơi dậy nơi người em khác mẹ là Mirza Muhammad-Ali, và thói ganh ghét độc hại “*mà sự vượt trội cao độ của Joseph đã nhóm lên trong lòng các anh em của người*”.

2. Chúng Ta đã khai niêm bình Tuyền tửu bằng ngón tay quyền năng và uy lực. (đoạn 5)

Việc dùng rượu và các chất có men gây say đã bị cấm trong Kitab-i-Aqdas (xem chú thích 144 và 170).

Sự nhắc tới việc dùng “rượu” theo nghĩa bóng như là nguyên nhân của lạc phúc tinh thần thường được thấy. Không những trong Mặc khải của Đức Baha’u’llah, mà cả trong Kinh Thánh, Kinh Quran, và trong các pháp chánh truyền của Ấn Độ giáo nữa.

Chẳng hạn như, trong Kinh Quran, có lời hứa hẹn với người chính trực rằng họ sẽ được cho uống “*rượu tuyền niêm phong*”. Trong các Kinh bản của Ngài, Đức Baha’u’llah đã đồng hóa “*Rượu tuyền*” với Mặc khải của Ngài mà “*hương thơm ngọt ngào*” đã bao trùm “*trên tất cả tạo vật*”. Ngài công bố rằng Ngài đã “*khai niêm Rượu*” này, tức đã tiết lộ những chân lý tâm linh mà cho đến nay chưa ai được biết, và giúp họ uống cạn rượu ấy để “*thấy được vẻ huy hoàng của ánh sáng thống nhất thiên thượng*” và “*lĩnh hội mục đích chính yếu nổi bật trong các Thánh kinh của Thượng Đế*”.

Trong một bài Suy tưởng, Đức Baha’u’llah đã nài xin Thượng Đế ban cho các tín đồ “*Rượu tuyền tửu bi của Ngài, để rượu ấy có thể giúp họ quên hết mọi sự ngoài Ngài, để họ đứng lên phụng sự Chánh đạo của Ngài, và để họ được kiên định trong tình yêu của họ đối với Ngài*”.

3. Chúng Ta đã truyền lệnh cho các người đọc kinh cầu nguyện bắt buộc (đoạn 6)

Trong ngôn ngữ Ả Rập có nhiều thuật ngữ về cầu nguyện. Thuật ngữ “salat”, xuất hiện trong bản gốc, nói tới một loại kinh cầu nguyện riêng biệt mà các tín đồ phải đọc vào

các thời điểm cụ thể trong ngày. Để phân biệt loại kinh cầu nguyện này với các loại kinh cầu nguyện khác, thuật ngữ này đã được dịch là “*kinh cầu nguyện bắt buộc*”.

Đức Baha’u’llah dạy rằng “*sự cầu nguyện bắt buộc và Chạy giới chiếm một vị trí cao quý trước mắt Thượng Đế*” (Vấn và Đáp 93). Đức Abdul - Baha xác nhận rằng các kinh cầu nguyện ấy “*đưa tới sự khiêm tốn và vâng phục, giúp con người hướng mặt về Thượng Đế và biểu lộ lòng sùng kính đối với Ngài*”, và rằng qua những kinh cầu nguyện ấy “*con người giữ vững sự thông công với Thượng Đế, tìm phương tiến tới gần Ngài, chuyện trò với Đấng Kính yêu thực sự của lòng mình, và đạt tới những cương vị tâm linh.*”

Kinh Cầu nguyện Bắt buộc (xem chú thích 9) nêu lên trong câu thánh thi này đã được thay thế bởi ba Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc do Đức Baha’u’llah mặc khải về sau (Vấn và Đáp 63). Nguyên văn ba bản kinh hiện đang được dùng, cùng với các chỉ dẫn về đọc tụng, đã được in trong tập sách này ở trong phần về Một số Kinh bản bổ sung vào Kitab-i-Aqdas.

Một số mục trong phần Vấn và Đáp nêu rõ các phương diện của ba Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc mới. Đức Baha’u’llah dạy rõ rằng mỗi cá nhân được phép chọn đọc một trong ba Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc này (Vấn và Đáp 65). Các điều khoản khác được minh giải trong phần Vấn và Đáp số 66, 67, 81 và 82.

Các chi tiết về giáo luật liên quan tới sự cầu nguyện bắt buộc đã được tóm tắt trong mục IV.A.1-17 của phần Khái yếu và Pháp điển.

4. Chín rakah (đoạn 6)

Một rakah là một cách đọc những câu kinh mặc khải đặc biệt có kèm theo một số qui định về lễ lạy và các động tác khác.

Kinh Cầu nguyện Bắt buộc lúc đầu Đức Baha’u’llah thiết định cho các tín đồ gồm 9 rakah. Tính chất chính xác của kinh này và những chỉ thị cụ thể để đọc tụng ra sao, không ai biết, vì bản kinh đã bị thất truyền (xem chú thích 9).

Trong một kinh bản luận về những Bài Kinh Cầu nguyện Bắt buộc đang được dùng, Đức Abdul- Baha chỉ ra rằng: “*Trong mỗi từ và mỗi động tác của Kinh Cầu nguyện Bắt buộc đều có những ẩn dụ, những điều nhiệm mầu và sự minh triết mà con người không đủ sức hiểu, và bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu văn bản cũng không thể chứa đựng hết*”.

Đức Shoghi Effendi giải thích rằng một ít chỉ dẫn giản dị do Đức Baha’u’llah ban cho trong việc đọc mấy bản kinh cầu nguyện, không những có ý nghĩa tâm linh mà còn giúp cá nhân tín đồ “*tập trung hoàn toàn khi cầu nguyện và suy tưởng*”.

5. Vào buổi trưa, buổi sáng và buổi tối (đoạn 6)

Về định nghĩa các thuật ngữ “*sáng*”, “*trưa*” và “*tối*”, là những thời điểm đọc Bản Kinh Cầu nguyện Bắt buộc dài trung bình, Đức Baha’u’llah đã dạy rằng những thời điểm này trùng hợp với “*mặt trời mọc, buổi trưa và mặt trời lặn*” (Vấn và Đáp 83). Ngài nêu rõ rằng “*thời gian cho phép để đọc các Bản Kinh Cầu nguyện Bắt buộc là từ sáng đến trưa, từ trưa đến mặt trời lặn, và từ mặt trời lặn đến hai giờ sau đó*”. Ngoài ra Đức Abdul-baha cũng dạy rằng Kinh Cầu nguyện Bắt buộc buổi sáng có thể đọc sớm từ lúc rạng đông.

Định nghĩa “*buổi trưa*” là thời gian “*từ trưa cho đến mặt trời lặn*” được áp dụng cho việc đọc Bản Kinh Cầu nguyện Bắt buộc ngắn nhất cũng như cho bài dài trung bình.

6. Chúng Ta đã giảm bớt cho các người rất nhiều Kinh Cầu nguyện (đoạn 6)

Những đòi hỏi về sự cầu nguyện bắt buộc trong Tôn giáo Babi cũng như trong Hồi giáo còn nhiều hơn những đòi hỏi thực hiện Kinh Cầu nguyện Bắt buộc gồm 9 rakah như đã được qui định trong Kitab-i-Aqdas (xem chú thích 4).

Trong Kinh Bayan, Đức Bab qui định Kinh Cầu nguyện Bắt buộc gồm mười chín rakah để đọc một lần trong thời gian hai mươi bốn giờ từ trưa hôm nay đến trưa hôm sau.

Kinh Hồi giáo được đọc năm lần mỗi ngày, cụ thể là từ sáng sớm, giữa trưa, xế chiều, chiều tối và đêm. Trong khi số rakah thay đổi theo giờ giấc đọc kinh, tổng số rakah thực hiện trong một ngày là mười bảy động tác.

7. Khi các người muốn thực hiện việc cầu nguyện này, các người hãy hướng về Triều đường Hiện diện Chí tôn của Ta, Chốn Thiêng liêng này mà Thượng Đế đã... qui định làm Điểm Thờ phượng cho cư dân các Thành thị Vĩnh cửu (đoạn 6)

“*Điểm Thờ phượng*” nghĩa là điểm mà người thờ phượng phải hướng về mỗi khi đọc Kinh Cầu nguyện Bắt buộc, được gọi là Qiblih. Quan niệm về Qiblih đã tồn tại trong các tôn giáo xưa. Ngày xưa Jerusalem đã được chỉ định cho mục đích này. Đức Muhammad đã chuyển Qiblih sang Mecca. Chỉ thị của Đức Bab trong Kinh Bayan bằng tiếng Ả Rập là:

Qiblih chính là Đấng mà Thượng Đế sẽ cho biểu hiện; mỗi khi Ngài di chuyển, điểm ấy di chuyển, cho đến khi Ngài yên nghỉ.

Đoạn này được Đức Baha'u'llah trích dẫn trong Kitab-i-Aqdas và được Ngài xác nhận trong câu thánh thi căn chú giải này. Ngài cũng chỉ ra rằng hướng về Qiblih là “*Điều đòi hỏi cố định khi đọc kinh cầu nguyện bắt buộc*” (Vấn và Đáp 14 và 67). Tuy nhiên, đối với các bài cầu nguyện và suy tưởng khác, cá nhân có thể nhìn về bất cứ hướng nào.

8. Và khi Mặt trời Chân lý và Phát ngôn sẽ lặn hãy hướng mặt các người về Địa điểm mà Chúng Ta chỉ định cho các người (đoạn 6)

Đức Baha'u'llah phán dạy nơi an nghỉ của Ngài là Qiblih sau khi Ngài thăng thiên. Thánh Lăng Thiêng liêng nhất nằm tại Bahji, Akka. Đức Abdul -Baha mô tả địa điểm ấy là “*Lăng rực sáng*”, “*nơi mà quanh đó Quân hội Thiên Thượng đang qui tụ*”.

Trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, Đức Shoghi Effendi dùng dụ ngôn về một cái cây hướng theo mặt trời để giải thích ý nghĩa tinh thần của việc hướng về Qiblih:

... giống như cái cây vươn về phía có ánh sáng mặt trời nơi mà nó nhận sự sống và sự tăng trưởng chúng ta cũng hướng tâm hồn về Đấng Biểu hiện của Thượng Đế, Đức Baha'u'llah, khi chúng ta cầu nguyện; ...chúng ta hướng mặt... về nơi di thể Ngài an nghỉ trên trái đất này như là biểu hiện của hành vi nội tâm.

9. Chúng Ta đã nêu chi tiết về sự cầu nguyện bắt buộc trong một Kinh bản khác. (đoạn 8)

Bản Kinh Cầu nguyện Bắt buộc nguyên thủy “*bởi những nguyên do Khôn sáng*” đã được Đức Baha'u'llah mặc khải trong một Kinh bản riêng biệt (Vấn và Đáp 63). Bản Kinh ấy đã không được phổ biến cho các tín đồ khi Ngài còn sinh thời, đã được thay thế bằng ba Bản Kinh Cầu nguyện Bắt buộc hiện được lưu dụng.

Không lâu sau khi Đức Baha'u'llah thăng thiên, nguyên bản Kinh này, cùng với một số Kinh bản khác, đã bị đánh cắp bởi Mahammad-Ali, Kẻ Phản ước đầu sỏ đối với Giao ước của Ngài.

10. Kinh Cầu nguyện cho Người qui tịch (đoạn 8)

Kinh cầu nguyện cho Người mệnh chung (xem một số Kinh bản bổ sung vào Kitab-i-Aqdas) là Kinh Baha'i Cầu nguyện Bắt buộc duy nhất đọc theo nghi thức tập thể, nghĩa là một người đọc trong khi mọi người hiện diện đứng im lặng (xem chú thích 19) Đức Baha'u'llah đã chỉ rõ rằng Kinh Cầu nguyện cho Người qui tịch chỉ bắt buộc khi người mệnh chung ở tuổi thành niên (Vấn và Đáp 70) rằng việc đọc kinh phải thực hiện trước khi chôn người qua đời và không cần phải hướng về Qiblih khi đọc Kinh này (Vấn và Đáp 85).

Những chi tiết khác liên quan đến Kinh Cầu nguyện cho Người qui tịch đã được tóm tắt trong phần Khái yếu và Pháp điển, đoạn IV.A. 13 -14.

11. Sáu bài Kinh riêng biệt đã được ban xuống bởi Thượng Đế, Đấng Mặc khải các Thánh thi (đoạn 8)

Các bài hợp thành Kinh Cầu nguyện cho Người qui tịch gồm có phần lặp lại sáu lần lời tụng “Allah-u-Abha” (Thượng Đế là Đấng Toàn vinh) mỗi lần lại được nối tiếp bởi sự lặp lại mười chín lần một trong sáu câu thánh thi được mặc khải riêng biệt. Những câu thánh thi này giống với những câu thánh thi trong Kinh Cầu nguyện cho Người qui tịch do Đức Bab mặc khải trong Kinh Bayan. Đức Baha'u'llah thêm phần khấn nguyện trước các đoạn này.

12. Lông thú không làm mất hiệu lực sự cầu nguyện của các người, và tinh thần không bị cản trở bởi bất cứ vật gì khác, như là xương và các thứ tương tự. Các người được tự do mặc áo da thú thuộc các giống như chồn, hải ly, sóc, và các giống vật khác (đoạn 9)

Trong một số những Tôn giáo xưa, việc mặc áo lông một vài loài thú hoặc mang một số đồ vật khác trên người sẽ làm việc cầu nguyện riêng mất hiệu lực. Ở đây Đức Baha'u'llah xác nhận điều Đức Bab công bố trong Kinh Bayan bằng tiếng Ả Rập rằng các vật ấy không làm mất hiệu lực của sự cầu nguyện riêng.

13. Chúng Ta đã truyền phán cho các người cầu nguyện và giữ Chay giới khi tới tuổi trưởng thành (đoạn 10)

Đức Bah'u'llah định nghĩa “tuổi trưởng thành liên quan tới các nhiệm vụ tôn giáo” là “mười lăm đối với người nam cũng như người nữ” (Vấn và Đáp 20). Muốn biết thêm chi tiết về thời gian giữ chay, hãy xem chú thích 25.

14. Ngài đã miễn điều này cho những người suy yếu vì bệnh tật hoặc vì tuổi tác (đoạn 10)

Việc miễn cho những người suy yếu vì bệnh tật hoặc vì tuổi tác về việc đọc Kinh Cầu nguyện Bắt buộc và giữ chay được giải thích trong phần Vấn và Đáp. Đức Baha'u'llah vạch rõ rằng “khi đau yếu thì không được phép thực hiện các nghĩa vụ này” (Vấn và Đáp

93). Trong phạm vi này, Ngài định nghĩa tuổi già là bảy mươi (Vấn và Đáp 74). Để trả lời câu hỏi này, Đức Shoghi Effendi giải rõ rằng những người đạt tới tuổi bảy mươi thì được miễn dù những người ấy có suy yếu hay không.

Việc miễn giữ chay cũng được dành cho những lớp người đặc biệt khác liệt kê trong phần Khái yếu và Pháp điển, đoạn IV. B.5. Xem các chú thích 20, 30 và 31 để rộng đường thảo luận.

15. Thượng Đế đã cho phép các người qui lạy trên bất cứ mặt bằng nào sạch sẽ, vì về mặt này Chúng Ta đã hủy bỏ sự hạn chế được thiết định trong Thánh kinh (đoạn 10)

Những đòi hỏi về cầu nguyện trong các Tôn giáo trước thường gồm có sự qui lạy. Trong Kinh Bayan bằng tiếng Ả Rập, Đức Bab kêu gọi các tín đồ đặt trán trên các mặt phẳng bằng thủy tinh khi qui lạy. Trong Hồi giáo cũng có một số sự hạn chế đối với mặt phẳng cho phép người Hồi giáo qui lạy trên đó. Đức Baha'u'llah hủy bỏ các hạn chế ấy và chỉ nêu lên *“bất cứ mặt phẳng nào sạch sẽ”*.

16. Người nào không tìm được nước để tẩy rửa, có thể đọc năm lần những tiếng “Nhân danh Thượng Đế, Đấng Linh Khiết Nhất, Đấng Linh Khiết Nhất”, rồi tiếp tục cầu nguyện. (đoạn 10)

Người tín đồ phải tẩy rửa trước khi đọc Kinh cầu nguyện bắt buộc. Việc này gồm có rửa tay và rửa mặt. Nếu không có nước, thì theo qui định có thể đọc năm lần câu thánh thi mặc khải đặc biệt để thay thế. Xem chú thích 34 để biết tổng quát về việc tẩy rửa. Tiền lệ trong các Mặc khải xưa qui định thủ tục phải làm theo để thay thế khi không có nước cũng được tìm thấy trong Kinh Quran và Kinh Bayan bằng tiếng Ả Rập.

17. Trong những vùng có ngày dài và đêm dài thì thời gian được định theo đồng hồ và các dụng cụ tính giờ khác. (đoạn 10)

Điều này nói về những lãnh thổ ở cực nam hay cực bắc, ở đó ngày và đêm thay đổi rất lớn (Vấn và Đáp 64 và 103). Điều này cũng áp dụng đối với việc giữ chay.

18. Chúng Ta đã bỏ qui định về việc đòi hỏi các người phải đọc Kinh Cầu nguyện về các Dấu hiệu. (đoạn 11)

Kinh Cầu nguyện về các Dấu hiệu là một dạng Kinh đặc biệt Cầu nguyện bắt buộc của Hồi giáo đã được truyền ban để đọc vào những lúc xảy ra biến cố thiên nhiên, như động đất, nhật thực nguyệt thực và các biến cố tương tự, có thể tạo nên sự sợ hãi và được coi như là các dấu hiệu hoặc các hành động của Thượng Đế. Việc đọc kinh này đã được hủy bỏ. Thay vào đó người Baha'i có thể đọc: *“Quyền ngự trị thuộc về Thượng Đế, Đấng Chúa của các giới hữu hình và vô hình, Đấng Chúa của tạo vật”*, nhưng điều này không có tính bắt buộc (Vấn và Đáp 52).

19. Ngoại trừ Kinh cầu nguyện cho Người qui tịch, việc cầu kinh theo nghi thức tập thể đã bị bãi bỏ. (đoạn 12)

Sự cầu nguyện theo nghi thức tập thể, nghĩa là đọc Kinh Cầu nguyện bắt buộc theo những nghi thức đã định sẵn, chẳng hạn như việc cầu nguyện trong Đền thờ với sự điều khiển của một vị Imam theo truyền thống Hồi giáo, đã bị hủy bỏ trong Kỳ Cứu độ Baha'i.

Kinh Cầu nguyện cho Người qui tịch (xem chú thích số 10) là Kinh duy nhất cầu nguyện theo nghi thức tập thể được qui định trong luật Baha'i. Kinh ấy do một người có mặt tại chỗ đọc lên, trong khi tất cả những người khác đứng im lặng; người đọc không có vị trí đặc biệt nào cả. Tín chúng không phải hướng mặt về Qiblih (Vấn và Đáp 85).

Ba Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc hằng ngày mỗi cá nhân phải đọc riêng, chứ không phải đọc tập thể.

Không có sự qui định thể thức nào trong việc đọc nhiều Bản kinh Baha'i khác, và mọi người được tự do sử dụng các Bản kinh không bắt buộc ấy trong các cuộc họp hoặc riêng tư tùy thích. Về điều này, Đức Shoghi Effendi dạy rằng:

...dù các đạo hữu được để cho tự do làm theo sở thích, ...họ nên hết sức thận trọng để cho cách thức họ thực hiện không có tính chất quá xơ cứng, và rồi phát triển thành cơ chế. Đây là điểm mà các đạo hữu cần luôn luôn ghi nhớ, kéo họ đi lệch khỏi con đường trong sáng được vạch ra trong Giáo lý.

20. Thượng Đế đã miễn cho các phụ nữ đang có kinh nguyệt việc đọc Kinh Cầu nguyện Bắt buộc và giữ chay. (đoạn 13)

Việc miễn Cầu nguyện bắt buộc và giữ chay được dành cho phụ nữ có kinh nguyệt, thay vào đó họ phải thực hiện tẩy rửa (xem chú thích 34), và từ trưa hôm trước tới trưa hôm sau đọc 95 lần câu kinh: “*Vinh quang thay Thượng Đế, Đấng Chúa Huy hoàng và Mỹ lệ*”. Qui định này đã có tiền lệ trong kinh Bayan bằng tiếng Ả Rập, ở đó cũng cho phép như vậy.

Trong một số các Tôn giáo xưa, phụ nữ có kinh nguyệt bị xem như bất khiết trong nghi lễ và bị cấm tuân thủ các nghĩa vụ về cầu nguyện và giữ chay. Quan niệm về sự bất khiết trong nghi lễ đã được Đức Baha'u'llah bãi bỏ (xem chú thích 106).

Tòa Công lý Quốc tế giải rõ rằng những qui định trong Kitab-i-Aqdas đặc miễn một số nghĩa vụ và trách nhiệm, như thuật ngữ đã chỉ rõ, là miễn chứ không phải cấm. Bởi vậy, bất cứ người tín đồ nào cũng đều được tự do hưởng sự đặc miễn nếu người ấy muốn. Tuy nhiên, Tòa Công Lý khuyên rằng, khi quyết định nhận sự đặc miễn hay không, người tín đồ nên vận dụng sự khôn ngoan và hiểu rằng Đức Baha'u'llah ban cho những sự đặc miễn này vì lý do chính đáng.

Sự đặc miễn khỏi cầu nguyện bắt buộc theo qui định ban đầu đối với Bản Kinh Cầu nguyện Bắt buộc gồm chín rakah, nay áp dụng cho ba Bản Kinh Cầu nguyện Bắt buộc thay vào chỗ Bản kinh ấy.

21. Khi du lịch, nếu các người dừng lại và nghỉ ngơi ở nơi an toàn nào đó, các người người nam cũng như người nữ hãy thực hiện việc lễ lạy nếu không đọc được Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc. (đoạn 14)

Việc miễn cầu nguyện bắt buộc được ban cho những ai thấy mình đang ở trong tình trạng không yên ổn khiến không thể đọc Kinh Cầu nguyện Bắt buộc. Việc đặc miễn được áp dụng khi ta đi đường cũng như ở nhà và nó tạo cách thay thế cho những Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc không đọc được vì những tình huống bất an này.

Đức Baha'u'llah đã dạy rõ rằng việc cầu nguyện bắt buộc “*không thể bỏ ngang trong khi đi du lịch*” nếu ta có thể tìm được một “*chỗ an toàn*” để thực hiện điều đó (Vấn và Đáp 58).

Các câu Vấn và Đáp 21, 58, 59, 60 và 61 làm sáng tỏ hơn điều qui định này.

22. Sau khi hoàn thành việc lễ lạy, hãy ngồi tréo chân (đoạn 14)

Thuật ngữ Á Rập “haykalut - tawhid”, được dịch ra đây là “tréo chân”, nghĩa là “tư thế thống nhất”. Theo truyền thống nó có ý nghĩa là ngồi kiết già.

23. Hãy nhớ: Thượng Đế đã biến tình yêu huyền nhiệm của Ta thành chìa khóa Kho báu (đoạn 15)

Trong pháp chánh truyền Hồi giáo có lời dạy nổi tiếng về Thượng Đế và tạo vật của Ngài:

Ta là Kho báu Huyền nhiệm. Ta muốn được biết đến, vì thế Ta cho tạo vật hiện hữu để Ta được biết đến.

Những nhắc nhở và ẩn dụ liên quan tới pháp chánh truyền này được thấy trong khắp các Thánh thư Baha’i. Chẳng hạn trong một Bản kinh cầu nguyện, Đức Baha’u’llah đã mặc khải:

“Vinh quang thay danh Ngài, lạy Chúa, Đấng Thượng Đế của con! Con xin làm chứng rằng Ngài là Kho tàng huyền nhiệm cất giấu trong Bản thể vĩnh hằng của Ngài và là một sự Huyền bí khôn giải ẩn chứa chính trong Tôn chất của Ngài. Để khải lộ chính Ngài, Ngài đã tạo ra Đại thế giới và Tiểu thế giới, và đã chọn cho Con người đứng trên tất cả tạo vật của Ngài, và khiến con người thành dấu hiệu của cả hai thế giới này, lạy Ngài là Đấng Chúa của chúng con, Đấng Đại từ bi!”

“Ngài đã nâng Con người lên để chiếm giữ ngôi cao của Ngài trước tất cả chúng dân trong tạo vật của Ngài. Ngài đã giúp Con người khải lộ những huyền nhiệm của Ngài, chiếu rọi bằng ánh sáng linh ứng của Ngài và bằng Mặc khải của Ngài, để biểu hiện các danh của Ngài và các đặc tính của Ngài. Qua Con người, Ngài đã tô điểm lời tựa quyền kinh sáng tạo của Ngài, lạy Ngài là Đấng Cai quản cả vũ trụ mà Ngài đã tạo thành!”

(Kinh Cầu nguyện và Suy tưởng của Đức Baha’u’llah, XXXVIII).

Trong Ân ngôn, Ngài cũng đã phán:

Hỡi Con của Loài Người!

“Ta yêu thích sự tạo sinh ra người, do đó Ta đã tạo ra người. Vậy hãy kính yêu Ta, để Ta nhìn nhận người và ban cho tâm hồn người tinh thần của sự sống.”

Trong bài bình giảng về lời dạy cổ truyền nêu trên, Đức Abdul-Baha đã viết:

Hỡi Kẻ lữ hành trên đường của Đấng Kính yêu! Người hãy biết rằng mục đích chính của lời sám truyền Thiêng liêng này là nhắc tới những giai đoạn ẩn mình và hiển lộ của Thượng Đế trong các Đấng Hiện thân của Chân lý, các Đấng làm chôn Hừng đông Bản thể Toàn vinh của Ngài. Ví như trước khi ngọn lửa của thứ Lửa không hề tắt cháy sáng và hiển hiện, Lửa ấy vẫn tự tồn trong bản thể ẩn tàng của các Đấng Biểu hiện hoàn vũ, và đây là giai đoạn của “Kho báu Huyền nhiệm”. Và khi Cây chúc phúc tự khơi lên trong tự thể, và Lửa Thiêng ấy tự đốt cháy bởi tự tánh trong tự tánh, đây là giai đoạn “Ta muốn được biết đến”. Và khi Lửa ấy chiếu rọi từ Chân trời vũ trụ với vô số các Thánh Danh và Đặc Tính trên các thế giới giả tạm và vô sở trú, điều này làm xuất hiện một tạo vật mới và kỳ diệu

phù hợp với giai đoạn “Thế nên Ta khiến tạo vật hiện hữu”. Và khi những linh hồn thoát tục đã xé bỏ những màn che của mọi ràng buộc thế gian và điều kiện phạm tục, và hồi hải tiến tới giai đoạn ngắm nhìn về mỹ lệ của sự Hiện diện Thiên thiêng, và được vinh dự nhận biết Đấng Biểu hiện và có thể chứng kiến về huy hoàng của Dấu hiệu Lớn nhất của Thượng Đế ở trong lòng họ, thì mục đích của tạo vật, là nhận biết Đấng Chân lý Vĩnh cửu, sẽ thành hiển nhiên.

24. Hồi Ngòi bút của Đấng Tối Thượng! (đoạn 16)

“Ngòi bút của Đấng Tối Thượng”, “Ngòi bút Tối cao”, và “Ngòi bút Cao cả Nhất” là nhắc tới Đức Baha’u’llah, minh họa chức năng của Ngài là Đấng Mặc khải Lời của Thượng Đế.

25. Chúng Ta đã truyền phán cho các người phải giữ một thời kỳ Chay giới ngắn ngủi (đoạn 16)

Chay giới và cầu nguyện bắt buộc hợp thành hai trụ cột nâng đỡ Luật thiên khai của Thượng Đế. Trong một Kinh bản của Ngài, Đức Baha’u’llah xác nhận rằng Ngài đã mặc khải luật giữ chay và cầu nguyện bắt buộc là để nhờ đó các tín đồ được về gần với Thượng Đế.

Đức Shoghi Effendi chỉ ra rằng thời kỳ Chay giới, gồm việc nhịn ăn nhịn uống hoàn toàn từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, là:

“Thời kỳ chủ yếu dành cho việc suy tưởng và cầu nguyện, cho sự hồi phục tâm linh, trong thời gian đó người tín đồ phải cố gắng thực hiện những sự tu dưỡng cần thiết trong đời sống nội tâm, làm tươi mát và tăng cường những sức mạnh tâm linh tiềm tàng trong tâm hồn. Bởi vậy, ý nghĩa và mục đích của Chay giới có tính chất căn bản thuộc tinh thần. Chay giới có tính cách tượng trưng, và là sự nhắc nhở tiết chế những ham muốn thuộc xác thịt và ích kỷ”.

Việc Chay giới được thiết định cho tất cả tín đồ khi họ vừa tới tuổi mười lăm cho đến khi họ được bảy mươi tuổi.

Sự tóm tắt về các điều khoản chi tiết liên quan tới luật Chay giới và về sự đặc miễn dành cho một số loại người được gồm trong phần Khái yếu và Pháp điển, đoạn IV. B. 1-6. Để hiểu rõ hơn về các trường hợp miễn Chay giới, hãy xem các chú thích 14, 20, 30 và 31.

Thời gian mười chín ngày Chay giới trùng hợp với tháng Ala trong Lịch Baha’i, thường kể từ 2 đến hết ngày 20 tháng 3, ngay sau khi chấm dứt các Đư nhật (xem các chú thích 27 và 147), và ngay sau đó là Thánh Lễ Naw-Ruz^p (xem chú thích 26).

26. Và chỉ định vào cuối kỳ chay ấy cái Tết Naw-Ruz làm Thánh Lễ (đoạn 16)

Đức Bab đưa ra một niên lịch mới, đó là lịch Badi hoặc lịch Baha’i (xem các chú thích 27 và 147). Theo niên lịch này, thì một ngày là thời gian từ mặt trời lặn tới mặt trời lặn. Trong Kinh Bayan, Đức Bab ấn định tháng Ala là tháng chay, chỉ dụ rằng ngày Naw-Ruz đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ chay ấy, và chỉ định Naw-Ruz là Ngày của Thượng Đế. Đức Baha’u’llah công nhận lịch Badi trong đó Naw-Ruz được chỉ định là Thánh Lễ.

Naw-Ruz là ngày thứ nhất của năm mới. Nó trùng với Xuân phân ở bắc bán cầu, thường rơi vào ngày 21 tháng ba. Đức Baha’u’llah giải thích rằng ngày lễ này phải cử hành

vào ngày mà mặt trời đi vào chòm sao Bạch dương (tức là Xuân phân), dù rằng điều này xảy ra không quá một phút trước khi mặt trời lặn (Vấn và Đáp 35).

Như thế Naw-Ruz có thể rơi vào ngày 20, 21 hoặc 22 tháng ba, tùy thời gian Xuân phân.

Đức Baha'u'llah đã để lại chi tiết của nhiều điều luật cho Tòa Công lý Quốc tế bổ sung. Trong các luật này, có những vấn đề liên hệ đến Niên lịch Baha'i. Đức Giáo hộ nêu lên rằng việc thực thi trên toàn thế giới luật liên hệ đến việc tính thời gian Naw-Ruz sẽ đòi hỏi chọn lựa mốc địa điểm riêng biệt trên trái đất dùng làm chuẩn để xác định thời gian xuân phân. Ngài cũng chỉ ra rằng việc chọn địa điểm này để tùy Tòa Công lý Quốc tế quyết định.⁴

27. Hãy đặt những ngày dư của các tháng trước tháng chay (đoạn 16)

Lịch Badi căn cứ trên dương lịch 365 ngày, 5 giờ và trên 50 phút. Năm gồm 19 tháng mỗi tháng 19 ngày (tức là 361 ngày), với bốn ngày dư (hoặc năm ngày trong năm nhuận). Đức Bab không xác định cụ thể nơi đặt các dư nhật trong lịch mới. Kinh Kitab-i-Aqdas giải quyết vấn đề này bằng cách chỉ định cho các ngày “*dur*” một vị trí cố định trong lịch ở ngay trước tháng Ala, là thời kỳ Chay giới. Muốn biết thêm chi tiết xin xem đoạn về niên lịch Baha'i trong sách The Baha'i World (Thế giới Baha'i), bộ XVIII.

28. Chúng Ta đã truyền phán rằng những ngày này... sẽ là các biểu hiện của mẫu tự Ha (đoạn 16)

Được gọi là Ayyam-i-Ha (những Ngày Ha), các Dư nhật có sự phân biệt là được kể liên hệ với “*mẫu tự Ha*”. Giá trị bằng số abjad của mẫu tự Á Rập này là năm, trùng hợp với số tiềm tàng của các dư nhật.

Mẫu tự Ha được gán cho nhiều ý nghĩa tâm linh trong các Thánh thư, trong đó có nghĩa là biểu tượng của Bản thể Thượng Đế.

29. Những ngày để hiến tặng này đứng trước mùa tiết chế (đoạn 16)

Đức Baha'u'llah đã truyền cho các tín đồ của Ngài dành những ngày này cho việc lễ hội, vui chơi và làm việc từ thiện. Trong một bức thư viết theo lệnh Đức Shoghi Effendi có lời giải thích rằng “các dư nhật được tách riêng để đãi đằng, tặng quà v.v...”.

30. Người du lịch... không phải giữ Chay giới (đoạn 16)

Thời gian tối thiểu của cuộc hành trình cho người tín đồ được miễn Chay giới đã được Đức Baha'u'llah xác định (Vấn và Đáp 22 và 75). Các chi tiết về điều khoản này đã được tóm tắt trong Khái yếu và Pháp điển, phần IV. B. 5. a. 1-V.

Đức Shoghi Effendi giải rõ rằng trong khi những người du lịch được miễn Chay giới, họ được tự do giữ chay nếu họ muốn. Ngài cũng chỉ ra rằng việc miễn Chay giới áp dụng cho suốt thời gian du lịch, chứ không phải chỉ trong những giờ ở trên xe lửa hoặc xe hơi v.v...

31. Người du lịch, kẻ ốm đau, những người mang thai hoặc cho con bú, đều không phải giữ Chay giới; họ được Thượng Đế đặc miễn như là dấu hiệu hồng ân của Ngài. (đoạn 16)

Việc miễn Chay giới được dành cho những người ốm đau hoặc cao niên (xem chú thích 14), những phụ nữ có kinh nguyệt (xem chú thích 20), những người du lịch (xem chú thích 30) và các phụ nữ có thai và những người nuôi con mọn. Sự đặc miễn này cũng mở rộng ra cho những người lao động nặng, là những người đồng thời cũng được dạy là “*nên tỏ lòng tôn kính đối với luật của Thượng Đế và đối với vị trí tôn quý của Chay giới*” bằng cách ăn uống “*đạm bạc và riêng tư*” (Vấn và Đáp 76). Đức Shoghi Effendi đã chỉ ra rằng các loại công việc khiến người ta được miễn Chay giới sẽ do Tòa Công lý Quốc tế xác định.

32. Hãy nhịn hẳn thức ăn và thức uống từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn (đoạn 17)

Điều này liên hệ tới thời kỳ Chay giới. Trong một Kinh bản của Ngài, Đức Abdul-Baha, sau khi nêu rõ rằng Chay giới gồm có việc nhịn ăn và nhịn uống còn chỉ rõ thêm rằng hút thuốc lá là một dạng “uống”. Động từ “uống” trong tiếng Ả Rập cũng có nghĩa là hút.

33. Đã có lệnh truyền rằng mỗi tín đồ của Thượng Đế... mỗi ngày... nhắc lại “Allah-u-Abha” chín mươi lăm lần.(đoạn 18)

“Allah-u-Abha” là một cụm từ Ả Rập có nghĩa là “Thượng Đế Đấng Toàn vinh”. Đó là một dạng Tối Đại Danh của Thượng Đế (xem chú thích 137). Trong Hồi giáo có truyền thống cho rằng trong nhiều Danh của Thượng Đế thì có một Danh Tối Đại; tuy nhiên, thực thể Tối Đại Danh ấy còn ẩn giấu. Đức Baha’u’llah đã xác nhận rằng Tối Đại Danh là “Baha”.

Những biến thái của từ Baha cũng được xem là Tối Đại Danh. Thư ký của Đức Shoghi Effendi viết theo lệnh Ngài đã giải thích rằng:

Tối Đại Danh là danh của Đức Baha’u’llah. “Ya Baha’ul-Abha” là một lời yêu cầu có nghĩa là: “Lạy Ngài là Đấng Vinh quang trên mọi Vinh quang”. “Allah-u-Abha” là lời chào có nghĩa là “Thượng Đế Đấng Toàn Vinh”. Cả hai đều nhắc tới Đức Baha’u’llah. Do đó, Tối Đại Danh có nghĩa rằng Đức Baha’u’llah đã xuất hiện trong Tối Đại Danh của Thượng Đế, nói cách khác, Ngài tức là Đấng Biểu hiện tối cao của Thượng Đế.

Lời chào Allah-u-Abha được chấp dụng trong thời gian Đức Baha’u’llah bị lưu đày ở Adrianople.

Trước khi nhắc lại “Allah-u-Abha” chín mươi lăm lần thì cần phải thực hiện sự tẩy rửa (xem chú thích 34).

34. Các người cũng thực hiện... sự tẩy rửa như thế để đọc Kinh Cầu nguyện Bất buộc (đoạn 18)

Việc tẩy rửa đặc biệt liên hệ với một số kinh cầu nguyện. Việc tẩy rửa phải thực hiện trước ba Bản kinh Cầu nguyện Bất buộc, trước khi đọc hằng ngày chín mươi lăm lần “Allah-u-Abha”, và trước khi đọc câu kinh thay thế cho việc Chay giới và cầu nguyện bất buộc của phụ nữ có kinh nguyệt (xem chú thích 20).

Việc tẩy rửa theo qui định gồm có rửa tay và rửa mặt chuẩn bị cầu nguyện. Trong trường hợp Bản kinh Cầu nguyện Bắt buộc dài trung bình, việc tẩy rửa đi kèm với việc đọc một số câu kinh (xem phần - Một số Văn bản do Đức Baha'u'llah Mặc khải bổ sung vào Kitab-i-Aqdas).

Việc tẩy rửa ấy có ý nghĩa trội hơn sự rửa ráy bình thường có thể thấy trong sự kiện là ngay cả khi người ta đã tắm trước lúc đọc Kinh Cầu nguyện Bắt buộc, thì vẫn phải thực hiện việc tẩy rửa (Vấn và Đáp 18).

Khi không có nước để tẩy rửa, phải đọc lại năm lần một câu kinh theo qui định (xem chú thích 16), và điều khoản này được mở rộng ra cho cả những người mà việc dùng nước sẽ gây hại về vật chất (Vấn và Đáp 51).

Những điều khoản chi tiết về luật tẩy rửa được ghi trong Khái yếu và Pháp điển, đoạn IV-A. 10. a-g. cũng như trong Vấn và Đáp số 51, 62, 66, 77 và 86.

35. Các người đã được cảm phạm vào tội sát nhân (đoạn 19)

Việc cảm tước đoạt mạng sống của người khác được Đức Baha'u'llah nhắc lại trong đoạn 73 Kitab-i-Aqdas. Hình phạt đã được qui định đối với tội chủ ý sát nhân (xem chú thích 86). Trong trường hợp giết người, cần phải trả một khoản bồi thường nhất định cho gia đình người chết (xem Kitab-i-Aqdas câu 188).

36. Hoặc tội ngoại tình (đoạn 19)

Từ Ả Rập “zina” được dịch ở đây là “ngoại tình” chỉ cả tội gian dâm và ngoại tình. Nó không những áp dụng cho những quan hệ tình dục giữa một người có gia đình với một người khác không phải là vợ hoặc chồng mình nhưng còn áp dụng đối với mọi sự quan hệ tình dục ngoài hôn nhân nói chung. Một dạng “zina” khác là “hiếp dâm”. Đức Baha'u'llah chỉ qui định hình phạt cho tội gian dâm (xem chú thích 77); những hình phạt cho các tội tà dâm khác được để tùy Tòa Công lý Quốc tế quyết định.

37. Tội nói hành hoặc vu khống (đoạn 19)

Nói hành, phỉ báng và bới lỗi người khác là những điều bị Đức Baha'u'llah liên tục lên án. Trong Ấn ngôn, Ngài nêu rõ rằng: “*Hỡi con của sinh tồn! Làm sao người có thể quên được những lỗi lầm của người mà xăm lo đến lỗi lầm của kẻ khác? Kẻ nào hành động như thế sẽ chịu sự trừng phạt của Ta*”. Ngài lại phán: “*Hỡi con của loài người! Đừng đôi mách những tội lỗi của người khác ngày nào chính người vẫn còn là kẻ phạm tội. Nếu người không tuân lời giới răn này, thì người sẽ bị nguyên rửa và Ta sẽ chứng cho điều đó*”. Lời khuyên này còn được nhắc đến trong tác phẩm cuối cùng của Ngài, “*Kinh Giao ước*”: “*Quả thực! Ta đã phán là lười được tạo nên để thoát ra điều thiện, đừng làm ô uế nó bằng lời ác. Thượng Đế tha thứ những gì đã qua. Từ nay phải thoát ra điều gì đúng và thích đáng, và phải kèm chế sự vu khống, nói xấu và bất cứ điều gì gây buồn phiền cho con người*”.

38. Chúng Ta đã chia quyền thừa kế cho bảy hạng người (đoạn 20)

Luật Baha'i về thừa kế chỉ áp dụng trong trường hợp không có chúc thư, nghĩa là, khi cá nhân chết mà không để lại di chúc. Trong Kitab-i-Aqdas, Đức Baha'u'llah dạy mọi người tín đồ phải viết di chúc. Ở nơi khác Ngài nêu rõ rằng cá nhân có trọn quyền đối với

tài sản của mình, và tự do xác định cách chia tài sản của mình và chỉ định trong chúc thư, những người sẽ thừa kế bất kể là trong hay ngoài Baha'i (Vấn và Đáp 69). Về phương diện này, một bức thư viết theo lệnh Đức Shoghi Effendi đã giải thích rằng:

... dù một người Baha'i được phép định đoạt trong chúc thư của mình việc phân chia tài sản theo sở thích riêng, nhưng lương tri và đạo đức đòi hỏi người ấy, trong khi viết chúc thư, phải luôn luôn nhớ tới sự cần thiết tuân giữ nguyên lý của Đức Baha'u'llah về chức năng xã hội của tài sản, và sự cần thiết tiếp theo là tránh tích tụ quá đáng và tập trung vào một vài cá nhân hoặc một vài nhóm cá nhân.

Câu kinh này trong Kitab-i-Aqdas mở đầu một đoạn văn dài trong đó Đức Baha'u'llah giải rõ luật thừa kế Baha'i.

Khi đọc đoạn này ta nên nhớ rằng luật này được lập với hàm ý rằng người chết là một người đàn ông; các điều khoản này cũng được áp dụng khi người chết là đàn bà, với sự điều chỉnh chi tiết thích đáng.

Hệ thống thừa kế qui định việc phân chia gia sản của người chết cho bảy loại người thừa kế (con cái, vợ, cha, mẹ, anh em, chị em, và các thầy cô) căn cứ trên các điều khoản do Đức Bab đề ra trong Kinh Bayan. Những nét chính của luật Baha'i về thừa kế trong trường hợp không có di chúc là:

1. Nếu người chết là người cha và gia sản của người gồm có nhà riêng, thì nhà đó chuyển cho con trai trưởng (Vấn và Đáp 34).

2. Nếu người chết không có con trai, hai phần ba ngôi nhà chuyển cho các con gái và một phần ba ngôi nhà chuyển cho Tòa Công lý (Vấn và Đáp 41 và 72). Xem chú thích số 42 về các cấp của cơ cấu Tòa Công lý mà luật này ứng dụng vào (xem chú thích số 44).

3. Phần còn lại của gia sản chia cho bảy loại người thừa kế. Còn chi tiết về số cổ phần mỗi nhóm được nhận thì hãy xem Vấn và Đáp số 5 và Khái yếu và Pháp điển phần IV. C. 3. a.

4. Trong trường hợp mà mỗi loại hưởng thừa kế có nhiều người, thì số cổ phần của loại đó chia đều cho những người đó, bất kể họ là nam hay nữ.

5. Trong trường hợp không có con, phân chia của các con chuyển cho Tòa Công lý (Vấn và Đáp 7, 41).

6. Nếu người chết có con, nhưng một số hoặc tất cả các loại người thừa kế khác không hiện hữu, thì hai phần ba số cổ phần của các loại được chia cho con và một phần ba chuyển cho Tòa Công lý (Vấn và Đáp 7).

7. Nếu không có loại người thừa kế nào tồn tại cả, thì hai phần ba gia sản chuyển cho các cháu trai, các cháu gái của người chết. Nếu các cháu không hiện hữu, thì các phần đó chia cho các cô dì, các chú bác cậu; nếu những người này không còn hiện hữu, thì chia cho các con trai và con gái của họ. Trong bất cứ trường hợp nào, số một phần ba còn lại cũng chuyển cho Tòa Công lý.

8. Nếu một người không lưu lại một ai trong các loại người thừa kế nêu trên, thì toàn bộ gia sản chuyển cho Tòa Công lý.

9. Đức Baha'u'llah nêu rõ rằng những người không Baha'i không có quyền hưởng thừa kế của thân nhân hoặc cha mẹ Baha'i (Vấn và Đáp 34). Trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, Đức Shoghi Effendi chỉ ra rằng sự hạn chế này áp dụng "chỉ trong trường hợp khi người Baha'i chết mà không để lại chúc thư, và khi, vì không có chúc thư tài sản của người ấy phải chia theo các qui định trong Kinh Kitab-i-Aqdas. Trái lại, người Baha'i được tự do lưu lại tài sản cho bất cứ ai, bất kể tôn giáo nào, tuy nhiên người ấy phải để lại

chức thư nêu rõ ý muốn của mình”. Vì vậy, người Baha’i luôn luôn có thể cung cấp cho người hôn phối, con cái, thân nhân ngoài Baha’i bằng cách để lại chức thư.

Các chi tiết khác liên quan đến luật thừa kế được tóm tắt trong Khái yếu và Pháp điển, phần IV. C. 3. a-o.

39. Cho anh em trai, năm phần... cho chị em gái, bốn phần (đoạn 20)

Phần Ván và Đáp khai triển các điều khoản về luật này liên hệ tới các cổ phần phân bố cho các anh em trai và chị em gái của người chết. Nếu anh hay chị có cùng cha với người chết, người này sẽ hưởng trọn phần phân bố cho mình. Tuy nhiên, nếu người anh hay chị không có cùng cha thì người này chỉ hưởng được hai phần ba số cổ phần được phân bố, và một phần ba còn lại chuyển cho Tòa Công lý (Ván và Đáp 6). Ngoài ra, trong trường hợp người chết có đầy đủ anh em ruột thì các anh em và chị em con riêng của mẹ không được hưởng thừa kế (Ván và Đáp 53). Dĩ nhiên, những anh em ghê và chị em ghê được hưởng thừa kế trong tài sản của cha ruột họ.

40. Các thầy cô giáo (đoạn 20)

Trong một Kinh bản, Đức Abdul-Baha so sánh những người dự vào việc giáo dục tâm linh cho cháu bé với “*người cha tâm linh*” là người “*ban đời sống vĩnh cửu cho con mình*”. Ngài giải thích rằng đây là lý do tại sao “*các thầy cô được kế là người thừa kế*” trong “*Luật pháp của Thượng Đế*”.

Đức Baha’u’llah định rõ những điều kiện khiến thầy cô được hưởng quyền thừa kế và số cổ phần mà thầy hoặc cô được nhận (Ván và Đáp 33).

41. Khi Chúng Ta nghe tiếng gào khóc của trẻ em chưa sanh, Chúng Ta đã tăng gấp đôi phần của con cái và giảm bớt phần của những người khác. (đoạn 20)

Trong luật về thừa kế của Đức Bab các con của người chết được chia cho chín phần gồm 540 cổ phần. Sự phân bổ này gần bằng một phần tư toàn bộ tài sản. Đức Baha’u’llah tăng gấp đôi phần phân bổ gồm 1080 cổ phần, và giảm phần phân bổ cho sáu loại người thừa kế kia. Ngài cũng nêu bật chủ tâm chính xác của câu thánh thi này và các ứng dụng của nó trong việc phân chia phần thừa kế (Ván và Đáp 5).

42. Tòa công lý (đoạn 21)

Khi nhắc tới Tòa Công lý trong Kitab-i-Aqdas, Đức Baha’u’llah không luôn luôn phân biệt rõ ràng giữa Tòa Công lý Quốc tế và Tòa Công lý Địa phương, cả hai cơ cấu đó đều được truyền phán trong Thánh kinh. Ngài thường nhắc một cách gián dị là Tòa Công lý, để ngỏ cho sự minh giải sau này về cấp hoặc các cấp nào đó trong toàn bộ cơ cấu mà mỗi điều luật sẽ áp dụng.

Trong một Kinh bản liệt kê nguồn thu của Quỹ địa phương, Đức Abdul-Baha có kể tới những khoản thừa kế mà không có người thừa hưởng, như thế cho thấy rằng Tòa Công lý được nêu trong các đoạn này của Kinh Kitab-i-Aqdas về thừa kế là Tòa Công lý Địa phương.

43. Nếu người quá cố có con cái, nhưng không có những hạng người thừa kế khác (đoạn 22)

Đức Baha'u'llah giải rõ rằng: *“Qui định này được áp dụng trong cả trường hợp chung và riêng, nghĩa là khi không có những người thừa kế thuộc các loại sau, thì hai phần ba của họ chuyển cho con cái và một phần ba còn lại chuyển cho Tòa Công lý”* (Vấn và Đáp 7).

44. Chúng Ta đã qui định nhà ở và y phục riêng của người quá cố được chuyển cho con trai chứ không phải cho con gái hoặc cho những người thừa kế khác. (đoạn 25)

Trong một Kinh bản, Đức Abdul-Baha chỉ ra rằng nhà ở và y phục riêng của người quá cố thuộc về phái nam. Các thứ ấy chuyển cho trường nam và khi không có trường nam thì các thứ ấy chuyển cho con trai thứ, và vân vân. Ngài giải thích rằng điều khoản này thể hiện luật về chế độ con trưởng, là luật hàng được lưu truyền trong Luật pháp của Thượng Đế. Trong một Kinh bản gửi cho một tín đồ của Chánh Đạo ở Ba Tư, Ngài viết: *“Trong mọi Kỳ Cứu độ Thiên liêng người con trưởng đã được ban cho những biệt đãi phi thường. Ngay cả cương vị tiên tri cũng thuộc quyền thừa kế của người này”*. Tuy nhiên, kèm theo những biệt đãi dành cho con trưởng cũng có những nghĩa vụ. Chẳng hạn như, người này có trách nhiệm đạo lý, vì có Thượng Đế, là phụng dưỡng mẹ và cũng chăm lo cho các nhu cầu của những người thừa kế khác.

Đức Baha'u'llah minh giải các phương diện của phần luật thừa kế này. Ngài chỉ định rõ rằng nếu có trên một nhà ở, thì ngôi nhà chính và quan trọng nhất truyền cho trường nam. Các nhà còn lại, cùng với các vật sở hữu khác của người chết, sẽ phải chia cho tất cả các hạng người thừa kế (Vấn và Đáp 34), và Ngài chỉ ra rằng khi không có con trai, thì hai phần ba ngôi nhà chính và y phục riêng của người cha quá cố sẽ chuyển cho con gái và một phần ba cho Tòa Công lý (Vấn và Đáp 72). Ngoài ra, khi người quá cố là một phụ nữ, Đức Baha'u'llah dạy rằng tất cả những y phục người ấy đã dùng được chia đều cho các con gái. Những quần áo người ấy chưa dùng, nữ trang và tài sản phải được chia cho các hạng người thừa kế, quần áo cũ cũng chia nếu người ấy không có con gái (Vấn và Đáp 37).

45. Nếu con trai người quá cố đã qua đời vào lúc sinh thời của người cha và có để lại con cái, thì các cháu ấy sẽ thừa hưởng phần của cha mình (đoạn 26)

Phương diện này của luật chỉ áp dụng trong trường hợp người con trai chết trước cha mẹ. Nếu con gái của người quá cố đã qua đời và để lại con cái, thì phần của người con gái này sẽ được chia theo bảy loại người đã nêu trong Thánh kinh Thiên liêng Nhất (Vấn và Đáp 54).

46. Nếu người quá cố để lại con cái vị thành niên, thì phần thừa kế của các cháu phải được ủy thác cho một cá nhân đáng tin cậy (đoạn 27)

Từ “amin” dịch trong đoạn này là *“người đáng tin cậy”* và *“người thụ ủy”*, nguyên trong tiếng Á Rập có phạm vi ý nghĩa rất rộng, chủ yếu liên hệ với sự đáng tin, nhưng cũng chỉ nhiều đức tính như sự tin cậy, trung thành, thành tín, ngay thẳng, lương thiện, và vân vân. Dùng trong thuật ngữ pháp lý “amin” chỉ nhiều thứ, trong đó có người thụ ủy, người bảo lãnh, người gìn giữ, người giám hộ, người trông coi.

47. Việc phân chia gia sản chỉ được thực hiện sau khi đã trả khoản Huququallah, đã thanh toán các món nợ, các chi phí tang lễ và mai táng đã trả xong (đoạn 28)

Đức Baha'u'llah nêu rõ rằng thứ tự ưu tiên cho việc trả các khoản chi tiêu này là thứ nhất chi phí tang lễ và mai táng, rồi đến các khoản nợ của người quá cố, rồi đến Huququallah (xem chú thích 125) (Vấn và Đáp 9). Ngài cũng dạy cụ thể rằng khi áp dụng việc thanh toán này, phải trả trước hết từ các tài sản còn lại, và sau đó nếu số này không đủ, thì mới trả từ nhà ở và quần áo riêng của người quá cố (Vấn và Đáp 80).

48. Đây là tri thức huyền nhiệm sẽ không bao giờ thay đổi, vì nó khởi sự với con số chín (đoạn 29)

Trong kinh Bayan bằng tiếng Á Rập, Đức Bab mô tả luật thừa kế của Ngài là “*Phù hợp với tri thức huyền nhiệm trong Thánh kinh của Thượng Đế một tri thức sẽ không bao giờ thay đổi hoặc bị thay thế*”. Ngài cũng dạy rằng những con số dựa vào đó việc phân chia di sản thực hiện được phù cho một ý nghĩa nhằm giúp vào việc nhận biết Đấng mà Thượng Đế sẽ biểu hiện.

Số “*chín*” nêu ra ở đây được biểu trưng trong nguyên bản tiếng Á Rập bằng mẫu tự “*Ta*”, có giá trị tương đương trong hệ thống biểu tượng Abjad (xem mục Danh từ chuyên môn). Đó là yếu tố thứ nhất trong việc phân chia di sản theo ý Đức Bab, khi Ngài ấn định “*Chín phần*” là phần chia cho con cái. Ý nghĩa của số chín là ở chỗ nó là con số tương đương với Tới Đại Danh “*Baha*”, được ngụ ý trong phần sau của câu thánh thi này là “*Danh ẩn tàng và hiển lộ, bất khả xâm phạm và cao cả diệu vợi*” (Xem thêm chú thích 33).

49. Đấng Chúa đã truyền phán rằng tại mỗi Thành phố phải thành lập một Tòa Công lý (đoạn 30)

Cơ cấu Tòa Công lý gồm những hội đồng công cử hoạt động ở các cấp địa phương, quốc gia và quốc tế của xã hội. Đức Baha'u'llah đã thiết định Tòa Công lý Quốc tế và các Tòa Công lý Địa phương trong Kitab-i-Aqdas. Đức Abdul-Baha, trong Chúc thư và Giao ước của Ngài, đã cho phép thành lập Tòa Công lý Đệ nhị cấp (Cấp Quốc gia hoặc vùng) và nêu rõ phương pháp tiến hành để bầu cử Tòa Công lý Quốc tế.

Trong câu Thánh thi nêu trên, cái được nhắc tới là Tòa Công lý Địa phương, một cơ cấu được bầu ở một địa phương khi ở đó có chín hoặc hơn chín tín đồ thường trú tuổi thành niên. Về mục đích này, định nghĩa tuổi thành niên đã được Đức Giáo hộ tạm ấn định là 21, Ngài có nêu rõ rằng sau này Tòa Công lý Quốc tế có quyền thay đổi.

Hiện nay, các Tòa Công lý Địa phương và Đệ Nhị Cấp, được gọi là Hội đồng Tinh thần Địa phương và Hội đồng Tinh thần Quốc gia. Đức Shoghi-Effendi đã chỉ ra rằng đây là một “*cách gọi tạm thời*” mà, ... khi vị trí và mục đích của Chánh Đạo được hiểu đúng hơn và nhận thức đầy đủ hơn, thì sẽ lần hồi được thay thế bằng danh xưng vĩnh viễn và xứng hợp hơn là Tòa Công lý. Các Hội đồng Tinh thần ngày nay không những sẽ đổi dạng trong tương lai, mà còn gia thêm vào các chức năng hiện nay những quyền hạn, nhiệm vụ và điều kiện cần thiết cho sự nhận biết nền Chánh Đạo của Đức Baha'u'llah, không phải chỉ là một trong những hệ thống tôn giáo được nhìn nhận trên thế giới, nhưng còn là một Quốc giáo với Uy quyền tối Thượng độc lập.

50. Con số Baha (đoạn 30)

Số biểu tượng abjad của “Baha” là chín. Tòa Công lý Quốc tế, các Hội Đồng Tinh thần Quốc gia và Địa phương hiện nay mỗi cơ cấu có chín ủy viên, đó là số tối thiểu do Đức Baha’u’llah qui định.

51. Họ phải trở nên như những người thụ ủy của Đấng Khoan dung giữa loài người (đoạn 30)

Nhiệm vụ và quyền lực tổng quát của Tòa Công lý Quốc tế, của các Hội đồng Tinh thần Quốc gia và các Hội đồng Tinh thần Địa phương, và các phẩm cách của các ủy viên được nêu trong các Thánh thư của Đức Baha’u’llah và Đức Abdul-Baha, trong những bức thư của Đức Shoghi-Effendi, và trong những điều minh giải của Tòa Công lý Quốc tế. Những chức năng chính của các cơ cấu này đã được nêu rõ trong Hiến chương Tòa Công lý Quốc tế, và trong Hiến chương của các Hội đồng Tinh thần Quốc gia và Địa phương.

52. Hội ý với nhau (đoạn 30)

Đức Baha’u’llah đã thiết lập phép hội ý như là một trong những nguyên lý căn bản của Chánh Đạo Ngài và đã khuyên các tín đồ “*hội ý với nhau trong mọi vấn đề*”. Ngài mô tả phép hội ý là “*ngọn đèn hướng dẫn chi đường*” và là “*người ban bố sự thức ngộ*”. Đức Shoghi Effendi nêu rõ rằng “nguyên lý hội ý... hợp thành một trong các điều luật căn bản” của nền Quản trị Baha’i.

Trong phần Vấn và Đáp số 99, Đức Baha’u’llah đã nêu rõ cách hội ý và nhấn mạnh tầm quan trọng của sự đạt tới nhất trí trong việc quyết định, nếu không được thế thì quyết định của đa số vẫn thắng. Tòa Công lý Quốc tế giải rõ rằng sự hướng dẫn về phép hội ý này đã được mặc khải trước khi thành lập các Hội đồng Tinh thần và là lời giải đáp cho một câu hỏi về giáo lý Baha’i đối với phép hội ý. Tòa Công lý xác nhận rằng sự ra đời của các Hội đồng Tinh thần, mà các đạo hữu có thể luôn luôn hướng về đó để được giúp đỡ, không hề có ý cấm các đạo hữu tuân theo thủ tục đã nêu trong phần Vấn và Đáp. Nếu các đạo hữu muốn, họ có thể dùng cách này khi họ cần hội ý về những vấn đề riêng tư.

53. Các người hãy xây lên những đền thờ ở khắp các nước (đoạn 31)

Đền thờ Baha’i được dành cho việc ca ngợi Thượng Đế. Đền thờ là Tòa kiến trúc trung tâm của Mashriqul-Adhkar (Chón hừng đông của sự ngợi ca Thượng Đế), là một khu tổng hợp, như được biểu lộ trong tương lai, ngoài Đền thờ sẽ còn gồm một số tòa kiến trúc phụ dành cho các công trình khoa học, giáo dục, từ thiện, xã hội. Đức Abdul-Baha mô tả Mashriqul-Adhkar là “*một trong những cơ cấu quan trọng nhất trên Thế giới*”, và Đức Shoghi-Effendi chỉ ra rằng nó biểu trưng sự cụ thể hợp nhất trong việc “*thờ phượng và phụng sự theo cách Baha’i*”, tiên báo về sự phát triển mai sau của cơ cấu này, Đức Shoghi-Effendi minh họa Đền thờ và các Tòa kiến trúc phụ “*sẽ đem đến sự cứu trợ cho những người đau khổ, nuôi dưỡng người nghèo, nơi nương tựa cho kẻ lữ hành, nguồn an ủi cho người tang khổ, và sự giáo dục cho kẻ dốt*”. Trong tương lai, đền thờ Baha’i sẽ được xây dựng ở mỗi thị trấn và mỗi làng.

54. Đấng Chúa đã truyền phán rằng những ai trong các người có khả năng hãy hành hương về Ngôi Nhà thiêng liêng (đoạn 32)

Lệnh này bao gồm hai Ngôi Nhà thiêng liêng, Ngôi Nhà của Đức Bab ở Shiraz và Ngôi Nhà của Đức Baha'u'llah ở Baghdad. Đức Baha'u'llah đã nêu cụ thể rằng hành hương tới một trong hai Ngôi Nhà thiêng liêng này là hoàn thành điều đòi hỏi của đoạn kinh này (Vấn và Đáp 25, 29). Trong hai Kinh bản riêng biệt, là Suriy-i-Hajj (Vấn và Đáp 10), Đức Baha'u'llah đã qui định những nghi thức cụ thể cho mỗi nơi hành hương. Theo ý nghĩa này, thì việc thực hiện chuyến hành hương còn có ý nghĩa to lớn, chứ không phải chỉ là đến thăm hai Ngôi Nhà.

Sau khi Đức Baha'u'llah thăng thiên, Đức Abdul-Baha chỉ định Thánh lãng của Đức Baha'u'llah ở Bahji là nơi hành hương. Trong một Kinh bản, Ngài chỉ ra rằng *“Thánh lãng Thiêng liêng Nhất, Ngôi nhà được Chúc phúc ở Baghdad, và ngôi nhà tôn quý của Đức Bab ở Shiraz”* là *“những chốn thiêng liêng để hành hương”*, và người ta *“bắt buộc”* phải viếng những nơi này *“nếu có điều kiện và khả năng để làm điều đó, và nếu không có trở lực nào trên đường đi”*. Không nghi lễ nào được qui định cho việc hành hương về ngôi Thánh lãng Thiêng liêng Nhất.

55. Và điều này Ngài đã đặc miễn cho phụ nữ như là một thiên ân của Ngài (đoạn 32)

Trong kinh Bayan, Đức Bab truyền phán lệnh hành hương một lần trong đời người đối với những tín đồ của Ngài có khả năng tài chánh để thực hiện cuộc du hành. Ngài dạy rằng nghĩa vụ này không bắt buộc đối với phụ nữ để tránh cho họ những cam go của chuyến đi.

Cũng thế, Đức Baha'u'llah đã miễn cho phụ nữ về các yêu cầu hành hương do Ngài đưa ra. Tòa Công lý Quốc tế đã minh giải rằng sự đặc miễn này không phải là điều cấm, và các phụ nữ đều được tự do đi hành hương.

56. Gắn bó với một việc làm (đoạn 33)

Người nam và người nữ đều bắt buộc phải tham gia vào việc thương mại hoặc nghề chuyên môn. Đức Baha'u'llah đề cao *“sự gắn bó với việc làm như thế”* lên *“hàng thờ phượng”* Thượng Đế. Ý nghĩa tâm linh và thực tế của luật này, và trách nhiệm hỗ tương giữa cá nhân với xã hội về việc thực thi luật này đã được giải thích trong một bức thư viết theo lệnh Đức Shoghi-Effendi.

Về phán lệnh của Đức Baha'u'llah liên quan đến việc gắn bó của người tín đồ với một nghề nghiệp nào: Giáo lý nhấn mạnh nhất về đề tài này, đặc biệt lời phán trong Thánh kinh Kitab-i-Aqdas về phương diện này càng cho thấy thật rõ rằng những người không muốn lao động không thể có chỗ đứng trong nền trật tự thế giới mới. Trong mối liên hệ với nguyên lý này, Đức Baha'u'llah phán thêm rằng việc ăn xin không những không nên khuyến khích mà còn phải loại trừ ra khỏi bộ mặt xã hội. Bản phận của những người phụ trách tổ chức xã hội là phải cho mọi cá nhân cơ hội để thủ đắc tài năng cần thiết trong một nghề nào đó, và cấp cả phương tiện để vận dụng tài năng đó, cho lợi ích xã hội và cho việc kiếm sống. Mọi cá nhân, bất kể là bị tàn tật và hạn chế ra sao, đều có nghĩa vụ phải dự vào một công việc hoặc nghề nghiệp nào đó, bởi vì lao động, đặc biệt khi thực hiện trong tinh thần phụng sự, thì theo Đức Baha'u'llah là một hình thức thờ phượng. Nó không những có mục đích lợi ích, mà còn có giá trị tự thân, vì nó đưa chúng ta đến gần Thượng Đế, và giúp chúng ta lĩnh hội tốt hơn mục đích của Ngài đối với chúng ta trong thế giới này. Vì vậy, hẳn nhiên là việc thừa hưởng gia sản cũng không miễn cho ai khỏi lao động hàng ngày.

Trong một Kinh bản, Đức Abdul-Baha dạy rằng “*nếu một người nào không thể kiếm sống, bị dày vò bởi cái nghèo cùng độ hoặc trở nên neo đơn, thì những người giàu có hoặc những Đại biểu phải cung cấp cho họ một khoản trợ cấp hằng tháng để họ sống... Tiếng Đại biểu có nghĩa là những người đại diện cho dân chúng, tức là các ủy viên của Tòa Công lý*” (Hãy xem thêm chú thích 162 về đề tài hành khất).

Để trả lời một câu hỏi liên quan đến phán lệnh của Đức Baha'u'llah đòi hỏi người vợ và mẹ, cũng như chồng của người ấy, phải làm việc để kiếm sống, Tòa Công lý Quốc tế đã giải thích rằng chỉ thị của Đức Baha'u'llah là để cho các đạo hữu phải dân thân vào một công việc đem lại lợi ích cho bản thân và cho người khác, và rằng sự tạo lập gia đình là một công việc đầy trách nhiệm và vô cùng cao quý, có tầm quan trọng căn bản đối với xã hội.

Về việc hưu trí đối với các cá nhân đã lên tới tuổi nào đó, Đức Shoghi-Effendi, trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, đã dạy rằng “đây là vấn đề mà Tòa Công lý Quốc tế sẽ lập qui vì trong Kinh Aqdas không có điều khoản nào về nó”.

57. Lệ hôn tay bị cấm chỉ trong Thánh kinh. (đoạn 34)

Trong một số các tôn giáo trước và trong một số nền văn hóa, lệ hôn tay một nhân vật tôn giáo hoặc một người cao trọng được xem như dấu hiệu tôn kính và quý nể đối với những người ấy và xem như dấu hiệu phục tùng uy quyền của họ. Đức Baha'u'llah cấm hôn tay, và trong các Kinh bản của Ngài, Ngài cũng lên án tục người này quỳ lạy người khác và các dạng hành vi khác khiến người này bị hạ nhục đối với người kia (xem chú thích 58).

58. Không ai được phép tìm sự tha tội nơi một linh hồn khác (đoạn 34)

Đức Baha'u'llah cấm xung tội và tìm sự xá tội nơi con người. Thay vào đó người ta nên tìm sự tha thứ nơi Thượng Đế. Trong Kinh bản Bisharat, Ngài dạy rằng “*sự xung tội như thế trước con người tạo nên sự hèn kém và tui hổ cho con người*”, và Ngài khẳng định rằng Thượng Đế “*không muốn các tội con Ngài bị tui nhục*”.

Đức Shoghi-Effendi nêu rõ điều cấm trong văn bản. Thư ký của Ngài viết theo lệnh Ngài rằng chúng ta ...bị cấm thú nhận với bất cứ người nào, như người Công giáo với các tu sĩ của họ, các tội lỗi và khuyết điểm của chúng ta, hoặc làm thế trước công chúng, như một số giáo phái vẫn làm. Tuy nhiên, nếu chúng ta chân thành khát khao muốn nhìn nhận rằng mình đã sai quấy về điều gì, hoặc chúng ta có khuyết điểm trong đức hạnh, và xin người khác bỏ qua hoặc tha lỗi, thì chúng ta cũng được tự do làm thế.

Toà Công lý Quốc tế cũng minh giải rằng điều cấm của Đức Baha'u'llah liên quan đến việc xung tội, không hề ngăn cản một cá nhân trong việc nhìn nhận các quá phạm của mình trong tiến trình hội ý dưới sự bảo trợ của các cơ cấu Baha'i. Cũng thế, nó không ngăn trở việc tìm kiếm lời khuyên của bạn thân hoặc của vị cố vấn chuyên nghiệp về các vấn đề.

59. Giữa công chúng có kẻ ngồi nơi chỗ để giày dép ngoài cửa, mà lòng thì thèm khất dựa vị danh dự. (đoạn 36)

Theo truyền thống Đông phương người ta có lệ cởi dép và giày trước khi bước vào nơi hội họp. Chỗ xa nhất trong phòng tính từ cửa vào được xem là đầu phòng và là chỗ danh dự dành cho những người trọng vọng nhất ngồi. Những người khác ngồi theo

thứ tự thấp hơn nơi cửa vào, ở đó người ta để giày dép và là nơi ngồi của những người thấp kém nhất.

60. Và giữa công chúng có kẻ tự cho là mình có tri thức nội tại (đoạn 36)

Câu này nói tới những người tự cho mình đạt được tri thức mới lạ và sự ràng buộc với tri thức đó che mờ tâm trí họ trước Mặt khải của Đấng Biểu hiện của Thượng Đế. Ở một nơi khác, Đức Baha'u'llah khẳng định: *“Những kẻ thuộc vào hàng người thờ thần tượng do trí tưởng tượng của họ khắc họa, và họ gọi đó là Chân lý Nội tại, quả thực những kẻ như thế đều bị liệt vào hàng vô tín”*.

61. Biết bao người ần tu ở khắp miền tại Ấn độ đã tự khước từ những điều mà Thượng Đế đã chỉ dụ là hợp pháp, tự buộc mình sống kham khổ và hành xác (đoạn 36)

Những câu thánh thi này hợp thành điều cấm hành xác và ần tu. Hãy xem Khái yếu và Pháp điền, phần IV. D. I. y. III-IV. Trong Lời Thiên đàng, Đức Baha'u'llah đã khai triển các khoản này. Ngài dạy: *“Sống trong sự cô lập hoặc thực hành sự ần tu là điều không được chấp nhận trước Thượng Đế”*, và Ngài kêu gọi những người liên hệ hãy *“tuân giữ điều gì đem lại niềm vui và sự trong sáng”*. Ngài dạy những người đã chọn *“chỗ ở nơi các hang động trên núi”* hoặc những người *“thường lui tới nghĩa địa về đêm”* hãy bỏ các tập tục này, và Ngài kêu gọi họ không nên tự tước bỏ những *“ơn phước”* của thế giới này mà Thượng Đế đã tạo nên cho cả nhân loại. Và trong Kinh bản Bisharat, trong khi nhìn nhận những *“hành vi sùng kính”* của các tu sĩ, Đức Baha'u'llah kêu gọi họ *“hãy từ bỏ cuộc sống cô lập và hướng bước chân về thế giới rộng mở và hãy bận bịu với những gì làm lợi cho chính họ và cho người khác”*. Ngài cũng cho phép họ *“bước vào hôn nhân để họ có thể cho ra đời người sẽ nhắc tới Thượng Đế.”*

62. Kẻ nào đưa ra lời tuyên bố về một Mặt khải trực tiếp của Thượng Đế trước khi chấm dứt một ngàn năm (đoạn 37)

Kỳ Cứu độ của Đức Baha'u'llah sẽ kéo dài cho đến khi xuất hiện Đấng Biểu hiện của Thượng Đế về sau, mà sự giáng lâm không xảy ra trước khi ít nhất *“một ngàn năm trọn”* sẽ trôi qua. Đức Baha'u'llah lưu ý bác bỏ việc gán cho *“câu thánh thi này”* ý nghĩa nào khác ngoài *“ý nghĩa hiển nhiên”* của nó, và trong một Kinh bản của Ngài, Ngài giải rõ rằng *“mỗi năm”* của thời gian một ngàn năm này gồm *“mười hai tháng theo Kinh Quran và mười chín tháng mỗi tháng mười chín ngày theo Kinh Bayan”*.

Sự tiếp nhận Mặt khải của Ngài đối với Đức Baha'u'llah ở trong hầm giam Siyah - Chal ở Tihran, vào tháng mười năm 1852, đánh dấu sự khai sinh Sứ mạng Tiên tri của Ngài và từ đó bắt đầu một ngàn năm hoặc hơn nữa phải trôi qua trước khi xuất hiện Đấng Biểu hiện của Thượng Đế sau này.

63. Xứ Huyền bí, Địa điểm Huy hoàng này Đây là điều Chúng Ta đưa ra để nhắc trước các người khi Chúng Ta sống ở Iraq, rồi sau này khi ở Xứ Huyền bí, và giờ đây ở Địa điểm Huy hoàng này. (đoạn 37)

“Xứ huyền bí” là chỉ Adrianople, và *“Địa điểm Huy hoàng này”* là chỉ Akka.

64. Trong dân chúng có kẻ mà sự học vấn đã làm phát sinh lòng kiêu ngạo...là kẻ khi nghe tiếng dép bước theo mình, đã uốn ngực tự tôn (đoạn 41)

Ở Đông phương, theo lệ các tín đồ của một vị lãnh đạo tôn giáo, do lòng nể trọng, đã đi sau ông ta một vài bước.

65. Nimrod (đoạn 41)

Nimrod được nhắc tới trong câu thánh thi này, trong cả truyền thống Do Thái giáo và Hồi giáo, là ông vua đã đàn áp Đức Abraham và tên ông ta trở thành tượng trưng cho sự kiêu ngạo cao độ.

66. Aghsan (đoạn 42)

Aghsan (số nhiều của Ghusn) trong tiếng Ả Rập nghĩa là “các Cành”. Thuật ngữ này được Đức Baha’u’llah dùng để chỉ các hậu duệ nam của Ngài. Nó không những hàm ý đặc biệt về ơn phú bẩm, mà cả về sự kế quyền sau sự thăng thiên của Đức Baha’u’llah (xem chú thích 145) và của Đức Abdul-Baha. Đức Baha’u’llah trong Kinh Giao ước của Ngài đã chỉ định Đức Abdul-Baha, trưởng nam của Ngài, làm Trung tâm Giao ước của Ngài và làm Thủ lãnh Chánh Đạo của Ngài. Đức Abdul-Baha, trong Chúc thư và Giao ước của Ngài, đã chỉ định Đức Shoghi Effendi, cháu đích tôn của Ngài, làm Đức Giáo hộ và làm Thủ lãnh Chánh Đạo.

Vì vậy, đoạn này trong Kinh Aqdas, tiên báo một chuỗi Aghsan được chọn và cơ cấu Giáo hộ và dự liệu khả năng cắt đứt chuỗi này. Sự qua đời của Đức Shoghi Effendi năm 1957 đưa tới tình huống đã nêu trong đoạn văn này, trong đó chuỗi Aghsan chấm dứt trước khi Tòa Công lý Quốc tế được thành lập (Xem chú thích 67).

67. Chuyển cho con dân của Đấng Baha (đoạn 42)

Đức Baha’u’llah cung cấp khả năng rằng chuỗi các Aghsan sẽ chấm dứt trước sự thành lập Tòa công lý Quốc tế. Ngài chỉ rõ rằng trong tình huống ấy “*những của dân sẽ chuyển cho con dân của Đấng Baha*”. Thuật ngữ “*Con dân của Đấng Baha*” được dùng với một số nghĩa khác nhau trong các Thánh thư Baha’i. Trong trường hợp này nó chỉ “*những người không nói nếu không được phép Ngài, và chỉ đoán xét đúng với những gì Thượng Đế đã truyền phán trong Kinh bản này*”. Sau sự qua đời của Đức Shoghi Effendi năm 1957, các vị Giáo thủ của Chánh Đạo của Thượng Đế điều khiển công việc của Chánh Đạo cho đến khi Tòa Công lý Quốc tế được bầu ra năm 1963 (xem chú thích 183).

68. Chớ cạo trọc đầu các người (đoạn 44)

Trong một số truyền thống tôn giáo cho rằng cạo trọc đầu là điều thích đáng. Đức Baha’u’llah cấm cạo trọc đầu, và Ngài giải rõ rằng điều khoản trong Kinh Suriy-i-Hajj của Ngài đòi hỏi những người hành hương về Ngôi nhà thiêng liêng ở Shiraz phải cạo đầu đã được thay thế bởi câu thánh thi này trong Kitab-i-Aqdas (Vấn và Đáp 10).

69. Để tóc dài quá giới hạn của tai là không tề chỉnh (đoạn 44)

Đức Shoghi Effendi đã giải rõ rằng, không giống như việc cầm cạo đầu, luật này cấm để tóc dài quá trái tai chỉ áp dụng đối với đàn ông. Việc áp dụng luật này sẽ cần có sự minh giải của Tòa công lý Quốc tế.

70. Án lưu đày và cầm tù được ấn định đối với kẻ trộm (đoạn 45)

Đức Baha'u'llah dạy rằng việc xác định mức độ hình phạt, tùy mức nghiêm trọng của tội phạm, sẽ thuộc quyền Tòa Công lý (Vấn và Đáp số 49). Các hình phạt dành cho tội trộm dự liệu trong điều kiện tương lai của xã hội, khi được Tòa Công lý Quốc tế bổ sung và áp dụng.

71. Khi vi phạm lần thứ ba, thì các người hãy ghi dấu lên trán hẳn, để bị nhận diện như thế, hẳn không còn được nhìn nhận trong các thành phố của Thượng Đế và trong các nước của Ngài (đoạn 45)

Dấu ghi trên trán kẻ trộm có mục đích cảnh cáo những kẻ cùng khuynh hướng với hẳn. Tất cả chi tiết liên quan đến tính chất con dấu, và dấu ấy được ghi như thế nào, dấu ấy phải mang bao lâu, sẽ xóa đi theo điều kiện nào, cũng như tính nghiêm trọng của các mức tội trộm khác nhau đã được Đức Baha'u'llah để cho tòa Công lý Quốc tế xác định khi luật này được áp dụng.

72. Bất cứ ai cũng được tự do dùng bình tách bằng bạc và bằng vàng theo ý muốn. (đoạn 46)

Trong kinh Bayan, Đức Bab cho phép dùng các vật dụng bằng vàng và bạc, như thế là bãi bỏ sự buộc tội của Hồi giáo về việc dùng các thứ này, điều này không quy định rõ trong kinh Quran nhưng chỉ theo tập truyền Hồi giáo, ở đây Đức Baha'u'llah chuẩn nhận sự quy định của Đức Bab.

73. Hãy lưu ý khi ăn, các người đừng nhúng tay vào thức ăn đựng trong chén đĩa. (đoạn 46)

Điều cấm này đã được Đức Shoghi Effendi định nghĩa là “nhúng tay vào thức ăn”. Ở nhiều nơi trên thế giới người ta có thói quen dùng bàn tay bốc thức ăn trong một cái bát chung.

74. Các người hãy chấp nhận những tập tục thích hợp nhất cho sự tao nhã. (đoạn 46)

Đây là đoạn thứ nhất trong nhiều đoạn nêu lên tầm quan trọng của sự tao nhã và sạch sẽ. Từ gốc tiếng Á Rập “litafat”, ở đây dịch là “tao nhã”, có những nghĩa rất rộng hàm ý về cả vật chất và tinh thần, như là lịch sự duyên dáng, sạch sẽ, thanh lịch, lễ độ, dịu dàng, tinh tế và quý phái, cũng có nghĩa là tế nhị, trau chuốt, thoát tục và tinh khiết. Theo nội dung các đoạn khác mà từ này xuất hiện trong Kitab-i-Aqdas, nó được dịch là “tao nhã” hoặc “sạch sẽ”.

75. Ngài là Chôn Bình minh Chánh Đạo của Thượng Đế không có người đồng sự trong ơn Vô nhiễm Tối đại. (đoạn 47)

Trong Kinh bản Ishraqat, Đức Baha'u'llah xác nhận rằng ơn Vô nhiễm Tối đại thuộc về các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế.

Chương 45 sách *Some Answered Questions* có ghi lời giải thích của Đức Abdul-Baha về câu thánh thi này của Kinh Aqdas. Trong chương này, bên cạnh nhiều điều khác, Ngài đã nhấn mạnh tính “vô nhiễm” tất yếu không thể tách rời khỏi các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế, và xác nhận rằng “*bất cứ điều gì xuất phát từ các Ngài đều đồng nghĩa với chân lý, và phù hợp với thực tại*”, rằng “*các Ngài không ở dưới bóng các luật lệ cũ*” và “*Bất cứ điều gì các Ngài phán đều là lời của Thượng Đế, và bất cứ điều gì các Ngài thực hiện đều là hành động chính trực*”.

76. Mọi người cha đều được lệnh là phải dạy dỗ con trai cũng như con gái trong nghệ thuật đọc, viết (đoạn 48)

Đức Abdul-Baha trong các Kinh bản của Ngài, không những kêu gọi sự lưu tâm tới trách nhiệm của cha mẹ trong việc giáo dục tất cả con cái, nhưng Ngài còn chỉ rõ rằng “*việc rèn luyện và dạy dỗ con gái còn cần thiết hơn là đối với con trai*”, vì các cháu gái một ngày kia sẽ trở thành các bà mẹ, và các bà mẹ là những nhà giáo dục đầu tiên của thế hệ mới. Bởi vậy, nếu gia đình không đủ sức giáo dục tất cả các con, thì phải dành ưu tiên cho con gái, vì qua những người mẹ có giáo dục, các lợi ích của tri thức có thể truyền đạt hữu hiệu và nhanh chóng đến toàn xã hội.

77. Thượng Đế đã định án phạt tiền đối với mọi người ngoại tình nam cũng như nữ, là phải trả cho Tòa Công lý (đoạn 49)

Dù thuật ngữ dịch ở đây là ngoại tình, theo nghĩa rộng nhất của nó, nói tới sự giao hợp bất hợp pháp giữa các cá nhân độc thân hoặc đã kết hôn (xem chú thích 36 để biết định nghĩa của thuật ngữ), Đức Abdul-Baha đã chỉ rõ rằng hình phạt quy định ở đây là về sự giao hợp giữa những người không kết hôn. Ngài dạy rằng Tòa Công lý sẽ xác định hình phạt cho tội ngoại tình đối với những người đã kết hôn (xem thêm Văn và Đáp 49).

Trong một Kinh bản của Ngài, Đức Abdul-Baha nhắc tới một số ý nghĩa tâm linh và xã hội của sự vi phạm các điều luật đạo đức, và về hình phạt mô tả ở đây, Ngài chỉ ra rằng mục đích của luật này là để làm sáng tỏ trước mắt mọi người rằng hành động như thế là đáng xấu hổ trước mắt Thượng Đế, và rằng, nếu một tội phạm được xác định và một khoản tiền phạt được quy định, mục đích chính là để tố cáo những kẻ phạm tội khiến họ bị xấu hổ và nhục nhã trước mắt xã hội. Ngài xác định rằng sự tố cáo ấy tự nó là hình phạt nặng nhất.

Tòa Công lý được nhắc tới trong câu thánh thi này là Tòa Công lý Địa phương, hiện nay được gọi là Hội đồng Tinh thần Địa phương.

78. Chín mithqal vàng, sẽ tăng lên gấp đôi khi phạm tội lần thứ hai (đoạn 49)

Một Mithqal là một đơn vị cân đo. Trọng lượng một mithqal theo truyền thống dùng ở Trung đông là tương đương với 24 nakhud. Tuy nhiên, mithqal mà người Baha'i dùng là 19 nakhud “*theo sự quy định trong Kinh Bayan*” (Văn và Đáp 23). Trọng lượng chín mithqal này bằng 32,775 gram hoặc 1,05374 lượng (troy ounces).

Còn cách áp dụng khoản phạt, Đức Baha'u'llah định rõ rằng mỗi khoản phạt lần sau tăng gấp đôi lần trước (Văn và Đáp 23); như thế khoản phạt ấn định tăng theo bước

tiến hình học. Sự thiết đặt khoản phạt này dự trù cho điều kiện sau này của xã hội, lúc đó luật sẽ được Tòa Công lý Quốc tế bổ sung và áp dụng.

79. Chúng Ta đã khiến việc nghe nhạc và ca hát của các người thành hợp pháp.(đoạn 51)

Đức Abdul-Baha đã viết rằng “Ở một số nước Phương Đông, âm nhạc bị xem là đáng chê”. Dù Kinh Quran không có sự hướng dẫn cụ thể nào về đề tài này, một số người Hồi giáo đã cho việc nghe nhạc là bất hợp pháp, trong khi một số người khác chấp nhận âm nhạc trong các giới hạn nhất định và tùy điều kiện riêng biệt.

Có một số đoạn trong các Thánh thư Baha'i ca ngợi âm nhạc. Chẳng hạn như Đức Abdul-Baha nhìn nhận rằng “âm nhạc, hát hoặc trình diễn, là thức ăn tinh thần cho linh hồn và tâm hồn”.

80. Hội các người là những Người của Công lý! (đoạn 52)

Trong các Thánh thư của Đức Abdul-Baha và Đức Shoghi Effendi đã có giải thích rõ ràng, trong khi các Ủy viên Tòa Công lý Quốc tế chỉ gồm toàn đàn ông, thì cả đàn bà và đàn ông đều có quyền bầu cử và đắc cử vào các Tòa Công lý Địa phương và Đề Nghị Cấp (hiện nay được gọi là các Hội đồng Tinh thần Địa phương và Quốc gia).

81. Những hình phạt vì gây thương tích hay đánh đập người khác là tùy ở mức trầm trọng của sự tổn thương; ở mỗi mức độ, Đấng Chúa của sự Phán xét đã quy định một khoản bồi thường nhất định. (đoạn 56)

Trong khi Đức Baha'u'llah vạch rõ rằng mức phạt là tùy ở “tính trầm trọng của sự tổn thương”, không thấy có sự ghi chép nào cho thấy Ngài định chi tiết cho khoản tiền bồi thường liên hệ tới mỗi mức độ vi phạm. Trách nhiệm xác định các khoản này thuộc về Tòa Công lý Quốc tế.

82. Quả vậy, các người có bốn phận phải cử hành lễ, mỗi tháng một lần. (đoạn 57)

Lệnh này đã trở thành nền tảng cho việc cử hành lễ Baha'i hằng tháng và đã tạo nên cơ chế Lễ Mười chín Ngày. Trong Kinh Bayan tiếng Á Rập, Đức Bab kêu gọi các tín đồ của Ngài họp lại với nhau mười chín ngày một lần để tỏ lòng hiếu khách và tình thân hữu. Ở đây Đức Baha'u'llah chuẩn nhận lễ này và nêu lên vai trò hợp nhất của các dịp lễ đó.

Sau Ngài, Đức Abdul-Baha và Đức Shoghi Effendi đã lần lượt triển khai ý nghĩa cơ cấu của lệnh này. Đức Abdul-Baha nhấn mạnh tầm quan trọng tính chất tâm linh và sùng kính của các cuộc họp này. Đức Shoghi Effendi, ngoài việc nêu rõ hơn nữa các mặt sùng kính và xã hội của buổi lễ, còn mở rộng yếu tố quản trị của các cuộc họp đó, và trong khi cơ chế hóa một cách có hệ thống cuộc lễ này, đã cung cấp một thời gian hội ý về các công việc của cộng đồng Baha'i, kể cả việc thông báo tin tức và đọc các thông điệp.

Để trả lời câu hỏi là lệnh này có tính chất bắt buộc hay không, Đức Baha'u'llah dạy rằng không (Vấn và Đáp 48). Trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, Đức Shoghi Effendi nhận định rằng:

Việc tham dự Lễ Mười chín Ngày không có tính bắt buộc, nhưng rất quan trọng, và mọi tín đồ phải xem đó là một nghĩa vụ và đặc ân được hiện diện trong những dịp như thế.

83. Nếu các người dùng thú hay chim mồi để đi săn, hãy xưng Danh của Thượng Đế khi cho chúng đuổi theo con mồi; bất giờ các người nhận con mồi nào chúng săn được đều hợp pháp, kể cả con mồi chết. (60)

Bằng luật này, Đức Baha'u'llah đã giản dị hóa thật nhiều các tập tục và các quy định của tôn giáo xưa về việc đi săn. Ngài cũng dạy rằng việc đi săn bằng vũ khí như cung tên, súng và v.v... cũng gồm trong quy định này, nhưng việc tiêu thụ con mồi nếu tìm thấy bị chết trong bẫy hoặc trong lưới thì bị cấm (Vấn và Đáp 24).

84. Các người chó đi săn thái quá (60)

Trong khi Đức Baha'u'llah không cấm đi săn, Ngài cũng đã cảnh cáo việc đi săn thái quá. Khi đến lúc, Tòa Công lý Quốc tế sẽ xét những yếu tố về sự đi săn thái quá.

85. Ngài không ban cho họ quyền gì đối với tài sản của người khác. (đoạn 61)

Lệnh bày tỏ lòng tử tế đối với thân tộc của Đức Baha'u'llah không khiến họ được chia tài sản của người khác. Điều này trái với thông lệ Hồi giáo Shiih, cho phép các hậu duệ của Đức Muhammad được nhận một phần của một khoản thuế nhất định.

86. Nếu kẻ nào chủ tâm dùng lửa đốt một cái nhà, kẻ ấy cũng bị đốt; nếu kẻ nào tự ý đoạt mạng sống người khác, kẻ ấy cũng phải bị giết. (đoạn 62)

Luật của Đức Baha'u'llah quy định án tử hình cho tội giết người và đốt nhà, cùng với án tù chung thân (xem chú thích 87).

Trong các Kinh bản của Ngài, Đức Abdul-Baha giải thích sự khác nhau giữa báo thù và hình phạt. Ngài khẳng định rằng các cá nhân không có quyền báo thù, rằng sự báo thù là đáng khinh trước mắt Thượng Đế, và rằng động cơ của hình phạt không phải là báo thù, nhưng chỉ là quy định một án phạt cho một tội đã phạm. Trong sách *Some Answered Questions*, Ngài xác nhận rằng xã hội có quyền định hình phạt cho các phạm nhân vì mục đích bảo vệ các thành viên của xã hội và duy trì sự tồn tại của nó.

Về điều khoản này, trong một bức thư viết theo lệnh Đức Shoghi Effendi, Ngài giải thích như sau:

Trong Kinh Aqdas, Đức Baha'u'llah đã lấy cái chết làm án phạt kẻ sát nhân. Tuy nhiên, Ngài cũng cho phép xử tù chung thân. Cả hai cách áp dụng này đều phù hợp với Luật pháp của Ngài. Một số người trong chúng ta có thể không lĩnh hội được sự minh triết của điều khoản này khi nó không phù hợp với nhân quan hữu hạn của chúng ta; nhưng chúng ta phải chấp nhận nó, do hiểu biết Đức Minh triết, Đức Bác ái và Đức Công bằng của Ngài là hoàn hảo và vì sự giải thoát của toàn thể giới. Nếu một người bị kết án tử hình một cách sai lầm, chúng ta há không thể tin rằng Đấng Thượng Đế Toàn năng sẽ đền bù cho người ấy cả ngàn lần trong thế giới sau, vì sự bất công này của con người? Ta không thể phê bỏ một điều luật cao quý vì trong vài trường hợp họa hiểm kẻ vô tội có thể bị phạt.

Các chi tiết của luật Baha'i về trừng phạt đối với tội giết người và đốt nhà, một điều luật phác họa cho tình trạng xã hội mai sau không được Đức Baha'u'llah quy định

rõ. Các chi tiết khác liên quan đến luật này, như mức độ phạm tội, các tình huống giảm khinh được xét ra sao, và hình phạt nào trong hai hình phạt sẽ áp dụng thường, đều được để Tòa Công lý Quốc tế quyết định trong ánh sáng những điều kiện thịnh hành khi luật này được thi hành. Cách thực hiện hình phạt cũng tùy Tòa Công lý Quốc tế quyết định.

Về tội đốt nhà, điều này tùy thuộc loại “nhà” nào bị đốt. Dĩ nhiên là có sự khác biệt to lớn về mức phạm tội giữa người đốt một nhà kho bỏ trống và người đốt một ngôi trường đầy trẻ em.

87. Nếu các người kết án tù chung thân kẻ đốt nhà và sát nhân, điều đó được cho phép theo các điều khoản của Thánh kinh. (đoạn 62)

Để trả lời một câu hỏi về câu thánh thi này trong Kinh Aqdas, Đức Shoghi Effendi đã xác nhận rằng trong khi án tử hình được cho phép, “án tù chung thân” cũng có thể thay vào “khi sự trầm trọng của án phạt có thể giảm bớt nhiều”. Ngài dạy rằng “Đức Baha’u’llah đã ban cho chúng ta sự lựa chọn và vì vậy đã để cho chúng ta tự do sử dụng sự phán đoán riêng trong những giới hạn nhất định mà luật của Ngài đã đề ra”. Vì còn thiếu sự hướng dẫn cụ thể liên quan tới sự áp dụng phương diện này của luật Baha’i, Tòa Công lý Quốc tế sẽ lập qui về vấn đề này trong tương lai.

88. Thượng Đế đã thiết định việc hôn nhân cho các người. (đoạn 63)

Trong một Kinh bản của Ngài, Đức Baha’u’llah dạy rằng Thượng Đế, trong khi thiết lập luật này, đã biến hôn nhân thành “*một thành trì của hạnh phúc và sự giải thoát*”.

Khái yếu và Pháp điển đoạn IV. C. I. a-o, tóm tắt và hệ thống hóa các điều khoản trong Kitab-i-Aqdas, phần Vấn và Đáp về hôn nhân và các điều kiện được phép thực hiện (Vấn và Đáp 3, 13, 46, 50, 84 và 92), luật về lễ hỏi (Vấn và Đáp 43), việc trả khoản sinh lễ (Vấn và Đáp 12, 26, 39, 47, 87 và 88), các thủ tục phải tuân theo trong hoàn cảnh người chồng vắng mặt lâu (Vấn và Đáp 4 và 27), và những tình huống khác (Vấn và Đáp 12 và 47). (Xem thêm các chú thích 89-99).

89. Hãy lưu ý kẻ người kết hôn quá hai vợ. Ai tự bằng lòng với chỉ một người bạn đời trong các nữ tì của Thượng Đế, thì cả chàng và nàng sẽ sống trong cảnh an nhàn. (đoạn 63)

Trong khi nguyên văn Kitab-i-Aqdas có vẻ như cho phép chế độ 2 vợ, Đức Baha’u’llah khuyên rằng sự an nhàn và thỏa mãn chỉ có trong chế độ nhất thê. Trong một Kinh bản khác, Ngài nhấn mạnh tầm quan trọng của hành động cá nhân làm sao để có thể “*đem đến sự thanh thoi cho bản thân và cho người bạn đời*”. Đức Abdul-Baha, Đáng Giải thích thẩm quyền các Thánh thư Baha’i, dạy rằng trong nguyên văn Kinh Aqdas chế độ nhất thê được quy định trên thực tế. Ngài khai triển đề tài trong một số Kinh bản, gồm có đoạn sau đây:

Người phải biết rằng chế độ đa thê không được cho phép dưới Luật pháp của Thượng Đế, vì sự bằng lòng với một vợ đã được nhấn mạnh rõ ràng. Việc lấy người vợ thứ hai được đặt tùy thuộc vào sự vô tư và công bằng giữa hai người vợ trong mọi hoàn cảnh. Tuy nhiên, giữ vô tư và công bằng đối với hai vợ là điều không thể thực hiện được. Sự kiện chế độ hai vợ được đặt tùy thuộc một điều kiện bất năng là bằng chứng rõ ràng rằng nó bị cấm. Bởi vậy một người không được phép có trên một vợ.

Chế độ đa thê là một lệ xưa của đa số nhân loại. Việc đưa ra chế độ nhất thê đã được các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế hoàn thành lần hồi. Chẳng hạn như Đức chúa không cấm đa thê nhưng Ngài cấm ly dị trừ trường hợp gian dâm; Đức Muhammad giới hạn số người vợ là bốn, nhưng việc có nhiều vợ phải dựa trên sự công bình, và lại cho phép sự ly dị; Đức Baha'u'llah mặc khải Giáo lý của Ngài trong xã hội Hồi giáo, đưa ra vấn đề nhất thê lần hồi theo các nguyên tắc khôn ngoan và lần hồi cho thấy mục đích của Ngài. Sự kiện rằng Ngài đã để lại cho tín đồ Ngài một Đấng Giải thích không sai lầm các Thánh thư của Ngài, giúp Ngài bề ngoài cho phép hai vợ trong Kitab-i-Aqdas nhưng nêu rõ điều kiện giúp Đức Abdul-Baha sau này giải thích rằng chủ ý của luật là buộc phải theo chế độ nhất thê.

90. Người nào nhận sự phục vụ của một tớ gái thì phải giữ mình đứng đắn (đoạn 63)

Đức Baha'u'llah dạy rằng một người đàn ông có thể thuê một tớ gái để làm việc nhà. Điều này không cho phép trong lệ Hồi giáo Shiih nếu người chủ không lập hợp đồng kết hôn với tớ. Đức Baha'u'llah nhấn mạnh rằng “*sự phục vụ*” nêu trong câu thánh thi chỉ là “*việc mà giới tôi tớ thường làm dù họ trẻ hay già, để nhận tiền lương*” (Vấn và Đáp 30). Người chủ không có quyền về tình dục đối với tớ. Người tớ “*tự do chọn chồng bất cứ lúc nào người ấy thích*”, vì việc mua phụ nữ là bị cấm (Vấn và Đáp 30).

91. Đây là pháp lệnh Ta truyền cho các người; hãy giữ chắc lấy nó như là một ơn phò trợ đối với các người. (đoạn 63)

Trong khi hôn nhân được thiết định trong Kitab-i-Aqdas, Đức Baha'u'llah minh giải rằng điều này không có tính bắt buộc (Vấn và Đáp 46). Trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, Đức Shoghi Effendi cũng tuyên bố rằng “việc hôn nhân hoàn toàn không phải là một nghĩa vụ” và Ngài khẳng định rằng “rốt lại, chính mỗi cá nhân tự quyết định là nên sống đời sống gia đình hay nên sống độc thân”. Nếu một người phải đợi một thời gian thực lâu mới tìm được vợ, hoặc cuối cùng phải sống độc thân, thì không có nghĩa là cá nhân ấy không hoàn thành mục đích đời mình mà cơ bản là thuộc linh.

92. Chúng Ta đã quy định việc hôn nhân tùy thuộc sự cho phép của hai bên cha mẹ (đoạn 65)

Trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, Đức Shoghi Effendi đã giảng giải về điều khoản này như sau:

Đức Baha'u'llah đã dạy rõ là hôn nhân Baha'i đòi hỏi phải có sự ưng thuận của tất cả các bậc cha mẹ còn sinh tiền. Điều này áp dụng bất kể cha mẹ là Baha'i hay không Baha'i, đã ly dị lâu năm hay còn sống chung. Ngài đã thiết lập luật vĩ đại này để củng cố giềng mối xã hội, để thắt chặt hơn nữa những niềm thân ái trong gia đình, để đặt trong lòng con cái sự biết ơn và kính trọng nhất định đối với những bậc đã cho họ sự sống và đưa linh hồn họ vào cuộc hành trình tiến về Đấng Sáng tạo của họ.

93. Không cuộc hôn nhân nào được kết ước mà không trả khoản sính lễ (đoạn 66)

Sách Khái yếu và Pháp điển, đoạn IV.C.I.J.1-5 tóm tắt những điều khoản chính liên quan đến sính lễ. Các điều khoản này đã được nêu trong Kinh Bayan. Sính lễ là do chú rể trả cho cô dâu. Khoản này được quy định là 19 mithqal vàng ròng đối với dân thành

phổ và 19 mithqal bạc đối với dân nông thôn (xem chú thích 94). Đức Baha'u'llah chỉ ra rằng, nếu tới lúc làm lễ cưới mà chú rể không đủ sức trả trọn sinh lễ thì chú rể được phép viết tờ hứa trả cho cô dâu (Vấn và Đáp 39).

Với Mặc khải của Đức Baha'u'llah nhiều quan niệm, phong tục, cơ chế quen thuộc đã được định nghĩa lại và có thêm nghĩa mới. Một trong những điều mới này là sinh lễ. Cơ chế về của hồi môn là một tập tục rất xưa trong nhiều nền văn hóa và có nhiều dạng. Ở một số nước nó là khoản tiền cha mẹ cô dâu trả cho chú rể; ở một số nước khác, nó là số tiền chú rể trả cho cha mẹ cô dâu, gọi là “giả cô dâu”. Trong cả hai trường hợp này, khoản tiền trả thật là lớn. Luật của Đức Baha'u'llah xóa bỏ hết các biến dạng này và chuyển sinh lễ thành một hành động tượng trưng qua đó chú rể tặng cho cô dâu một món quà có giá trị tương đối.

94. Cho cư dân đô thị là 19 mithqal vàng ròng, và cho cư dân thôn xã một số lượng y như thế bằng bạc (đoạn 66)

Đức Baha'u'llah quy định rõ rằng tiêu chuẩn để xác định khoản sinh lễ phải trả là nơi thường trú của chú rể, chứ không phải của cô dâu (Vấn và Đáp 87, 88).

95. Ai muốn tặng số này thì cấm vượt quá 95 mithqal... Tuy nhiên, nếu người con trai bằng lòng với khoản tiền trả thấp nhất, thì tốt nhất là theo như quy định trong Thánh kinh. (đoạn 66)

Để trả lời câu hỏi về sinh lễ, Đức Baha'u'llah dạy:

Bất cứ điều gì đã được mặc khải trong Kinh Bayan, liên quan tới những người thường trú ở thành thị và nông thôn, đều được chuẩn thuận và thi hành. Tuy nhiên, trong Kitab-i-Aqdas có nói tới mức thấp nhất. Mức dự định là 19 mithqal bạc, nêu rõ trong Kinh Bayan đối với dân nông thôn. Điều này làm hài lòng Thượng Đế hơn, nếu hai bên ưng thuận. Mục đích là nâng cao sự thoải mái cho mọi người, đem lại sự hòa hợp và đoàn kết giữa dân chúng. Bởi vậy, càng dành sự suy xét nhiều cho những vấn đề này càng tốt... Con dân Đáng Baha phải giao tiếp và cư xử với nhau với tình yêu thương và lòng thành thật tốt cùng. Họ phải lưu tâm tới quyền lợi của mọi người, đặt biệt là của các bạn hữu của Thượng Đế.

Đức Abdul-Baha, trong một Kinh bản của Ngài, đã tóm tắt một số điều khoản để xác định mức sinh lễ. Đơn vị khoản sinh lễ, nêu dưới đây, chính xác là một “Vahid”. Một vahid tương đương với 19 mithqal. Ngài dạy:

Cư dân đô thị phải trả bằng vàng và cư dân nông thôn trả bằng bạc. Nó tùy nơi phương tiện tài chánh phía chú rể. Nếu người ấy nghèo, thì trả một vahid; nếu ở mức thường, thì trả hai vahid; nếu khá giả, thì trả ba vahid; nếu giàu, trả bốn vahid; nếu rất giàu, trả năm vahid. Quả thật, đây là vấn đề tùy sự thỏa thuận của chú rể, cô dâu, và đôi bên song thân. Đã được sự thỏa thuận như thế nào thì thực hành như thế đó.

Cũng trong Kinh bản này, Đức Abdul-Baha khuyến khích tín đồ nêu những câu hỏi liên quan đến việc áp dụng luật này lên Tòa Công lý Quốc tế là cơ cấu có “*thẩm quyền lập quy*”. Ngài nhấn mạnh rằng “*chính cơ quan này sẽ làm ra luật và lập quy về những vấn đề phụ thuộc không nêu rõ trong Văn bản Thiêng liêng*”.

96. Nếu kẻ tôi tớ nào của Ngài dự tính đi du lịch, thì phải xác định cho người vợ biết rõ khi nào mình trở về nhà (đoạn 67)

Nếu người chồng đi xa mà không báo cho vợ biết ngày về, và người vợ không nhận được tin gì về chồng và không lần ra dấu tích gì của người ấy cả, Đức Baha'u'llah đã dạy rằng, nếu người chồng có biết về luật đã quy định trong Kitab-i-Aqdas, thì người vợ có thể tái giá sau khi đợi chờ trọn một năm. Tuy nhiên, nếu người chồng không biết về luật này, người vợ phải đợi cho đến khi nhận được tin chồng (Vấn và Đáp 4).

97. Người vợ phải đợi chờ trong thời gian chín tháng, sau đó không có điều gì ngăn cản người vợ lấy chồng khác (đoạn 67)

Cuối cùng nếu người chồng không trở về đúng thời gian đã định hoặc thông báo cho vợ biết sự trễ hẹn, người vợ phải đợi chín tháng, sau đó nàng tự do tái giá, dù rằng người vợ chờ đợi lâu hơn thì tốt hơn (xem chú thích số 147 về lịch Baha'i).

Đức Baha'u'llah dạy rằng, trong những tình huống như thế, nếu người vợ được tin "*người chồng đã chết hoặc bị giết*", nàng cũng phải đợi chín tháng trước khi tái giá (Vấn và Đáp 27). Trong một Kinh bản, Đức Abdul-Baha giải thích thêm rằng thời gian chín tháng chờ đợi sau khi được tin chồng chết chỉ áp dụng nếu chết khi đi xa, chứ không phải chết khi ở nhà.

98. Thì nàng nên chọn lối cư xử xứng đáng (đoạn 67)

Đức Baha'u'llah định nghĩa "*lối cư xử xứng đáng*" là "*giữ sự bền lòng*" (Vấn và Đáp 4)

99. Hai người làm chứng đúng đắn (đoạn 67)

Đức Baha'u'llah nêu rõ "*tiêu chuẩn của sự đúng đắn*" trong vấn đề nhân chứng là "*danh tiếng tốt giữa công chúng*". Ngài dạy hai nhân chứng không cần thiết phải là người Baha'i, bởi vì "*sự làm chứng của tất cả tôi con của Thượng Đế, không phân biệt đức tin hay tín ngưỡng, đều được chấp nhận trước Ngôi cao của Thượng Đế*" (Vấn và Đáp 79).

100. Nếu có sự oán giận hoặc ác cảm xảy ra giữa chồng và vợ, người chồng không được ly dị vợ và phải giữ sự kiên nhẫn suốt thời gian một năm trọn (đoạn 68)

Việc ly dị bị lên án nặng nề trong giáo lý Baha'i. Tuy nhiên, nếu sự oán giận hoặc ác cảm nảy sinh giữa đôi vợ chồng, thì sự ly dị được cho phép sau thời gian trọn một năm. Trong thời gian ân nhẫn này, người chồng phải chu cấp tài chính cho vợ và con, và đôi vợ chồng phải cố gắng hòa giải sự dị biệt. Đức Shoghi Effendi khẳng định rằng vợ và chồng "*đều có quyền bằng nhau trong việc xin ly dị*" mỗi khi một trong hai người "*cảm thấy tuyệt đối cần phải làm như thế*".

Trong phần Vấn và Đáp, Đức Baha'u'llah nêu rõ một số vấn đề về năm chờ đợi, việc tuân giữ (Vấn và Đáp 12), việc xác định ngày bắt đầu (Vấn và Đáp 19 và 40), những điều kiện hòa giải (Vấn và Đáp 38), vai trò của các nhân chứng và của Tòa Công lý Địa phương (Vấn và Đáp 73 và 98). Về các nhân chứng, Tòa Công lý Quốc tế đã minh giải rõ ràng trong lúc này nhiệm vụ các nhân chứng trong các vụ ly dị do các Hội đồng Tinh thần phụ trách. Các điều khoản chi tiết của luật Baha'i về ly dị được tóm tắt trong Khái yếu và Pháp điển, đoạn IV. C. 2. a-i.

101. Đấng Chúa đã cấm ...lối hành động cũ khi người ly dị một người đàn bà tới ba lần. (đoạn 68)

Điều này liên hệ tới luật Hồi giáo nêu trong Kinh Quran qui định rằng trong một số hoàn cảnh nhất định người đàn ông không thể tái kết hôn với người vợ đã ly dị của mình trừ khi người ấy đã kết hôn với người khác và đã ly dị. Đức Baha'u'llah xác định rằng tập tục này bị cấm trong Kitab-i-Aqdas (Vấn và Đáp 31).

102. Người chồng đã ly dị vợ, mỗi tháng trôi qua, có thể tái kết hôn với nàng, khi có tình cảm và sự ưng thuận với nhau, miễn là nàng chưa lấy chồng khác... trừ khi, rõ ràng là hoàn cảnh của nàng thay đổi. (đoạn 68)

Trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, Đức Shoghi Effendi dạy rằng chủ ý về “mỗi tháng trôi qua” là không xác định giới hạn, và rằng đôi vợ chồng ly dị có thể tái kết hôn bất cứ lúc nào sau khi ly dị, miễn là không ai trong hai người đã kết hôn với một người khác.

103. Tinh dịch không phải là bất khiết (đoạn 74)

Trong một số truyền thống tôn giáo và trong Hồi giáo Shi'ih tinh dịch bị xem là bất khiết trong nghi thức. Đức Baha'u'llah đã xóa bỏ quan niệm này. Xin xem thêm chú thích 106 dưới đây

104. Các người hãy bám vào sợi dây thanh lịch (đoạn 74)

Đức Abdul-Baha đã nhắc tới ảnh hưởng của “*sự trong sạch và thánh thiện, sự sạch sẽ và thanh lịch*” đối với sự thăng tiến của “*số phận con người*” và “*sự phát triển bản thể nội tại của con người*”. Ngài dạy: “*Sự kiện là một thân thể trong sạch và không tì vết ảnh hưởng tới tinh thần con người*”. (Xin xem thêm chú thích 74.)

105. Các người hãy rửa mọi vật vấy bẩn bằng nước không trải qua sự thay đổi nào bằng một trong ba cách (đoạn 74)

“*Ba cách*” được nêu trong câu thánh thi này là sự thay đổi màu, vị và mùi của nước. Đức Baha'u'llah đã cung cấp sự hướng dẫn thêm về nước trong sạch và nêu rõ nước ở tình trạng nào thì không dùng được (Vấn và Đáp 91).

106. Đấng Thượng Đế đã ... xóa bỏ quan niệm về “sự bất khiết” đối với một số vật và người đã bị xem là không trong sạch. (đoạn 75)

Quan niệm về “sự bất khiết” trong nghi lễ được hiểu và thực hành trong một số xã hội, bộ lạc và trong một số cộng đồng tôn giáo thuộc những Kỳ Cứu độ trước đã được Đức Baha'u'llah xóa bỏ. Ngài dạy rằng qua Mặc khải của Ngài “*mọi vật thọ tạo đều được đim trong đại dương thanh tẩy*”. (Xem chú thích 12, 20 và 103.)

107. Ngày đầu Thánh Lễ Ridvan (đoạn 75)

Lời này nhắc tới sự đến nơi của Đức Baha'u'llah và các bạn hữu của Ngài tại vườn Najibiyyih ở ngoài thành phố Baghdad, sau đó được người Baha'i gọi là Vườn Ridvan. Biên cô này đã diễn ra ba mươi một ngày sau lễ Nawruz, vào tháng 4 năm 1863, báo hiệu sự bắt đầu thời gian trong đó Đức Baha'u'llah công bố Sứ mạng của Ngài trước các bạn

hữu của Ngài. Trong một Kinh bản, Ngài nhắc tới sự Tuyên ngôn này như là “*Ngày lạc phúc tối cao*” và Ngài mô tả vườn Ridvan như là “*Địa điểm từ đó Ngài chiếu rọi trên toàn thể tạo vật với vẻ huy hoàng của Danh Ngài, Đấng Đại Từ bi*”. Đức Baha’u’llah trải qua mười hai ngày trong Ngôi Vườn này trước khi lên đường sang Istanbul, chốn lưu đày của Ngài.

Tuyên ngôn của Đức Baha’u’llah được cử hành hàng năm trong mười hai ngày Thánh Lễ Ridvan, mà Đức Shoghi Effendi mô tả là “Thánh Lễ thiêng liêng nhất và có ý nghĩa nhất trong tất cả các Thánh Lễ Baha’i” (xem các chú thích 138 và 140).

108. Kinh Bayan (đoạn 77)

Kinh Bayan, quyển Mẫu kinh của Thiên khai Babi được Đức Bab mặc khải trong hai phần, phần tiếng Ba Tư và phần tiếng Ả Rập. Đó là kho luật và lệnh của mặc khải Babi và nó chứa đựng phần lớn những lời nhắc nhở và ca ngợi “Đấng mà Thượng Đế sẽ biểu hiện” (Đức Baha’u’llah), Đấng sẽ xuất hiện theo sự tiên báo của Đức Bab. Trong sách *God Passes By*, Đức Shoghi Effendi chỉ ra rằng Kinh Bayan cần được xem “chủ yếu như là kinh tán dương Đấng Hứa hẹn hơn là kinh về luật và lệnh để làm kim chỉ nam vĩnh viễn cho các thế hệ mai sau”.

Đức Abdul-Baha đã viết: “*Kinh Bayan đã được thay thế bằng Kinh Kitab-i-Aqdas, ngoại trừ những luật đã được chuẩn nhận và nhắc đến trong Kinh Kitab-i-Aqdas*”.

109. Việc hủy bỏ các sách (đoạn 77)

Trong Kinh bản Ishraqat của Đức Baha’u’llah, nói tới sự kiện rằng Đức Bab đã đặt luật trong Kinh Bayan tùy thuộc sự chuẩn nhận của Ngài, dạy rằng Ngài ban hiệu lực cho một số điều luật của Đức Bab “*bằng cách thể hiện nó trong Kitab-i-Aqdas trong những ngôn từ khác*”, trong khi Ngài bãi bỏ các luật khác.

Về việc hủy bỏ các sách, Kinh Bayan truyền lệnh cho tín đồ của Đức Bab hủy bỏ tất cả các sách ngoại trừ những sách viết ra để bảo vệ Chánh nghĩa và Tôn giáo của Thượng Đế. Đức Baha’u’llah bãi bỏ luật đặc biệt này của Kinh Bayan.

Về bản chất và độ tôn nghiêm của các điều luật trong Kinh Bayan, Đức Shoghi Effendi, trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, đã đưa ra lời bình như sau:

Các luật và lệnh tôn nghiêm do Đức Bab mặc khải chỉ có thể hiểu và đánh giá đúng mức trong ánh sáng phát ngôn của chính Ngài về bản thể, mục đích và tính chất của Thiên khai của Ngài. Theo sự khải lộ rõ ràng của các phát ngôn này thì Thiên khai Babi chủ yếu có tính cách của một cuộc cách mạng tôn giáo và xã hội nữa, và vì vậy thời hạn của nó ngắn, nhưng đầy biến cố hùng tráng, của những cuộc cải cách ào ạt và chớp nhoáng. Những biện pháp ào ạt do Đức Bab và các tín đồ của Ngài thực thi đã làm sụp đổ nền móng của phái chính thống Shi’ih, và nhờ đó đã mở đường cho sự xuất hiện của Đức Baha’u’llah. Vừa khẳng định tính độc lập của một Thiên khai mới, vừa dọn đường cho sự xuất hiện Mặc khải của Đức Baha’u’llah, nên Đức Bab đã mặc khải những điều luật rất nghiêm ngặt, dù rằng phần lớn các luật ấy không hề được áp dụng. Nhưng riêng sự kiện Ngài mặc khải các luật ấy đã là bằng chứng về tính độc lập của Thiên khai của Ngài và cũng đủ để tạo nên sự dấy động sâu rộng, và khơi dậy sự chống đối nơi giới tăng lữ đã khiến họ gây ra sự tử đạo của Ngài.

110. Chúng Ta đã cho phép các người đọc những khoa học có lợi cho các người, chứ không phải những thứ kết thúc bằng sự tranh chấp vô bổ (đoạn 77)

Các thánh thư Baha'i đòi hỏi phải thủ đắc kiến thức và nghiên cứu các ngành nghệ thuật và khoa học. Người Baha'i được khuyên bảo hãy tôn trọng những người học thức và thành đạt, và được cảnh cáo là không nên theo đuổi những ngành học chỉ đưa tới những tranh cãi vô ích.

Trong các Kinh bản của Ngài, Đức Baha'u'llah khuyên dạy tín đồ nên nghiên cứu những ngành khoa học và nghệ thuật "*hữu dụng*" và thúc đẩy "*sự tiến bộ và phát triển*" của xã hội, và Ngài lưu ý nên tránh những ngành khoa học "*bắt đầu và kết thúc bằng những lời lẽ suông*" mà sự theo đuổi chỉ dẫn tới "*tranh chấp vô bổ*". Trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, Đức Shoghi Effendi ví các khoa học "*bắt đầu và kết thúc bằng lời lẽ suông*" với "*những cuộc phiêu lưu vô ích trong việc chẻ nhỏ sợi tóc nặng tính siêu hình*" và trong một bức thư khác, Ngài giải thích rằng điều Đức Baha'u'llah gọi là các "*khoa học*" đó chủ yếu là "*những luận văn và bài bình giải thần học chỉ làm nghẽn tâm trí con người chứ không giúp đạt tới chân lý*".

111. Đáng hội thoại cùng Thượng Đế (đoạn 80)

Đây là danh hiệu của Đức Moses theo truyền thống Do thái giáo và Hồi giáo. Đức Baha'u'llah dạy rằng với sự xuất hiện của Mặc Khải của Ngài "*tại của loài người đã có đặc ân nghe được điều mà Đáng hội thoại cùng Thượng Đế đã nghe trên núi Sinai*".

112. Sinai (đoạn 80)

Ngọn núi nơi Thượng Đế mặc khải Luật Ngài cho Đức Moses.

113. Thánh linh của Thượng Đế (đoạn 80)

Đây là một trong những danh hiệu được dùng trong các Thánh thư Hồi giáo và Baha'i để chỉ Chúa Jesus.

114. Carmel... Zion (đoạn 80)

Carmel, "Vườn nho của Thượng Đế", là ngọn núi ở Thánh địa, nơi hiện có Thánh lăng của Đức Bab và có trụ sở của trung tâm quản trị thế giới của Chánh Đạo.

Zion là ngọn đồi ở Jerusalem, địa điểm truyền thống có ngôi mộ của Vua David, có tính tượng trưng cho Jerusalem là thành phố Thánh.

115. "Thuyền Đỏ thắm" (đoạn 84)

"*Thuyền Đỏ thắm*" ý nói Chánh Đạo của Đức Baha'u'llah. Các tín đồ của Ngài được gọi là "*Những người đồng hành trên Thuyền Đỏ thắm*", được Đức Bab ca ngợi trong Kinh Qayyumul-Asma.

116. Hỡi Hoàng Đế Áo quốc! Ngài là Đấng Bình minh Ánh sáng của Thượng Đế đã cư ngụ tại lao tù Akka khi mà người thu xếp để viếng thăm Aqsa Mosque. (đoạn 85)

Francis Joseph (Franz Joseph, 1830-1916), Hoàng Đế Áo quốc và Vua Hungary, hành hương đến Jerusalem năm 1869. Trong khi ở Thánh địa ông ta đã không nắm được cơ hội để tìm hiểu về Đức Baha'u'llah, lúc bấy giờ Ngài là người tù ở Akka (Acre).

Aqsa Mosque có nghĩa là Đền thờ “Xa xôi Nhất”, được nhắc tới trong Kinh Quran, và được hiểu là Núi Đền thờ ở Jerusalem.

117. Hỡi vua Bá Linh! (đoạn 86)

Kaiser William I (Wilhelm Fiedrich Ludwig, 1797-1888), Vua thứ 7 của nước Phổ, được tôn lên ngôi Hoàng đế đầu tiên của nước Đức vào tháng 1 năm 1871 ở Versailles nước Pháp, sau khi Đức thắng Pháp trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ.

118. Kẻ mà uy quyền vượt hẳn uy quyền của người, mà cương vị cao trội hơn cương vị của người. (đoạn 86)

Đây là nhắc tới Napoleon III (1808 -1873), Hoàng Đế nước Pháp, được nhiều sử gia xem như vị vua lỗi lạc nhất đương thời ở Tây phương.

Đức Baha'u'llah gọi cho Napoleon III hai Kinh bản, mà trong Kinh bản thứ hai, Ngài tiên tri rõ rằng, vương quốc của Napoleon sẽ bị “rơi vào hỗn loạn”, rằng “*đế quốc sẽ thoát khỏi*” tầm tay của ông ta, và nhân dân của ông ta sẽ ném trái “*sự biến động*” lớn.

Trong vòng một năm, Napoleon III bị thất trận nặng nề trước Kaiser William I, trong trận đánh Sedan năm 1870. Ông bị lưu đày sang Anh và chết ở đó vào ba năm sau.

119. Hỡi nhân dân Constantinople! (đoạn 89)

Từ được dịch thành “Constantinople” trong nguyên bản là “Ar-Rum” hoặc “Rome”. Từ này thường được dùng ở Trung đông để chỉ Constantinople và Đế quốc La mã phương Đông, rồi để gọi Byzantium và đế quốc của nó, và cuối cùng là Đế quốc Ottoman.

120. Hỡi Địa điểm nằm trên bờ hai biển cả! (đoạn 89)

Đây nói đến Constantinople, nay là Istanbul. Nằm trên bán đảo Bosphorus, một eo biển dài khoảng 31 km nối liền Hắc hải và biển Marmara, đó là hải cảng và là thành phố lớn nhất của Thổ Nhĩ Kỳ.

Constantinople là Thủ đô của Đế quốc Ottoman từ 1453 đến 1922. Khi Đức Baha'u'llah lưu trú tại thành phố này, bạo chúa Abdul-Aziz đang trị vì. Các Hoàng đế Ottoman cũng là các vị Caliph, là những nhà lãnh đạo của Hồi giáo Sunni. Đức Baha'u'llah báo trước sự sụp đổ của chức Caliph, và đã xảy ra năm 1924.

121. Hỡi đôi bờ sông Rhine!(đoạn 90)

Trong một Kinh bản viết trước Thế chiến I (1914-1918), Đức Abdul-Baha giải thích rằng Đức Baha'u'llah đề cập tới việc đã thấy đôi bờ sông Rhine “*phủ đầy máu*” là liên hệ tới Chiến tranh Pháp - Phổ (1870 -1871) và rằng còn có sự đau khổ nhiều hơn sẽ xảy đến.

Trong sách *God Passes By*, Đức Shoghi Effendi nêu lên rằng “hiệp ước áp bức nặng nề” áp đặt lên nước Đức sau khi thua trận trong Thế chiến I “đã khơi lên ‘tiếng than khóc của Bá linh’ mà nửa thế kỷ trước đã được tiên tri như điềm dữ”.

122. Hỡi vùng đất (tên là) Ta (đoạn 91)

Ta là chữ đầu tiên của Tihran, thủ đô nước Iran. Đức Baha’u’llah thường nêu tên một số nơi bằng chữ đầu. Theo hệ thống số abjad, giá trị bằng số của Ta là chín, tức tương đương với giá trị bằng số của danh Baha.

123. Nơi người đã khai sinh Đấng Biểu hiện Vinh quang của Ngài (đoạn 92)

Đây là nói về sự giáng sinh của Đức Baha’u’llah ở Tihran ngày 12 tháng 11 năm 1817

124. Hỡi vùng đất (tên là) Kha! (đoạn 94)

Đây nhắc tới tỉnh Khurasan của Iran và các vùng lân cận, bao gồm cả thành phố Ishqabad (Ashkhabad).

125. Nếu một người có một trăm mithqal vàng, thì mười chín mithqal của số vàng đó thuộc về Thượng Đế và phải dâng lên Ngài (đoạn 97)

Câu kinh này thiết lập Luật Huququallah, Quyền của Thượng Đế, tức là dâng một khoản nhất định trong giá trị tài sản của tín đồ. Việc hiến dâng này được Đức Baha’u’llah lập nên với tư cách Đấng Biểu hiện của Thượng Đế và sau khi Ngài thăng thiên, là đến Đức Abdul-Baha với tư cách Trung tâm Giao ước. Trong Chúc thư và Giao ước của Ngài, Đức Abdul-Baha qui định rằng khoản Huququallah phải dâng lên “qua Đấng Giáo hộ của Chánh Đạo Thượng Đế”. Hiện giờ không có Đức Giáo hộ, khoản này được dâng qua Tòa Công lý Quốc tế là thủ lĩnh của Chánh Đạo. Quỹ này được dùng để phát triển Chánh Đạo của Thượng Đế và các lợi ích của Chánh Đạo, cũng như cho các mục đích nhân đạo khác. Việc dâng khoản Huququallah là nghĩa vụ tâm linh, và việc hoàn thành nghĩa vụ này để tùy lương tâm mỗi người Baha’i. Trong khi cộng đồng được nhắc nhở về các yêu cầu của luật Huquq, không ai tiếp xúc với từng cá nhân để đòi trả khoản này.

Một số mục trong phần Vấn và Đáp mở rộng thêm về luật này. Việc trả khoản Huququallah được căn cứ trên sự tính toán giá trị tài sản cá nhân. Nếu một người có tài sản giá trị ít nhất bằng mười chín mithqah vàng (Vấn và Đáp 8), người đó có nghĩa vụ tâm linh phải trả mười chín phần trăm của tổng số này, chỉ một lần, theo luật Huququallah (Vấn và Đáp 89). Sau đó, mỗi khi khoản thu nhập của một người, sau khi trả hết các khoản chi phí, có giá trị tài sản tăng lên ít nhất là mười chín mithqal vàng, người đó lại trả mười chín phần trăm của khoản tăng này, và cứ như thế tiếp tục cho mỗi lần tăng về sau (Vấn và Đáp 8 và 90).

Một số loại tài sản, như nhà ở, được miễn trả khoản Huququallah (Vấn và Đáp 8, 42 và 95), và những điều khoản cụ thể được đề ra cho những trường hợp mất mát tài chính (Vấn và Đáp 44 và 45), đầu tư không sinh lợi (Vấn và Đáp 102) và việc trả khoản Huquq khi người ta qua đời (Vấn và Đáp 9, 69 và 80). (Trong trường hợp sau cùng, xem chú thích 47.)

Nhiều đoạn trích trong các Kinh bản, Vấn và Đáp, và các Thánh thư khác về ý nghĩa tâm linh của luật Huququllah và các chi tiết áp dụng được ấn hành trong tập nhan đề *Huququllah*.

126. Nhiều thư thỉnh cầu của các tín đồ, đã đến trước ngai của Chúng Ta, liên quan đến luật pháp của Thượng Đế... Do đó, Chúng Ta đã mặc khải Kinh bản Thiêng liêng này và mặc cho nó chiếc áo Luật pháp của Ngài để dân chúng có thể tuân giữ các điều răn của Chúa mình. (đoạn 98)

Đức Baha'u'llah viết trong một Kinh bản của Ngài rằng: “*Trong một số năm, các thư thỉnh cầu về luật của Thượng Đế từ nhiều nước đã đến trước sự Hiện diện Tối Thiêng, nhưng Chúng Ta đã kèm giữ Ngòi bút cho đến thời điểm thiên định*”. Mãi đến hai mươi năm sau từ lúc khai sinh Sứ mạng Tiên tri của Ngài trong hầm giam Siyah-Chal ở Tihran, Đức Baha'u'llah mới mặc khải Kitab-i-Aqdas, Kho chứa Luật pháp thuộc Kỳ Cứu độ của Ngài. Ngay cả sau khi mặc khải, Kinh Aqdas còn bị Ngài giữ lại ít lâu trước khi Kinh ấy được gởi đến các đạo hữu ở Iran. Sự trì hoãn có chủ tâm thiêng liêng trong việc mặc khải những luật căn bản của Thượng Đế trong thời đại này, và sự thực thi lần hồi các điều khoản của luật này, làm sáng tỏ nguyên lý mặc khải tiệm tiến ngay trong thánh triều của mỗi Đấng Tiên tri.

127. Vùng đồ thám (đoạn 100)

Đây là nói tới thành phố lao tù Akka. Trong các Thánh thư Baha'i, từ “đồ thám” được dùng với nhiều nghĩa ẩn dụ và tượng trưng. (Xem chú thích 115.)

128. Sadratul Muntaha (đoạn 100)

Nghĩa đen là “Cây Liên hoa Xa nhất”, được Đức Shoghi Effendi dịch là: “*Cây mà đằng sau nó không còn có lối đi*”. Từ này được dùng như một biểu tượng trong Hồi giáo, chẳng hạn như trong đoạn tường thuật về Đêm Du hành của Đức Muhammad, để đánh dấu cái điếm trên các cõi trời mà cả con người và thiên thần không thể vượt qua trên đường tiến đến gần Thượng Đế, và như thế là để định giới hạn của tri thức thiêng liêng như đã được mặc khải cho nhân loại. Vì vậy từ này thường được dùng trong các Thánh thư Baha'i để chỉ chính Đấng Biểu hiện của Thượng Đế. (xem chú thích 164.)

129. Bộ Mẫu Kinh (đoạn 103)

Thuật ngữ “Mẫu Kinh” thường được dùng để chỉ Bộ Kinh chính yếu của một Kỳ Cứu độ tôn giáo. Trong Kinh Quran và các sách sấm truyền Hồi giáo, từ này được dùng để chỉ chính Kinh Quran. Trong Thiên khải Babi, Kinh Bayan là Mẫu Kinh, và Kitab-i-Aqdas là Mẫu Kinh của Kỳ Cứu độ của Đức Baha'u'llah. Ngoài ra, trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, Đức Giáo hộ còn nêu lên rằng khái niệm này cũng có thể được dùng như “một thuật ngữ gộp chỉ toàn bộ các Giáo lý do Đức Baha'u'llah mặc khải”. Thuật ngữ này cũng được dùng trong một nghĩa rộng hơn để chỉ Kho Mặc khải Thiêng liêng.

130. Kẻ nào diễn giải những điều đã được truyền xuống từ thiên đàng Mặc khải và làm thay đổi ý nghĩa hiển nhiên của những điều đó (đoạn 105)

Trong nhiều Kinh bản của Ngài, Đức Baha'u'llah xác định sự phân biệt giữa những câu kinh có tính ẩn dụ cần phải được giải thích, và những câu kinh liên hệ đến các chủ đề như luật và lệnh, các nghi lễ tôn giáo và thờ phượng, mà ý nghĩa thật hiển nhiên và đòi hỏi các tín đồ phải noi theo.

Như đã giải rõ trong các chú thích 145 và 184, Đức Baha'u'llah chỉ định Đức Abdul-Baha, Trưởng nam của Ngài làm Người Kế vị và là Người Giải thích các giáo lý của Ngài. Đức Abdul-Baha sau đó lại chỉ định cháu lớn của Ngài, là Đức Shoghi Effendi, kế vị Ngài để giải thích các Thánh thư và là vị Giáo hộ của Chánh Đạo. Những điều giải thích của Đức Abdul-Baha và của Đức Shoghi Effendi được xem là có sự hướng dẫn thiêng liêng mà người Baha'i phải tuân theo.

Sự tồn tại của các thẩm quyền giải thích không ngăn trở cá nhân chuyên tâm vào việc nghiên cứu Giáo lý và vì vậy đưa tới sự hiểu biết và giải thích theo cách riêng. Tuy nhiên, giáo lý Baha'i đã nêu ra sự phân biệt rõ rệt giữa sự giải thích có thẩm quyền và sự hiểu biết mà mỗi cá nhân đạt được do tự nghiên cứu giáo lý. Các sự giải thích của cá nhân dựa trên sự nghiên cứu riêng về Giáo lý là thành quả của lý trí con người, cũng có thể đóng góp to lớn vào sự hiểu biết Chánh Đạo. Tuy nhiên, các quan điểm đó không có thẩm quyền, các cá nhân được lưu ý không nên gạt bỏ thẩm quyền của lời thiên khai, không phủ nhận hoặc đối nghịch với sự giải thích có thẩm quyền, và không tạo ra sự mâu thuẫn, tốt hơn hết họ chỉ nên đưa ra các ý tưởng như là một sự đóng góp vào kho tri thức, tỏ rõ rằng các quan điểm của họ chỉ là quan điểm riêng của cá nhân

131. Dừng đến những hồ tắm công cộng kiểu Ba Tư (đoạn 106)

Đức Baha'u'llah cấm dùng những hồ tắm kiểu các nhà tắm công cộng theo truyền thống ở Ba Tư. Trong những nhà tắm này có thông lệ là nhiều người tắm chung trong một cái hồ và nước không được thay đều đặn. Do đó, nước đổi màu, nhiễm bẩn, mất vệ sinh và có mùi hôi rất khó chịu.

132. Các nơi cũng phải xa lánh những hồ tắm hôi hám trong sân những nhà Ba Tư (đoạn 106)

Phần lớn các nhà ở Ba Tư thường có hồ ở trong sân có công dụng như bể chứa nước dùng cho việc rửa giặt và các mục đích gia dụng khác. Về nước trong hồ bị ú đọng và thường mất nhiều tuần chưa thay một lần, nên có mùi rất khó chịu.

133. Các nơi bị cấm kết hôn với những người vợ của cha mình. (đoạn 107)

Việc kết hôn với mẹ kế là điều bị cấm rõ ràng trong câu kinh này. Điều cấm này cũng áp dụng cho việc kết hôn với cha kế. Ở chỗ nào Đức Baha'u'llah phát biểu một điều luật giữa một người đàn ông và một người đàn bà, thì luật ấy cũng áp dụng với sự sửa đổi thích đáng (*mutatis mutandis*) giữa đàn bà và đàn ông, chỉ trừ trường hợp nội dung câu kinh cho thấy điều này không thể thực hiện được.

Đức Abdul-Baha và Đức Shoghi Effendi xác nhận rằng, trong khi các bà mẹ kế chỉ là một loại thân nhân nêu trong kinh, điều này không có nghĩa rằng mọi sự phối hợp khác trong gia đình là được phép. Đức Baha'u'llah dạy rằng Tòa Công lý sẽ lập quy “về tính hợp pháp hay không của việc kết hôn với người trong thân tộc”, (Vấn và Đáp 50). Đức Abdul-Baha viết rằng giữa vợ chồng càng liên hệ xa về máu mủ càng tốt, bởi vì những

cuộc hôn nhân như thế tạo nền tảng cho sự lành mạnh thể chất của nhân loại và dẫn tới tình thân hữu giữa loài người.

134. Đề tài về lũ con trai (đoạn 107)

Từ được dịch ra đây là “*lũ con trai*”, trong nội dung này, nơi nguyên gốc Á Rập, ý nói thói đồng dâm nam. Đức Shoghi Effendi giải thích điều nhắc nhở này là cấm tất cả mọi quan hệ đồng tính luyến ái.

Giáo lý Baha’i về đạo đức tính dục tập trung vào hôn nhân và gia đình như là nền móng của toàn cấu trúc xã hội loài người, và có chủ đích bảo vệ và củng cố cơ cấu thiêng liêng ấy. Bởi vậy luật Baha’i chỉ nhìn nhận sự giao hợp hợp pháp giữa người đàn ông và người đàn bà mà người ấy đã cưới làm vợ.

Trong một bức thư viết theo lệnh Đức Shoghi Effendi, Ngài có lời dạy là:

Bất kể tình yêu giữa hai người cùng phái là tinh tế và chân thành ra sao, thì biểu lộ bằng hành động tình dục cũng là sai quấy. Không có cơ nào để cho đó là điều lý tưởng. Đức Baha’u’llah nghiêm cấm tất cả các hình thức vô luân, và quan hệ đồng tính luyến ái bị Ngài liệt vào loại vô luân đó, chưa kể nó là điều phản tự nhiên. Bị nhiễm thói tật này là một gánh nặng to lớn đối với linh hồn sáng suốt. Nhưng nhờ lời chỉ dẫn và sự giúp đỡ của các bác sĩ, nhờ nỗ lực mạnh mẽ và quyết tâm, nhờ sự cầu nguyện, một linh hồn có thể lướt thắng khuyết tật này.

Đức Baha’u’llah đã dành cho Tòa Công lý Quốc tế quyền quyết định hình phạt đối với tội ngoại tình và tà dâm tùy theo mức độ sai phạm (Vấn và Đáp 49).

135. Không ai được phép đọc làm nhằm những câu thánh thi trước cái nhìn của công chúng khi đang đi giữa phố phường hay giữa chợ (đoạn 108)

Đây là ám chỉ tập quán của một số giới tu sĩ và lãnh đạo tôn giáo trong các Kỳ Cứu độ trước, do thói đạo đức giả và tính màu mè, nhằm thu hút sự ca tụng của tín đồ, họ cầu nguyện rì rầm ở nơi công cộng như để biểu lộ lòng sùng kính của họ. Đức Baha’u’llah cấm hành vi ấy và nhấn mạnh tầm quan trọng của sự khiêm cung và lòng thành kính sâu xa đối với Thượng Đế.

136. Mọi người đều phải viết chúc thư. (đoạn 109)

Theo giáo lý của Đức Baha’u’llah, mỗi cá nhân có bổn phận phải viết chúc thư, và được tự do định đoạt tài sản của mình tùy thích (xem chú thích 38).

Đức Baha’u’llah xác nhận rằng khi lập chúc thư “*mỗi người có trọn quyền đối với tài sản của mình*”, vì Thượng Đế đã cho phép cá nhân “*sử dụng những gì Thượng Đế đã ban cho theo bất cứ cách nào người ấy muốn*” (Vấn và Đáp 69). Các điều khoản nêu ra trong Kitab-i-Aqdas là để phân chia di sản thừa kế trong trường hợp không có chúc thư. (Xem các chú thích 38 và 48.)

137. Tới Đại Danh (đoạn 109)

Như đã được giải thích trong chú thích 33, Tới Đại Danh của Thượng Đế có thể có nhiều dạng, tất cả đều căn cứ trên từ “Baha”. Người Baha’i ở Phương Đông đã thực thi phán lệnh này trong Kinh Aqdas bằng cách mở đầu chúc thư bằng câu: “Lạy Ngài là Đấng

Vinh quang của Đấng Toàn vinh”, “Nhân danh Thượng Đế, Đấng Toàn vinh” hoặc “Ngài là Đấng Toàn vinh”, và vân vân...

138. Tất cả các Thánh lễ đều đặt tới tột đỉnh trong hai Lễ hội Lớn Nhất, và trong hai Lễ hội khác rơi vào những ngày kép (đoạn 110)

Đoạn này thiết lập bốn Lễ hội lớn nhất trong năm Baha'i. Hai Thánh Lễ được Đức Baha'u'llah chỉ định là "*Hai Lễ hội Lớn Nhất*" là, thứ nhất, Thánh lễ Ridvan, kỷ niệm Tuyên ngôn của Đức Baha'u'llah về Sứ mạng Tiên tri của Ngài trong vườn Ridvan ở Baghdad suốt mười hai ngày trong tháng Tư, tháng Năm, năm 1863 và được Ngài gọi là "*Vua của các Thánh Lễ*", và thứ hai, là Tuyên ngôn của Đức Bab, diễn ra vào tháng Năm, năm 1844 ở Shiraz. Ngày thứ nhất, thứ chín và thứ mười hai của lễ Ridvan đều là Thánh lễ (Vấn và Đáp 1), và Tuyên ngôn của Đức Bab cũng vậy.

"*Hai Lễ hội khác*" là Ngày Giáng sinh của Đức Baha'u'llah và Ngày Giáng sinh của Đức Bab. Theo âm lịch của Hồi giáo những ngày này theo thứ tự như sau, Lễ Giáng sinh Đức Baha'u'llah nhằm vào ngày thứ hai tháng Muharram 1233 A.H. (12-11-1817), Lễ Giáng sinh Đức Bab nhằm ngày thứ nhất cũng tháng ấy năm 1235 A.H. (20-10-1819). Những ngày ấy được nhắc tới như là "*Lễ Giáng sinh Song hành*", và Đức Baha'u'llah dạy rằng hai ngày này được xem như một trước mắt Thượng Đế (Vấn và Đáp 2). Ngài dạy rằng, nếu hai ngày này rơi vào tháng chay, thì luật giữ chay không áp dụng vào các ngày này (Vấn và Đáp 36). Biết rằng lịch Baha'i (Xem chú thích 26 và 147) là dương lịch, nhưng còn tùy Tòa Công lý Quốc tế quyết định các Thánh Lễ Giáng sinh Song hành này sẽ cử hành trên căn bản âm lịch hay dương lịch.^r

139. Ngày thứ nhất tháng Baha. (đoạn 111)

Trong lịch Baha'i tháng thứ nhất của năm và ngày thứ nhất của tháng đều được đặt tên là "Baha". Như thế ngày Baha của tháng Baha là Năm Mới Baha'i, là Naw-Ruz, đã được Đức Bab ấn định là ngày Lễ hội và được Đức Baha'u'llah xác nhận ở đây (Xem chú thích 26 và 147).

Ngoài bảy Ngày Thánh Lễ được qui định trong các đoạn này của Kinh Kitab-i-Aqdas, ngày tưởng niệm sự Tử đạo của Đức Bab cũng được cử hành như một ngày Thánh Lễ hội sinh thời của Đức Baha'u'llah, và cùng với Lễ này, Đức Abdul-Baha đã thêm vào việc cử hành Thánh Lễ Thăng thiên của Đức Baha'u'llah, tất cả hợp thành chín Thánh Lễ. Hai ngày lễ khác được cử hành, nhưng không phải nghỉ làm việc, đó là Ngày giao ước và Ngày Kỷ niệm Đức Abdul-Baha Thăng thiên. Xem thêm phần về Niên lịch Baha'i trong sách "*Thế giới Baha'i*", bộ XVIII.

140. Hẳn nhiên, Lễ hội Lớn Nhất là Vua của các Lễ hội. (đoạn 112)

Đây nhắc tới Thánh Lễ Ridvan (xem các chú thích 107 và 138).

141. Trước đây Thượng Đế đã ấn định cho mỗi tín đồ cái bồn phạt dâng lên trước ngôi của Chúng Ta những vật phẩm vô giá thuộc tài sản của họ. Nay... Chúng Ta miễn cho các tín đồ cái bồn phạt này. (đoạn 114)

Đoạn này hủy bỏ một điều khoản trong Kinh Bayan qui định rằng mọi vật quý nhất thuộc từng loại, khi Đấng mà Thượng Đế sẽ biểu hiện xuất hiện thì nên dâng lên Đấng ấy.

Đức Bab giải thích rằng, vì Đấng Biểu hiện của Thượng Đế là bất khả ti, cho nên bất cứ vật gì quý nhất trong từng loại thì đúng ra phải dành cho Ngài, trừ phi Ngài chỉ dụ khác đi.

142. Lúc rạng đông (đoạn 115)

Khi nhắc tới việc tham dự lễ cầu nguyện lúc rạng đông trong Mashriqul Adhkar, tức Đền thờ Baha'i, Đức Baha'u'llah đã giải thích rằng, dù thời gian thực sự qui định trong Thánh kinh của Thượng Đế là “*lúc rạng đông*”, nhưng có thể chấp nhận bất cứ lúc nào từ “*giờ sớm nhất trong ngày, giữa rạng đông và mặt trời mọc, hoặc cho đến hai giờ sau khi mặt trời mọc*” (Vấn và Đáp 15).

143. Thánh thư của Ngài có con dấu của Đức Baha'u'llah. Các Kinh bản này đã được điếm tô bằng dấu ấn của Ngài là Đấng làm cho buổi bình minh xuất hiện, là Đấng cất cao giọng nói của Ngài ở giữa các cõi trời và cõi đất. (đoạn 117)

Đức Baha'u'llah nhiều lần khẳng định tính nhất thể tuyệt đối của các Thánh thư của Ngài chính là Lời của Thượng Đế. Một số Kinh bản của Ngài có mang dấu ấn của Ngài. Sách “*Thế giới Baha'i*”, bộ V trang 4, có bức ảnh chụp các con dấu của Đức Baha'u'llah.

144. Con người, vốn được phú bẩm trí khôn, không được phép dùng thứ gì khiến trí khôn bị hủy hoại. (đoạn 119)

Có nhiều nơi trong Kinh sách Baha'i cấm dùng rượu và các chất gây say khác và đã mô tả hậu quả làm thoái hóa của các chất gây say ấy đối với cá nhân. Trong một Kinh bản của Ngài, Đức Baha'u'llah dạy:

Hãy lưu ý kéo các người đem Rượu của Thượng Đế đi đổi lấy rượu của các người, vì nó sẽ làm dẫn động trí óc các người, và khiến mặt các người rời xa Thánh nhan của Thượng Đế, Đấng Toàn vinh, Đấng Vô song, Đấng Tối cao. Chớ gần gũi nó, vì nó đã bị cấm đối với các người bởi phán lệnh của Thượng Đế, Đấng Chí tôn, Đấng Toàn năng.

Đức Abdul-Baha giải thích rằng Kinh Aqdas cấm “*cả rượu nhẹ và rượu nặng*”, và Ngài dạy rằng lý do để cấm dùng thức uống có rượu vì “*rượu đưa trí óc tới chỗ lâm lạc và làm cơ thể suy yếu*”.

Đức Shoghi Effendi, trong những bức thư viết theo lệnh Ngài, dạy rằng sự cấm đoán này không những chỉ gồm việc dùng rượu mà cấm cả “*mọi thứ làm xáo trộn tâm trí*”, và Ngài giải rõ rằng rượu chỉ được phép dùng khi nó hợp thành thành phần trị liệu “*theo sự chỉ dẫn của y sĩ giỏi và có lương tâm, người này có thể dùng nó để chữa trị một chứng bệnh đặc biệt*”.

145. Các người hãy hướng về Đấng đã được Thượng Đế chỉ định, Đấng đâm cành từ Rễ Xưa (đoạn 121)

Ở đây Đức Baha'u'llah nhắc tới Đức Abdul-Baha như là Đấng Kế vị Ngài và kêu gọi các tín đồ hướng về Đức Abdul-Baha. Trong Kinh Giao ước, tức Chúc thư và Giao ước của Ngài, Đức Baha'u'llah tiết lộ chủ tâm của Ngài về câu kinh này. Ngài phán: “*Đối tượng của câu thánh thi này chính là Cành Hùng mạnh Nhất*”. Cành Hùng mạnh Nhất là một tước hiệu mà Đức Baha'u'llah ban cho Đức Abdul-Baha. (Xem thêm chú thích 66 và 184.)

146. Trong Kinh Bayan các người đã bị cấm nêu câu hỏi lên Chúng Ta. (đoạn 126)

Đức Bab cấm các tín đồ của Ngài hỏi về Đấng mà Thượng Đế sẽ biểu hiện (tức Đức Baha'u'llah), trừ phi họ trình câu hỏi bằng văn viết và liên quan tới những đề tài xứng đáng với cương vị cao cả của Ngài. Hãy xem *Trích tuyển* từ các Thánh thư của Đức Bab.

Đức Baha'u'llah đã hủy bỏ lệnh cấm này của Đức Bab. Ngài kêu gọi tín đồ cứ nêu những câu hỏi mà họ thấy “*cần hỏi*”, và Ngài lưu ý họ nên hạn chế việc nêu ra “*những câu hỏi vô bổ*” thuộc loại “*mà con người thuộc các thời đại trước*” hay bận tâm.

147. Số tháng trong năm, được ấn định trong Thánh kinh của Thượng Đế là mười chín. (đoạn 127)

Năm Baha'i, dựa theo lịch Badi, gồm mười chín tháng, với mỗi tháng mười chín ngày, cộng thêm một số ngày dư (bốn ngày vào những năm thường, và năm ngày vào năm nhuận) giữa tháng thứ mười tám và tháng thứ mười chín để điều chỉnh lịch theo năm mặt trời. Đức Bab đặt tên các tháng bằng một số đặc tính của Thượng Đế. Năm Mới Baha'i, tức Naw-Ruz, được định theo thiên văn trùng với Xuân phân vào tháng Ba (xem chú thích 26). Muốn biết thêm chi tiết, kể cả tên các ngày trong tuần và tên các tháng, hãy xem phần nói về Niên lịch Baha'i trong sách *Thế giới Baha'i*, bộ XVIII.⁵

148. Tháng thứ nhất được tô điểm bằng Danh này là Danh che phủ tất cả tạo vật (đoạn 127)

Trong Kinh Bayan tiếng Ba Tư, Đức Bab đã ban danh “Baha” cho tháng thứ nhất trong năm (xem chú thích 139).

149. Đấng Chúa truyền phán rằng người chết nên được chôn trong hòm (đoạn 128)

Trong Kinh Bayan, Đức Bab qui định rằng người chết nên được chôn trong hòm bằng thủy tinh hoặc bằng đá mài bóng. Trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, Đức Shoghi Effendi giải thích rằng ý nghĩa của điều khoản này là để tỏ lòng tôn kính đối với thân xác bởi nó từng “được nêu cao bởi linh hồn bất diệt của con người”.

Tóm lại, luật Baha'i về việc mai táng người chết dạy rằng không được phép chôn xác đi quá một giờ đồng hồ kể từ nơi chết, rằng thi thể nên được liệm bằng lụa hoặc vải và trên ngón tay nên đeo chiếc nhẫn có mang dòng chữ: “*Con đến từ Thượng Đế và trở về cùng Ngài, dứt bỏ mọi sự ngoài Ngài, bám chặt vào Danh Ngài, Đấng Khoan dung, Đấng Từ bi*”, và hòm nên làm bằng thủy tinh, bằng đá, bằng gỗ cứng loại tốt. Kinh đặc biệt dành cho Người qui tịch (xem chú thích 10) được truyền là phải đọc trước khi chôn. Đức Abdul-Baha và Đức Giáo hộ cũng khẳng định rằng luật này cấm thiêu xác người chết. Kinh cầu nguyện chính thức và nhẫn chỉ áp dụng cho những người thành niên, tức mười lăm tuổi (Vấn và Đáp 70).

Về vật liệu để làm hòm, theo tinh thần của luật là hòm nên làm bằng vật liệu càng bền càng tốt. Vì thế, Tòa Công lý Quốc tế đã giải thích rằng, ngoài những vật liệu được nêu rõ trong Kinh Aqdas, không có sự ngăn cấm nào trong việc dùng gỗ rắn nhất hoặc dùng bê tông để đúc hòm. Hiện giờ, người Baha'i được tự do lựa chọn trong vấn đề này.

150. Đấng Điềm của Kinh Bayan (đoạn 129)

“*Đấng Điềm của Kinh Bayan*” là một tước hiệu mà Đức Bab tự tôn xưng.

151. Người chết phải được liệm trong năm tấm lụa hoặc vải. (đoạn 130)

Trong Kinh Bayan, Đức Bab qui định rõ rằng người chết phải được quấn trong năm tấm lụa hoặc vải. Đức Baha'u'llah chuẩn nhận điều khoản này và thêm vào lời qui định rằng “*đối với những người có phương tiện hạn hẹp thì một tấm thuộc các loại hàng này cũng đủ*”.

Khi được hỏi “*năm tấm*” nêu trong luật là “*năm tấm liệm dài toàn thân*” hay là “*năm tấm vải mà người ta thường dùng theo tục lệ xưa nay*”, Đức Baha'u'llah Đáp rằng chủ tâm là “*dùng năm tấm vải*” (Vấn và Đáp 56).

Về cách liệm xác, trong các Thánh thư Baha'i không qui định rõ xác phải được quấn vải như thế nào, cả trong trường hợp dùng “*năm tấm vải*” cũng như trong trường hợp “*chỉ một tấm*”. Hiện nay, người Baha'i được tự do dùng sự phán đoán riêng trong vấn đề này.

152. Xác người chết bị cấm chở ra xa thành phố quá một tiếng đồng hồ (đoạn 130)

Chủ đích của phán lệnh này là giới hạn sự đi xa quá một giờ, bất kể loại phương tiện chuyên chở được chọn để đưa xác người chết tới nơi an táng. Đức Baha'u'llah xác nhận rằng việc chôn cất diễn ra càng sớm “*càng thích hợp và được chấp nhận*” (Vấn và Đáp 16).

Nơi người chết qua đời là một thành phố hoặc thị trấn, và vì vậy một giờ hành trình được tính từ ranh giới thành phố cho tới nơi chôn cất. Tinh thần luật của Đức Baha'u'llah là muốn cho người chết được chôn ở gần nơi người ấy qua đời.

153. Thượng Đế đã xóa bỏ những hạn chế về du lịch được ấn định trong Kinh Bayan. (đoạn 131)

Đức Bab đã qui định một số hạn chế về du lịch có hiệu lực cho đến khi Đấng Hứa hẹn của Kinh Bayan giáng thế, lúc bấy giờ các tín đồ được dạy bảo là hãy lên đường, dù là đi bộ, để gặp Đấng Hứa hẹn ấy, vì đạt tới sự hiện diện của Ngài là thành quả và mục đích của chính cuộc đời họ.

154. Hãy dựng lên và tôn vinh hai Tòa nhà trong Chốn Thiêng liêng Song lập, và những thắng tích khác trong đó ngôi của Chúa các người... được thiết lập. (đoạn 133)

Đức Baha'u'llah xác định “*hai Tòa nhà*” là Nhà của Ngài ở Baghdad, được Ngài đặt danh hiệu là “*Thánh thất Lớn Nhất*”, và Nhà của Đức Bab ở Shiraz, cả hai được Ngài ấn định là nơi hành hương. (Xem Vấn và Đáp 29, 32 và chú thích 54.)

Đức Shoghi Effendi giải thích rằng “*những thắng tích khác trong đó ngôi của Chúa các người... được thiết lập*” là chỉ những nơi mà chính Đấng Biểu hiện của Thượng Đế đã ở. Đức Baha'u'llah dạy rằng “*dân chúng ở các vùng có những thánh tích này có thể chọn bảo tồn từng ngôi nhà*” trong đó Ngài đã ở, “*hoặc chỉ một trong các ngôi nhà đó*” (Vấn và Đáp 32). Các cơ cấu Baha'i đã xác lập, lưu hồ sơ, và tu bổ một số thắng tích lịch sử liên hệ tới hai Đấng Biểu hiện.

155. Hãy lưu ý kẻ các người bị ngăn trở bởi bất cứ điều gì không được ghi trong Thánh kinh, khiến các người không nghe được Ngài, là Thánh kinh Hằng Sống (đoạn 134)

“*Thánh kinh*” là sách ghi Lời thiên khai của Đấng Biểu hiện của Thượng Đế. “*Thánh kinh Hằng sống*” ý nói chính Bản thân Đấng Biểu hiện.

Những thánh ngôn này chứa đựng ý nghĩa lời công bố của Đức Bab trong Kinh Bayan bằng tiếng Ba Tư về “*Thánh kinh Hằng sống*”, tức Ngài muốn nói về Đấng mà Thượng Đế sẽ biểu hiện. Trong một Kinh bản của Ngài, chính Đức Baha’u’llah cũng đã phán: “*Thánh kinh của Thượng Đế đã được ban xuống trong nhân dạng của người Thanh niên này*”.

Trong câu thánh thi này của Kinh Aqdas, và rồi trong đoạn 168 cũng của Kinh Aqdas, Đức Baha’u’llah đã nhắc đến chính Ngài như là “*Thánh kinh Hằng sống*”. Ngài lưu ý “*tín đồ của mọi tôn giáo khác*” đừng tìm “*lý lẽ trong các Thánh kinh của họ*” để bác bỏ lời phán của “*Thánh kinh Hằng sống*”. Ngài khuyên dân chúng đừng để cho những gì đã được ghi trong “*Thánh kinh*” ngăn trở họ nhận biết Cương vị của Ngài và ngăn họ bám chắc vào điều gì thuộc về Mặc khải mới này.

156. Để tôn vinh Mặc khải này, từ Ngôi bút của Ngài là Đấng Tiên phong của Ta (đoạn 135)

“*Sự tôn vinh*” mà Đức Baha’u’llah nhắc đến trong đoạn này lấy từ Kinh Bayan bằng tiếng Ả Rập.

157. Hẳn nhiên, Qiblih (Điểm thờ phượng) chính là Đấng mà Thượng Đế sẽ cho biểu hiện; mỗi khi Ngài di chuyển điểm ấy di chuyển theo, cho đến khi Ngài yên nghỉ. (đoạn 137)

Để thảo luận về câu thánh thi này, hãy xem chú thích 7 và 8.

158. Kết hôn với một người không phải tín đồ Kinh Bayan là bất hợp pháp. Nếu chỉ một bên trong cuộc hôn nhân chấp nhận Chánh Đạo, thì tài sản của người này sẽ là bất hợp pháp đối với người kia (đoạn 139)

Đoạn Kinh Bayan mà Đức Baha’u’llah trích ra đây gây sự chú ý cho các tín đồ về sự xuất hiện sắp đến của “*Đấng mà Thượng Đế sẽ cho biểu hiện*”. Việc cấm kết hôn với người không phải là Babi và điều khoản qui định rằng tài sản của người chồng hoặc người vợ chấp nhận Chánh đạo không thể chuyển một cách hợp pháp cho người hôn phối không phải là Babi đã được Đức Bab nêu ra rõ ràng, và sau đó Đức Baha’u’llah đã hủy bỏ các điều này trước khi nó được áp dụng. Khi trích dẫn luật này, Đức Baha’u’llah nêu lên sự kiện rằng, khi Mặc khải điều ấy, Đức Bab đã thấy rõ khả năng là Chánh Đạo của Đức Baha’u’llah sẽ được tôn trọng trước hơn Chánh Đạo của chính Đức Bab.

Trong sách *God Passes by* (Thượng Đế vừa đi qua), Đức Shoghi Effendi đã chỉ ra rằng Kinh Bayan “*chủ yếu sẽ được xem như kinh ngợi ca Đấng Hứa hẹn hơn là quyền kinh về luật và lệnh nhằm hướng dẫn vĩnh viễn các thế hệ mai sau*”. Ngài viết tiếp: “*Cực kỳ nghiêm khắc trong các qui tắc và định chế nêu ra, cách mạng triệt để trong các nguyên lý thiết lập, nhằm đánh thức giới tăng lữ và công chúng khỏi cơn mê lịm lâu đời, và tung ra đòn triệt phá quyết liệt đối với các cơ cấu suy bại và lỗi thời, Kinh Bayan công bố, bằng những điều khoản cực mạnh của nó, sự xuất hiện của Ngày mong đợi, Ngày mà Đấng Kêu*

gọi sẽ kêu gọi về một trách vụ gay go, khi Đấng ấy sẽ triệt hạ bất cứ cái gì đã có trước mắt Ngài, như thể Đấng Tông đồ của Thượng Đế triệt hạ lễ thói của những ai đến trước Ngài.” (Xem thêm chú thích 109).

159. Đấng Điềm của Kinh Bayan (đoạn 140)

Một tước hiệu của Đức Bab.

160. Quả thực, không có Thượng Đế nào khác ngoài Ta (đoạn 143)

Trong Kinh sách Baha'i có nhiều đoạn nêu rõ bản thể Đấng Biểu hiện của Thượng Đế và mối liên hệ giữa Đấng ấy với Thượng Đế. Đức Baha'u'llah nhấn mạnh tính chất độc nhất và thoát tục của Thượng Đế Chí tôn. Ngài giải thích rằng “*vì không có mối dây liên hệ trực tiếp nào để gắn bó Đấng Thượng Đế chân chính duy nhất với tạo vật của Ngài*” nên Thượng Đế đã thiết định rằng “*trong mỗi thời đại và mỗi Kỳ Cứu độ, một Linh hồn trong sạch và không tì vết sẽ được cho biểu hiện trong các vương quốc ở dưới đất và trên trời*”. “*Nhân vật huyền bí và thanh thoát*” này, tức Đấng Biểu hiện của Thượng Đế, có một bản chất người thuộc về “*thế giới vật chất*” và một bản chất tâm linh “*sinh ra từ bản thể của chính Thượng Đế*”. Đấng ấy cũng được phú bẩm một “*cương vị song lập*”.

Cương vị thứ nhất, liên hệ với bản thể sâu xa nhất của Ngài, tỏ rõ Ngài là Đấng nói tiếng nói của chính Thượng Đế...

Cương vị thứ hai là cương vị con người, được biểu lộ bằng các câu thánh thi sau đây: “Ta cũng là một người như các người”. “Này, Đấng Chúa của Ta thật đáng ca ngợi! Ta há là gì hơn một con người, một tông đồ?”

Đức Baha'u'llah cũng xác nhận rằng, trong cõi tâm linh, có sự “*thống nhất tất yếu*” giữa tất cả các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế. Tất cả các Ngài đều khai lộ “*vẻ Mỹ lệ của Thượng Đế*”, biểu hiện các danh và các đặc tính của Ngài, và phát ngôn Mặc khải của Ngài. Về phương diện này, Đức Baha'u'llah phán:

Nếu có Đấng Biểu hiện toàn năng nào của Thượng Đế tuyên bố “Ta là Thượng Đế”, thì quả thực, Đấng ấy đã nói sự thực và không có chút gì đáng hoài nghi. Vì sự thực này đã được chứng minh nhiều lần rằng bởi Mặc khải của các Đấng ấy, bởi các danh và các đặc tính của các Đấng ấy, mà Mặc khải của Thượng Đế, các danh và các đặc tính của Ngài, được biểu hiện trên thế giới...

Trong khi các Đấng biểu hiện khai lộ các danh và các đặc tính của Thượng Đế, và là phương tiện nhờ đó nhân loại đạt tới sự hiểu biết về Thượng Đế và về Mặc khải của Ngài, Đức Shoghi Effendi dạy rằng các Đấng biểu hiện sẽ “*không bao giờ... được coi là đồng nhất với Bản thể vô hình ấy, tức Bản thể của Thần tính*”. Còn về Đức Baha'u'llah, Đức Giáo hộ viết rằng “*đền thờ nhân thân hằng là phương tiện truyền đạt Mặc khải hùng vĩ ấy*” không được xem là đồng nhất thể với “*Bản thể*” của Thượng Đế.

Về tính độc nhất của cương vị Đức Baha'u'llah và về sự vĩ đại của Mặc khải Ngài, Đức Shoghi Effendi xác nhận rằng những lời công bố có tính tiên tri liên quan đến “*Ngày của Thượng Đế*”, ghi trong Thánh thư của những Kỳ Cứu độ đã qua, đều đã hoàn thành do sự giảng lâm của Đức Baha'u'llah:

Đối với Israel, Ngài chính là hiện thân của “*Đấng Cha hằng hữu*”, “*Đấng Chúa các Cơ binh*”, giảng thế “*với mười ngàn chư thánh*”; đối với thế giới Thiên Chúa giáo, Ngài là Đấng Christ tái lâm “*trong vinh quang của Đức Chúa Cha*”; đối với Hội giáo Shiah, Ngài

là sự trở lại của Imam Husayn; đối với Hồi giáo Sunni, Ngài là sự giáng thế của “Linh Thượng Đế” (tức Đức Jesus Christ); đối với người Bái hỏa giáo, Ngài là Đấng Shah Bahram được hứa hẹn; đối với người Ấn độ giáo, Ngài là sự tái sinh của Đức Krishna; đối với các Phật tử, Ngài là Đức Phật thứ năm.

Đức Baha'u'llah mô tả cương vị của “Thần tính” mà Ngài san sẻ với tất cả các Đấng Biểu hiện của Thượng Đế như là:

... cương vị trong đó con người chết đi và sống trong Thượng Đế. Mỗi khi Ta nhắc tới Thần tính, thì Thần tính nói lên sự xả kỷ trọn vẹn và tuyệt đối của Ta. Đây là cương vị trong đó Ta không còn làm chủ ý muốn và nguyện vọng của Ta về đời sống của Ta hoặc về sự phục sinh của Ta.

Và về mối liên hệ của chính Ngài với Thượng Đế, Ngài chứng nhận:

Lạy Thượng Đế của con, khi con chiêm nghiệm mối liên hệ gắn bó con với Ngài, con được thôi thúc phải công bố cùng tất cả tạo vật “quả thực, Ta là Thượng Đế”; và khi suy xét chính bản thân con, con thấy nó còn thô kệch hơn đất sét!

161. Trả khoản Zakat (đoạn 146)

Zakat được nhắc tới trong Kinh Quran là một hành vi từ thiện thường xuyên có tính bắt buộc đối với người Hồi giáo. Theo thời gian quan niệm này tiến hóa thành một dạng thuế từ thiện đặt ra nghĩa vụ hiến dâng một số khoản thu nhập cố định, vượt khỏi giới hạn qui định để cứu trợ người nghèo, để dùng vào những mục đích từ thiện khác, và để giúp vào Chánh đạo của Thượng Đế. Giới hạn đặc miễn thay đổi đối với các hàng hóa khác nhau, cũng như số phần trăm phải trả dựa trên phần đánh giá được.

Đức Baha'u'llah dạy rằng luật Baha'i về Zakat y theo “*điều đã được Mặc khải trong Kinh Quran*”. (Vấn và Đáp 107). Vì những vấn đề như giới hạn đặc miễn, các loại thu nhập liên hệ, định kỳ trả thuế, mức giá biểu cho các loại Zakat khác nhau không được nêu rõ trong Kinh Quran, những vấn đề này sẽ được Tòa Công lý Quốc tế qui định trong tương lai. Đức Shoghi Effendi đã chỉ rõ rằng trong khi chờ lập qui, các tín đồ nên đóng góp thường xuyên vào Quỹ Baha'i, tùy phương tiện và khả năng của mình.

162. Ăn xin là bất hợp pháp, và việc bố thí cho người ăn xin cũng bị cấm. (đoạn 147)

Trong một Kinh bản, Đức Abdul-Baha giải thích ý nghĩa của câu thánh thi này. Ngài dạy rằng “*sự ăn xin bị cấm và rằng bố thí từ thiện cho những người lấy việc ăn xin làm nghề nghiệp cũng bị cấm*”. Cũng trong Kinh bản ấy, Ngài chỉ ra rằng: “*Mục đích là xóa hẳn nạn hành khát. Tuy nhiên, nếu một người không thể kiếm sống, bị dầy vò bởi sự nghèo túng hoặc trở nên bơ vơ, thì những người giàu hoặc những Đại biểu phải cung cấp phụ bổng hằng tháng để người ấy sinh sống... Các ‘Đại biểu’ ở đây ý nói những người đại diện nhân dân, tức là các ủy viên Tòa Công lý*”.

Lệnh cấm bố thí từ thiện cho những người ăn xin không ngăn cản các cá nhân và các Hội đồng Tinh thần trợ giúp tài chánh cho những người nghèo khổ và thiếu thốn hoặc tạo cho họ cơ hội học nghề chuyên môn để giúp họ kiếm sống (xem chú thích 56).

163. Trước kia đã qui định khoản phạt... đối với ai tạo sự buồn phiền cho người khác (đoạn 148)

Đức Baha'u'llah đã hủy bỏ luật của Kinh Bayan bằng tiếng Ba Tư về việc trả khoản phạt để đền bù cho việc gây buồn phiền cho kẻ láng giềng.

164. Cây Liên hoa Thiêng liêng (đoạn 148)

Cây Liên hoa Thiêng liêng là nói về Sadratul Muntaha, “*Cây mà đằng sau nó không còn có lối đi*” (xem chú thích 128). Thuật ngữ này được dùng tượng trưng ở đây để chỉ Đức Baha'u'llah.

165. Mỗi sáng và tối hãy đọc thuộc các thánh ngôn (hay thánh thi verses) của Thượng Đế. (đoạn 149)

Đức Baha'u'llah dạy rằng “*điều kiện*” chính yếu để đọc thuộc “*các thánh thi của Thượng Đế*” là sự “*niệt thành và tình yêu*” của các tín đồ khi “*đọc Thánh ngôn của Thượng Đế*”. (Vấn và Đáp 68).

Về định nghĩa “*thánh thi của Thượng Đế*”, Đức Baha'u'llah dạy rằng thuật ngữ này nói tới “*tất cả những gì được ban xuống từ Cõi trời Phát ngôn Thiêng liêng*”. Trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, gửi cho các tín đồ ở phương Đông, Đức Shoghi Effendi đã minh giải rằng thuật ngữ “*thánh thi của Thượng Đế*” không gồm các kinh sách của Đức Abdul-Baha; Ngài cũng chỉ ra rằng thuật ngữ này cũng không áp dụng với các văn phẩm của Ngài.

166. Các nơi được dạy là phải đổi mới các trang bị trong nhà sau mỗi đợt mười chín năm (đoạn 151)

Đức Baha'u'llah chuẩn nhận qui định trong Kinh Bayan bằng tiếng Á Rập về việc đổi mới các trang bị trong nhà, mỗi đợt mười chín năm, nếu ta có khả năng làm điều đó. Đức Abdul-Baha liên hệ lệnh này với sự cố động cho sự tinh tế và sạch sẽ. Ngài giải thích rằng mục đích của luật dạy ta nên thay đổi các trang bị cũ, đã mất sự sáng bóng và gây khó chịu. Luật này không áp dụng đối với những vật hiếm, vật bảo tàng, đồ cổ hoặc nữ trang.

167. Các nơi hãy rửa chân (đoạn 152)

Trong Kitab-i-Aqdas, các tín đồ được khuyên hãy tắm rửa thường xuyên, mặc quần áo sạch và nói chung hãy trở thành tinh hoa của sự sạch sẽ và tinh tế. Kinh Khái yếu và Pháp điển, đoạn IV. D. 3. y. 1-VII, tóm tắt những điều khoản chính. Về việc rửa chân, Đức Baha'u'llah dạy rằng tốt nhất là dùng nước nóng; tuy nhiên, rửa bằng nước lạnh cũng được cho phép (Vấn và Đáp 97).

168. Các nơi bị cấm dùng tòa giảng. Ai muốn đọc cho các nơi nghe những câu thánh thi của Chúa mình, kẻ ấy hãy ngồi xuống chiếc ghế đặt trên bục. (đoạn 154)

Những điều khoản này có tiền lệ trong Kinh Bayan bằng tiếng Ba Tư. Đức Bab cấm dùng tòa giảng để diễn thuyết hoặc đọc Kinh sách. Thay vào đó, Ngài dạy rằng để giúp mọi người nghe rõ Lời của Thượng Đế, thì có thể đặt cái ghế ngồi trên bục cho người đọc.

Bình giảng về luật này, Đức Abdul-Baha và Đức Shoghi Effendi đã nêu rõ rằng ở trong Mashriqul-Adhkar, (nơi cấm thuyết giảng và chỉ được đọc Lời trong Thánh thư) người đọc có thể đứng hoặc ngồi, và nếu cần được nghe rõ, thì có thể dùng cái bục thấp di chuyển được, nhưng không được phép lập tòa giảng. Về các cuộc họp ở những nơi không phải là Mashriqul-Adhkar, người đọc hoặc người nói cũng được phép ngồi hoặc đứng, và được dùng bục. Trong một Kinh bản của Ngài, khi nhắc đến việc cấm dùng tòa giảng ở mọi nơi chốn, Đức Abdul-Baha đã nhấn mạnh rằng khi người Baha'i đọc bài giảng trong các cuộc họp, họ phải làm điều đó với thái độ khiêm tốn và xả kỷ tột độ.

169. Cờ bạc (đoạn 155)

Các hành vi gồm trong điều cấm này không được nêu rõ trong các Thánh thư của Đức Baha'u'llah. Cả Đức Abdul-Baha và Đức Shoghi-Effendi đều dạy rằng Tòa Công lý Quốc tế sẽ qui định chi tiết về luật cấm này. Để trả lời những câu hỏi là xổ số, đánh cá như cá ngựa, cá bóng đá, cá bài, và những trò tương tự, có gồm trong luật cấm cờ bạc hay không, Tòa Công lý Quốc tế đã chỉ ra rằng đây là vấn đề sẽ được xét chi tiết trong tương lai. Hiện thời các cá nhân và các Hội đồng được khuyên là không nên đặt các chuyện này thành vấn đề và hãy để tùy lương tâm các cá nhân tín đồ.

Tòa Công lý đã qui định rằng gây quỹ cho Chánh đạo bằng xổ số, và bằng các trò chơi may rủi là không chính đáng.

170. Việc dùng thuốc phiện... bất cứ chất gì tạo nên uế oải và mê mết (đoạn 155)

Điều cấm này về việc dùng thuốc phiện được Đức Baha'u'llah nhắc lại trong đoạn cuối Kitab-i-Aqdas. Về vấn đề này, Đức Shoghi Effendi dạy rằng một trong những điều kiện của “đời sống tinh khiết và thánh thiện” là “hoàn toàn kiêng... thuốc phiện và các thứ thuốc tạo thành thói quen tương tự”. Bạch phiến, ha-sit (hashish) và các dạng chế biến khác từ cây gai dầu như cần sa, cũng như các chất gây ảo giác như LSD, pe-ôt (xương rồng Mê-hi-cô), và các chất tương tự, đều được kể là nằm trong luật cấm này.

Đức Abdul-Baha đã viết:

Về thuốc phiện, nó là thứ xấu xa và đáng ghê tởm. Thượng Đế che chở chúng ta khỏi chịu hình phạt của kẻ dùng nó. Theo nguyên văn trong sáng của Thánh kinh Thiên lương Nhất, thì nó bị cấm, và việc dùng nó bị buộc tội thật nặng. Lý trí cho biết rằng hút thuốc phiện là một thứ điên rồ, và kinh nghiệm chứng tỏ rằng kẻ dùng nó bị cách ly hoàn toàn với thế giới loài người. Cầu xin Thượng Đế che chở mọi người khỏi mắc vào một hành động ghê tởm như thế, một hành động làm tàn rụi nền móng của cái gì thuộc về con người, và nó khiến người dùng bị hư mất vĩnh viễn. Vì thuốc phiện trói chặt linh hồn nên lương tâm người dùng chết mất, trí óc người ấy bị xóa sạch, nhận thức người ấy bị xói mòn. Nó biến người sống thành người chết. Nó đập tắt sức nóng tự nhiên. Người ta nhận thấy không có cái gì gây tai hại lớn lao hơn thuốc phiện. Phúc thay cho những người không bao giờ nói đến tên nó; rồi hãy nghĩ xem người dùng nó thì xấu xa biết bao.

Hỡi các người là những người yêu thương của Thượng Đế! Trong chu kỳ này của Đấng Thượng Đế Toàn năng, sự bạo tàn và bạo lực, sự gò bó và áp bức, tất cả đều bị lên án. Tuy nhiên, bất cứ phương tiện nào cũng phải sử dụng nhằm ngăn chặn việc dùng thuốc phiện, để may ra loài người có thể được cứu khỏi nạn dịch ghê gớm nhất này. Bằng không, tai ương và khốn khổ sẽ đến với những kẻ không làm tròn nghĩa vụ đối với Chúa mình.

Trong một Kinh bản của Ngài, Đức Abdul-Baha đã phán về thuốc phiện rằng: “*Kẻ dùng, kẻ mua và kẻ bán tất cả đều bị tước mất hồng phúc và hồng ân của Thượng Đế.*”

Trong một Kinh bản khác nữa, Đức Abdul-Baha đã viết:

Về ha-sit, người đã nêu lên rằng một số người Ba Tư đã quen dùng nó. Trời ơi! Đây là chất gây nghiện độc hại nhất, và sự cảm đoán nó đã được mặc khải rõ ràng. Việc dùng nó gây rối tâm trí và kiệt quệ linh hồn. Sao có người tìm trái của cây độc hại, dùng nó, rồi biểu lộ tính khí của quái vật? Sao có người dùng thuốc cấm này và tự mình tước bỏ các ơn phước của Đấng Đại Từ bi?

Rượu hủy hoại tâm trí và khiến người ta mắc vào những hành vi điên rồ, nhưng thuốc phiện, thứ trái gớm ghiếc của cây độc hại này, và thứ ha-sit quỷ quái này, dập tắt tâm trí, làm tê công tinh thần, tàn úa linh hồn, hủy hoại thân xác và biến con người thành rối loạn và hư mất.

Ta nên lưu ý rằng điều cấm trên đây đối với việc sử dụng một số loại ma túy không cấm khi được kê toa bởi các lương y trong việc trị liệu.

171. “Mẫu nhiệm về cuộc Đảo lộn To lớn trong Dấu hiệu của Đấng Tối Thượng” (đoạn 157)

Shaykh Ahmad-i-Ahsai (1753-1831), người sáng lập Trường phái Shaykhi và là một trong “hai vị tinh tú báo trước sự xuất hiện Chánh Đạo của Đức Bab”, tiên tri rằng khi Đấng Hứa hẹn xuất hiện, vạn vật sẽ đảo lộn, cuối sẽ thành đầu, đầu sẽ thành cuối. Đức Baha’u’llah trong một Kinh bản của Ngài, có nhắc tới “*biểu tượng và ẩn dụ*” về “*mẫu nhiệm của cuộc Đảo lộn To lớn trong Dấu hiệu của Đấng Tối Thượng*”. Ngài phán: “*Qua cuộc đảo lộn này Ngài đã khiến những người cao cả bị hạ thấp và những người thấp kém được nâng cao*”, và Ngài nhắc rằng: “*trong những ngày của Chúa Jesus, chính những kẻ lỗi lạc về học vấn, những người uyên bác về văn chương và tôn giáo đã chối bỏ Ngài, trong khi những ngư dân bình thường hỏi há bước vào nước Trời*” (xem thêm chú thích 172). Muốn biết thêm về Shaykh Ahmad-i-Ahsai, xin xem sách *Dawn Breakers* (Những người Khai sáng) từ chương 1 đến chương 10.

172. Con số “Sáu” được nâng lên nhờ “Đấng Alif Chính trực” (đoạn 157)

Trong các tác phẩm của ông, Shaykh Ahmad-i-Ahsai đã nhấn mạnh mẫu tự Á Rập “Vav”. Trong sách “*Những người Khai sáng*”, Nabil viết rằng mẫu tự này “*tượng trưng cho Đức Bab với sự xuất hiện của một chu kỳ mới về Mặc khải Thiêng liêng*”, và từ đó đã được Đức Baha’u’llah nhắc đến trong Kitab-i-Aqdas như là “*mẫu nhiệm về cuộc Đảo lộn To lớn*” và “*Dấu hiệu của Đấng Tối Thượng*”.

Tên gọi mẫu tự “Vav” gồm ba mẫu tự: Vav, Alif, Vav. Theo bảng tính abjad, giá trị của mỗi mẫu tự này là 6, 1 và 6. Đức Shoghi Effendi, trong một bức thư viết theo lệnh Ngài gửi cho một tín đồ ở phương Đông, đã đưa ra lời giải thích câu thánh thi này trong Kinh Aqdas. Ngài viết rằng “*Đấng Alif Chính trực*” là nói về sự xuất hiện của Đức Bab. Mẫu tự đầu tiên với giá trị bằng sáu, đứng trước Alif, là biểu tượng của sáu Kỳ Cứu độ và Đấng Biểu hiện đến trước Đức Bab, trong khi mẫu tự thứ ba, cũng có giá trị bằng số là sáu, tượng trưng cho Mặc khải tối thượng của Đức Baha’u’llah được cho biểu hiện sau Alif.

173. Các người bị cấm mang vũ khí trừ khi rất cần thiết (đoạn 159)

Đức Baha'u'llah chuẩn nhận một phán lệnh trong Kinh Bayan coi việc mang vũ khí là bất hợp pháp, trừ khi cần thiết. Về những tình huống mang vũ khí có thể được coi là “*cần thiết*” đối với một cá nhân, Đức Abdul-Baha cho phép một tín đồ tự vệ trong môi trường nguy hiểm. Trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, Đức Shoghi Effendi cũng chỉ ra rằng, trong trường hợp nguy cấp, khi không có lực lượng tư pháp tại chỗ để cầu cứu, người Baha'i được phép tự bảo vệ mạng sống mình. Còn có một số tình huống khác cần tới vũ khí và được phép sử dụng chính đáng; chẳng hạn như ở những xứ người ta phải đi săn để kiếm cái ăn, cái mặc, và trong các môn thể thao như bắn cung, bắn súng, đấu kiếm.

Trên bình diện xã hội, nguyên tắc an ninh tập thể do Đức Baha'u'llah công bố (xem Trích Thánh thư của Đức Baha'u'llah, đoạn CXVII) và Đức Shoghi Effendi minh giải (xem các văn thư của Đức Giáo hộ trong sách *Nền Trật tự Thế giới của Đức Baha'u'llah*) không dự liệu xóa bỏ việc sử dụng vũ lực, nhưng phác họa “một Hệ thống trong đó Vũ lực được đặt làm tô tở cho Công lý”, và qui định sự tồn tại của một lực lượng quốc tế gìn giữ hòa bình để “bảo vệ sự thống nhất hữu cơ của toàn khối thịnh vượng chung”. Trong Kinh bản Bisharat, Đức Baha'u'llah bày tỏ niềm hy vọng rằng “*vũ khí chiến tranh trên khắp thế giới có thể chuyển thành công cụ xây dựng, và sự đấu tranh và xung đột xóa sạch giữa loài người*”.

Trong một Kinh bản khác Đức Baha'u'llah nhấn mạnh tầm quan trọng của tình bằng hữu giữa tín đồ tất cả các tôn giáo; Ngài cũng dạy rằng “*luật thánh chiến đã bị loại ra khỏi Thánh kinh*”.

174. Và các người được phép mặc tơ lụa (đoạn 159)

Theo tập tục Hồi giáo, người ta thường bị cấm mặc tơ lụa, trừ những lúc có thánh chiến. Điều cấm này, không căn cứ trên lời Kinh Quran, đã được Đức Bab hủy bỏ.

175. Đấng Chúa đã cất đi cho các người những hạn chế áp dụng trước kia trong cách ăn mặc và để râu. (đoạn 159)

Nhiều qui tắc về ăn mặc bắt nguồn từ luật pháp và tập truyền của các tôn giáo thế giới. Chẳng hạn như giới tu sĩ Shi'ih đã tự đặt cho mình loại khăn quấn và áo riêng biệt, và có lúc đã cấm dân chúng mặc Âu phục. Tập tục Hồi giáo, trong chủ đích giữ theo phong cách của Đấng Tiên tri, cũng đề ra một số điều cấm về việc tía ria mép và độ dài của bộ râu.

Đức Baha'u'llah đã loại bỏ những hạn chế đó về cách ăn mặc và để râu. Ngài đề các vấn đề ấy tùy “*sự suy xét*” của cá nhân, và đồng thời kêu gọi các tín đồ không nên vượt quá giới hạn của sự hợp lễ và giữ sự trung dung trong mọi việc liên hệ tới y phục.

176. Hỡi vùng đất tên là Kaf và Ra! (đoạn 164)

Kaf và Ra là hai phụ âm đầu của Kirman, tên của một thành phố và tỉnh của Iran.

177. Chúng Ta thấy điều xuất phát từ nơi người một cách kín đáo nhưng xú ố. (đoạn 164)

Đoạn này nhắc tới những âm mưu của một nhóm Azali, những kẻ theo Mirza-Yahya (xem chú thích 190), liên hệ với thành phố Kirman. Những kẻ đó gồm có Mulla Jafar, con của ông ta là Shayk-Ahmad-i-Ruhi, và Mirza Aqa Khan-i-Kirman (cả hai đều là con rể của Mirza Yahya), và cả Mirza Ahmad-i-Kirman. Họ không những tìm cách phá hoại Chánh Đạo mà còn dấy vào những âm mưu chính trị dẫn tới vụ ám sát Nasirid-Din Shah.

178. Các người hãy nhớ lại có vị Shaykh tên là Muhammad Hasan (đoạn 166)

Shaykh Muhammad Hasan, một trong những kẻ chống đối hàng đầu trong Hồi giáo Shi'ih, đã chối bỏ Đức Bab. Là tác giả nhiều sách về luật Hồi giáo Shi'ih, nghe nói ông ta đã chết khoảng năm 1850.

Trong sách “Những người khai sáng”, Nabil mô tả cuộc chạm trán xảy ra ở Najaf giữa Mulla Ali-i-Bastami, một Mẫu tự của Người sống, và Shaykh Muhammad Hasan. Trong cuộc họp này, Mulla Ali công bố sự biểu hiện của Đức Bab và ca ngợi uy lực Mặc khải của Ngài. Do sự cật vấn của vị shaykh này, Mulla Ali bị buộc tội ngay là ly giáo và bị đuổi ra khỏi cuộc họp. Mulla Ali bị xử án; đày tới Istanbul, và chịu phạt khổ sai.

179. Một người sàng lúa mì và lúa mạch (đoạn 166)

Điều này nhắc tới Mulla Muhammad Jafar Gandum-Pak-Kun, người đầu tiên ở Isfahan chấp nhận Chánh Đạo của Đức Bab. Trong Kinh Bayan bằng tiếng Ba Tư, ông cũng được nói đến và khen ngợi là người “*đã mặc chiếc áo tông đồ*”. Trong sách “Những người khai sáng”, Nabil mô tả sự chấp nhận Sứ điệp không chút e dè bởi “người sàng lúa mì” và sự bảo vệ nhiệt tình ông dành cho Tân Mặc khải. Ông tham gia vào đoàn bảo vệ Thành Shaykh Tabarsi và bị giết trong cuộc bao vây đó.

180. Hãy lưu ý kéo danh xưng “Đấng Tiên tri” ngăn trở các người trước Lời Công bố Tối đại này (đoạn 167)

Đức Baha'u'llah lưu ý những người “*có linh giác*”, đừng để những lời giải thích của chính họ về các Thánh thư ngăn trở họ nhận biết Đấng Biểu hiện của Thượng Đế. Tín đồ của mỗi tôn giáo đều có khuynh hướng để cho lòng tôn sùng của mình đối với Đấng Giáo tổ khiến họ xem Mặc khải của Ngài là Lời cuối cùng của Thượng Đế, và chối bỏ khả năng về sự xuất hiện của một Đấng Giáo tổ đến sau. Đây là trường hợp của Do thái giáo, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo. Đức Baha'u'llah bác bỏ giá trị của quan niệm chung cuộc này cả về mối liên hệ đối với các kỳ Cứu độ trước cũng như đối với kỳ Cứu độ của chính Ngài. Đối với người Hồi giáo, Ngài viết trong Kitab-i-Iqan rằng “*con dân của Kinh Quran đã để cho những từ ‘Dấu ấn của các Đấng Tiên tri’ che mờ mắt họ*”, “*làm tối nhận thức của họ, và tước đoạt của họ đặc ân nhận lãnh mọi thiên phước đa dạng của Ngài*”. Ngài khẳng định rằng “*đề tài này đã từng... là một thử thách đốn đau đối với toàn thể nhân loại*”, và khóc thương cho số phận của “*những kẻ, bám vào các từ này, mà không tin nơi Ngài là Đấng Mặc khải thực sự của họ*”. Đức Bab cũng nhắc tới chính đề tài này khi Ngài cảnh cáo: “*Đừng để các danh biến thành cái màn ngăn che các người với Ngài là Đấng Chúa của các danh, kể cả danh Đấng Tiên tri, vì danh ấy chỉ do lời Ngài tạo nên*”.

181. sự nhắc nhở tới “Quyền Đại diện” ngăn trở các người đến với Ngài là Đấng Đại diện của Thượng Đế (đoạn 167)

Thuật ngữ được dịch ra đây thành “Quyền Đại diện”, nguyên gốc tiếng Ả Rập là “Vilayat” gồm rất nhiều nghĩa như “quyền đại diện”, “chức giáo hộ”, “quyền bảo hộ”, và “quyền kế vị”. Thuật ngữ này được dùng để chỉ sự liên hệ với chính Thượng Đế, với Đấng Biểu hiện của Ngài, hoặc với những người kế vị được chỉ định của Đấng Biểu hiện

Trong câu kinh Aqdas này, Đức Baha’u’llah cảnh cáo về việc để cho những khái niệm cản trở sự nhận biết “Quyền Tối thượng” của Đấng Tân Biểu hiện Thiêng liêng, “*Đấng Đại diện của Thượng Đế*” thực sự.

182. Các người hãy nhớ lại gã Karim (đoạn 170)

Haji Mirza Muhammad Karim Khan-i-Kirman (1810-1873) tự phong là lãnh đạo của cộng đồng Shaykhi sau khi Siyyid Kazim qua đời; và Siyyid Kazim đã chính thức được Shaykh Ahmad-i-Ahsa’i chỉ định làm người kế vị (xem chú thích 171 và 172), Karim nhiệt thành phổ biến lời dạy của Shaykh Ahmad. Ý kiến do ông ta phát biểu trở thành đề tài tranh cãi giữa những người ủng hộ và những người chống đối ông ta.

Được xem là một trong những tác giả và nhà thông thái hàng đầu đương thời, ông ta biên soạn nhiều sách và thư trong nhiều lãnh vực học thuật được dạy dỗ vào thời ấy. Ông ta tích cực chống đối cả Đức Bab và Đức Baha’u’llah, và dùng những bài tham luận để tấn công Đức Bab và giáo lý của Ngài. Trong Kitab-i-Iqan, Đức Baha’u’llah lên án giọng văn và nội dung các tác phẩm của ông ta, và bình luận riêng một quyển sách của ông ta chứa đựng những ám chỉ tiêu cực về Đức Bab. Đức Shoghi Effendi mô tả ông ta là một con người “có tham vọng và đạo đức giả quá mức”, và mô tả “ông ta đã nhận lệnh đặc biệt của Vua Ba Tư để viết sách tấn công thâm độc các giáo pháp và nền Chánh Đạo mới” như thế nào.

183. Hỡi những người học thức trong Đấng Baha (đoạn 173)

Đức Baha’u’llah ca ngợi những người học thức trong các tín đồ của Ngài. Trong Kinh Giao ước của Ngài, Ngài viết: “*Phúc thay cho những người quản lý và những người học thức trong vòng con dân Đấng Baha*”. Nhắc tới lời dạy này, Đức Shoghi Effendi viết:

Trong chu kỳ thánh thiện này những “*người học thức*”, một mặt gồm các Giáo thủ, và mặt khác gồm các ủy viên truyền giáo và những người phổ biến Giáo lý của Ngài, không thuộc hàng Giáo thủ, nhưng đã đạt tới vị trí tôn trọng trong việc truyền giáo. Còn những “*người quản lý*” là chỉ các ủy viên Tòa Công lý Quốc tế, Quốc gia và Địa phương. Nhiệm vụ của mỗi linh hồn trong các linh hồn này sẽ được xác định trong tương lai.

Các vị Giáo thủ của Chánh Đạo Thượng Đế là những cá nhân được Đức Baha’u’llah chỉ định và giao phó nhiệm vụ khác nhau, đặc biệt là nhiệm vụ bảo vệ và truyền bá Chánh Đạo của Ngài. Trong sách “*Tượng đài của những Người thành tín*”, Đức Abdul-Baha đã nhắc tới những tín đồ lỗi lạc khác như là những Giáo thủ của Chánh Đạo, còn trong “Chức thư và Giao ước” của Ngài thì có điều khoản khiến Đức Giáo hộ có thể chỉ định các Giáo thủ theo sự lựa chọn riêng của mình. Trước hết Đức Shoghi Effendi phong tặng một số cố đạo hữu cương vị Giáo thủ, và trong những năm cuối đời Ngài, Ngài đã cử tổng cộng 32 tín đồ ở tất cả các lục địa vào chức vị này. Trong giai đoạn giữa sự thăng thiên của Đức Shoghi Effendi năm 1957 và cuộc bầu cử Tòa Công lý Quốc tế năm 1963, các vị Giáo thủ đã điều hành các công việc của Chánh Đạo với tư cách là Quản lý trưởng của Khối Thịnh vượng Thế giới còn sơ sinh của Đức Baha’u’llah (xem chú thích 67). Tháng 11 năm 1964, Tòa Công lý Quốc tế xác định rằng không thể lập qui để cử các Giáo thủ. Thay vào đó, do quyết định của Tòa Công lý Quốc tế năm 1968, các chức năng

của chư vị Giáo thủ liên quan đến bảo vệ và truyền bá Chánh Đạo được mở rộng trong tương lai bằng sự thành lập các Ban Cố vấn các Châu, và trong năm 1973 qua việc thành lập Trung Tâm Truyền giáo Quốc tế, có trụ sở đặt tại Thánh Địa.

Toà Công lý Quốc tế chỉ định các cố vấn thành viên của Trung tâm Truyền giáo Quốc tế và của Ban Cố vấn các Châu. Các Ban Tùy viên do các Ban Cố vấn các Châu chỉ định. Tất cả các cá nhân này được gồm trong định nghĩa “*người học thức*” mà Đức Shoghi Effendi đã nêu trong đoạn văn trích ở trên.

184. Các người hãy trình những điều khó hiểu trong Thánh kinh lên Ngài là Đấng đâm cành từ thân Cây Đại hùng này (đoạn 174)

Đức Baha’u’llah ban cho Đức Abdul-Baha quyền giải thích các Thánh thư của Ngài (xem chú thích 145).

185. Ngôi Trường của sự Nhất thể Thiên thượng (đoạn 175)

Trong câu kinh này và những câu tiếp theo, Đức Baha’u’llah bác bỏ một trong những lý lẽ khiến người Babi không chấp nhận lời tuyên xưng của Ngài là Đấng Hứa hẹn của Kinh Bayan. Sự khước từ của họ căn cứ trên một Kinh bản của Đức Bab gửi đến “Đấng mà Thượng Đế sẽ cho biểu hiện” mà ở trang sau Đức Bab đã viết: “*Câu cho cái nhìn của Đấng mà Thượng Đế sẽ biểu hiện rạng sáng bức thư này ở trường sơ học*”. Kinh bản này được in trong “*Tuyển tập các Thánh thư của Đức Bab*”.

Người Babi lập luận rằng, vì Đức Baha’u’llah lớn hơn Đức Bab hai tuổi thì không thể nào Ngài nhận được Kinh bản ấy “*ở trường sơ học*”.

Ở đây Đức Baha’u’llah giải thích rằng lời ấy nhắc tới những biến cố diễn ra trong các thế giới tâm linh vượt ra khỏi cõi sinh tồn.

186. Chúng Ta tiếp nhận những câu thánh thi của Thượng Đế... mà Ngài đã giới thiệu cho Chúng Ta (đoạn 175)

Trong Kinh bản Ngài gửi cho “Đấng mà Thượng Đế sẽ cho biểu hiện”, Đức Bab nêu rõ Kinh Bayan như là lễ vật Ngài hiến dâng Đức Baha’u’llah. Hãy xem “*Tuyển tập các Thánh thư của Đức Bab*”.

187. Hỡi con dân của Kinh Bayan! (đoạn 176)

Chỉ các tín đồ của Đức Bab.

188. Các mẫu tự B (bi) và E (i) được ráp nối và đan chặt vào nhau (đoạn 177)

Đức Shoghi Effendi, trong những bức thư viết theo lệnh Ngài, đã giải thích ý nghĩa của các “*mẫu tự B và E*”. Nó hợp thành từ “Be” (bi), mà Ngài dạy, “nghĩa là Lực tạo sinh của Thượng Đế qua phán lệnh của Ngài khiến vạn vật thành hiện hữu” và “uy lực Đấng Biểu hiện của Thượng Đế, sức mạnh tạo sinh tâm linh to lớn của Ngài”.

Động từ mệnh lệnh cách “Be” (bi) trong tiếng Ả Rập “kun”, gồm hai mẫu tự “ka” và “nun”. Các mẫu tự này đã được Đức Shoghi Effendi dịch như trên. Từ này đã được dùng trong Kinh Quran như là phán lệnh của Thượng Đế kêu vạn vật vào cõi hiện hữu.

189. Nền Trật tự Thế giới mới này (đoạn 181)

Trong Kinh Bayan tiếng Ba Tư, Đức Bab dạy: “*Phước cho người gắn chặt cái nhìn vào nền Trật tự của Đức Baha’u’llah, và dâng lời tạ ơn lên Chúa mình. Vì chắc chắn Ngài sẽ được biểu hiện. Thượng Đế đã an bài điều đó trong Kinh Bayan*”. Đức Shoghi Effendi cho rằng “*Nền Trật tự*” này là Hệ thống mà Đức Baha’u’llah đã nêu trong Aqdas, trong đó Ngài chứng nhận hiệu quả biến cải tận gốc đời sống nhân loại, và khải lộ những qui luật và nguyên lý quản trị hoạt động của Hệ thống ấy.

Những nét chính của “*Nền Trật tự Thế giới mới*” này đã được nêu rõ trong các Thánh thư của Đức Baha’u’llah, của Đức Abdul-Baha, trong các văn thư của Đức Shoghi Effendi và của Tòa Công lý Quốc tế. Các cơ cấu của Nền Quản trị Baha’i ngày nay, hợp thành “*nền móng cấu trúc*” Nền Trật tự Thế giới của Đức Baha’u’llah, sẽ chín muồi và tiến hoá thành Cộng đồng Thịnh vượng Thế giới Baha’i. Về điểm này, Đức Shoghi Effendi khẳng định rằng Nền Quản trị “*khi các thành tố của nó, các cơ cấu hữu cơ của nó, bắt đầu hoạt động một cách có hiệu quả và có sinh lực, sẽ xác nhận lời công bố và chứng minh khả năng của nó đáng được xem như không những là cốt lõi mà còn là chính kiểu mẫu của Nền Trật tự Thế giới Mới có sứ mạng bảo bọc toàn thể nhân loại khi đến thời kỳ viên mãn*”.

Để có thêm thông tin về sự tiến triển của Nền Trật tự Thế giới mới này, hãy xem các văn thư của Đức Shoghi Effendi in trong sách “*Nền Trật tự Thế giới của Đức Baha’u’llah*”.

190. Hỡi nguồn gốc của trụy lạc! (đoạn 184)

Đây là nói về Mirza Yahya, còn có tên gọi thông dụng là Subh-i-Azal (Buổi sáng Vĩnh cửu); em khác mẹ của Đức Baha’u’llah, người đã đứng lên chống Đức Baha’u’llah và Chánh Đạo của Ngài. Mirza Yahya đã được Đức Bab chỉ định phục vụ như là người đứng đầu cộng đồng Babi trong khi chờ đợi sự biểu hiện sắp đến của Đấng Hứa hẹn. Do sự xúi giục của Siyyid Muhammad-i-Isfahani (xem chú thích 192), Mirza Yahya đã phản bội sự kỳ thác của Đức Bab, ông ta tự xưng là người kế vị Đức Bab, và lập mưu chống Đức Baha’u’llah, kể cả chủ tâm sát hại Ngài. Khi Đức Baha’u’llah chính thức tuyên bố cho ông ta biết Sứ mạng của Ngài ở Adrianople, Mirza Yahya đáp ứng bằng cách liều lĩnh hơn với sự tự xưng mình là người tiếp nhận một Mặc khải độc lập. Những điều mạo xưng của ông ta đã bị mọi người phủ nhận, ngoại trừ một số nhỏ mà người ta gọi là Azali (xem chú thích 177). Đức Shoghi Effendi đã mô tả ông ta là “*Kẻ Phản ước đầu sỏ đối với Giao ước của Đức Bab*” (xem sách *God Passes By*, chương X).

191. Hãy nhớ Chúng Ta đã nuôi dưỡng người ngày đêm như thế nào để phụng sự Chánh Đạo (đoạn 184)

Trong sách *God Passes By*, Đức Shoghi Effendi đã nhắc đến sự kiện là Đức Baha’u’llah, lớn hơn Mirza Yahya mười ba tuổi, đã dạy dỗ ông ta và chăm sóc ông ta trong tuổi ấu thơ và lúc thành nhân.

192. Thượng Đế đã tóm lấy kẻ dắt người đi lạc đường. (đoạn 184)

Đây là nhắc về Siyyid Muhammad-i-Isfahani, người được Đức Shoghi Effendi mô tả là “*Antichrist của Mặc khải Baha’i*”. Ông ta là người có tính nết đòi trụy và tham vọng cá nhân thật lớn đã xúi giục Mirza Yahya chống Đức Baha’u’llah và tự phong chức vị tiên

tri (xem chú thích 190). Dù ông ta là đồ đệ của Mirza Yahya, Siyyid Muhammad lại cùng bị dày theo Đức Baha'u'llah sang Akka. Ông ta tiếp tục gây rối và bày mưu chống Đức Baha'u'llah. Mô tả tình huống về cái chết của ông ta, Đức Shoghi Effendi đã viết trong sách *God Passes By* như sau:

Một mối nguy mới rõ ràng hiện đang đe dọa mạng sống của Đức Baha'u'llah. Dù chính Ngài, trong nhiều trường hợp, đã dùng lời nói và văn viết nghiêm cấm các tín đồ Ngài về bất cứ hành động báo thù nào đối với những kẻ hành hạ mình, kể cả việc gửi trả về Beirut một tín đồ vô trách nhiệm người Á Rập đã nghĩ cách báo trả những nỗi khổ khổ mà Người Lãnh đạo kính yêu đã nhận chịu, bảy người đồng mưu đã bí mật truy tìm và giết chết ba kẻ đàn áp họ, trong đó có Siyyid Muhammad và Aqa Jan.

Sự sùng sốt trù lên cộng đồng bị áp bức thật không sao tả nổi. Sự bất bình của Đức Baha'u'llah thật quá sức. Ngài đã thốt lên sự xúc động của Ngài trong một Kinh bản được mặc khải ngay sau hành động quá phạm này: *“Nếu Chúng Ta nhắc tới những điều đã xảy ra cho Chúng Ta, thì các tầng trời sẽ bị đổ nát và các ngọn núi sẽ vỡ vụn”*. Ở nơi khác Ngài viết: *“Sự giam giữ Ta không thể làm hại Ta. Điều có thể làm hại Ta là hạnh kiểm của những người yêu Ta, những người xưng là có liên hệ với Ta, nhưng lại làm những điều khiến cõi lòng Ta và ngòi bút của Ta phải kêu khóc.”*

193. Hãy chọn một thứ tiếng nói duy nhất... các người cũng chọn một thứ chữ viết chung. (đoạn 189)

Đức Baha'u'llah dạy phải chấp dụng một thứ tiếng nói và chữ viết chung cho thế giới. Kinh sách của Ngài hình dung hai giai đoạn trong quá trình này. Giai đoạn thứ nhất là chọn một ngôn ngữ hiện có hoặc sáng chế ra một thứ tiếng để dạy trong tất cả các trường học trên thế giới như là một ngôn ngữ phụ bên cạnh tiếng mẹ đẻ. Các chính phủ trên thế giới, thông qua quốc hội, được kêu gọi lập qui về vấn đề này. Giai đoạn thứ hai, trong tương lai xa, là cuối cùng hết sẽ chấp dụng một ngôn ngữ duy nhất và một thứ chữ viết chung cho cả địa cầu.

194. Chúng Ta đã qui định hai dấu hiệu cho tuổi trưởng thành của cả loài người (đoạn 189)

Dấu hiệu thứ nhất về tuổi trưởng thành của nhân loại được nhắc tới trong các Thánh thư của Đức Baha'u'llah là sự xuất hiện của một khoa học được mô tả như là *“triết lý thiên thượng”* sẽ gồm có sự khám phá cách thức căn bản để chuyển hoá các nguyên tố. Đây là dấu chỉ về vẻ huy hoàng của sự bùng nổ tri thức thật diệu kỳ trong tương lai. Về dấu hiệu thứ hai mà Đức Baha'u'llah chỉ ra và được mặc khải trong Kitab-i-Aqdas, Đức Shoghi Effendi dạy rằng Đức Baha'u'llah *“... trong Bộ Thánh kinh Thiêng liêng Nhất của Ngài đã ban lệnh phải chọn một ngôn ngữ duy nhất và chấp dụng một thứ chữ viết chung cho mọi người trên trái đất sử dụng, một phán lệnh khi thực hiện sẽ là một trong những dấu hiệu về ‘tuổi trưởng thành của nhân loại’ như chính Ngài đã khẳng định trong Thánh kinh ấy.*

Tri giác sâu hơn, về quá trình tới tuổi trưởng thành này của nhân loại và tiến tới sự trưởng thành, đã được ban cho trong lời phán sau đây của Đức Baha'u'llah:

“Một trong những dấu hiệu về sự trưởng thành của thế giới là không ai chấp nhận mang gánh nặng vương quyền. Vương quyền sẽ tồn tại nhưng không ai muốn đơn độc mang gánh nặng của nó. Ngày ấy sẽ là ngày trí khôn được biểu hiện trong nhân loại.”

Sự đến tuổi trưởng thành của loài người đã được Đức Shoghi Effendi kết hợp với sự thống nhất toàn nhân loại, sự thành lập khối thịnh vượng chung cả thế giới, và sự thúc đẩy chưa từng có “đời sống trí tuệ, đạo đức, tâm linh của toàn thể loài người.”

CÁC CHÚ THÍCH BẰNG CHỮ KHÁC

^a Napoleon III

^b Tihran

^c Khurasan

^d Kirmal

^e Đức Baha'u'llah

^f Tháng thứ nhất của âm lịch Hồi giáo

^g Trong tiếng Á Rập hai câu này khác nhau về giới tính (gender).

^h Điều này liên quan đến độ dài tối thiểu của cuộc hành trình khiến người du lịch miễn giữ chay.

ⁱ Xuân phân ở Bắc bán cầu

^j Kinh bản gồm ba Bài Kinh Cầu nguyện Bất buộc đang được sử dụng

^k Kinh Quran: 2:115

^l Một khối lượng khoảng nửa mét khối

^m Màu sắc, vị và hương.

ⁿ Adrianople

^o Phương pháp chia tài sản được áp dụng khi không để lại chúc thư. Xem mục O của phần này.

^p Ngày 10 tháng 7 năm 2014, Tòa Công lý Quốc tế thông báo chấp nhận lịch Badi bắt đầu vào Nawruz 172 (20/03/2015). Ngày đầu tiên của tháng chay bây giờ sẽ thay đổi tùy vào ngày nào của mà tết Nawruz rơi vào

^q Trong thông điệp Ngày 10 tháng 7 năm 2014 về áp dụng lịch Badi bắt đầu từ Nawruz 172, Tòa Công lý Quốc tế chỉ định Teheran là điểm chuẩn trên trái đất để tính toán thiên văn học, thời điểm xuân phân bắc bán cầu là Ngày tết Nawruz.

^r Theo thông điệp ngày 10/07/2014 về việc áp dụng Lịch Badi, Tòa Công lý Quốc tế nêu rằng Thánh lễ Giáng sinh song hành được chọn ngày đầu và ngày thứ hai theo ký trắng thứ tám sau Nawruz, được xác định theo bản thiên văn sử dụng Teheran làm điểm đối chiếu.

^s Theo lịch Badi đã được thông báo của Tòa Công lý Quốc tế ngày 10/07/2014, số ngày dư nhật được xác định theo thời điểm xuân phân của năm sau đó

DANH TỪ CHUYÊN MÔN

Abdul-Baha

“Tối tó của Đấng Baha”, Ngài Abbas Effendi (1844 -1921), trưởng nam và là Đấng kế vị được Đức Baha’u’llah chỉ định, và là Trung tâm Giao ước của Đức Baha’u’llah.

Abjad

Hệ thống Á Rập cổ định giá trị bằng số cho các chữ trong bảng mẫu tự, để các con số có thể biểu thị cho chữ và ngược lại. Như thế mọi từ đều cho nghĩa chữ và có giá trị bằng số.

Bab

Nghĩa đen là “Cửa”, danh hiệu của Ngài Mirza Ali Muhammad (1819-1850) sau khi Tuyên ngôn Sứ mạng ở Shiraz, tháng Năm, năm 1844. Ngài là Đấng Giáo tổ Đạo Babi và là Đấng Tiên phong của Đức Baha’u’llah.

Baha

Baha nghĩa là Vinh quang. Đó là Tối đại Danh của Thượng Đế và là danh hiệu của Đức Baha’u’llah. Đây cũng là tên gọi tháng thứ nhất trong niên lịch Baha’i và của ngày thứ nhất mỗi tháng.

Baha’u’llah

“Vinh quang của Thượng Đế”, danh hiệu của Ngài Mirza Husayn-Ali (1817-1892), Đấng Giáo tổ Đạo Baha’i.

Bayan

Kinh Bayan (“Giải bày”) là nhan đề Đức Bab đặt cho Kinh Luật của Ngài, và cũng được dùng để gọi tất cả các Thánh thư của Ngài. Kinh Bayan bằng tiếng Ba Tư là kinh thuyết luận chính và là kho chứa chủ yếu các luật do Đức Bab ban hành. Kinh Bayan bằng tiếng Á Rập có nội dung song song, nhưng nhỏ hơn và ít quan trọng hơn. Các tham chiếu nêu ở phần chú thích về các đề tài nêu trong cả hai Kinh Bayan tiếng Ba Tư và Bayan tiếng Á Rập đều giống nhau bằng cách chỉ dùng từ “Bayan”.

Huququllah

“Quyền của Thượng Đế”. Được thiết định trong Kitab-i-Aqdas, đó là của dâng do người Baha’i thực hiện qua Thủ Lãnh của Chánh Đạo vì các mục đích nêu rõ trong các Thánh thư Baha’i.

Mashriqul-Adhkar

Nghĩa đen là “Chôn Hừng đồng của sự ngợi ca Thượng Đế”, tên gọi Đền thờ Baha’i cùng với các cơ cấu phụ thuộc.

Mithqal

Đơn vị trọng lượng, tương đương với 3,5 gram, dùng trong Kitab-i-Aqdas để nói tới những lượng vàng hoặc bạc cho những mục đích khác nhau, thường là những lượng 9, 19 hoặc 95 mithqal. Lượng tương đương trong hệ thống metric và hệ thống troy ounce (dùng cân kim loại quý) như sau:

$$\begin{aligned} 9 \text{ mithqal} &= 32,775 \text{ gram} = 1,05374 \text{ ounce} \\ 19 \text{ mithqal} &= 69,192 \text{ gram} = 2,22456 \text{ ounce} \\ 95 \text{ mithqal} &= 345,958 \text{ gram} = 11,12282 \text{ ounce} \end{aligned}$$

Sự tính toán này dựa trên sự hướng dẫn của Đức Shoghi Effendi, được truyền đạt trong một bức thư viết theo lệnh Ngài, cho biết “một mithqal gồm mười chín nakhud. Trọng lượng của hai mươi bốn nakhud bằng bốn và ba phần năm gram. Các tính toán có thể được thực hiện trên căn bản này”. Đơn vị mithqal được dùng theo truyền thống ở Trung Đông bằng 24 nakhud, nhưng trong Kinh Bayan nó được đổi thành 19 nakhud và Đức Baha’u’llah đã xác nhận đây là trọng lượng của mithqal nêu trong luật Baha’i.

Nakhud

Đơn vị trọng lượng. Xem “mithqal”.

Qayyumul-Asma

Kinh luận của Đức Bab về Chương Joseph trong Kinh Quran. Được mặc khải năm 1844, Kinh này được Đức Baha’u’llah nhận định là “*Thánh kinh bậc nhất, vĩ đại nhất, và hùng mạnh nhất của tất cả các Thánh kinh*” trong Tôn giáo Babi.

Shoghi Effendi

Đức Shoghi Effendi (1897 - 1957) Giáo hộ Đạo Baha’i từ 1921 đến 1957. Ngài là cháu đích tôn của Đức Abdul-Baha và được chỉ định là Thủ Lãnh của Chánh Đạo.

Siyah-Chal

Nghĩa đen là “Hầm Tội”. Hầm ngầm tối và hôi hám ở Tihran nơi Đức Baha’u’llah bị giam giữ bốn tháng vào năm 1852.